Phụ lục số IX

Danh mục kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

syt_hatinh_vi_So Y te Ha Tinh_03/01/2024 08:51:41

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. TUẦN HOÀN
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản
5	Làm test phục hồi máu mao mạch
6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên
7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng
8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
9	Đặt catheter động mạch
10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
11	Chăm sóc catheter động mạch
12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)
13	Đặt đường truyền vào thể hang
14	Đặt catheter động mạch phổi
15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ
17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ
18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường
20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu
21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu
22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc
23	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO
24	Theo dõi áp lực các buồng tim, áp lực động mạch phổi bít xâm nhập ≤ 8 giờ
25	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM
26	Đo cung lượng tim bằng phương pháp pha loãng nhiệt qua catheter động mạch phổi
27	Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt
28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
29	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)
30	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO2)
31	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trộn (SvO2)
32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
33	Đặt máy khử rung tự động

34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện
35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực
37	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim
38	Tạo nhịp tim vượt tần số
39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ
40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
42	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da
43	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh
44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ
45	Dùng thuốc chống đông
46	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu
47	Đặt bóng đối xung động mạch chủ
48	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy hô hấp cấp ≤ 8 giờ
49	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy tuần hoàn cấp ≤ 8 giờ
50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) ≤ 8 giờ
51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
	B. HÔ HẤP
52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)
64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
66	Đặt ống nội khí quản
67	Đặt nội khí quản 2 nòng
68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube
69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu
70	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)
71	Mở khí quản cấp cứu
72	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp

73	Mở khí quản thường quy
74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
77	Thay ống nội khí quản
78	Rút ống nội khí quản
79	Rút canuyn khí quản
80	Thay canuyn mở khí quản
81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)
83	Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ
84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra
85	Vận động trị liệu hô hấp
86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng
90	Đặt stent khí phế quản
91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp
92	Siêu âm màng phổi cấp cứu
93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter
94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ
95	Mở màng phổi cấp cứu
96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ
98	Chọc hút dịch, khí trung thất
99	Dẫn lưu trung thất liên tục ≤ 8 giờ
100	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
101	Nội soi màng phổi sinh thiết
102	Gây dính màng phổi bằng bơm bột Talc qua nội soi lồng ngực
103	Gây dính màng phổi bằng nhũ dịch Talc qua ống dẫn lưu màng phổi
104	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi
105	Gây dính màng phổi bằng tetracyclin bơm qua ống dẫn lưu màng phổi
106	Nội soi khí phế quản cấp cứu
107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy
108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy
109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy
110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy
111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật
112	Bơm rửa phế quản
113	Rửa phế quản phế nang
114	Rửa phế quản phế nang chọn lọc

syt_hatinh_so Y te Ha Tinh 0393412345 - 0

115	Siêu âm nội soi phế quản ống mềm
116	Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy
117	Nội soi phế quản cấp cứu để cầm máu ở người bệnh thở máy
118	Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy
119	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy
120	Nội soi khí phế quản hút đờm
121	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi
122	Nội soi phế quản và chải phế quản
123	Nội soi phế quản kết hợp sử dụng ống thông 2 nòng có nút bảo vệ
124	Nội soi phế quản ánh sáng huỳnh quang
125	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản với tia laser
126	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản bằng áp lạnh
127	Điều trị đốt điện các khối u nội khí phế quản bằng đông tương argon
128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ
129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ
130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ
132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ
133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ
134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ
135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ
136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ
137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ
138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ
140	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức NAVA ≤ 8 giờ
141	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức HFO ≤ 8 giờ
142	Thông khí nhân tạo kiểu áp lực thể tích với đích thể tích (VCV+ hay MMV+Assure)
143	Thông khí nhân tạo với khí NO
144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển
145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ
146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ
147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ
148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40
149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40
150	Thủ thuật huy động phế nang PCV
151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP
152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube
153	Thở máy xâm nhập hai phổi độc lập ≤ 8 giờ
154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ
155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ
156	Điều trị bằng oxy cao áp

157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao
	C. THẬN - LỌC MÁU
160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ
163	Mở thông bàng quang trên xương mu
164	Thông bàng quang
165	Rửa bàng quang lấy máu cục
166	Vận động trị liệu bàng quang
167	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm
168	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu ≤ 8 giờ
169	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi ≤ 8 giờ
170	Bài niệu cưỡng bức ≤ 8 giờ
171	Kiềm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ
172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)
174	Thận nhân tạo cấp cứu
175	Thận nhân tạo thường qui
176	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)
177	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)
178	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
179	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng
180	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp
181	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)
182	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
183	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng
184	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp
185	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS
186	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.
187	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng
188	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục
189	Lọc và tách huyết tương chọn lọc
190	Lọc máu hấp phụ với màng lọc đặc biệt trong sốc nhiễm khuẩn
191	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc resin
192	Thay huyết tương sử dụng huyết tương
193	Thay huyết tương sử dụng albumin
194	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc
195	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain-Barré, nhược cơ
196	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác
197	Thay huyết tương trong hội chứng xuất huyết giảm tiểu cầu tắc mạch (hội chứng TTP)

198	Thay huyết tương trong suy gan cấp
199	Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp
200	Lọc máu hấp phụ phân tử tái tuần hoàn (gan nhân tạo - MARS)
	D. THẦN KINH
201	Soi đáy mắt cấp cứu
202	Chọc dịch tủy sống
203	Ghi điện cơ cấp cứu
204	Đặt ống thông nội sọ
205	Theo dõi áp lực nội sọ liên tục ≤ 8 giờ
206	Tiêu huyết khối não thất cấp cứu
207	Ghi điện não đồ cấp cứu
208	Siêu âm Doppler xuyên sọ
209	Dẫn lưu não thất cấp cứu ≤ 8 giờ
210	Làm test chết não thực hiện trong 12-24 giờ
211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
212	Theo dõi oxy tế bào não (PbO2) ≤ 8 giờ
213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ
214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ
	Đ. TIÊU HOÁ
215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
216	Đặt ống thông dạ dày
217	Mở thông dạ dày bằng nội soi
218	Rửa dạ dày cấp cứu
219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)
221	Thụt tháo
222	Thụt giữ
223	Đặt ống thông hậu môn
224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hỗng tràng ≤ 8 giờ
227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu
232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu
233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch
234	Nội soi trực tràng cấp cứu
235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm
236	Nội soi đại tràng cầm máu
237	Nội soi đại tràng sinh thiết

238	Đo áp lực ổ bụng
239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ
242	Rửa màng bụng cấp cứu
243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tuỵ cấp ≤ 8 giờ
244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
	E. TOÀN THÂN
245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
247	Hạ thân nhiệt chỉ huy
248	Nâng thân nhiệt chỉ huy
249	Giải stress cho người bệnh
250	Kiểm soát đau trong cấp cứu
251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
254	Truyền máu và các chế phẩm máu
255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ
256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch
257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch
258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ
259	Rửa mắt tẩy độc
260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
264	Tắm cho người bệnh tại giường
265	Tắm tẩy độc cho người bệnh
266	Xoa bóp phòng chống loét
267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ
269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu
274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp
275	Băng bó vết thương
276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu

syt_hanhchanh@so_y_te.hanoi.gov.vn 2024-08-5 14:

279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
	G. XÉT NGHIỆM
281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
284	Định nhóm máu tại giường
285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường
286	Đo các chất khí trong máu
287	Đo lactat trong máu
288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần
289	Định tính độc chất bằng sắc ký lớp mỏng – một lần
290	Xét nghiệm cồn trong hơi thở
291	Định tính chất độc bằng HPLC – một lần
292	Định lượng chất độc bằng HPLC – một lần
293	Định tính chất độc bằng sắc ký khí – một lần
294	Định lượng chất độc bằng sắc ký khí – một lần
295	Định lượng chất độc bằng phương pháp khác – một lần
296	Phát hiện opiat bằng naloxone
297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
298	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
299	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay
	H. THĂM DÒ KHÁC
303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
304	Chụp X quang cấp cứu tại giường
	I. HÔ HẤP
305.	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
306.	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản
307.	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc
308.	Đo áp lực thực quản trong thông khí nhân tạo
309.	Vệ sinh khử khuẩn máy thở
310.	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
311.	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
312.	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)
313.	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)
314.	Đo nồng độ Carboxyhemoglobin bằng phương pháp mạch nảy (SpCO)
315.	Đo nồng độ Methemoglobin bằng phương pháp mạch nảy (SpMet)

316.	Đo thể tích khí tự thở và áp lực âm tối đa đường thở thì hít vào
	K. TIM MẠCH
317.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
318.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
319.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
320.	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm
321.	Ép tim ngoài lồng ngực bằng máy tự động
322.	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp
323.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm
324.	Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
325.	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua cổng đo áp lực trên máy theo dõi
	L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU
326.	Thay huyết tương bằng gelatin hoặc dung dịch cao phân tử
327.	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%
328.	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với hydroxyethyl starch (HES)
329.	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
330.	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp
331.	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp
332.	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymicin b)
333.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
334.	Chăm sóc ống thông bàng quang
335.	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
336.	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
337.	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)
	M. THẦN KINH
338.	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế albumin 5%
339.	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử
340.	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain -barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
341.	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ
342.	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%
343.	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử
344.	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
345.	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc
346.	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp
	N. HUYẾT HỌC

347.	Thay huyết tương điều trị ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
	O. TIÊU HÓA
348.	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp
349.	Lọc máu hấp phụ bilirubin trong điều trị suy gan cấp
350.	Gan nhân tạo trong điều trị suy gan cấp
351.	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực
352.	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực
353.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc
354.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực
355.	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu
356.	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp
357.	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu
358.	Đo áp lực ô bụng trong hồi sức cấp cứu
359.	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride
360.	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang
	P. CHỐNG ĐỘC
361.	Nội soi phế quản điều trị sặc phổi ở bệnh nhân ngộ độc cấp
362.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc
363.	Điều trị giảm nồng độ canxi máu
364.	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu
365.	Điều trị thải độc chì
366.	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi
367.	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc
368.	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất
369.	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu
370.	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy
371.	Xét nghiệm định tính Porphobilinogen (PBG) trong nước tiểu
372.	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu
373.	Xét nghiệm định lượng cấp NH3 trong máu
374.	Đo áp lực thẩm thấu dịch sinh học (một chỉ tiêu)
375.	Định lượng một chỉ tiêu kim loại nặng trong máu bằng máy quang phổ hấp phụ nguyên tử
376.	Xác định thành phần hóa chất bảo vệ thực vật trong dịch sinh học bằng máy sắc ký khí khối phổ
377.	Đinh lượng methanol bằng máy sắc ký khí khối phổ
378.	Định lượng ethanol bằng máy sắc ký khí khối phổ
379.	Định lượng một chỉ tiêu thuốc bằng máy sinh hóa miễn dịch
380.	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)
381.	Giải độc ngộ độc rượu methanol và ethylene glycol
382.	Điều trị giảm nồng độ natri máu ở bệnh nhân bị rắn cặp nia cắn

	Q. CÁC KỸ THUẬT KHÁC
383.	Xét nghiệm định tính nhanh nọc rắn
384.	Xét nghiệm định tính nọc rắn bằng phương pháp ELISA
385.	Xét nghiệm định lượng nọc rắn bằng phương pháp ELISA
386.	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp
II. NỘI KHOA	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. HÔ HẤP
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Bơm rửa khoang màng phổi
3	Bơm streptokinase vào khoang màng phổi
4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
5	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm
6	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
9	Chọc dò dịch màng phổi
10	Chọc tháo dịch màng phổi
11	Chọc hút khí màng phổi
12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
13	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
15	Đặt catheter qua màng nhẫn giáp lấy bệnh phẩm
16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP
17	Đặt nội khí quản 2 nòng
18	Điều trị bằng oxy cao áp
19	Đo dung tích toàn phổi
20	Đo đa ký hô hấp
21	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký
22	Đo khả năng khuếch tán khí qua màng phế nang mao mạch (DLCO)
23	Đo đa ký giấc ngủ
24	Đo chức năng hô hấp
25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi
26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
27	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản
28	Kỹ thuật ho có điều khiển
29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế

syt_hatinh_vt_So Y te Ha Tinh_03/01/2024 08:53:41

32	Khí dung thuốc giãn phế quản
33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
34	Nong khí quản, phế quản bằng nội soi ống cứng
35	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với áp lạnh
36	Nội soi phế quản dưới gây mê
37	Nội soi phế quản siêu âm
38	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi
39	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất
40	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản
41	Nội soi phế quản ống mềm: cắt đốt u, sẹo nội phế quản bằng điện đông cao tần
42	Nội soi phế quản - đặt stent khí, phế quản
43	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản
44	Nội soi phế quản ống cứng cắt u trong lòng khí, phế quản bằng điện đông cao tần
45	Nội soi phế quản ống mềm
46	Nội soi phế quản ống cứng
47	Nội soi ống mềm phế quản siêu âm, sinh thiết xuyên thành phế quản
48	Nội soi phế quản chải phế quản chẩn đoán
49	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc
50	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)
51	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản
52	Nội soi lồng ngực
53	Nội soi trung thất
54	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy
55	Nội soi phế quản ánh sáng huỳnh quang
56	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với laser
57	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với đông tương argon
58	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản
59	Nghiệm pháp kích thích phế quản
60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
62	Rửa phổi toàn bộ
63	Siêu âm màng phổi cấp cứu
64	Sinh thiết màng phổi mù
65	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
66	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
67	Thay canuyn mở khí quản
68	Vận động trị liệu hô hấp
	B. TIM MẠCH
69	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch
70	Bít tiểu nhĩ trái bằng dụng cụ nhằm ngăn ngừa biến cố tắc mạch ở bệnh nhân rung nhĩ
71	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm
72	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT)

syt_hanoi@soyte.hanoi.gov.vn 02412218 8:54

73	Cấy máy phá rung tự động (ICD)
74	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim
75	Chọc dò màng ngoài tim
76	Dẫn lưu màng ngoài tim
77	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim
78	Đặt filter lọc máu tĩnh mạch chủ
79	Đặt dù lọc máu động mạch trong can thiệp nội mạch máu
80	Đặt stent ống động mạch
81	Đặt bóng đối xung động mạch chủ
82	Đặt stent phình động mạch chủ
83	Đặt stent hẹp động mạch chủ
84	Đặt coil bít ống động mạch
85	Điện tim thường
86	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio
87	Điều trị rung nhĩ bằng năng lượng sóng tần số radio sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim
88	Điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch
89	Điều trị suy tĩnh mạch bằng năng lượng sóng tần số radio
90	Điều trị bằng tế bào gốc ở bệnh nhân sau nhồi máu cơ tim cấp
91	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu đường tĩnh mạch trong kẹt van cơ học
92	Đóng các lỗ rò động mạch, tĩnh mạch
93	Gây xơ tĩnh mạch điều trị suy, giãn tĩnh mạch mãn tính
94	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản
95	Holter điện tâm đồ
96	Holter huyết áp
97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
98	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp
99	Khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch
100	Lập trình máy tạo nhịp tim
101	Nong và đặt stent động mạch vành
102	Nong và đặt stent các động mạch khác
103	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue
104	Nong van động mạch chủ
105	Nong hẹp eo động mạch chủ
106	Nong van động mạch phổi
107	Nong màng ngoài tim bằng bóng trong điều trị tràn dịch màng ngoài tim mạn tính
108	Nong hẹp eo động mạch chủ + đặt stent
109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
110	Nghiệm pháp bàn nghiêng
111	Nghiệm pháp atropin
112	Siêu âm Doppler mạch máu
113	Siêu âm Doppler tim
114	Siêu âm tim gắng sức (thảm chạy, thuốc)

115	Siêu âm tim cản âm
116	Siêu âm tim 4D
117	Siêu âm tim qua thực quản
118	Siêu âm trong lòng mạch vành (IVUS)
119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
120	Sốc điện điều trị rung nhĩ
121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh
122	Thay van động mạch chủ qua da
123	Thăm dò điện sinh lý tim
124	Thăm dò huyết động bằng Swan Ganz
125	Thông tim chẩn đoán
126	Thông tim và chụp buồng tim cản quang
127	Triệt đốt thần kinh giao cảm động mạch thận bằng năng lượng sóng tần số radio qua đường ống thông trong điều trị tăng huyết áp kháng trị
	C. THẦN KINH
128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
129	Chọc dò dịch não tuỷ
130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng
131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối
132	Điều trị chứng vẹo cổ bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox…)
133	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
134	Điều trị chứng co cứng cơ sau TBMMN bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox…)
135	Điều trị chứng co cứng cơ sau viêm tủy bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
136	Điều trị chứng co cứng cơ sau viêm não bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
137	Điều trị chứng tăng trương lực cơ do bại não bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
138	Điều trị co cứng cơ sau các tổn thương thần kinh khác bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
139	Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,…)
140	Điều trị trạng thái động kinh
141	Đo tốc độ dẫn truyền (vận động, cảm giác) của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ
142	Đo tốc độ phản xạ Hoffmann và sóng F của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ
143	Đo điện thế kích thích bằng điện cơ
144	Ghi điện cơ cấp cứu
145	Ghi điện não thường quy
146	Ghi điện não giấc ngủ
147	Ghi điện não video
148	Ghi điện cơ bằng điện cực kim
149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
150	Hút đờm hầu họng
151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn

152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
153	Siêu âm Doppler xuyên sọ
154	Siêu âm Doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường
155	Siêu âm Doppler xuyên sọ có giá đỡ tại giường theo dõi 24/24 giờ
156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường
157	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc
159	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý
160	Test chẩn đoán chết não bằng điện não đồ
161	Tiêm Botulinum Toxin A trong điều trị bệnh rối loạn vận động (Dysport, Botox…)
162	Tiêm Botulinum Toxin A trong điều trị đau nguyên nhân thần kinh (Dysport, Botox…)
163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
164	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường
165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
	D. THẬN TIẾT NIỆU
167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần
168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần
169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu
170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu
172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm
174	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm
175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm
176	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm
177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
178	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản
179	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu
180	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm
181	Dẫn lưu nang thận dưới hướng dẫn siêu âm
182	Dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm
183	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu
184	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu
185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu
186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu
187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu
188	Đặt sonde bàng quang
189	Đặt catherter màng bụng cấp cứu để lọc màng bụng cấp cứu
190	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)
191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu
192	Điều trị phì đại tuyến tiền liệt bằng kỹ thuật laser phóng bên

193	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng sóng siêu âm
194	Điều trị tại chỗ phì đại tuyến tiền liệt bằng sức nóng hoặc nhiệt lạnh
195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
196	Đo áp lực đồ bàng quang thủ công
197	Đo áp lực đồ bàng quang bằng máy
198	Đo niệu dòng đồ
199	Đo áp lực đồ niệu đạo bằng máy
200	Đo áp lực thẩm thấu niệu
201	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)
202	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
203	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục 24h
204	Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)
205	Lọc huyết tương (Plasmapheresis)
206	Lọc màng bụng liên tục 24 h bằng máy
207	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc trong Lupus
208	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc (quả lọc kép)
209	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF-Online))
210	Nong hẹp niệu quản qua da dưới hướng dẫn của màn tăng sáng
211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái
212	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
213	Nội soi niệu quản chẩn đoán
214	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể
215	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm
216	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang
217	Nội soi đặt catherter bàng quang niệu quản để chụp UPR
218	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục
219	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
220	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).
221	Nội soi bàng quang
222	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
223	Nối thông động- tĩnh mạch
224	Nối thông động- tĩnh mạch có dịch chuyển mạch
225	Nối thông động- tĩnh mạch sử dụng mạch nhân tạo
226	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130
227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da
228	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận
229	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang
230	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang
231	Rút catheter đường hầm
232	Rửa bàng quang lấy máu cục
233	Rửa bàng quang

234	Siêu lọc máu chậm liên tục (SCUF)
235	Siêu lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.
236	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn của siêu âm
237	Sinh thiết thận ghép sau ghép thận dưới hướng dẫn của siêu âm
238	Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X quang hoặc siêu âm
239	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác
240	Thay transfer set ở bệnh nhân lọc màng bụng liên tục ngoại trú
	Đ. TIÊU HÓA
241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần)
242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
244	Đặt ống thông dạ dày
245	Đặt ống thông tá tràng dưới hướng dẫn C-ARM
246	Đặt ống thông mũi mật
247	Đặt ống thông hậu môn
248	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C-ARM
249	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang
250	Đo PH thực quản 24 giờ
251	Đo vận động thực quản 24 giờ
252	Mở thông dạ dày bằng nội soi
253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu
254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê
255	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi
256	Nội soi trực tràng ống mềm
257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu
258	Nội soi trực tràng ống cứng
259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết
260	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê
261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê
262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết
263	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - Đặt stent đường mật - tụy
264	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản
265	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su
266	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng
267	Nội soi can thiệp - cắt gắp bã thức ăn dạ dày
268	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa
269	Nội soi can thiệp - đặt dẫn lưu nang giả tụy vào dạ dày
270	Nội soi can thiệp - Đặt bóng điều trị béo phì
271	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu
272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori
273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
274	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - nong đường mật bằng bóng

275	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - lấy sỏi đường, giun đường mật
276	Nội soi can thiệp - cầm máu ống tiêu hóa bằng laser argon
277	Nội soi can thiệp - mở thông dạ dày
278	Nội soi ruột non bóng kép (Double Baloon Endoscopy)
279	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Baloon Endoscopy)
280	Nội soi ruột non bằng viên nang (Capsule endoscopy)
281	Nội soi siêu âm can thiệp - chọc hút tế bào khối u gan, tụy, u ổ bụng bằng kim nhỏ
282	Nội soi can thiệp - đặt stent ống tiêu hóa
283	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)
284	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi
285	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu
286	Nội soi can thiệp - cắt hớt niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm
287	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm
288	Nội soi ổ bụng
289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết
290	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa
291	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên
292	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su
293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết
294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu
295	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm
296	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp
297	Nội soi hậu môn ống cứng
298	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị
299	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng dải tần hẹp (NBI)
300	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)
301	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng độ phân giải cao (HDTV)
302	Nội soi đại trực tràng toàn bộ độ phân giải cao (HDTV)
303	Nội soi siêu âm trực tràng
304	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết
305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
306	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết
307	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết
308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
309	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết
310	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết
311	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết
312	Nội soi siêu âm dẫn lưu nang tụy
313	Rửa dạ dày cấp cứu
314	Siêu âm ổ bụng
315	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan
316	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng

317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
318	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang gan
319	Siêu âm can thiệp - Chọc hút tế bào khối u gan, tụy, khối u ổ bụng bằng kim nhỏ
320	Siêu âm can thiệp - Chọc hút và tiêm thuốc điều trị nang gan
321	Siêu âm can thiệp - Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da
322	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm
323	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông đường mật qua da để chụp đường mật có phối hợp dưới C-ARM
324	Siêu âm can thiệp - tiêm cồn tuyệt đối điều trị ung thư gan
325	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan
326	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan
327	Siêu âm can thiệp - sinh thiết nhu mô gan, tổn thương u gan bằng súng Promag
328	Siêu âm can thiệp - sinh thiết hạch ổ bụng, u tụy
329	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang giả tụy
330	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu nang giả tụy
331	Siêu âm can thiệp - điều trị sóng cao tần khối ung thư gan bằng kim chùm Leveen
332	Siêu âm can thiệp - điều trị sóng cao tần khối ung thư gan bằng kim đơn cực
333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục
334	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng
335	Test thở C14O2 tìm H.Pylori
336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
339	Thụt tháo phân
	E. CƠ XƯƠNG KHỚP
340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ
341	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ
342	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ
343	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm
345	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm
346	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm
347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm
348	Đo độ nhớt dịch khớp
349	Hút dịch khớp gối
350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
351	Hút dịch khớp háng
352	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
353	Hút dịch khớp khuỷu
354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
355	Hút dịch khớp cổ chân
356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
357	Hút dịch khớp cổ tay

syt_hanhi - So Y te Tinh Dak Lak (2024 085 04)

358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
359	Hút dịch khớp vai
360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
361	Hút nang bao hoạt dịch
362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
365	Nội soi khớp gối chẩn đoán (có sinh thiết)
366	Nội soi khớp gối điều trị rửa khớp
367	Nội soi khớp gối điều trị bào khớp
368	Nội soi khớp gối điều trị nội soi kết hợp mở tối thiểu ổ khớp lấy dị vật
369	Nội soi khớp vai chẩn đoán (có sinh thiết)
370	Nội soi khớp vai điều trị rửa khớp
371	Nội soi khớp vai điều trị bào khớp
372	Nội soi khớp vai điều trị lấy dị vật
373	Siêu âm khớp (một vị trí)
374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)
375	Sinh thiết tuyến nước bọt
376	Sinh thiết phần mềm bằng súng Fast Gun dưới hướng dẫn của siêu âm
377	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm
378	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
379	Sinh thiết xương dưới hướng dẫn của siêu âm
380	Sinh thiết da bằng kim chuyên dụng (biopsy punch)
381	Tiêm khớp gối
382	Tiêm khớp háng
383	Tiêm khớp cổ chân
384	Tiêm khớp bàn ngón chân
385	Tiêm khớp cổ tay
386	Tiêm khớp bàn ngón tay
387	Tiêm khớp đốt ngón tay
388	Tiêm khớp khuỷu tay
389	Tiêm khớp vai
390	Tiêm khớp ức đòn
391	Tiêm khớp ức - sườn
392	Tiêm khớp đòn- cùng vai
393	Tiêm khớp thái dương hàm
394	Tiêm ngoài màng cứng
395	Tiêm khớp cùng chậu
396	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)
397	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay
398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
399	Tiêm hội chứng DeQuervain

400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
401	Tiêm gân gấp ngón tay
402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai
405	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)
406	Tiêm gân gót
407	Tiêm cân gan chân
408	Tiêm cạnh cột sống cổ
409	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng
410	Tiêm cạnh cột sống ngực
411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm
415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm
419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm
421	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm
422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
423	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm
424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm
425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm
429	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
430	Tiêm ngoài màng cứng dưới hướng dẫn của màng huỳnh quang tăng sáng
431	Xét nghiệm Mucin test
	G. HÔ HẤP
432.	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
433.	Chọc hút khí, mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
434.	Sinh thiết u trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
435.	Sinh thiết u trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm
436.	Thăm dò khả năng khuếch tán khí qua màng phế nang mao mạch (DLCO)
	H. TIM MẠCH
437.	Chụp động mạch vành
438.	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng có tần số Radio có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim

439.	Đo phân suất dự trữ lưu lượng vành (FFR)
440.	Hút huyết khối trong động mạch vành
441.	Sửa van hai lá qua đường ống thông (Mitraclip)
442.	Nong và đặt stent động mạch thận
443.	Siêu âm tim qua thực quản cấp cứu tại giường
444.	Siêu âm tim cản âm cấp cứu tại giường
445.	Siêu âm mạch trong điều trị RF mạch máu
446.	Siêu âm Doppler màu tim 3D/4D qua thực quản
447.	Siêu âm Doppler màu tim qua thành ngực trong tim mạch can thiệp
448.	Siêu âm Doppler màu tim qua thực quản trong tim mạch can thiệp
449.	Siêu âm Doppler màu tim 3D/4D qua thành ngực trong tim mạch can thiệp
450.	Siêu âm Doppler màu tim 3D/4D qua thực quản trong tim mạch can thiệp
451.	Theo dõi điện tim bằng máy ghi biến cố (Event Recorder)
452.	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 1 buồng
453.	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 2 buồng
454.	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 3 buồng
455.	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 1 buồng
456.	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 2 buồng
457.	Siêu âm Doppler màu tim gắng sức với Dobutamine
458.	Siêu âm Dopple màu tim gắng sức với xe đạp lực kế
459.	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim tại giường
460.	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang
461.	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường
462.	Điều trị rung nhĩ bằng sóng cao tần
463.	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng cao tần
464.	Thay máy tạo nhịp tim, cập nhật máy tạo nhịp tim
465.	Bít thông liên nhĩ bằng dụng cụ qua da
466.	Bít thông liên thất bằng dụng cụ qua da
467.	Bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da
468.	Đặt stent Graft điều trị bệnh lý động mạch chủ
469.	Cấy ghép (bơm) tế bào gốc tự thân qua đường động mạch vành để điều trị suy tim sau nhồi máu cơ tim
	I. THẦN KINH
470.	Điều trị chứng co cứng gấp bàn chân (Plantar Flexion Spasm) sau tai biến mạch máu não bằng kỹ thuật tiêm Botulium Toxin A
471.	Điều trị chứng co cứng chi trên sau tai biến mạch máu não bằng kỹ thuật tiêm Botulinum Toxin A
472.	Điều trị co cứng bàn tay khi viết (writer’s cramp) type 1 bằng kỹ thuật tiêm Botulinum Toxin A
473.	Điều trị co cứng bàn tay khi viết (writer’s cramp) type 2 bằng kỹ thuật tiêm Botulium Toxin A
474.	Ghi điện cơ điện thế kích thích thị giác, thính giác
475.	Ghi điện cơ điện thế kích thích cảm giác thân thể

476.	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi trên
477.	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi dưới
478.	Phản xạ nhắm mắt và đo tốc độ dẫn truyền vận động của dây thần kinh VII ngoại biên
479.	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não
	K. THẬN TIẾT NIỆU
480.	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu
481.	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu
482.	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận
483.	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da
484.	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê
485.	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng
486.	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê
487.	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm có gây mê
488.	Nội soi bàng quang lấy sỏi, dị vật có gây mê
489.	Nội soi đặt catheter bàng quang - niệu quản để chụp UPR có gây mê
490.	Nội soi bàng quang và bơm hóa chất có gây mê
491.	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang có gây mê
492.	Nội soi bàng quang có gây mê
493.	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang có gây mê
494.	Rút sonde Modelage qua đường nội soi bàng quang có gây mê
495.	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)
496.	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)
497.	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130
498.	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu
499.	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)
	L. TIÊU HÓA
500.	Nội soi can thiệp - cắt tách dưới niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm
501.	Nội soi mật tụy ngược dòng - cắt papilla điều trị u bóng Vater
502.	Nội soi thực quản dạ dày phóng đại
503.	Test thở C13 tìm Helicobacterpylori
504.	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật qua da
505.	Siêu âm can thiệp - đặt stent đường mật qua da
506.	Đặt dẫn lưu đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C-ARM
507.	Đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C-ARM
	M. CƠ XƯƠNG KHỚP
508.	Thay băng vết loét do vỡ hạt tophy
509.	Kỹ thuật truyền một số thuốc sinh học
510.	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic
511.	Điều trị thoái hóa khớp bằng huyết tương giàu tiểu cầu
512.	Điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc mô mỡ tự thân

513.	Tiêm huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) tự thân điều trị một số bệnh lý phần mềm quanh khớp
514.	Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp
515.	Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat
516.	Tiêm Enbrel
517.	Truyền Remicade
518.	Truyền Actemra
519.	Sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở
	N. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
520.	Định lượng kháng thể kháng nhân và kháng thể kháng chuỗi kép (ANA&DsDNA)
521.	Định lượng kháng thể kháng Phospholipid IgG/IgM
522.	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin IgG/IgM
523.	Định lượng kháng thể kháng Beta2- Glycoprotein IgG/IgM
524.	Định lượng kháng thể kháng tương bào bạch cầu đa nhân trung tính (ANCA)
525.	Định lượng kháng thể kháng ty lạp thể (AMA-M2)
526.	Định lượng kháng thể kháng tương bào gan type1 (LC1)
527.	Định lượng kháng thể kháng tiểu vi thể gan thận type 1 (LKM1)
528.	Định lượng kháng thể kháng thụ thể GLYCOPROTEIN trên màng tế bào gan người châu Á (ASGPR)
529.	Định lượng ERYTHROPOIETIN (EPO)
530.	Định lượng kháng thể kháng Scl-70
531.	Định lượng kháng thể kháng Jo - 1
532.	Định lượng kháng thể kháng Histone
533.	Định lượng kháng thể kháng Sm
534.	Định lượng kháng thể kháng SS-A(Ro)
535.	Định lượng kháng thể kháng SS-B(La)
536.	Định lượng kháng thể kháng SSA-p200
537.	Định lượng kháng thể kháng Prothrombin
538.	Định lượng kháng thể kháng RNP-70
539.	Định lượng MPO (pANCA)
540.	Định lượng PR3 (cANCA)
541.	Định lượng kháng thể kháng Insulin
542.	Định lượng kháng thể kháng CCP
543.	Định lượng kháng thể kháng Centromere
544.	Định lượng kháng thể C_1INH
545.	Định lượng kháng thể GBM ab
546.	Định lượng Tryptase
547.	Định lượng kháng thể kháng tinh trùng
548.	Định lượng kháng thể kháng tiểu cầu
549.	Định lượng kháng thể kháng ENA
550.	Định lượng Histamine
551.	Định lượng kháng thể kháng C1q

552.	Định lượng kháng thể kháng C3a
553.	Định lượng kháng thể kháng C3bi
554.	Định lượng kháng thể kháng C3d
555.	Định lượng kháng thể kháng C4a
556.	Định lượng kháng thể kháng C5a
557.	Định lượng CD4
558.	Định lượng CD14
559.	Định lượng CD19
560.	Định lượng CD20
561.	Định lượng CD23
562.	Định lượng CD24
563.	Định lượng CD30
564.	Định lượng CD40
565.	Định lượng kháng thể IgA
566.	Định lượng kháng thể IgE
567.	Định lượng kháng thể IgG
568.	Định lượng kháng thể IgM
569.	Định lượng kháng thể IgG1
570.	Định lượng kháng thể IgG2
571.	Định lượng kháng thể IgG3
572.	Định lượng kháng thể IgG4
573.	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp (Đối với 1 dị nguyên)
574.	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên thức ăn (Đối với 1 dị nguyên)
575.	Định lượng IgE đặc hiệu chẩn đoán dị ứng thuốc (Đối với 1 loại thuốc)
576.	Định lượng ELISA chẩn đoán dị ứng thuốc (Đối với 1 loại thuốc)
577.	Định lượng Interleukin - 1a human
578.	Định lượng Interleukin -1b human
579.	Định lượng Interleukin - 2 human
580.	Định lượng Interleukin - 4 human
581.	Định lượng Interleukin - 6 human
582.	Định lượng Interleukin - 8 human
583.	Định lượng Interleukin - 10 human
584.	Định lượng Interleukin - 12p70 human
585.	Test lẩy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên hô hấp
586.	Test lẩy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên thức ăn
587.	Test lẩy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên sữa
588.	Test lẩy da (Prick test) đặc hiệu với các loại thuốc (Đối với 6 loại thuốc)
589.	Test lẩy da (Prick test) đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh
590.	Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc
591.	Test nội bì nhanh đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh
592.	Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc
593.	Test nội bì chậm đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh

594.	Test áp bì (Patch test) đặc hiệu với thuốc (Đối với 6 loại thuốc)
595.	Test áp bì (Patch test) đặc hiệu với mỹ phẩm
596.	Phản ứng phân hủy Mastocyte (Đối với 6 loại dị nguyên)
597.	Phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu
598.	Điều trị liệu pháp miễn dịch đặc hiệu đường dưới lưỡi với dị nguyên (Giai đoạn ban đầu - thời gian điều trị trung bình 15 ngày)
599.	Điều trị liệu pháp miễn dịch đặc hiệu đường dưới lưỡi với dị nguyên (Giai đoạn duy trì - Thời gian điều trị trung bình 3 tháng)
600.	Giảm mẫn cảm nhanh với thuốc 72 giờ
601.	Giảm mẫn cảm với thuốc đường tĩnh mạch
602.	Giảm mẫn cảm với thuốc đường uống
603.	Giảm mẫn cảm với sữa
604.	Giảm mẫn cảm với thức ăn
605.	Test kích thích với thuốc đường tĩnh mạch
606.	Test kích thích với thuốc đường uống
607.	Test kích thích với sữa
608.	Test kích thích với thức ăn
609.	Test huyết thanh tự thân
610.	Test hồi phục phế quản.
611.	Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine
612.	Đo FeNO
613.	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)
614.	Đo dung tích sống gắng sức - FVC
615.	Đo dung tích sống chậm - SVC
616.	Đo thông khí tự nguyện tối đa - MVV
617.	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
618.	Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity
619.	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes
620.	Đo biến đổi thể tích toàn thân - Body Plethysmography
621.	Khí máu - điện giải trên máy I-STAT-1 - ABBOTT
622.	Tìm tế bào Hargraves
623.	Truyền Cyclophosphamide pulse therapy
624.	Truyền IVIg
625.	Truyền Pulse Therapy Corticoid
626.	Truyền kháng thể đơn dòng
627.	Truyền Endoxan
628.	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
629.	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Stevens -Johnson
630.	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Lyell
631.	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Stevens -Johnson
632.	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Lyell
633.	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Stevens - Johnson

634.	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Lyell
635.	Hướng dẫn người bệnh Stevens - Johnson tập co thắt cơ tròn chống dính
636.	Hướng dẫn người bệnh Lyell tập co thắt cơ tròn chống dính
637.	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường miệng
638.	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường miệng
639.	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường tĩnh mạch
640.	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường tĩnh mạch
641.	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
642.	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
643.	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản
644.	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Luput ban đỏ hệ thống
645.	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Xơ cứng bì
646.	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản
647.	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống
648.	Vỗ rung cho người bệnh Xơ cứng bì
649.	Tập vận động cho người bệnh Xơ cứng bì
650.	Xoa bóp cho người bệnh Xơ cứng bì
651.	Xoa bóp và nhiệt trị liệu cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống có hội chứng Raynaud
652.	Xoa bóp và nhiệt trị liệu cho người bệnh Xơ cứng bì có hội chứng Raynaud
	O. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
653.	Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng
654.	Chọc rửa màng phổi
655.	Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi
III. NHI KHOA	
(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
	A. TUẦN HOÀN
1	Kích thích vĩnh viễn bằng máy tạo nhịp trong cơ thể (hai ổ)
2	Đặt bóng chèn động mạch chủ dội ngược
3	Tuần hoàn ngoài cơ thể
4	Tim phổi nhân tạo (ECMO)
5	Điều trị tăng áp phổi bằng khí NO
6	Đo cung lượng tim bằng máy đo điện tử cao cấp (pha loãng nhiệt)
7	Đặt, theo dõi, xử trí máy tạo nhịp tim vĩnh viễn bằng điện cực trong tim (một ổ)
8	Đặt, theo dõi, xử trí máy tạo nhịp tim tạm thời bằng điện cực sau phẫu thuật tim hở
9	Hạ thân nhiệt chủ động
10	Tăng thân nhiệt chủ động
11	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)
12	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết

13	Đo cung lượng tim liên tục
14	Đo áp lực các buồng tim
15	Siêu âm tim qua thực quản cấp cứu
16	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản
17	Đặt catheter động mạch phổi
18	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu
19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ
20	Đo độ bão hòa oxy trung tâm cấp cứu
21	Đo độ bão hòa oxy trong tĩnh mạch cảnh
22	Kích thích tim với tần số cao
23	Kích thích tim tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực
24	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh
25	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực ngoài
26	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong
27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu
28	Đặt catheter tĩnh mạch
29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
30	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm
31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
32	Đặt ống thông Blakemore
33	Đặt catheter động mạch
34	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh
35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
36	Đo áp lực động mạch liên tục
37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
38	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
39	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
40	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim
41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
42	Mở màng ngoài tim cấp cứu
43	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu
44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
45	Hạ huyết áp chỉ huy
46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
48	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp
49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
50	Chăm sóc catheter động mạch
51	Ép tim ngoài lồng ngực
	B. HÔ HẤP
52	Nội soi phế quản ở người bệnh thở máy: sinh thiết, cầm máu, hút đờm
53	Nội soi khí phế quản bằng ống soi mềm

54	Thở máy với tần số cao (HFO)
55	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh
56	Nội soi khí phế quản hút đờm
57	Nội soi khí phế quản cấp cứu
58	Thở máy bằng xâm nhập
59	Điều trị bằng oxy cao áp
60	Dẫn lưu trung thất
61	Chọc hút dịch, khí trung thất
62	Nội soi khí phế quản ở NB suy hô hấp
63	Nội soi khí phế quản ở NB thở máy
64	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi
65	Bơm rửa phế quản có bàn chải
66	Bơm rửa phế quản không bàn chải
67	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
68	Siêu âm với đầu dò thực quản cấp cứu
69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu
70	Siêu âm màng phổi
71	Theo dõi ETCO2 liên tục tại giường
72	Nội soi khí phế quản để cầm máu
73	Nội soi khí phế quản lấy dị vật
74	Nội soi màng phổi sinh thiết
75	Cai máy thở
76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.
77	Đặt ống nội khí quản
78	Mở khí quản
79	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi
80	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp
81	Bơm rửa màng phổi
82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản
84	Chọc thăm dò màng phổi
85	Mở màng phổi tối thiểu
86	Dẫn lưu màng phổi liên tục
87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
88	Thăm dò chức năng hô hấp
89	Khí dung thuốc cấp cứu
90	Khí dung thuốc thở máy
91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần
92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín
93	Vận động trị liệu hô hấp
94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu
95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở

96	Mở khí quản qua da cấp cứu
97	Mở khí quản ngược dòng cấp cứu
98	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp
99	Đặt nội khí quản 2 nòng
100	Rút catheter khí quản
101	Thay canuyn mở khí quản
102	Chăm sóc lỗ mở khí quản
103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
104	Mở màng giáp nhẫn cấp cứu
105	Thổi ngạt
106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
108	Thở oxy gọng kính
109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
	C. THẬN – LỌC MÁU
114	Lọc máu liên tục (CRRT)
115	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt
116	Thay huyết tương
117	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
118	Lọc màng bụng cấp cứu
119	Lọc màng bụng chu kỳ
120	Lọc và tách huyết tương chọn lọc
121	Siêu lọc máu tái hấp phụ phân tử (gan nhân tạo) (MARS)
122	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm
123	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu
124	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi
125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
126	Thận nhân tạo cấp cứu liên tục
127	Thận nhân tạo thường quy chu kỳ
128	Bài niệu cưỡng bức
129	Mở thông bàng quang trên xương mu
130	Vận động trị liệu bàng quang
131	Rửa bàng quang lấy máu cục
132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
133	Thông tiểu
134	Hồi sức chống sốc
	D. THẦN KINH
135	Dẫn lưu não thất cấp cứu

136	Đặt catheter não thất đo áp lực nội sọ liên tục
137	Xử trí tăng áp lực nội sọ
138	Điện não đồ thường quy
139	Điện não đồ video
140	Điện não đồ monitoring (theo dõi liên tục 24h)
141	Điện não đồ bề mặt vỏ não
142	Làm test chết não thực hiện trong 12-24 giờ theo Luật Hiến, lấy ghép mô, bộ phận cơ thể con người
143	Siêu âm doppler xuyên sọ
144	Đo dẫn truyền thần kinh ngoại biên
145	Ghi điện cơ kim
146	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh
147	Chọc dò dịch não thất
148	Chọc dịch tủy sống
149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)
150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu
152	Soi đáy mắt cấp cứu
	Đ. TIÊU HÓA
153	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)
154	Mở thông dạ dày bằng nội soi
155	Nội soi dạ dày cầm máu
156	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu
157	Cầm máu thực quản qua nội soi
158	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm
159	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu
160	Soi đại tràng cầm máu
161	Soi đại tràng sinh thiết
162	Nội soi trực tràng cấp cứu
163	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
166	Rửa màng bụng cấp cứu
167	Đặt ống thông dạ dày
168	Rửa dạ dày cấp cứu
169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
170	Đo áp lực ổ bụng
171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín
174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm
175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hỗng tràng

177	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
178	Đặt sonde hậu môn
179	Thụt tháo phân
180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày băng bơm tay
	E. TOÀN THÂN
182	Thay máu sơ sinh
183	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy
184	Hạ nhiệt độ chỉ huy
185	Nâng thân nhiệt chủ động
186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh
	Siêu âm màu tại giường
189	Chụp X quang cấp cứu tại giường
190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu
191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
193	Truyền máu và các chế phẩm máu
194	Tắm cho người bệnh tại giường
195	Tắm tẩy độc cho người bệnh
196	Gội đầu cho người bệnh tại giường
197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt
199	Xoa bóp phòng chống loét
200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
202	Băng bó vết thương
203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
204	Vận chuyển người bệnh an toàn
205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
206	Định nhóm máu tại giường
207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
209	Truyền dịch vào tủy xương
210	Tiêm truyền thuốc
	G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH
211	Định lượng chất độc bằng HPLC
212	Định lượng chất độc bằng MS (sắc ký khối phổ)
213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp
214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh
215	Đo các chất khí trong máu

216	Đo lactat trong máu
217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh
218	Phát hiện chất độc bằng sắc ký khí
219	Phát hiện opiat bằng Naloxone
220	Phát hiện benzodiazepin bằng Anexate
221	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
222	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
223	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
224	Định lượng nhanh Myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
225	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
226	Xác định nhanh INR/PT/ Quick tại chỗ bằng máy cầm tay
	II. TÂM THẦN
227	Liệu pháp hành vi tác phong
228	Trắc nghiệm tâm lý MMPI
229	Nghiệm pháp Pictogram
230	Thang đánh giá mức độ nghiện Himmelbach
231	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)
232	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)
233	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động
234	Test hành vi cảm xúc CBCL
235	Test tăng động giảm chú ý Vandebilt
236	Sốc điện thông thường
237	Trắc nghiệm tâm lý Beck
238	Trắc nghiệm tâm lý Zung
239	Trắc nghiệm tâm lý Raven
240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)
241	Liệu pháp ám thị
242	Liệu pháp thư giãn luyện tập
243	Liệu pháp âm nhạc
244	Liệu pháp hội hoạ
245	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc
246	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone
247	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện
248	Điều trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon
249	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton
250	Thang đánh giá tâm thần tối thiểu (MMSE)
251	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)
252	Thang đánh giá triệu chứng dương tính và âm tính (PANSS)
253	Thang đánh giá triệu chứng ngoại tháp (SIMPSON)
254	Thang đánh giá ấn tượng lâm sàng chung (CGI)
255	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp
256	Đo lưu huyết não

257	Xử trí người bệnh kích động
258	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính
259	Xử trí người bệnh không ăn
260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần
261	Liệu pháp tâm lý nhóm
262	Liệu pháp tâm lý gia đình
263	Liệu pháp tái thích ứng xã hội
264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình
265	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần
266	Liệu pháp giải thích hợp lý
267	Liệu pháp lao động
268	Cấp cứu người bệnh tự sát
269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần
270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu
	III. Y HỌC CỔ TRUYỀN
	A. KỸ THUẬT CHUNG
271	Từ châm
272	Laser châm
273	Mai hoa châm
274	Kéo nắn cột sống cổ
275	Kéo nắn cột sống thắt lưng
276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
277	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT
278	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT
279	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT
280	Xông thuốc bằng máy
281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
282	Xông hơi thuốc
283	Xông khói thuốc
284	Sắc thuốc thang
285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
286	Đặt thuốc YHCT
287	Bó thuốc
288	Chườm ngải
289	Hào châm
290	Nhĩ châm
291	Ôn châm
292	Chích lể
293	Luyện tập dưỡng sinh
	B. ĐIỆN MÃNG CHÂM
294	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp
295	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên

syt_hanhchanh_so Y te ha tinh 25/4/2024 08:57:41

296	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới
297	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người
298	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ
299	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh
300	Điện mãng châm điều trị teo cơ
301	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ
302	Điện mãng châm điều trị bại não
303	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp
304	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng
305	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ
306	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược
307	Điện mãng châm điều trị đau đầu
308	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu
309	Điện mãng châm điều trị stress
310	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh
311	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên
313	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt
314	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc
315	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
316	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai thị
317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình
318	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực
319	Điện mãng châm điều trị thất ngôn
320	Điện mãng châm điều trị hen phế quản
321	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp
322	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp
323	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn
324	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn
325	Điện mãng châm điều trị trĩ
326	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày
327	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày
328	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh
329	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp
330	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp
331	Điện mãng châm điều trị đau lưng
332	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ
333	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai
334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy
335	Điện mãng châm điều trị chứng tic
336	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta
337	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận

338	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa
339	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện
340	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón
341	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá
342	Điện mãng châm điều trị đái dầm
343	Điện móng châm điều trị bí đái
344	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
345	Điện mãng châm điều trị béo phì
346	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
347	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
348	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
349	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư
350	Điện mãng châm điều trị đau răng
	C. ĐIỆN NHĨ CHÂM
351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên
352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới
353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa
354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người
355	Điện nhĩ châm điều trị bại não
356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ
357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ
358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai
359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác
360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp
361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng
362	Điện nhĩ châm cai thuốc lá
363	Điện nhĩ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý
364	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp
365	Điện nhĩ châm điều trị động kinh
366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ
368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính
369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo
373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi
374	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt
375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc
376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
377	Điện nhĩ châm điều trị lác
378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực

379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng
380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực
381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn
382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang
383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng
384	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản
385	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp
386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp
387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn
388	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn
389	Điện nhĩ châm điều trị trĩ
390	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày
391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày
392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc
393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
394	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ
395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
397	Điện nhĩ châm điều trị bí đái
398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì
400	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần
401	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư
403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng
	D. CẤY CHỈ
404	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt
405	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên
406	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới
407	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người
408	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ
409	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh
410	Cấy chỉ điều trị teo cơ
411	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ
412	Cấy chỉ điều trị bại não
413	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ
414	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai
415	Cấy chỉ điều trị giảm khứu giác
416	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp
417	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng
418	Cấy chỉ cai thuốc lá
419	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý

420	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược
421	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp
422	Cấy chỉ điều trị động kinh
423	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu
424	Cấy chỉ điều trị mất ngủ
425	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính
426	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh
427	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V
428	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
429	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị
430	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình
431	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực
432	Cấy chỉ điều trị thất ngôn
433	Cấy chỉ điều trị viêm xoang
434	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng
435	Cấy chỉ điều trị hen phế quản
436	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp
437	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn
438	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn
439	Cấy chỉ điều trị trĩ
440	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày
441	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày
442	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc
443	Cấy chỉ điều trị dị ứng
444	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp
445	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp
446	Cấy chỉ điều trị đau lưng
447	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ
448	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai
449	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy
450	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta
451	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ
452	Cấy chỉ điều trị táo bón
453	Cấy chỉ điều trị đái dầm
454	Cấy chỉ điều trị bí đái
455	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật
456	Cấy chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần
457	Cấy chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
458	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
459	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật
460	Cấy chỉ điều trị giảm đau do ung thư
	Đ. ĐIỆN CHÂM

461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt
462	Điện châm điều trị liệt chi trên
463	Điện châm điều trị liệt chi dưới
464	Điện châm điều trị liệt nửa người
465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ
466	Điện châm điều trị teo cơ
467	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ
468	Điện châm điều trị bại não
469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ
470	Điện châm điều trị chứng ù tai
471	Điện châm điều trị giảm khứu giác
472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp
473	Điện châm điều trị khàn tiếng
474	Điện châm cai thuốc lá
475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý
476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ
478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
479	Điện châm điều trị mất ngủ
480	Điện châm điều trị stress
481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính
482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh
483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
485	Điện châm điều trị chắp lẹo
486	Điện châm điều trị sụp mi
487	Điện châm điều trị bệnh hố mắt
488	Điện châm điều trị viêm kết mạc
489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
490	Điện châm điều trị lác
491	Điện châm điều trị giảm thị lực
492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
493	Điện châm điều trị giảm thính lực
494	Điện châm điều trị thất ngôn
495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
496	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta
497	Điện châm điều trị nôn nấc
498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận
499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp
500	Điện châm điều trị viêm phần phụ
501	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện
502	Điện châm điều trị táo bón

503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá
504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác
505	Điện châm điều trị đái dầm
506	Điện châm điều trị bí đái
507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
508	Điện châm điều trị cảm cúm
509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp
510	Điện châm điều trị béo phì
511	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần
512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
516	Điện châm điều trị đau răng
517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona
518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
519	Điện châm điều trị hen phế quản
520	Điện châm điều trị tăng huyết áp
521	Điện châm điều trị huyết áp thấp
522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
523	Điện châm điều trị đau ngực sườn
524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh
525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp
526	Điện châm điều trị thoái hóa khớp
527	Điện châm điều trị đau lưng
528	Điện châm điều trị đau mỏi cơ
529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
531	Điện châm điều trị chứng tic
	E. THUỶ CHÂM
532	Thủy châm điều trị liệt
533	Thủy châm điều trị liệt chi trên
534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới
535	Thủy châm điều trị liệt nửa người
536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ
537	Thủy châm điều trị teo cơ
538	Thủy châm điều trị đau thần kinh toạ
539	Thủy châm điều trị bại não
540	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ
541	Thủy châm điều trị chứng ù tai
542	Thủy châm điều trị giảm khứu giác
543	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn

544	Thủy châm điều trị khàn tiếng
545	Thủy châm cai thuốc lá
546	Thủy châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý
547	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp
548	Thủy châm điều trị động kinh
549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
550	Thủy châm điều trị mất ngủ
551	Thủy châm điều trị stress
552	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính
553	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
554	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
556	Thủy châm điều trị sụp mi
557	Thủy châm điều trị bệnh hố mắt
558	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
559	Thủy châm điều trị lác
560	Thủy châm điều trị giảm thị lực
561	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
562	Thủy châm điều trị giảm thính lực
563	Thủy châm điều trị thất ngôn
564	Thủy châm điều trị viêm xoang
565	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng
566	Thủy châm điều trị hen phế quản
567	Thủy châm điều trị tăng huyết áp
568	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
569	Thủy châm điều trị đau vùng ngực
570	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn
571	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn
572	Thủy châm điều trị trĩ
573	Thủy châm điều trị sa dạ dày
574	Thủy châm điều trị đau dạ dày
575	Thủy châm điều trị nôn, nấc
576	Thủy châm điều trị bệnh vẩy nến
577	Thủy châm điều trị dị ứng
578	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp
579	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp
580	Thủy châm điều trị đau lưng
581	Thủy châm điều trị đau mỏi cơ
582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy
584	Thủy châm điều trị chứng tic
585	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi

586	Thủy châm điều trị viêm co cứng cơ delta
587	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận
588	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện
589	Thủy châm điều trị táo bón
590	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hoá
591	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác
592	Thủy châm điều trị đái dầm
593	Thủy châm điều trị bí đái
594	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
595	Thủy châm điều trị béo phì
596	Thủy châm điều trị bướu cổ đơn thuần
597	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
598	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
599	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
600	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư
601	Thủy châm điều trị đau răng
602	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
	G. XOA BÓP BẤM HUYỆT
603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt
604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người
607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ
608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em
610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất
613	Xoa búp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ
614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh
618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ
619	Xoa búp bấm huyệt cai thuốc lá
620	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý
621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp
623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh
624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress

627	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính
628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi
632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác
634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị
635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp
640	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực
642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn
644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày
645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc
646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp
648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ
650	Xoa búp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic
653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc
654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta
656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện
657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá
659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác
660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái
661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng
668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm

669	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng
670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria
	H. CỨU
671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
672	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn
673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn
674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn
675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
677	Cứu điều trị liệt thể hàn
678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn
682	Cứu điều trị bại não thể hàn
683	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
684	Cứu điều trị ù tai thể hàn
685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn
687	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý thể hàn
688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn
691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn
692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
694	Cứu điều trị bí đái thể hàn
695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
	IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
697	Thăm dò chức năng niệu bằng máy Urodynamic
698	Tiêm Botulinum vào điểm vận động để điều trị co cứng
699	Laser chiếu ngoài
700	Laser điều trị
701	Laser nội mạch
702	Điện vi dòng giảm đau
703	Giao thoa điện
704	Chẩn đoán điện
705	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn
706	Kỹ thuật điều trị bằng vi sóng
707	Điều trị bằng từ trường

708	Siêu âm điều trị
709	Điều trị bằng laser công suất thấp
710	Điều trị bằng đắp paraphin
711	Tắm hơi
712	Điều trị bằng vòi áp lực nước
713	Điều trị bằng bồn xoáy
714	Kéo cột sống bằng máy
715	Chẩn đoán điện thần kinh cơ
716	Đo áp lực bàng quang người bệnh tổn thương tủy sống bằng cột thước nước
717	Phong bế Phenol vào điểm vận động để điều trị co cứng
718	Tập vận động PHCN sau bỏng
719	Sử dụng gell silicol điều trị sẹo bỏng
720	Tập vận động trên người bệnh đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể
721	Tập vận động để phục hồi khả năng vận động của chi thể sau bỏng
722	Điều trị sẹo bỏng bằng mặt nạ áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo
723	Điều trị sẹo bỏng bằng laser He- Ne
724	Điều trị sẹo bỏng bằng laser YAC
725	Điều trị sẹo bỏng bằng điện phân, điện xung kết hợp với thuốc
726	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc
727	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm cocticoid trong sẹo, dưới sẹo
728	Điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo và gell silicon
729	Điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo, gell silicon và các sản phẩm tế bào
730	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay
731	Vật lý trị liệu sau mổ vi phẫu nối thần kinh ngoại biên và mô mềm
732	Vật lý trị liệu sau mổ nội soi rách nhóm cơ chỏm xoay
733	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh sau chiếu xạ
734	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tay to sau chiếu xạ trong ung thư vú
735	Tắm PHCN sau bỏng
736	Vật lý trị liệu- PHCN người bệnh thay khớp gối hoàn toàn
737	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh thay khớp hông toàn phần
738	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ
739	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp
740	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày
741	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV
742	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS
743	Xoa bóp bằng máy
744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy
745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy
746	Kỹ thuật ABA
747	Kỹ năng giao tiếp sớm
748	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói

749	Sửa lỗi phát âm
750	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói
751	Kỹ năng hòa nhập xã hội
752	Kỹ năng tiền học đường
753	Ngôn ngữ trị liệu cả ngày
754	Ngôn ngữ trị liệu nửa ngày
755	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút
756	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay
757	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo…)
758	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt
759	Kỹ năng phối hợp tay - mắt
760	Kỹ năng kiểm soát tư thế
761	Kỹ năng phối hợp các bộ phận cơ thể
762	Kỹ năng điều hòa cảm giác
763	Kỹ năng sử dụng xe lăn
764	Hoạt động trị liệu cả ngày
765	Hoạt động trị liệu nửa ngày
766	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút
767	Thủy trị liệu
768	Thủy trị liệu có thuốc
769	Hoạt động trị liệu
770	Ngôn ngữ trị liệu
771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
772	Điều trị bằng điện phân thuốc
773	Điều trị bằng các dòng điện xung
774	Điều trị bằng tia hồng ngoại
775	Đo liều sinh học trong điều trị tử ngoại
776	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
777	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân
778	Dẫn lưu tư thế
779	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp
780	Kỹ thuật kéo giãn
781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường
782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống
783	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với gell silicon
784	Điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo
785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường
786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa
787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm
788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.
789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ
790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh

791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống
792	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẽo
793	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN
794	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN
795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ
796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp
797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng
798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn
799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng
800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô
801	Đánh giá trẻ Bại não
802	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ
803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN
804	Tắm bùn khoáng
805	Đắp bùn khoáng
806	Tập dưỡng sinh
807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)
808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)
809	Chườm lạnh
810	Chườm ngải cứu
811	Tập vận động có trợ giúp
812	Vỗ rung lồng ngực
813	Xoa bóp
814	Tập ho
815	Tập thở
816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay
817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi
818	Sử dụng xe lăn
819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm
820	Tập vận động chủ động
821	Tập vận động có kháng trở
822	Tập vận động thụ động
823	Đo tầm vận động khớp
824	Đắp nóng
825	Thử cơ bằng tay
826	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo
827	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo
828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động
829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh
830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt
831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay
832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa

833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ
834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả
835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối
836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối
837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối
838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai
839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai
840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn
841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp
842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới
843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên
844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng
845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực
846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não
847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong
848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi
849	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi
850	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay
851	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng tay
852	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy đầu dưới xương quay
853	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng chân
854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày
855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tủy sống
856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gẫy đầu dưới xương đùi
857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu
858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối
859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối
860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi
861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép
862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh
863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não
864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi
865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp
866	Vật lý trị liệu trong suy tim
867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính
868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi
869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim
870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển
871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng
872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới
873	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bỏng
874	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vá da

875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch
876	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)
877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp
878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng
879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa
880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ
881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên
882	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi
883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson
884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp
885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay
886	Xoa bóp lưng, chân
887	Xoa bóp áp lực hơi
888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa
889	Tập do cứng khớp
890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động
891	Tập do liệt thần kinh trung ương
892	Tập vận động đoạn chi 30 phút
893	Tập vận động đoạn chi 15 phút
894	Tập vận động toàn thân 30 phút
895	Tập vận động toàn thân 15 phút
896	Tập vận động cột sống
897	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi…..)
898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ
899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân
900	Tập vận động tại giường
901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi
902	Tập với hệ thống ròng rọc
903	Tập với xe đạp tập
904	Tập với xe lăn
905	Vật lý trị liệu chỉnh hình
906	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh
907	Điều trị rối loạn đại tiện, tiểu tiện bằng phản hồi sinh học
908	Đo áp lực trực tràng
	B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP
909	Chân giả trên gối
910	Chân giả tháo khớp hang
911	Áo nẹp cột sống ngực thắt lưng cùng TLSO
912	Chỉnh hình tư thế cổ sau bỏng bằng nẹp chỉnh hình
913	Bó bột chậu lưng không nắn (làm nẹp khớp háng)
914	Bó bột chậu lưng có nắn (làm nẹp cột sống)
915	Bó bột ngực chậu lưng chân không nắn (làm nẹp cột sống háng)

916	Bó bột ngực chậu lưng chân có nắn (làm nẹp cột sống háng)
917	Bó bột cẳng bàn tay không nắn (làm nẹp bàn tay)
918	Bó bột cẳng bàn tay có nắn (làm nẹp bàn tay)
919	Bó bột cánh cẳng bàn tay không nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)
920	Bó bột cánh cẳng bàn tay có nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)
921	Bó bột mũ phi công không nắn (làm nẹp hộp sọ)
922	Bó bột mũ phi công có nắn (làm nẹp cổ nhựa)
923	Bó bột chữ U (làm nẹp khớp háng)
924	Bó bột bàn chân khòeo
925	Nắn bó bột trật khớp háng bẩm sinh
926	Nắn bó bột cẳng bàn chân (làm nẹp dưới gối)
927	Nắn bó bột xương đùi - chậu/cột sống (làm nẹp trên gối)
928	Nắn bó bột cánh - cẳng bàn tay (làm nẹp bàn tay trên khuỷu)
929	Nẹp bột cẳng bàn chân
930	Nẹp bột đùi cẳng bàn chân
931	Nẹp bột cẳng bàn tay
932	Nẹp bột cánh cẳng bàn tay
933	Nẹp chỉnh hình dưới mắt cá
934	Nẹp chỉnh hình trên mắt cá/dưới gối không khớp
935	Nẹp chỉnh hình dưới gối có khớp
936	Nẹp chỉnh hình trên gối không khớp
937	Nẹp chỉnh hình trên gối có khớp
938	Nẹp chỉnh hình ụ ngồi – đùi - bàn chân
939	Nẹp chỉnh hình khớp háng - đùi - bàn chân
940	Nẹp tỳ gối xương bánh chè
941	Nẹp 2 tầng dưới gối
942	Nẹp 2 tầng trên gối
943	Nẹp khớp háng mềm
944	Nẹp khớp háng nhựa
945	Nẹp cổ-bàn tay
946	Nẹp khuỷu tay không khớp
947	Nẹp khuỷu tay có khớp
948	Nẹp cổ mềm
949	Nẹp đỡ cột sống cổ
950	Đai cổ cứng
951	Nẹp cột sống (áo chỉnh hình cột sống thắt lưng)
952	Giày chỉnh hình
953	Tạo cung bàn chân (dán vào giày dép)
954	Chỉnh sửa nẹp chi
955	Chỉnh sửa nẹp cột sống
956	Nâng đế giày/ dép
957	Dàn treo các chi

958	Nẹp trên dưới gối HKFO
959	Vòng tập khớp vai
960	Chân giả dưới gối
961	Áo nẹp cột sống thắt lưng cùng LSO
962	Nẹp cổ mềm CO
963	Nẹp khuỷu cổ bàn tay EWHO
964	Nẹp cổ bàn tay WHO
965	Nẹp trên gối - háng HKFO
966	Nẹp trên gối KAFO
967	Nẹp bàn cổ chân AFO
968	Đệm bàn chân FO
969	Thang tường
970	Thanh song song
971	Các dụng cụ giúp thở
972	Sử dụng nẹp chuyên dụng hạn chế co kéo do sẹo bỏng
973	Sử dụng giường treoPHCN ở người bệnh bỏng
974	Chỉnh hình tư thế chi thể sau bỏng bằng nẹp chỉnh hình
975	Sử dụng máy đo áp lực bàn chân để tư vấn sử dụng giày , dép cho người bệnh đái tháo đường
976	Sản xuất giày, dép điều trị bệnh lý bàn chân đái tháo đường
977	Khung tập đi
978	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay
979	Dụng cụ tập cổ chân
980	Dụng cụ tập khớp cổ tay
981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi
982	Xe đạp
983	Nạng nách
984	Nạng khuỷu
985	Gậy tập
986	Nẹp khớp gối
987	Máng đỡ bàn tay
988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay
	V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP
	A. SỌ NÃO
989	Nội soi mở thông não thất bể đáy
990	Nội soi mở thông vào não thất
	B. TAI - MŨI - HỌNG
991	Nội soi thanh quản-hạ họng đánh giá và sinh thiết u
992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (1 bên)
993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (1 bên)
994	Nội soi cầm máu mũi
995	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ
996	Nội soi thanh quản cắt papilloma

997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết
998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết
999	Nội soi mũi xoang
1000	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần
1001	Nội soi tai
1002	Nội soi mũi
1003	Nội soi họng
	C. THANH- PHẾ QUẢN
1004	Nội soi phế quản ống mềm cắt đốt trong lòng phế quản bằng điện đông cao tần
1005	Nội soi phế quản ống mềm đặt stent khí quản
1006	Nội soi phế quản ống cứng đặt stent phế quản
1007	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản
1008	Nội soi phế quản ống mềm cắt lạnh u khí phế quản
1009	Nội soi phế quản ống cứng cắt lạnh u khí phế quản
1010	Nội soi phế quản tạo hình bằng nhựa điều trị hẹp phế quản
1011	Nội soi phế quản ống cứng cắt u trong lòng khí, phế quản bằng điện đông cao tần
1012	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản
1013	Nội soi thanh quản ống mềm có thể sinh thiết
1014	Nội soi phế quản ống mềm
1015	Nội soi phế quản ống cứng
1016	Nội soi đặt Stent khí – Phế quản
1017	Nội soi ống mềm phế quản siêu âm, sinh thiết xuyên thành phế quản
1018	Nội soi phế quản chải phế quản chẩn đoán
1019	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc
1020	Nội soi rửa phế quản phế nang toàn bộ phổi
1021	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)
1022	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản
	D. LỒNG NGỰC- PHỔI
1023	Nội soi trung thất
1024	Nội soi lồng ngực lấy máu tụ trong chấn thương ngực
1025	Nội soi sinh thiết phổi, trung thất
1026	Nội soi lồng ngực để chẩn đoán và điều trị
1027	Nội soi lồng ngực cắt đốt bằng điện đông cao tần ống nửa cứng, nửa mềm
1028	Nội soi lồng ngực sinh thiết màng phổi ống nửa cứng nửa mềm
1029	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị
1030	Nội soi lồng ngực chẩn đoán
	Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG
1031	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng
1032	Nội soi nong đường mật, Oddi
1033	Nội soi đường mật tán sỏi qua da
1034	Nội soi ong hẹp thực quản, tâm vị
1035	Nội soi đặt dẫn lưu đường mật qua nội soi tá tràng

1036	Nội soi tiêu hóa dưới gây mê (dạ dày - đại tràng)
1037	Nội soi nong hẹp miệng nối ruột-ruột hoặc mật-ruột
1038	Nong bằng bóng qua nội soi điều trị hẹp chỗ nối đại trực tràng sau mổ
1039	Nội soi điều trị loét ống tiêu hóa bằng Laser
1040	Nội soi cắt dưới niêm mạc điều trị ung thư sớm dạ dày
1041	Nội soi mở thông dạ dày
1042	Nội soi ruột non bóng kép (Double Baloon Endoscopy)
1043	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Baloon Endoscopy)
1044	Nội soi tiêu hóa bằng viên đạn (Capsule Endoscopy)
1045	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên kết hợp với chọc hút tế bào
1046	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tuỵ
1047	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tuỵ
1048	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để đặt Stent đường mật tuỵ
1049	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa
1050	Nội soi ổ bụng đặt catheter Tenchkoff qua
1051	Nội soi ổ bụng sửa catheter Tenchkoff
1052	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán
1053	Nội soi hố thận để thăm dò, chẩn đoán
1054	Nội soi khung chậu để thăm dò, chẩn đoán
1055	Nội soi ổ bụng- sinh thiết
1056	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị
1057	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu
1058	Nội soi thực quản-dạ dày, điều trị giãn tĩnh mạch thực quản
1059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật
1060	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản
1061	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết
1062	Nội soi đại tràng sigma
1063	Nội soi đại tràng-lấy dị vật
1064	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu
1065	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ
1066	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết
1067	Nội soi cắt polip ông tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)
1068	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ
1069	Nội soi đường mật qua tá tràng
1070	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị
1071	Soi trực tràng
1072	Nội soi băng tần hẹp (NBI)
1073	Nội soi siêu âm trực tràng
	E. TIẾT NIỆU
1074	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)
1075	Nội soi rút sonde JJ
1076	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).

1077	Nội soi lấy sỏi niệu quản
1078	Nội soi bàng quang
1079	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
1080	Nội soi bàng quang tìm xem đái dưỡng chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật
1081	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản
1082	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật
1083	Nội soi sinh thiết niệu đạo
1084	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản
1085	Nội soi niệu quản chẩn đoán
1086	Nội soi niệu quản sinh thiết
1087	Nội soi bàng quang sinh thiết
	G. KHỚP
1088	Nội soi khớp điều trị
1089	Nội soi khớp chẩn đoán
	VI. Y HỌC HẠT NHÂN
1090	SPECT não với ^{99m}Tc Pertechnetate
1091	SPECT não với ^{99m}Tc – ECD
1092	SPECT não với ^{99m}Tc – DTPA
1093	SPECT não với ^{99m}Tc – HMPAO
1094	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
1095	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
1096	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với Tl-201
1097	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tl-201
1098	SPECT chẩn đoán khối u
1099	SPECT chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc – MIBI
1100	SPECT chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
1101	SPECT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
1102	SPECT chẩn đoán khối u với ^{111}In – Pentetreotide
1103	SPECT chẩn đoán u phổi
1104	SPECT chẩn đoán u vú
1105	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I – MIBG
1106	SPECT tuyến thượng thận với ^{123}I – MIBG
1107	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I – Cholesterol
1108	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I – MIBG
1109	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I – MIBG
1110	SPECT phóng xạ miễn dịch
1111	SPECT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
1112	SPECT tuyến tiền liệt
1113	SPECT gan
1114	SPECT thận
1115	SPECT xương, khớp

1116	SPECT hạch Lympho
1117	SPECT/CT
1118	PET
1119	PET/CT
1120	Xạ hình phóng xạ miễn dịch
1121	Xạ hình não với ^{99m}Tc Pertechnetate
1122	Xạ hình não với ^{99m}Tc – ECD
1123	Xạ hình não với ^{99m}Tc – DTPA
1124	Xạ hình não với ^{99m}Tc – HMPAO
1125	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{99m}Tc – DTPA
1126	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{111}In – DTPA
1127	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{131}I-RISA
1128	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
1129	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
1130	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{201}Tl
1131	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{201}Tl
1132	Xạ hình chức năng tim với ^{99m}Tc đánh dấu
1133	Xạ hình chẩn đoán nhồi máu cơ tim với ^{99m}Tc – Pyrophosphate
1134	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc – MIBI
1135	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
1136	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
1137	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{111}In – Pentetreotide
1138	Xạ hình gan với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
1139	Xạ hình gan – mật với ^{99m}Tc – HIDA
1140	Xạ hình gan – mật với ^{131}I – Rose Bengan
1141	Xạ hình chẩn đoán u máu trong gan với hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc
1142	Xạ hình chức năng gan – mật sau ghép gan với ^{99m}Tc – IDA
1143	Thận đồ đồng vị với ^{131}I – Hippuran
1144	Xạ hình chức năng thận với ^{131}I – Hippuran
1145	Xạ hình thận với ^{99m}Tc – DMSA
1146	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc –DTPA
1147	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc – MAG3
1148	Xạ hình chức năng thận – tiết niệu sau ghép thận bằng ^{99m}Tc – MAG3
1149	Xạ hình xương với ^{99m}Tc – MDP
1150	Xạ hình xương 3 pha
1151	Xạ hình tủy xương với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid hoặc BMHP
1152	Xạ hình toàn thân với ^{131}I
1153	Độ tập trung ^{131}I tuyến giáp
1154	Xạ hình tuyến giáp với ^{131}I
1155	Xạ hình tuyến giáp sau phẫu thuật với ^{131}I
1156	Xạ hình tuyến cận giáp với ^{99m}Tc – V – DMSA
1157	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate

1158	Xạ hình tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
1159	Xạ hình tuyến nước bọt với ^{99m}Tc Pertechnetate
1160	Xạ hình tuyến tiền liệt
1161	Xạ hình tuyến vú
1162	Xạ hình lách với Methionin – ^{99m}Tc
1163	Xạ hình lách với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
1164	Xạ hình lách với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
1165	Xạ hình tưới máu phổi
1166	Xạ hình thông khí phổi
1167	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG.
1168	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG.
1169	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol.
1170	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG.
1171	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG.
1172	Xạ hình tinh hoàn với ^{99m}Tc Pertechnetate
1173	Xạ hình bạch mạch với ^{99m} Tc–HMPAO hoặc^{99m} Tc–Sulfur Colloid
1174	Xạ hình hạch Lympho
1175	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc – MAA
1176	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc – DTPA
1177	Xác định thể tích hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
1178	Xác định đời sống hồng cầu và nơi phân hủy hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
1179	Xạ hình chẩn đoán chức năng thực quản và trào ngược dạ dày – thực quản với ^{99m}Tc – Sulfur Colloid
1180	Xạ hình chẩn đoán chức năng co bóp dạ dày với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid
1181	Xạ hình chẩn đoán xuất huyết đường tiêu hóa với hồng cầu đánh dấu Tc-99m
1182	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với ^{99m}Tc Pertechnetate
1183	Nghiệm pháp chẩn đoán H.Pylory với ^{14}C-Urea
1184	Định lượng CA 19 – 9 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1185	Định lượng CA 50 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1186	Định lượng CA 125 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1187	Định lượng CA 15 – 3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1188	Định lượng CA 72 – 4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1189	Định lượng GH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ.
1190	Định lượng kháng thể kháng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ.
1191	Định lượng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1192	Định lượng Tg bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1193	Định lượng kháng thể kháng Tg (AntiTg) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1194	Định lượng Micro Albumin niệu bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1195	Định lượng LH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1196	Định lượng FSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1197	Định lượng HCG bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1198	Định lượng T_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1199	Định lượng FT_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ

1200	Định lượng T_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1201	Định lượng FT_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1202	Định lượng TSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1203	Định lượng TRAb bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1204	Định lượng Testosterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1205	Định lượng Prolactin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1206	Định lượng Progesterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1207	Định lượng Estradiol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1208	Định lượng Calcitonin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1209	Định lượng CEA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1210	Định lượng AFP bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1211	Định lượng PSA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1212	Định lượng PTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1213	Định lượng ACTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1214	Định lượng Cortisol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
1215	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng ^{131}I
1216	Điều trị Basedow bằng ^{131}I
1217	Điều trị bướu tuyến giáp đơn thuần bằng ^{131}I
1218	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng ^{131}I
1219	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo ^{90}Y
1220	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo phóng xạ
1221	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo ^{90}Y
1222	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo phóng xạ
1223	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{188}Re
1224	Điều trị ung thư gan bằng keo Silicon – ^{32}P
1225	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{131}I – Lipiodol
1226	Điều trị ung thư gan bằng keo Ho-166
1227	Điều trị ung thư gan bằng hạt phóng xạ ^{125}I
1228	Điều trị ung thư gan bằng keo phóng xạ
1229	Điều trị ung thư vú bằng hạt phóng xạ ^{125}I
1230	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng hạt phóng xạ ^{125}I
1231	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo phóng xạ
1232	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo ^{90}Y
1233	Điều trị sẹo lồi bằng tấm áp ^{32}P
1234	Điều trị eczema bằng tấm áp ^{32}P
1235	Điều trị u máu nông bằng tấm áp ^{32}P
1236	Điều trị bệnh đa hồng cầu nguyên phát bằng ^{32}P
1237	Điều trị bệnh Leucose kinh bằng P-32
1238	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{153}Sm
1239	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{32}P
1240	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng thuốc phóng xạ
1241	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-131-MIBG

1242	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-131-MIBG
1243	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-123-MIBG
1244	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-123-MIBG
1245	Điều trị bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
	VII. GÂY MÊ HỒI SỨC
1246	Gây mê hồi sức (GMHS) phẫu thuật dị dạng mạch máu não
1247	GMHS phẫu thuật tai biến mạch máu não
1248	GMHS phẫu thuật u vùng hố yên
1249	GMHS phẫu thuật u vùng hố sau
1250	GMHS phẫu thuật u màng não
1251	GMHS phẫu thuật u tủy
1252	GMHS phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ
1253	GMHS phẫu thuật dị dạng quai động mạch chủ
1254	GMHS phẫu thuật phồng động mạch chủ: gốc, ngực, bụng trên, dưới thận
1255	GMHS phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh không tím
1256	GMHS phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có tím
1257	GMHS phẫu thuật bệnh van tim (đơn giản hay phức tạp)
1258	GMHS phẫu thuật thay chỏm xương đùi, khớp háng, khớp gối
1259	GMHS phẫu thuật nối chi
1260	GMHS phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
1261	Gây mê cho đại phẫu ngực ở trẻ em
1262	Giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim CSE
1263	GMHS phẫu thuật nội soi ngực
1264	GMHS trong thông tim chẩn đoán và can thiệp ở trẻ em
1265	Kỹ thuật đặt nội khí quản 2 nòng
1266	Kỹ thuật đặt nội khí quản 1 bên với nòng chắn (blocker)
1267	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy
1268	Kỹ thuật hạ thân nhiệt chỉ huy
1269	Kỹ thuật mê tĩnh mạch theo TCI
1270	Kỹ thuật tiến hành tuần hoàn ngoài cơ thể bằng máy
1271	Kỹ thuật thông khí một phổi
1272	Kỹ thuật theo dõi độ mê bằng BIS
1273	Kỹ thuật theo dõi độ mê bằng ENTROPY
1274	Kỹ thuật theo dõi độ mê bằng EVOKED potential
1275	Kỹ thuật tiến hành và theo dõi áp lực nội sọ
1276	Kỹ thuật đo lưu lượng tim qua catheter swan ganz
1277	Kỹ thuật đo lưu lượng tim PICCO
1278	Kỹ thuật đo lưu lượng tim bằng điện từ trường
1279	Kỹ thuật theo dõi huyết động bằng siêu âm qua thực quản
1280	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO_2
1281	Kỹ thuật đo và theo dõi SVO_2
1282	Kỹ thuật đo và theo dõi S_cVO_2

1283	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt bằng máy
1284	Theo dõi Hb trong phòng mổ
1285	Theo dõi Hct trong phòng mổ
1286	Theo dõi đông máu trong phòng mổ
1287	Theo dõi khí máu trong phòng mổ
1288	Theo dõi truyền dịch bằng máy đếm giọt
1289	Theo dõi truyền máu bằng máy đếm giọt
1290	Kỹ thuật pha loãng máu trong khi mổ
1291	Kỹ thuật pha loãng máu đồng thể tích cấp tính ngay trước mổ
1292	Kỹ thuật lấy lại máu trong mổ cell saver
1293	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC ngực đường giữa
1294	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tủy sống - NMC
1295	Kỹ thuật gây tê khoang cùng
1296	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng
1297	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu
1298	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò thần kinh
1299	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy siêu âm
1300	GMHS phẫu thuật áp xe não
1301	GMHS phẫu thuật u bán cầu não
1302	GMHS phẫu thuật chấn thương cột sống (cổ, ngực, thắt lưng)
1303	GMHS phẫu thuật thoát vị đĩa đệm ngực, thắt lưng
1304	GMHS phẫu thuật chấn thương sọ não (kín, hở)
1305	GMHS phẫu thuật van động mạch chủ
1306	GMHS phẫu thuật bắc cầu động mạch vành có hay không dung tim phổi nhân tạo
1307	GMHS phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
1308	GMHS bóc nội mạc động mạch cảnh
1309	GMHS cho phẫu thuật vết thương tim, chấn thương tim, chèn ép tim
1310	GMHS cho phẫu thuật khí, phế quản ở người lớn
1311	GMHS cho phẫu thuật cắt 1 phổi, thuỳ phổi, phân thùy phổi
1312	GMHS cho phẫu thuật thành ngực
1313	GMHS cho mở màng phổi tối đa
1314	GMHS cho khâu vết thương nhu mô phổi
1315	GMHS cho cắt phổi theo tổn thương
1316	GMHS cho bóc màng phổi trong dày dính màng phổi, lấy máu cục
1317	GMHS cho phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
1318	GMHS cho phẫu thuật thực quản
1319	GMHS cho phẫu thuật u trung thất
1320	GMHS cho phẫu thuật lớn trên dạ dày, ruột
1321	GMHS thận niệu quản
1322	GMHS phẫu thuật nội soi ổ bụng
1323	GMHS phẫu thuật nội soi tuyến giáp
1324	GMHS phẫu thuật nội soi trong phụ khoa

1325	GMHS trên người bệnh béo phì
1326	An thần cho nội soi đường tiêu hóa
1327	GMHS phẫu thuật gan, mật, lách, tạng
1328	GMHS cho thủ thuật ERCP
1329	GMHS người bệnh chấn thương có sốc, đa chấn thương
1330	GMHS phẫu thuật nội soi u xơ TLT
1331	GMHS phẫu thuật bóc u xơ TLT
1332	GMHS phẫu thuật cắt bàng quang
1333	GMHS phẫu thuật basedow
1334	GMHS phẫu thuật bướu cổ to
1335	GMHS phẫu thuật u thượng thận gây tăng HA
1336	GMHS phẫu thuật u tuyến ức
1337	GMHS phẫu thuật người có bệnh mạch vành kèm theo
1338	GMHS phẫu thuật trên người bệnh có bệnh tăng HA chưa ổn định, hay có thương tổn cơ quan đích
1339	GMHS trên người bệnh có bệnh phổi kinh niên
1340	GMHS trên người bệnh có hen phế quản
1341	GMHS trên người bệnh có tiền sử hay bệnh dị ứng
1342	GMHS trên người giảm chức năng thận hay suy thận
1343	GMHS trên người bị suy giảm chức năng gan
1344	GMHS trên người bệnh bị sốc, suy thở
1345	GMHS trên người bệnh bị rối loạn nước điện giải, rối loạn thăng bằng kiềm toan, rối loạn đông máu
1346	GMHS trên người bệnh tiểu đường
1347	GMHS trên người bệnh nhược cơ
1348	GMHS trên người bệnh có đặt máy tạo nhịp
1349	GMHS phẫu thuật mắt ở trẻ em
1350	GMHS phẫu thuật mắt trên người bệnh có bệnh kèm theo
1351	Đặt NKQ khó trong phẫu thuật hàm mặt
1352	Gây mê phẫu thuật chấn thương vùng hàm mặt
1353	GMHS cho khối u vùng hàm mặt
1354	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp
1355	GMHS cho các phẫu thuật TMH
1356	GMHS nạo VA ở trẻ em
1357	GMHS trung phẫu ngực ở trẻ em
1358	GMHS phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em
1359	GMHS phẫu thuật xương ở trẻ em
1360	Giảm đau sau phẫu thuật bằng Morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA
1361	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC thắt lưng: 1 liều hay truyền liên tục qua bơm tiêm điện
1362	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC ngực qua bơm tiêm điện liên tục
1363	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm morphinic x thuốc tê theo kiểu PCEA

1364	Giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh hay đám rối qua catheter
1365	Nội soi khí phế quản ở người bệnh suy thở, thở máy
1366	Thở máy xâm nhập ở người bệnh SARD
1367	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường quy
1368	Lọc máu nhân tạo cấp cứu liên tục
1369	Thẩm phân phúc mạc
1370	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch
1371	Điều trị dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng, hút liên tục đường dò)
1372	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ
1373	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol
1374	Kỹ thuật đặt Mask thanh quản
1375	Kỹ thuật đặt combitube
1376	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp
1377	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy
1378	Kỹ thuật đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại
1379	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi
1380	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó
1381	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với ống soi mềm
1382	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với đèn Mac Coy (đèn có mũi điều khiển), mask thanh quản
1383	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó ngược dòng
1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
1385	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda
1386	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp
1387	Kỹ thuật gây mê bằng ống Magill
1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhẫn
1389	Kỹ thuật nâng thân nhiệt chỉ huy
1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
1391	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê
1392	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê
1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ
1394	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm
1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ
1396	Kỹ thuật vô cảm nắn xương
1397	Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản
1398	Kỹ thuật theo dõi giãn cơ bằng máy
1399	Kỹ thuật theo dõi SpO_2
1400	Kỹ thuật theo dõi et CO_2
1401	Kỹ thuật theo dõi HAĐM bằng phương pháp xâm lấn
1402	Kỹ thuật theo dõi HAĐM không xâm lấn bằng máy
1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
1404	Thử nhóm máu trước truyền máu

1405	Truyền dịch thường quy
1406	Truyền máu thường quy
1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em
1408	Kỹ thuật lấy lại máu trong mổ bằng phương pháp thủ công
1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim
1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở
1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong
1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi
1417	Kỹ thuật chọc tủy sống đường giữa
1418	Kỹ thuật chọc tủy sống đường bên
1419	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng đường giữa
1420	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên
1421	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn
1422	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang
1423	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách
1424	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông
1425	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu
1426	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay
1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay
1428	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to
1429	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1
1430	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối
1431	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân
1432	GMHS phẫu thuật động mạch, tĩnh mạch ngoại biên
1433	GMHS phẫu thuật rách cơ hoành qua đường bụng
1434	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
1435	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa
1436	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn
1437	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu
1438	GMHS phẫu thuật chi trên
1439	GMHS phẫu thuật chi dưới
1440	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn
1441	GMHS người bệnh chấn thương không sốc, sốc nhẹ
1442	GMHS phẫu thuật bướu cổ nhỏ
1443	Gây mê để thay băng người bệnh bỏng
1444	Gây mê, gây tê cắt amidan ở trẻ em
1445	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
1446	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em

1447	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
1449	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphin cách quãng dưới da
1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật
1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
1452	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
1453	Chụp X-quang cấp cứu tại giường
1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
1455	Theo dõi HA liên tục tại giường
1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
1457	Đặt, theo dõi máy tạo nhịp tạm thời
1458	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
1459	Chăm sóc catheter động mạch
1460	Thở máy xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau
1461	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản
1462	Thở oxy gọng kính
1463	Thở oxy qua mặt nạ
1464	Thở oxy qua ống chữ T
1465	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hỗng tràng
1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày
1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
1469	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa
1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)
	VIII. BỎNG
	A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG
1471	Chẩn đoán diện tích, độ sâu bỏng bằng thiết bị laser doppler (LDI)
1472	Thay băng điều trị bỏng nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em
1473	Thay băng điều trị bỏng sâu, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1474	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, trên 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em
1475	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ em.
1476	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1477	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1478	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stam), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1479	Ghép da tự thân kiểu mảnh siêu nhỏ (micro skin graft), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1480	Ghép da tự thân kiểu mảnh siêu nhỏ (micro skin graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1481	Ghép da tự thân kiểu hai lớp (sandwich), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1482	Ghép da tự thân kiểu hai lớp (sandwich), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1483	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
1484	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
1485	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ

1486	Sử dụng giường khí hóa lỏng điều trị người bệnh bỏng nặng
1487	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương, vết bỏng
1488	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương, vết bỏng
1489	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em
1490	Thay băng điều trị bỏng sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1491	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, dưới 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em
1492	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em.
1493	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1494	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1495	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stam), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1496	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
1497	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
1498	Cắt hoại tử toàn lớp – chuyển vạt da các loại để che phủ khuyết tổn điều trị bỏng sâu
1499	Ghép da đồng loại (da của người cho da, da tử thi)
1500	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng (tế bào sừng, nguyên bào sợi, tế bào gốc...)
1501	Sử dụng các sản phẩm từ nuôi cấy tế bào dạng dung dịch để điều trị vết thương, vết bỏng bỏng
1502	Cắt cụt chi thể cấp cứu, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn, đe doạ đến tính mạng.
1503	Cắt cụt chi thể trong điều trị, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn.
1504	Tháo khớp trong điều trị người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn
1505	Phẫu thuật khoan, đục xương chi thể, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương
1506	Sử dụng giường đệm tuần hoàn khí điều trị người bệnh bỏng nặng
1507	Tắm điều trị người bệnh bỏng
1508	Sử dụng oxy cao áp điều trị người bệnh bỏng
1509	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông theo chỉ định
1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
1511	Ghép da dị loại (da ếch, trung bì da lợn...).
1512	Rạch hoại tử bỏng sâu giải phòng chèn ép trong
1513	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu do dòng điện
1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi
1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
	B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MÃN TÍNH
1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính
1517	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính
1518	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính
1519	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính
1520	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính
	IX. MẮT
1521	Phẫu thuật rạch giác mạc nan hoa điều trị cận thị

1522	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
1523	Vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong ± dùng sụn sườn)
1524	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
1525	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù
1526	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) đặt IOL trên mắt độc nhất, gần mù
1527	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) ± IOL
1528	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
1529	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát
1530	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch
1531	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
1532	Phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
1533	Tháo dầu Silicon nội nhãn
1534	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc
1535	Cắt dịch kính + laser nội nhãn
1536	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc
1537	Cắt dịch kính, khí nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm
1538	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
1539	Lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính
1540	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn
1541	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính
1542	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy
1543	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính ± laser nội nhãn ± dầu/khí nội nhãn
1544	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
1545	Tháo đai độn củng mạc
1546	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên
1547	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mống mắt (Iridoplasty)
1548	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
1549	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi
1550	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser
1551	Phẫu thuật laser bệnh võng mạc sơ sinh (ROP)
1552	Mở bao sau đục bằng laser
1553	Laser hồng ngoại điều trị tật khúc xạ
1554	Laser excimer điều trị tật khúc xạ
1555	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
1556	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
1557	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
1558	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị
1559	Lấy thể tinh sa, lệch bằng phương pháp Phaco, phối hợp cắt dịch kính ± IOL
1560	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính ± cố định IOL
1561	Cắt thể thủy tinh, dịch kính ± cố định IOL
1562	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao ± IOL

1563	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
1564	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL ± cắt DK
1565	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
1566	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
1567	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
1568	Mở bao sau bằng phẫu thuật
1569	Ghép giác mạc xuyên
1570	Ghép giác mạc lớp
1571	Ghép giác mạc có vành củng mạc
1572	Ghép giác mạc xoay
1573	Ghép nội mô giác mạc
1574	Nối thông lệ mũi ± đặt ống Silicon ± áp MMC
1575	Nối thông lệ mũi nội soi
1576	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi
1577	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rìa tự thân, màng ối...) ± áp thuốc chống chuyển hóa (5FU hoặc MMC)
1578	Gọt giác mạc đơn thuần
1579	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
1580	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rìa hoặc màng ối
1581	Lấy dị vật hốc mắt
1582	Lấy dị vật trong củng mạc
1583	Lấy dị vật tiền phòng
1584	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
1585	Cắt mống mắt quang học ± tách dính phức tạp
1586	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách dính mi cầu
1587	Cố định màng xương tạo cùng đồ
1588	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
1589	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
1590	Nạo vét tổ chức hốc mắt
1591	Chích mủ mắt
1592	Ghép mỡ điều trị lõm mắt
1593	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
1594	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt
1595	Nâng sàn hốc mắt
1596	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả
1597	Tái tạo cùng đồ
1598	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính
1599	Đóng lỗ dò đường lệ
1600	Tạo hình đường lệ ± điểm lệ
1601	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden…)
1602	Phẫu thuật lác thông thường
1603	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
1604	Chỉnh chỉ sau phẫu thuật lác

1605	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
1606	Sửa sẹo sau phẫu thuật lác
1607	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
1608	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
1609	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
1610	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi…) điều trị sụp mi
1611	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi…)
1612	Cắt cơ Muller
1613	Lùi cơ nâng mi
1614	Kéo dài cân cơ nâng mi
1615	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
1616	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
1617	Phẫu thuật cắt cơ Muller ± cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
1618	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo
1619	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới
1620	Đặt chỉ trước bản sụn làm căng mi, rút ngắn mi hay phối hợp cả hai điều trị lật mi dưới
1621	Phẫu thuật mở rộng khe mi
1622	Phẫu thuật hẹp khe mi
1623	Phẫu thuật Epicanthus
1624	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) ± lấy mỡ dưới da mi
1625	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
1626	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V ± rút ngắn dây chằng mi trong)
1627	Điều trị di lệch góc mắt
1628	Phẫu thuật Doenig
1629	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
1630	Điện đông, lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
1631	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)
1632	Cắt bè có sử dụng thuốc chống chuyển hoá: Áp hoặc tiêm 5FU
1633	Cắt bè có sử dụng thuốc chống chuyển hoa: Áp Mytomycin C
1634	Cắt củng mạc sâu đơn thuần
1635	Rạch góc tiền phòng
1636	Mở bè ± cắt bè
1637	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm
1638	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
1639	Sửa vá sẹo bọng bằng kết mạc, màng ối, củng mạc
1640	Chọc hút dịch kính lấy bệnh phẩm
1641	Tiêm nội nhãn (kháng sinh, Avastin, corticoid...)
1642	Áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc
1643	Tiêm coctison điều trị u máu
1644	Áp lạnh điều trị u máu
1645	Laser điều trị U nguyên bào võng mạc

1646	Lạnh đông điều trị K võng mạc
1647	Laser điều trị u máu
1648	Ghép da dị loại độc lập
1649	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
1650	Rạch áp xe túi lệ
1651	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lí bề mặt giác mạc
1652	Đo thị giác tương phản
1653	Khám mắt và điều trị có gây mê
1654	Tập nhược thị
1655	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
1656	Cắt bỏ túi lệ
1657	Phẫu thuật mộng đơn thuần
1658	Lấy dị vật giác mạc
1659	Cắt bỏ chắp có bọc
1660	Khâu cò mi, tháo cò
1661	Chích dẫn lưu túi lệ
1662	Phẫu thuật lác thông thường
1663	Khâu da mi
1664	Khâu phục hồi bờ mi
1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
1666	Khâu phủ kết mạc
1667	Khâu giác mạc
1668	Khâu củng mạc
1669	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
1670	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc
1671	Lạnh đông thể mi
1672	Điện đông thể mi
1673	Bơm hơi tiền phòng
1674	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài
1675	Múc nội nhãn
1676	Cắt thị thần kinh
1677	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)
1678	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
1679	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
1680	Mổ quặm bẩm sinh
1681	Cắt chỉ khâu giác mạc
1682	Tiêm dưới kết mạc
1683	Tiêm cạnh nhãn cầu
1684	Tiêm hậu nhãn cầu
1685	Bơm thông lệ đạo
1686	Lấy máu làm huyết thanh
1687	Điện di điều trị

1688	Khâu kết mạc
1689	Lấy calci đông dưới kết mạc
1690	Cắt chỉ khâu kết mạc
1691	Đốt lông xiêu
1692	Bơm rửa lệ đạo
1693	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc
1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
1695	Rửa cùng đồ
1696	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)
1697	Bóc giả mạc
1698	Rạch áp xe mi
1699	Soi đáy mắt trực tiếp
1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
1701	Soi đáy mắt bằng Schepens
1702	Soi góc tiền phòng
1703	Cắt chỉ khâu da
1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
1706	Lấy dị vật kết mạc
1707	Khám mắt
	X. RĂNG HÀM MẶT
	A. RĂNG
1708	Phẫu thuật dịch chuyển dây thần kinh răng dưới để cấy ghép Implant
1709	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant
1710	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant
1711	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant
1712	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
1713	Đúc lồi cầu xương hàm dưới bằng Titanium
1714	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng
1715	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng
1716	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học
1717	Phẫu thuật điều trị khuyết hổng chẽ chân răng bằng màng sinh học
1718	Phẫu thuật điều trị khuyết hổng chẽ chân răng bằng màng sinh học, có ghép xương
1719	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng
1720	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng
1721	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học
1722	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học
1723	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc
1724	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vạt niêm mạc toàn phần
1725	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô
1726	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.

1727	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
1728	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
1729	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
1730	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
1731	Phẫu thuật nội nha - chia cắt chân răng
1732	Phục hồi cổ răng bằng Compomer
1733	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
1734	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
1735	Hàm giả tháo lắp có mối nối chính xác
1736	Hàm giả tháo lắp tựa trên thanh ngang
1737	Hàm phủ (overdenture)
1738	Chụp sứ Cercon
1739	Cầu sứ Cercon
1740	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
1741	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
1742	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
1743	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
1744	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
1745	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
1746	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
1747	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
1748	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
1749	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
1750	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
1751	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
1752	Chụp sứ Cercon gắn bằng cement trên Implant
1753	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
1754	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
1755	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
1756	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
1757	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
1758	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ cố định
1759	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ cố định
1760	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ cố định
1761	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ cố định
1762	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
1763	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
1764	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
1765	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định Forsus
1766	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định MARA

1767	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear
1768	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Facemask
1769	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup
1770	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
1771	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định Nance
1772	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
1773	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
1774	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng Microimplant
1775	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
1776	Nắn chỉnh răng ngầm sử dụng khí cụ cố định
1777	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
1778	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
1779	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
1780	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
1781	Nắn chỉnh trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm
1782	Làm dài thân răng lâm sàng bằng khí cụ cố định
1783	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
1784	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn quang trùng hợp
1785	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt trong
1786	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt ngoài
1787	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài tự buộc
1788	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài trực tiếp mặt ngoài
1789	Làm lún răng bằng khí cụ cố định
1790	Làm trồi răng bằng khí cụ cố định
1791	Đóng khoảng răng bằng khí cụ cố định
1792	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
1793	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng
1794	Phẫu thuật cấy ghép Implant
1795	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant
1796	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant
1797	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant
1798	Phẫu thuật nong rộng xương hàm để cấy ghép Implant
1799	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
1801	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
1803	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân
1804	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
1805	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
1806	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
1807	Phẫu thuật cắt cuống răng
1808	Cấy chuyển răng

1809	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
1810	Phẫu thuật làm dài thân răng lâm sàng
1811	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
1812	Phẫu thuật cắt bỏ 1 chân răng để bảo tồn răng
1813	Cắt lợi xơ cho răng mọc
1814	Cắt lợi di động để làm hàm giả
1815	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
1816	Phẫu thuật cắt phanh môi
1817	Phẫu thuật cắt phanh má
1818	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
1819	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
1820	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
1821	Phẫu thuật nạo túi quanh răng
1822	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
1823	Phẫu thuật ghép vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính
1824	Phẫu thuật ghép tổ chức liên kết dưới biểu mô làm tăng chiều cao lợi dính
1825	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant
1826	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
1827	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
1828	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô
1829	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương
1830	Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng
1831	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên
1832	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học
1833	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
1834	Điều trị áp xe quanh răng
1835	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser
1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer
1838	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser
1839	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
1840	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
1841	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser
1842	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite
1843	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng có sử dụng chốt chân răng bằng nhiều vật liệu khác nhau
1844	Veneer Composite trực tiếp
1845	Chụp tủy bằng MTA
1846	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
1847	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn
1848	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy

1849	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
1850	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
1851	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
1852	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)
1853	Điều trị tủy lại
1854	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tuỷ
1855	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
1856	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser
1857	Tẩy trắng răng nội tủy
1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay
1860	Chụp Composite
1861	Chụp thép
1862	Chụp sứ kim loại thường
1863	Chụp thép cẩn nhựa
1864	Cầu nhựa
1865	Cầu thép
1866	Cầu thép cẩn nhựa
1867	Cầu sứ kim loại thường
1868	Cùi đúc kim loại thường
1869	Inlay/Onlay kim loại thường
1870	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa dẻo
1871	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa dẻo
1872	Hàm khung kim loại
1873	Hàm khung Titanium
1874	Chụp Composite
1875	Chụp sứ Titanium
1876	Chụp sứ toàn phần
1877	Chụp sứ - Composite
1878	Chụp sứ kim loại quý
1879	Cầu sứ Titanium
1880	Cầu sứ kim loại quý
1881	Cầu sứ toàn phần
1882	Veneer Composite gián tiếp
1883	Veneer sứ
1884	Veneer sứ - Composite
1885	Cùi đúc Titanium
1886	Cùi đúc kim loại quý
1887	Inlay/Onlay Titanium
1888	Inlay/Onlay kim loại quý

1889	Inlay/Onlay sứ - Composite
1890	Inlay/Onlay sứ toàn phần
1891	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
1892	Đệm hàm giả nhựa dẻo
1893	Tháo chốt răng giả
1894	Tháo cầu răng giả
1895	Tháo chụp răng giả
1896	Máng Titanium tái tạo xương có hướng dẫn
1897	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
1898	Máng nâng khớp cắn
1899	Gắn band
1900	Lấy lại khoảng bằng khí cụ tháo lắp
1901	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
1902	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng tháo lắp
1903	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
1904	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
1905	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
1906	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
1907	Làm lún răng bằng khí cụ tháo lắp
1908	Làm trồi răng bằng khí cụ tháo lắp
1909	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
1910	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ tháo lắp
1911	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ tháo lắp
1912	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ tháo lắp
1913	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ tháo lắp
1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn
1916	Nhổ răng thừa
1917	Nhổ răng vĩnh viễn
1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
1919	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
1920	Nhổ chân răng vĩnh viễn
1921	Nhổ răng thừa
1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)
1923	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
1925	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite
1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng
1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
1928	Điều trị viêm quanh răng
1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)

1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite
1932	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
1933	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi {Ca(OH)2 }
1934	Máng hở mặt nhai
1935	Mài chỉnh khớp cắn
1936	Tháo chụp răng giả
1937	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hóa trùng hợp
1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp
1939	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
1943	Lấy tủy buồng răng sữa
1944	Điều trị tủy răng sữa
1945	Điều trị đóng cuống răng bằng $Ca(OH)_2$
1946	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
1947	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
1950	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)
1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam
1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite
1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)
1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)
1955	Nhổ răng sữa
1956	Nhổ chân răng sữa
1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
1958	Chích Apxe lợi trẻ em
1959	Điều trị viêm lợi trẻ em
1960	Chích áp xe lợi
1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng
1962	Máng chống nghiến răng
1963	Sửa hàm giả gãy
1964	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
1965	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
1966	Đệm hàm giả nhựa thường
1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
1968	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường
1969	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường
1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate
1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)

1973	Chụp nhựa
1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)
	B. HÀM MẶT
1975	Phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy
1976	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép
1977	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
1978	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
1979	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
1980	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
1981	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort II bằng chỉ thép
1982	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort II bằng nẹp vít hợp kim
1983	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu
1984	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort III bằng chỉ thép
1985	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort III bằng nẹp vít hợp kim
1986	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu
1987	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
1988	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
1989	Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
1990	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
1991	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
1992	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
1993	Phẫu thuật mở xương hàm trên một bên
1994	Phẫu thuật mở xương hàm trên hai bên
1995	Phẫu thuật mở xương hàm dưới một bên
1996	Phẫu thuật mở xương hàm dưới hai bên
1997	Phẫu thuật mở xương 2 hàm
1998	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
1999	Phẫu thuật nối ống tuyến điều trị rò tuyến nước bọt mang tai
2000	Phẫu thuật tạo đường dẫn trong miệng điều trị rò tuyến nước bọt mang tai
2001	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2002	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2003	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
2004	Phẫu thuật cắt đoạn xương hàm dưới không đặt nẹp giữ chỗ
2005	Phẫu thuật ghép xương với khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
2006	Phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
2007	Phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
2008	Phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
2009	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép xương - sụn tự thân
2010	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép vật liệu thay thế
2011	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng ghép xương - sụn tự thân
2012	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng vật liệu thay thế
2013	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt bằng vạt da cơ

2014	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
2015	Phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
2016	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm
2017	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức
2018	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít
2019	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
2020	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
2021	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
2022	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép
2023	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
2024	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
2025	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép
2026	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
2027	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
2028	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép
2029	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
2030	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
2031	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)
2032	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng chỉ thép
2033	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng nẹp vít hợp kim
2034	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu
2035	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép
2036	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
2037	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
2038	Điều trị u lợi bằng Laser
2039	Điều trị u lợi bằng áp lạnh
2040	Điều trị u sắc tố vùng hàm mặt bằng áp lạnh
2041	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
2042	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
2043	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt
2044	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
2045	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
2046	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm
2047	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
2048	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
2049	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
2050	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
2051	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
2052	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
2053	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
2054	Phẫu thuật điều trị u men xương hàm bằng kỹ thuật nạo
2055	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê

2056	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê
2057	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật
2058	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm
2059	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
2060	Điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới
2061	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
2062	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí
2063	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh
2064	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
2065	Phẫu thuật cắt lồi xương
2066	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
2067	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm
2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
2069	Nắn sai khớp thái dương hàm
2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
2073	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
	XI. TAI MŨI HỌNG
	A. TAI
2078	Cấy điện cực ốc tai
2079	Phẫu thuật tạo hình tái tạo lại hệ thống truyền âm
2080	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây VII
2081	Phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII
2082	Thay thế xương bàn đạp
2083	Khoét mê nhĩ
2084	Mở túi nội dịch tai trong
2085	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai
2086	Phẫu thuật điều trị rò mê đạo
2087	Phẫu thuật tạo hình tai giữa, tai ngoài do dị tật bẩm sinh
2088	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình
2089	Phẫu thuật cắt ống tai ngoài-vá da
2090	Phẫu thuật cấy máy trợ thính tai giữa
2091	Phẫu thuật tai trong/u dây thần kinh VII/u dây thần kinh VIII
2092	Phẫu thuật đỉnh xương đá
2093	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa
2094	Phẫu thuật tái tạo ống tai ngoài bằng xương tự thân hay xi măng sau mổ sào bào thượng nhĩ hở
2095	Phẫu thuật bít lấp hố mổ chỏm bằng xương và vạt Palva

2096	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng vật liệu tự thân hay tổng hợp
2097	Phẫu thuật chỉnh hình lại hốc mổ tiệt căn xương chũm
2098	Tạo hình ống tai ngoài phần xương
2099	Tạo hình phục hồi mũi hoặc tai từng phần: ghép, cấy hoặc tạo hình tại chỗ
2100	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não
2101	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên
2102	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm
2103	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ
2104	Vá nhĩ đơn thuần
2105	Phẫu thuật kiểm tra xương chũm
2106	Tạo hình khuyết bộ phận vành tai, vạt da có cuống
2107	Thủ thuật nong vòi nhĩ
2108	Đặt ống thông khí hòm tai
2109	Phẫu thuật mở hòm nhĩ, kiểm tra hệ thống truyền âm, gỡ xơ
2110	Phẫu thuật cắt vành tai
2111	Phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm
2112	Chỉnh hình tai giữa
2113	Phẫu thuật áp xe não do tai
2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai
2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương
2116	Thông vòi nhĩ
2117	Lấy dị vật tai
2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai
2119	Chích nhọt ống tai ngoài
2120	Làm thuốc tai
2121	Chích rạch màng nhĩ
2122	Đặt ống thông khí tại giữa
2123	Phẫu thuật đặt ống thông khí
2124	Phẫu thuật tăng cường màng nhĩ - đặt ống thông khí
2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)
2126	Đo điện thính giác thân não
	B. MŨI XOANG
2127	Phẫu thuật cắt thần kinh Vidienne
2128	Phẫu thuật vùng chân bướm hàm
2129	Thắt động mạch bướm-khẩu cái
2130	Thắt động mạch hàm trong
2131	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
2132	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
2133	Phẫu thuật lấy dị vật trong xoang, ổ mắt
2134	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau trẻ em
2135	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi
2136	Phẫu thuật rò vùng sống mũi

2137	Phẫu thuật xoang trán
2138	Thắt động mạch sàng
2139	Khâu lỗ thủng bịt vách ngăn mũi
2140	Khoan thăm dò xoang trán
2141	Phẫu thuật nạo sàng hàm
2142	Phẫu thuật Caldwell-Luc, phẫu thuật xoang hàm lấy răng
2143	Đốt cuốn mũi bằng coblator
2144	Phẫu thuật cuốn dưới bằng coblator
2145	Phẫu thuật vách ngăn mũi
2146	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí
2147	Phẫu thuật lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
2148	Nắn sống mũi sau chấn thương
2149	Nhét bấc mũi sau
2150	Nhét bấc mũi trước
2151	Đốt cuốn mũi
2152	Bẻ cuốn dưới
2153	Chọc rửa xoang hàm
2154	Làm Proetz
2155	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)
	C. HỌNG – THANH QUẢN
2156	Phẫu thuật nối khí quản tận-tận trong sẹo hẹp thanh khí quản
2157	Phẫu thuật cắt thanh quản và tái tạo hệ phát âm
2158	Phẫu thuật treo sụn phễu
2159	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần
2160	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần
2161	Phẫu thuật tạo hình sẹo hẹp thanh-khí quản
2162	Phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản
2163	Phẫu thuật đặt van phát âm thì II
2164	Phẫu thuật cắt túi thừa thực quản
2165	Nong hẹp thanh khí quản
2166	Phẫu thuật chỉnh hình chấn thương thanh quản
2167	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh cổ bên
2168	Phẫu thuật cắt dây thanh
2169	Phẫu thuật dính thanh quản
2170	Phẫu thuật chữa ngáy (UPPP, CAUP, LAUP)
2171	Phẫu thuật khâu lỗ thủng thực quản sau hóc xương
2172	Phẫu thuật chỉnh hình họng, màn hầu, lưỡi gà
2173	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản trong cắt thanh quản toàn phần
2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi
2175	Chích áp xe thành sau họng
2176	áp lạnh Amidan
2177	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi

2178	Lấy dị vật hạ họng
2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê
2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
2181	Chích áp xe quanh Amidan
2182	Đốt nhiệt họng hạt
2183	Đốt lạnh họng hạt
2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
2185	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản
2186	Bơm thuốc thanh quản
2187	Rửa vòm họng
2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe doạ ngạt thở
2189	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp
2190	Lấy dị vật họng miệng
2191	Khí dung mũi họng
	D. CỔ - MẶT
2192	Khâu nối thần kinh ngoại biên
2193	Phẫu thuật tái tạo vùng đầu-cổ bằng vạt da cân-cơ-xương
2194	Phẫu thuật chỉnh hình lưỡi gà-họng-màn hầu (UVPP)
2195	Cắt thanh quản hạ họng có tái tạo bằng vạt cân cơ
2196	Cắt thanh quản bán phần bằng laser
2197	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng
2198	Phẫu thuật tái tạo vùng đầu cổ mặt bằng vạt da cơ xương
2199	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII
2200	Phẫu thuật cắt bỏ u thành bên họng lan lên đáy sọ có kiểm soát bằng kính hiển vi và nội soi
2201	Phẫu thuật đi vào vùng chân bướm hàm
2202	Thắt động mạch bướm-khẩu cái
2203	Phẫu thuật giảm lồi mắt/ người bệnh Basedow
2204	Ghép vạt da cơ xương tự do trong tai mũi họng
2205	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản
2206	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong
2207	Phẫu thuật chấn thương xoang trán
2208	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh giáp móng
2209	Phẫu thuật mở khí quản sơ sinh, trường hợp không có nội khí quản
2210	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài
2211	Phẫu thuật lấy đường rò tai, cổ
2212	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi
2213	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt trên 5cm
2214	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp lỗ mũi trước
2215	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt dưới 5cm
2216	Phẫu thuật tuyến dưới hàm
2217	Ghép thanh khí quản đặt stent
2218	Cắt thanh quản có tái tạo phát âm

2219	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản
2220	Khâu phục hồi thanh quản do chấn thương
2221	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh
2222	FESS giải quyết các u lành tính
2223	Mổ dò khe mang các loại
2224	Phẫu thuật chỉnh hình khối mũi sàng
2225	Phẫu thuật chỉnh hình xương gò má
2226	Phẫu thuật cắt mỏm trám
2227	Phẫu thuật khâu phục hồi tổn thương phần mềm miệng, họng
2228	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII
2229	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII
2230	Phẫu thuật nang và rò khe mang I - bảo tồn dây VII
2231	Phẫu thuật cắt dò khe mang số 3 – 4 có cắt nửa tuyến giáp và bảo tồn dây thần kinh hồi quy
2232	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò khe mang II
2233	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rõ xoang lê (túi mang IV)
2234	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ
2235	Phẫu thuật tạo hình vòm miệng thủng sau mổ khe hở vòm miệng
2236	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng tạo vạt thành hầu
2237	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng
2238	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng
2239	Đốt họng bằng khí CO_2 (bằng áp lạnh)
2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê
2241	Cắt Amidan bằng coblator
2242	Nạo VA bằng coblator
2243	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ
2244	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe góc trong ổ mắt
2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
	XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH
2246	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
2247	Cắt cụt cổ tử cung
2248	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
2249	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
2250	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)
2251	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)
2252	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
2253	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
2254	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
2255	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu- sinh dục
2256	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
2257	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
2258	Chích áp xe tuyến Bartholin
2259	Dẫn lưu cùng đồ Douglas

2260	Chọc dò túi cùng Douglas
2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
2262	Lấy dị vật âm đạo
2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo
2264	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn
	XIII. NỘI KHOA
	A. THẦN KINH
2265	Phong bế ngoài màng cứng
	B. TIM MẠCH – HÔ HẤP
2266	Đặt máy tạo nhịp trong cơ thể, điện cực trong tim hoặc điện cực màng trên tim
2267	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn
2268	Thay máy tạo nhịp, bộ phận phát xung động
2269	Đốt vách liên thất bằng cồn
2270	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch
2271	Cấy máy theo dõi điện tim
2272	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng kích thích tim vượt tần số
2273	Lập trình máy tạo nhịp tim
2274	Lập trình máy tạo nhịp tim và máy phá rung
2275	Phá vách liên nhĩ
2276	Nong hẹp nhánh động mạch phổi
2277	Nong hẹp tĩnh mạch phổi
2278	Nong tĩnh mạch ngoại biên
2279	Đặt stent tĩnh mạch phổi
2280	Đặt stent hẹp eo động mạch chủ
2281	Thay van động mạch chủ qua da
2282	Thay van 2 lá qua da
2283	Đóng lỗ rò động mạch vành
2284	Đóng tuần hoàn bàng hệ qua da
2285	Sinh thiết tim cơ tim qua thông tim
2286	Lấy dị vật trong buồng tim
2287	Tách van động mạch phổi trong teo van động mạch phổi bằng sóng cao tần và bóng qua da
2288	Cấy tế bào gốc cơ tim
2289	Đóng các lỗ rò
2290	Đặt máy tạo nhịp tạm thời trong tim
2291	Đặt filter lọc máu tĩnh mạch chủ
2292	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio
2293	Đặt dù lọc máu động mạch
2294	Nong động mạch cảnh
2295	Nong động mạch ngoại biên
2296	Nong van động mạch chủ
2297	Nong hẹp eo động mạch chủ
2298	Nong van động mạch phổi

2299	Đặt stent động mạch vành
2300	Đặt stent động mạch cảnh
2301	Đặt stent động mạch ngoại biên
2302	Đặt stent động mạch thận
2303	Đặt stent ống động mạch
2304	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue
2305	Đặt bóng dội ngược động mạch chủ
2306	Đặt stent phình động mạch chủ
2307	Đặt stent hẹp động mạch chủ
2308	Nong rộng van tim
2309	Thông tim ống lớn và chụp buồng tim cản quang
2310	Khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch
2311	Đặt coil bít ống động mạch
2312	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp
2313	Nong mạch/đặt stent mạch các loại
2314	Tiêm xơ giãn tĩnh mạch hiển
2315	Điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch
2316	Gây xơ tĩnh mạch điều trị suy, giãn tĩnh mạch mãn tính
2317	Nút động mạch chữa rò động tĩnh mạch, phồng động mạch
2318	Nút động mạch kết hợp hóa chất điều trị ung thư gan trước phẫu thuật
2319	Nút động mạch kết hợp hóa chất điều trị ung thư thận trước phẫu thuật
2320	Thông động mạch cảnh trong, xoang hang
2321	Sốc điện điều trị rung nhĩ
2322	Đặt catheter qua màng nhẫn giáp lấy bệnh phẩm
2323	Nong khí quản, phế quản bằng ống nội soi cứng
2324	Gây dính màng phổi bằng các loại thuốc, hóa chất
2325	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
2326	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
2327	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính
2328	Chọc dò kén trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm
2329	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi
2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe
2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
	C. TIÊU HÓA
2334	Đặt stent đường mật, đường tuỵ
2335	Đặt dẫn lưu áp xe gan dưới siêu âm
2336	Nút động mạch kết hợp hóa chất điều trị ung thư gan, thận trước phẫu thuật; thông động mạch cảnh trong xoang hang
2337	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm
2338	Tiêm xơ tĩnh mạch thực quản
2339	Thắt tĩnh mạch thực quản

2340	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng
2341	Chọc hút tế bào gan dưới hướng dẫn siêu âm
2342	Sinh thiết gan bằng kim/ dụng cụ sinh thiết dưới siêu âm
2343	Tiêm thuốc điều trị nang gan dưới hướng dẫn siêu âm
2344	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan
2345	Hút dịch mật qua tá tràng
2346	Thắt vòng cao su và tiêm cầm máu qua nội soi
2347	Đốt trĩ bằng sóng cao tần và từ trường
2348	Đốt trĩ bằng máy ULTROID
2349	Tái truyền dịch cổ trướng
2350	Đặt dẫn lưu đường mật xuống tá tràng theo đường qua da
2351	Tiêm Ethanol vào u gan dưới hướng dẫn siêu âm.
2352	Chọc áp xe gan qua siêu âm
2353	Tiêm xơ điều trị trĩ
2354	Chọc dịch màng bụng
2355	Dẫn lưu dịch màng bụng
2356	Chọc hút áp xe thành bụng
2357	Thụt tháo phân
2358	Đặt sonde hậu môn
2359	Nong hậu môn
	D. THẬN- TIẾT NIỆU – LỌC MÁU
2360	Kỹ thuật chọc hút dịch nang đơn thận qua da phối hợp bơm cồn tuyệt đối làm xơ hóa nang dưới hướng dẫn của siêu âm
2361	Nong động mạch thận
2362	Dẫn lưu bể thận qua da dưới siêu âm
2363	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm
2364	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
2365	Lọc màng bụng chu kỳ
2366	Lọc hấp thụ (Hemoabsorption)
	Đ. CƠ – XƯƠNG – KHỚP
2367	Chọc dịch khớp
2368	Test STACLOTLA
2369	Test Schimer
2370	Test Rose Bengal
2371	Tiêm chất nhờn vào khớp
2372	Tiêm corticoide vào khớp
2373	Tiêm thuốc ngoài màng cứng
2374	Điều trị chứng loạn trương lực cơ toàn thể hoặc cục bộ (ví dụ vùng cổ gáy) bằng tiêm Dysport (Botulium)
2375	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Dysport
2376	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng sau tai biến mạch máu não bằng tiêm Dysport
2377	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng do bại não bằng tiêm Dysport

2378	Điều trị chứng giật mí mắt bằng tiêm Dysport (Botulium)
	E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
2379	Test lẩy da với các dị nguyên
2380	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da
2381	Phản ứng phân hủy Mastocyte
2382	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc
2383	Test nội bì
2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc
	G. TRUYỀN NHIỄM
2385	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng
2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng
	H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC
2387	Tiêm trong da
2388	Tiêm dưới da
2389	Tiêm bắp thịt
2390	Tiêm tĩnh mạch
2391	Truyền tĩnh mạch
	XIV. LAO (ngoại lao)
2392	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống cổ
2393	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực
2394	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng
2395	Phẫu thuật lao cột sống thắt lưng-cùng
2396	Phẫu thuật chỉnh hình đặt nẹp vít cột sống cổ
2397	Phẫu thuật chỉnh hình cột sống cổ có ghép xương tự thân do lao
2398	Phẫu thuật chỉnh hình cột sống cổ có nẹp vít cột sống do lao
2399	Phẫu thuật chỉnh hình có đặt lồng Titan và nẹp vít
2400	Phẫu thuật đặt lại khớp háng tư thế xấu do lao
2401	Phẫu thuật thay chỏm xương đùi do lao
2402	Phẫu thuật thay khớp háng do lao
2403	Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao
2404	Phẫu thuật thay khớp gối do lao
2405	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực
2406	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn
2407	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn
2408	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai
2409	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu
2410	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay
2411	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay
2412	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay
2413	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay
2414	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu
2415	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu

2416	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng
2417	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối
2418	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân
2419	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi
2420	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân
2421	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân
2422	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng do lao
2423	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao
2424	Bơm rửa ổ lao khớp
2425	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao
2426	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ
2427	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách
2428	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn
2429	Phẫu thuật thăm dò lao tinh hoàn /bìu
2430	Phẫu thuật chỉnh hình khớp vai bị dính do lao
2431	Phẫu thuật chỉnh hình khớp khuỷu bị dính do lao
2432	Phẫu thuật chỉnh hình khớp cổ-bàn tay bị dính do lao
2433	Phẫu thuật chỉnh hình khớp cổ-bàn chân bị dính do lao
2434	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ
2435	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực
2436	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu các khớp ngoại biên
2437	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ
2438	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách
2439	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn
	XV. UNG BƯỚU- NHI
	A. ĐẦU CỔ
2440	Nút động mạch để điều trị u máu ở vùng đầu và hàm mặt
2441	Cắt u máu, u bạch mạch vùng đầu phức tạp, khó
2442	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm
2443	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm
2444	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm
2445	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy vùng mặt, tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ đường kính 1-5cm
2446	Đốt lạnh u mạch máu vùng mặt cổ
2447	Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính dưới 5cm
2448	Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính trên 5cm
2449	Cắt u da vùng mặt, tạo hình.
2450	Cắt u vùng tuyến mang tai
2451	Cắt u phần mềm vùng cổ
2452	Cắt u nang bạch huyết vùngcổ
2453	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết
2454	Cắt nang giáp móng
2455	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên

2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm
2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm
	B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG
2459	Điều trị các u sọ não bằng dao gamma
2460	Cắt u não có sử dụng vi phẫu
2461	Cắt u não không sử dụng vi phẫu
2462	Cắt u não có sử dụng kỹ thuật định vị
2463	Cắt u não không sử dụng kỹ thuật định vị
2464	Phẫu thuật mổ u di căn lên não dưới kỹ thuật định vị
2465	Phẫu thuật mổ cắt u màng não đơn giản dưới kỹ thuật định vị
2466	Cắt u sọ hầu
2467	Cắt u vùng hố yên
2468	Cắt u hố sau u thuỳ Vermis
2469	Cắt u hố sau u góc cầu tiểu não
2470	Cắt u hố sau u tiểu não
2471	Cắt u hố sau u nguyên bào mạch máu
2472	Cắt u màng não nền sọ
2473	Cắt u não vùng hố sau
2474	Cắt u liềm não
2475	Cắt u lều tiểu não
2476	Cắt u não cạnh đường giữa
2477	Cắt u góc cầu tiểu não qua đường mê nhĩ
2478	Cắt u não thất
2479	Cắt u bán cầu đại não
2480	Cắt u tủy cổ cao
2481	Cắt u tuỷ
2482	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
2483	Cắt u vựng hang và u mạch não
2484	Cắt cột tủy sống trong u tủy
2485	Cắt u vùng đuôi ngựa
2486	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tuỷ
2487	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng
2488	Phẫu thuật dị dạng lạc chỗ tế bào thần kinh Hamartome
2489	Quang động học (PTD) trong điều trị u não ác tính
2490	Cắt u dây thần kinh ngoại biên
	C. HÀM – MẶT
2491	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp
2492	Cắt u mạch máu lớn vùng hàm mặt, khi cắt bỏ kèm thắt động mạch cảnh 1 hay 2 bên
2493	Cắt u mạch máu lớn trên 10 cm vùng sàn miệng, dưới hàm, cạnh cổ
2494	Cắt u nang men răng, ghép xương
2495	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5 cm

2496	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên
2497	Cắt u dây thần kinh số VIII
2498	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
2499	Cắt ung thư hàm trên, hàm dưới kèm vét hạch, tạo hình bằng vạt da, cơ
2500	Cắt bỏ u xương thái dương
2501	Cắt bỏ u xương thái dương - tạo hình vạt cơ da
2502	Cắt ung thư hàm trên kèm hố mắt và xương gò má
2503	Cắt chậu sàn miệng, tạo hình và vét hạch cổ
2504	Vét hạch cổ bảo tồn
2505	Vét hạch cổ, truyền hóa chất động mạch cảnh
2506	Cắt ung thư vòm khẩu cái, tạo hình
2507	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
2508	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản
2509	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt
2510	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mặt
2511	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt
2512	Cắt u cơ vùng hàm mặt
2513	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm
2514	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm
2515	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm
2516	Cắt nang xương hàm khó
2517	Cắt u môi lành tính có tạo hình
2518	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
2519	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi
2520	Cắt u tuyến nước bọt phụ
2521	Cắt u tuyến nước bọt mang tai
2522	Cắt nang vùng sàn miệng
2523	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm
2524	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vạt tại chỗ
2525	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vạt tại chỗ
2526	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc
2527	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ
2528	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt từ xa
2529	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
2530	Vét hạch dưới hàm đặt catheter động mạch lưỡi để truyền hóa chất
2531	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm
2532	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
2533	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm
2534	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm
2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
2537	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm

2538	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm
	D. MẮT
2539	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
2540	Cắt u nội nhãn
2541	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt
2542	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ
2543	Cắt u mi cả bề dày không vá
2544	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
2545	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
2546	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
2547	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
2548	Cắt u kết mạc, giác mạc không vá
2549	Cắt u kết mạc không vá
2550	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
2551	Cắt u tiền phòng
2552	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt
2553	Cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng …
2554	Nạo vét tổ chức hốc mắt
	Đ. TAI – MŨI – HỌNG
2555	Mở đường dưới thái dương (Ugo-Fish) lấy khối u xơ vòm mũi họng
2556	Cắt ung thư lưỡi, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
2557	Cắt ung thư lưỡi - sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
2558	Cắt một nửa lưỡi + vét hạch cổ
2559	Cắt bán phần lưỡi có tạo hình bằng vạt cân cơ
2560	Cắt u vùng họng miệng có tạo hình
2561	Cắt thanh quản bán phần
2562	Cắt hạ họng bán phần
2563	Cắt toàn bộ hạ họng-thực quản, tái tạo ống họng thực quản bằng dạ dày-ruột
2564	Cắt u khoảng bên họng lan đáy sọ
2565	Cắt u họng - thanh quản bằng laser
2566	Cắt u thành họng bên có nạo hoặc không nạo hạch cổ
2567	Phẫu thuật u sàng hàm lan đáy sọ phối hợp đường cạnh mũi và đường Bicoronal
2568	Cắt u dây thần kinh VIII
2569	Cắt u xơ vòm mũi họng
2570	Cắt u thành bên lan lên đáy sọ
2571	Cắt lạnh u máu hạ thanh môn
2572	Cắt ung thư tai-xương chũm và nạo vét hạch
2573	Cắt bỏ ung thư Amidan và nạo vét hạch cổ
2574	Cắt toàn bộ thanh quản và một phần họng có vét hạch hệ thống
2575	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser
2576	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản
2577	Cắt u nhú thanh quản bằng laser

2578	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
2579	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ
2580	Rút ống nong thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản
2581	Cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn
2582	Cắt u lưỡi qua đường miệng
2583	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 1 bên
2584	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 2 bên
2585	Cắt u hạ họng qua đường cổ bên
2586	Cắt u màn hầu có tạo hình vạt cân cơ niêm mạc
2587	Cắt u amidan qua đường miệng
2588	Cắt u nang cằm ức
2589	Cắt u bạch mạch vùng cổ
2590	Cắt u máu vùng cổ
2591	Cắt u biểu bì vùng cổ
2592	Cắt u nhái sàn miệng
2593	Cắt tuyến nước bọt dưới lưỡi
2594	Cắt tuyến nước bọt dưới hàm
2595	Cắt u tuyến nước bọt phụ qua đường miệng
2596	Cắt ung thư amidan/thanh quản và nạo vét hạch cổ
2597	Tạo hình cánh mũi do ung thư
2598	Cắt ung thư sàng hàm chưa lan rộng
2599	Cắt lạnh u máu vùng tai mũi họng
2600	Cắt u lành thanh quản bằng laser
2601	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser
2602	Cắt u cuộn cảnh
2603	Cắt bỏ khối u màn hầu
2604	Cắt u lành tính dây thanh
2605	Cắt u lành tính thanh quản
2606	Cắt khối u khẩu cái
2607	Cắt u thành sau họng
2608	Cắt u thành bên họng
2609	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi
2610	Cắt u xương ống tai ngoài
2611	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm
2612	Súc rửa vòm họng trong điều trị xạ trị
2613	Cắt polyp ống tai
2614	Cắt polyp mũi
	E. LỒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI
2615	Cắt khối u tim
2616	Cắt u nhầy tim
2617	Cắt u trung thất
2618	Cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch 1 bên lồng ngực

2619	Cắt một phổi do ung thư
2620	Cắt một thuỳ kèm cắt một phân thuỳ điển hình do ung thư
2621	Cắt phổi không điển hình do ung thư
2622	Cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại
2623	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản
2624	Cắt 2 thuỳ phổi 2 bên lồng ngực trong một phẫu thuật
2625	Cắt thuỳ phổi hoặc cắt lá phổi kèm vét hạch trung thất
2626	Cắt thuỳ phổi hoặc cắt lá phổi kèm cắt một mảng thành ngực
2627	Cắt phổi và cắt màng phổi
2628	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu lớn
2629	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10cm
2630	Cắt u màng tim
2631	Cắt một thuỳ phổi hoặc một phân thuỳ phổi do ung thư
2632	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
2633	Phẫu thuật cắt kén màng tim
2634	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản
2635	Phẫu thuật bóc kén màng phổi
2636	Phẫu thuật cắt kén khí phổi
2637	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi
2638	Phẫu thuật vét hạch nách
2639	Cắt u xương sườn nhiều xương
2640	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10cm
2641	Phẫu thuật bóc u thành ngực
2642	Cắt một phần cơ hoành
2643	Cắt u xương sườn 1 xương
2644	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính dưới 5 cm
	G. TIÊU HÓA – BỤNG
2645	Cắt u lành thực quản
2646	Tạo hình thực quản (do ung thư & bệnh lành tính)
2647	Cắt bỏ thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình ngay
2648	Cắt bỏ u thực quản, cắt tạo hình dạ dày - miệng nối thực quản dạ dày (Phẫu thuật Lewis-Santy hoặc phẫu thuật Akiyama)
2649	Các phẫu thuật điều trị ung thư tá tràng
2650	Cắt 3/4 dạ dày do u do ung thư
2651	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư
2652	Cắt lại dạ dày do ung thư
2653	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non
2654	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư
2655	Cắt lại đại tràng do ung thư
2656	Cắt đoạn trực tràng do ung thư
2657	Cắt cụt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn
2658	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn

2659	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hoá
2660	Cắt 2/3 dạ dày do ung thư
2661	Cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống
2662	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo
2663	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma nối ngay
2664	Cắt một nửa đại tràng phải, trái
2665	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới
2666	Cắt u sau phúc mạc
2667	Cắt u mạc treo có cắt ruột
2668	Cắt u mạc treo không cắt ruột
2669	Cắt u thượng thận
2670	Cắt đoạn ruột non do u
2671	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u
2672	Cắt u nang mạc nối lớn
2673	Cắt u vùng cùng cụt đường mổ cùng cụt
2674	Cắt u vùng cùng cụt +tiểu khung+ ổ bụng kết hợp đường bụng và đường cùng cụt
2675	Mở thông dạ dày ra da do ung thư
	H. GAN – MẬT – TỤY
2676	Cắt gan phải do ung thư
2677	Cắt gan trái do ung thư
2678	Cắt gan phải mở rộng do ung thư
2679	Cắt gan trái mở rộng do ung thư
2680	Cắt gan không điển hình-Cắt gan lớn do ung thư
2681	Đốt nhiệt cao tần khối u ác tính vùng đầu tuỵ
2682	Đốt nhiệt cao tần điều trị ung thư gan qua hướng dẫn của siêu âm, qua phẫu thuật nội soi
2683	Cắt gan có phối hợp đốt nhiệt cao tần trên đường cắt gan
2684	Cắt đường mật ngoài gan điều trị ung thư ống mật chủ
2685	Cắt chỏm nang gan
2686	Cắt gan không điển hình-Cắt gan nhỏ do ung thư
2687	Nối mật-Hỗng tràng do ung thư
2688	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư
2689	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm
2690	Nút mạch hóa chất điều trị ung thư gan (TOCE)
2691	Đốt nhiệt sóng cao tần điều trị ung thư gan
2692	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ
2693	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật
2694	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mở bụng
2695	Cắt phân thuỳ gan
2696	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách
2697	Cắt bỏ khối u tá tuỵ
2698	Cắt thân và đuôi tuỵ
2699	Cắt lách do u, ung thư,

	I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC
2700	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang
2701	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang
2702	Cắt rộng u niệu đạo, vét hạch
2703	Cắt tinh hoàn bằng xạ trị cho điều trị ung thư tinh hoàn
2704	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư
2705	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vét hạch hai bên
2706	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư
2707	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung
2708	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường bài xuất
2709	Cắt một phần bàng quang
2710	Cắt u tinh hoàn có sinh thiết trong mổ
2711	Cắt u phần mềm bìu
2712	Cắt u thận lành
2713	Cắt ung thư thận
2714	Cắt u thận kèm lấy huyết khối tĩnh mạch chủ dưới
2715	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
2716	Cắt u bàng quang đường trên
2717	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang
2718	Cắt bỏ dương vật ung thư có vét hạch
2719	Cắt u sùi đầu miệng sáo
2720	Cắt u lành dương vật
	K. PHỤ KHOA
2721	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
2722	Cắt bỏ tạng trong tiểu khung, từ 2 tạng trở lên
2723	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng
2724	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng
2725	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng
2726	Cắt cụt cổ tử cung
2727	Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt toàn bộ tử cung và mạc nối lớn
2728	Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
2729	Cắt u nang buồng trứng xoắn
2730	Cắt u nang buồng trứng
2731	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ
2732	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
2733	Cắt u thành âm đạo
2734	Bóc nang tuyến Bartholin
2735	Cắt u vú lành tính
2736	Mổ bóc nhân xơ vú
	L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP
2737	Cắt ung thư biểu mô vùng mặt + tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ đường kính từ 5cm trở lên
2738	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương

2739	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó
2740	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương
2741	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương
2742	Cắt u máu trong xương
2743	Tháo khớp vai do ung thư chi trên
2744	Cắt cụt cánh tay do ung thư
2745	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư
2746	Tháo khớp cổ tay do ung thư
2747	Tháo khớp háng do ung thư chi dưới
2748	Cắt cụt cẳng chân do ung thư
2749	Cắt cụt đùi do ung thư chi dưới
2750	Tháo khớp gối do ung thư
2751	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư
2752	Tháo khớp cổ chân do ung thư
2753	Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan
2754	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng mặt, Phẫu thuật Mohs
2755	Cắt ung thư biểu mô vùng mặt + tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ đường kính dưới 5cm
2756	Cắt u xơ cơ xâm lấn
2757	Cắt u thần kinh
2758	Cắt u xương, sụn
2759	Cắt chi và vét hạch do ung thư
2760	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
2761	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm
2762	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên 10cm
2763	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
2764	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng mặt, đóng khuyết da
2765	Cắt u bạch mạch đường kính dưới 10 cm
2766	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm
2767	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm
2768	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)
2769	Cắt u bao gân
2770	Cắt u xương sụn lành tính
	M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU
2771	Phẫu xạ trị
2772	Xạ trị bằng máy gia tốc
2773	Điều trị hóa chất tân bổ trợ với Taxol
2774	Tia xạ điều trị ung thư tuyến giáp
2775	Tia xạ điều trị ung thư tuyến yên
2776	Tia xạ điều trị ung thư tuyến thượng thận
2777	Điều trị ung thư bằng nguồn áp sát
2778	Điều trị ung thư bằng các đồng vị phóng xạ
2779	Xạ trị bằng máy Rx

2780	Xạ trị bằng máy P32
2781	Xạ trị áp sát liều thấp
2782	Xạ trị áp sát liều cao
2783	Xạ trị phối hợp đồng thời với hóa chất
2784	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng tia xạ
2785	Điều trị bướu giáp đơn nhân độc bằng I ^{131}
2786	Điều trị bướu giáp đa nhân độc bằng I ^{131}
2787	Truyền hóa chất liều cao kết hợp với truyền tế bào nguồn
2788	Bơm tiêm hóa chất vào khoang nội tuỷ
2789	Bơm truyền hóa chất liên tục (12-24 giờ) với máy infuso Mate-P
2790	Truyền hóa chất vào ổ bụng
2791	Truyền hóa chất màng phổi
2792	Truyền hóa động mạch
2793	Truyền hóa chất tĩnh mạch
2794	Tiêm truyền hóa chất độ tế bào đường tĩnh mạch, động mạch điều trị ung thư
2795	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư
2796	Điều trị hóa chất triệu chứng
2797	Điều trị hóa chất giảm đau cho người bệnh giai đoạn cuối
2798	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi
2799	Điều trị u máu bằng hóa chất
2800	Xạ trị bằng máy Cobalt
2801	Xạ trị liều cao nhằm giảm đau trong di căn
2802	Điều trị bệnh Basedow bằng I ^{131}
2803	Điều trị bướu cổ dơn thuần bằng I^{131}
2804	Điều trị K giáp biệt hóa sau phẫu thuật bằng I^{131}
2805	Điều trị giảm đau cho bệnh nhân ung thư
2806	Chọc hút tế bào chẩn đoán
2807	Sinh thiết khối u bằng kim nhỏ
2808	Sinh thiết khối u ở sâu bằng kim có nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
2809	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ
2810	Thu hoạch tế bào gốc từ tủy xương
2811	Thu hoạch tế bào gốc từ máu cuống rốn
2812	Thu hoạch tế bào gốc từ máu ngoại vi
2813	Truyền tế bào gốc qua tĩnh mạch trung tâm
2814	Đặt Hickmancatheter
2815	Sinh thiết tủy xương
2816	Điều trị giảm đau không dùng thuốc
2817	Chăm sóc loét miệng cho bệnh nhân ung thư
2818	Nút mạch điều trị khối u
2819	Kỹ thuật xử lý tế bào gốc trước truyền
2820	Siêu âm tim tại giường
	N. KỸ THUẬT KHÁC

2821	Đổ khuôn đúc chì che chắn các cơ quan quan trọng trong trường chiếu xạ
2822	Làm mặt nạ cố định đầu người bệnh
2823	Truyền ghép tủy tự thân và ngoại lai
2824	Đặt kim, ống radium, cesium, iridium vào cơ thể người bệnh
2825	Mô phỏng cho điều trị xạ trị
2826	Lập trình xạ trị ngoài bằng máy mô phỏng
2827	Lập trình xạ trị trong bằng máy mô phỏng
2828	Điện đông bằng thiết bị plasma hóa điều trị u máu và các u nhỏ lành tính ngoài da
2829	Lập kế hoạch xạ trị bằng vi tính (T.P.S)
	XVI. NỘI TIẾT
	A. NGOẠI KHOA
	1. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết
2830	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong K giáp và vét hạch cổ 2 bên
2831	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
2832	Cắt u tuyến Tùng
2833	Bóc nhân tuyến giáp
2834	Bóc nhân độc tuyến giáp
2835	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2836	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
2837	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong K giáp
2838	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong K giáp có vét hạch cùng bên
2839	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2840	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2841	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2842	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2843	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong K giáp (Không nạo vét hạch cổ 2 bên)
2844	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow
2845	Cắt 1 phần tuyến giáp trong bệnh basedow
2846	Cắt tuyến ức
2847	Dẫn lưu áp xe tuỵ
2848	Cắt bỏ khối u tá tuỵ
2849	Cắt thân và đuôi tuỵ
2850	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách
2851	Cắt u nang tuỵ, không cắt tuỵ có dẫn lưu
2852	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
2853	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên
2854	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên
2855	Cắt u lành tuyến tiền liệt đường bụng
2856	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang
2857	Cắt bỏ tinh hoàn ung thư lạc chỗ có hoặc không vét hạch ổ bụng
2858	Cắt bỏ tinh hoàn và vét hạch ổ bụng
2859	Cắt bỏ tinh hoàn

	2. Phẫu thuật bằng dao cắt siêu âm (DCSA) các tuyến nội tiết
2860	Cắt u tuyến yên bằng DCSA
2861	Cắt u tuyến Tùng bằng DCSA
2862	Bóc nhân tuyến giáp bằng DCSA
2863	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong K giáp và vét hạch cổ 2 bên bằng DCSA
2864	Cắt tuyến ức bằng DCSA
2865	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng DCSA
2866	Bóc nhân độc tuyến giáp bằng DCSA
2867	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng DCSA
2868	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng DCSA
2869	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong K giáp bằng DCSA
2870	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong K giáp có vét hạch cùng bên bằng DCSA
2871	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng DCSA
2872	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng DCSA
2873	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng DCSA
2874	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng DCSA
2875	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong K giáp (Không nạo vét hạch cổ 2 bên) bằng DCSA
2876	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow bằng DCSA
2877	Cắt 1 phần tuyến giáp trong bệnh basedow bằng DCSA
2878	Cắt bỏ khối u tá tuỵ bằng DCSA
2879	Cắt thân và đuôi tuỵ bằng DCSA
2880	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách bằng DCSA
2881	Cắt u nang tuỵ, không cắt tuỵ có dẫn lưu bằng DCSA
2882	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng DCSA
2883	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng DCSA
2884	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng DCSA
2885	Cắt u lành tuyến tiền liệt đường bụng bằng DCSA
2886	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang bằng DCSA
2887	Cắt bỏ tinh hoàn ung thư lạc chỗ có hoặc không vét hạch ổ bụng bằng DCSA
2888	Cắt bỏ tinh hoàn và vét hạch ổ bụng bằng DCSA
2889	Cắt bỏ tinh hoàn bằng DCSA
	B. NỘI KHOA
2890	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp
2891	Tiêm cồn tuyết đối để điều trị nhân tuyến giáp
	XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ
	A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ
2892	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân
2893	Điều trị bằng tia tử ngoại từng phần
2894	Điều trị bằng tia hồng ngoại toàn thân
2895	Điều trị bằng tia hồng ngoại từng phần
2896	ánh sáng xanh trị liệu
2897	Đắp mặt nạ điều trị

2898	Đắp mặt nạ dưỡng da
2899	Chăm sóc da điều trị
2900	Chăm sóc da thẩm mỹ
2901	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
2902	Xông hơi nước, ozôn
	B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ
	1. Trán
2903	Phẫu thuật tái tạo trán lõm bằng xi măng xương
	2. Mặt
2904	Phẫu thuật tạo hình khe hở chéo mặt 1 bên
2905	Phẫu thuật tạo hình khe hở chéo mặt 2 bên
2906	Bộ phận giả tái tạo khuyết hổng hàm mặt
2907	Phẫu thuật chỉnh hình sửa khung xương hàm, mặt
2908	Phãu thuật tái tạo xương gò má bằng xi măng xương
2909	Phẫu thuật chỉnh hình sửa gò má - cung tiếp
2910	Phẫu thuật chỉnh hình sửa góc hàm - thân xương hàm dưới
	3. Mắt
2911	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
2912	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi
2913	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi
2914	Phẫu thuật điều trị hở mi
2915	Phẫu thuật chuyển gân điều trị trễ mi
2916	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới
2917	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
2918	Mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hổng hàm mặt
2919	Phẫu thuật tạo hình mi mắt toàn bộ
2920	Phẫu thuật tạo hình mi mắt từng phần
2921	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh
2922	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí
2923	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt
	4. Môi
2924	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ
2925	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần
2926	Phẫu thuật tạo hình môi kết hợp các bộ phận xung quanh
2927	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII
2928	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi
2929	Phẫu thuật tạo hình môi, mũi cho người bệnh đã mổ khe hở môi
	5. Tai
2930	Làm tai giả
2931	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai
2932	Phẫu thuật tạo hình từng phần vành tai
2933	Phẫu thuật tạo hình vành tai kết hợp các bộ phận xung quanh

2934	Cắt sụn thừa nắp tai
2935	Phẫu thuật tai vểnh
2936	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng cấy ghép sụn sườn tự thân
	6. Mũi
2937	Làm mũi giả
2938	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ
2939	Phẫu thuật tạo hình mũi từng phần
2940	Phẫu thuật tạo hình mũi kết hợp các bộ phận xung quanh
2941	Phẫu thuật nâng cánh mũi bị sập
2942	Phẫu thuật thu nhỏ chóp mũi
2943	Phẫu thuật chỉnh sửa chóp mũi (hếch, khoằm, nhọn...)
	7. Bụng
2944	Phẫu thuật tạo hình rốn
2945	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản
2946	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp
	8. Sinh dục
2947	Phẫu thuật tạo hình dương vật bằng các vạt da tự do
2948	Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật
	9. Các kỹ thuật chung
2949	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Tạo hình phức tạp
2950	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Tạo hình phức tạp
2951	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng ghép da tự do
2952	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt có cuống
2953	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ
2954	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt hình trụ
2955	Phẫu thuật hút mỡ và bơm mỡ tự thân điều trị teo da
2956	Phẫu thuật hút mỡ và bơm mỡ tự thân thẩm mỹ
2957	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi phức tạp
2958	Tiêm Acid polylactic điều trị teo lớp mỡ dưới da
2959	Tiêm Acid hyaluronic làm đầy nếp nhăn, sẹo lõm
2960	Xóa xăm bằng Laser YaG, Rubi, IPL, ...
2961	Tái tạo da mặt bằng hóa chất
2962	Tái tạo da mặt bằng Laser
2963	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...
2964	Xăm da che phủ các khiếm khuyết về da
2965	Xóa xăm bằng Laser CO2
2966	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi đơn giản
2967	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản
2968	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Cắt khâu đơn giản
2969	Điều trị sẹo xấu bằng Laser
2970	Điều trị sẹo xấu bằng sóng cao tần
2971	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất

2972	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung
2973	Điều trị sẹo lõm bằng chấm TCA
2974	Điều trị sẹo lõm bằng giải phóng các dải xơ dính
2975	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic
	C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BỎNG
2976	Phẫu thuật tạo hình sau bỏng vùng mặt
2977	Phẫu thuật tạo hình co rút bàn tay sau bỏng
2978	Phẫu thuật tạo hình co rút hệ vận động sau bỏng
2979	Phẫu thuật tạo hình co rút nếp gấp tự nhiên sau bỏng
2980	Phẫu thuật tạo hình sinh dục sau bỏng
2981	Phẫu thuật cấy ghép tóc, lông mày điều trị di chứng bỏng
2982	Phẫu thuật cắt sẹo bỏng, ghép da dày toàn lớp kiểu Wolf-Kraun
2983	Phẫu thuật đặt túi giãn da các cỡ điều trị sẹo bỏng
2984	Lấy túi giãn da, cắt bỏ sẹo bỏng, tạo hình ổ khuyết phần mềm
2985	Chuyển vạt da tại chỗ đơn giản điều trị sẹo bỏng
2986	Chuyển vạt da xoay, chợt phức tạp điều trị sẹo bỏng
2987	Chuyển vạt da có cuống mạch nuôi điều trị sẹo bỏng
2988	Ghép xương, mỡ và các vật liệu khác điều trị sẹo bỏng
2989	Sử dụng các sản phẩm từ nuôi cấy tế bào hỗ trợ điều trị sẹo bỏng
2990	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo bỏng khâu kín
	XVIII. DA LIỄU
	A. NỘI KHOA DA LIỄU
2991	Tái tạo da mặt bằng hóa chất
2992	Điều trị bệnh da bằng tia tử ngoại toàn thân
2993	Điều trị bệnh da bằng tia tử ngoại từng phần
2994	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại toàn thân
2995	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại từng phần
2996	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
2997	Ánh sáng xanh trị liệu bệnh da
2998	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da
2999	Chăm sóc da điều trị bệnh da
3000	Điện đông các khối u lành tính ngoài da
3001	Quang đông các khối u lành tính ngoài da
3002	Áp nitơ lỏng các khối u lành tính ngoài da
3003	Điều trị sẹo xấu bằng sóng cao tần
3004	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng
3005	Tiêm nội sẹo, nội thương tổn
3006	Ga giường bột tale điều trị bệnh da
3007	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson
3008	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất
3009	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic
3010	Chấm TCA điều trị sẹo lõm

	B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU
3011	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser: YAG-KTP, Argon...
3012	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...
3013	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3014	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3015	Điện di điều trị chứng ra nhiều mồ hôi nách, tay, chân
3016	Tiêm Botulinum toxin điều trị chứng ra nhiều mồ hôi nách, tay, chân
3017	Tái tạo da mặt bằng Laser
3018	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...
3019	Điều trị sùi mào gà (gây tê tủy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3020	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3021	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng
3022	Plasma hóa các khối u lành tính ngoài da
3023	Thay băng người bệnh chợt, loét da dưới 20% diện tích cơ thể
3024	Thay băng người bệnh chợt, loét da trên 20% diện tích cơ thể
3025	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể
3026	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể
3027	Điều trị sẹo xấu bằng Laser
3028	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung
3029	Cắt các dải xơ dính điều trị sẹo lõm
3030	Phẫu thuật móng: bóc móng, móng chọc thịt, móng cuộn...
3031	Chích rạch áp xe nhỏ
3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu
3033	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương
3034	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương
3035	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3036	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3037	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ
3038	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3039	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3040	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3041	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3042	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3043	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3044	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3045	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3046	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3047	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
3048	Điều trị bớt sùi da đầu <0.5cm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng
	XIX. NGOẠI KHOA
	A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO
3049	Tạo hình hộp sọ

3050	Phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ
3051	Nối mạch máu trong và ngoài hộp sọ
3052	Phẫu thuật phình động mạch não, dị dạng mạch não
3053	Thông động mạch cảnh xoang hang (Brooks)
3054	Phẫu thuật gẫy trật đốt sống cổ, mỏm nha
3055	Phẫu thuật điều trị động kinh dưới kỹ thuật định vị
3056	Phẫu thuật cắt u não không dùng hệ thống định vị
3057	Phẫu thuật cắt u não dùng hệ thống định vị
3058	Phẫu thuật lấy dị vật trong não/tủy sống
3059	Khoan sọ thăm dò
3060	Ghép khuyết xương sọ
3061	Chọc dò dưới chẩm
3062	Dẫn lưu não thất
3063	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng
3064	Phẫu thuật áp xe não
3065	Phẫu thuật thoát vị não và màng não
3066	Phẫu thuật tràn dịch não, nang nước trong hộp sọ
3067	Phẫu thuật viêm xương sọ
3068	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não
3069	Khâu vết thương xoang tĩnh mạch dọc trên, xoang tĩnh mạch trên, xoang hơi trán
3070	Phẫu thuật vết thương sọ não hở
3071	Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp
3072	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng
3073	Phẫu thuật giải phóng chèn ép tủy
3074	Nhấc xương đầu lún qua da ở trẻ em dưới 1 tuổi
3075	Phẫu thuật nhấc xương lún
3076	Bơm rửa khoang não thất
3077	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên
3078	Đặt catheter não đo áp lực trong não
3079	Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm
3080	Phẫu thuật thoát vị màng não tủy vùng lưng/cùng cụt chưa vỡ
3081	Phẫu thuật thoát vị màng não tủy vùng lưng/cùng cụt đã vỡ, nhiễm trùng
3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu
3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
	B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC
	1. Tim
3084	Ghép tim
3085	Phẫu thuật thất 1 buồng
3086	Phẫu thuật ghép van tim đồng loại (hemograft)
3087	Phẫu thuật tim loại Blalock
3088	Phẫu thuật lại sửa toàn bộ các dị tật tim bẩm sinh
3089	Phẫu thuật thất phải 2 đường ra

3090	Cắt màng ngoài tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt
3091	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ
3092	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất
3093	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh tứ chứng Fallot
3094	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh vỡ xoang Valsava
3095	Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất toàn phần
3096	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý hẹp phổi và vách liên thất kín
3097	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý teo phổi và vách liên thất kín
3098	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý teo van và/hoặc thân-nhánh động mạch phổi và vách liên thất hở
3099	Phẫu thuật sửa chữa hẹp đường ra thất phải đơn thuần
3100	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý không có van động mạch phổi bẩm sinh kèm theo thương tổn trong tim
3101	Phẫu thuật sửa chữa trong bệnh lý hẹp đường ra thất trái loại Konno hoặc Ross-Konno
3102	Phẫu thuật Norwood trong hội chứng thiểu sản tim trái
3103	Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất
3104	Phẫu thuật dạng Fontan trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất
3105	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong một thì của bệnh lý hẹp eo động mạch chủ kèm theo các thương tổn trong tim
3106	Phẫu thuật sửa van hai lá tim bẩm sinh
3107	Phẫu thuật sửa và tạo hình van động mạch chủ trong bệnh lý van động mạch chủ bẩm sinh
3108	Phẫu thuật dạng DKS trong các bệnh lý một tâm thất
3109	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong một thì của bệnh lý gián đoạn quai động mạch chủ kèm theo theo các thương tổn trong tim
3110	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh lý thân chung động mạch
3111	Phẫu thuật sửa chữa toàn bộ bệnh lý cửa sổ chủ-phổi
3112	Phẫu thuật sửa chữa bất thường xuất phát của một động mạch phổi từ động mạch chủ
3113	Phẫu thuật sửa chữa các bất thường xuất phát của động mạch vành
3114	Phẫu thuật sửa chữa kinh điển của bệnh lý chuyển gốc động mạch có sửa chữa
3115	Phẫu thuật sửa chữa sinh lý của bệnh lý chuyển gốc động mạch có sửa chữa
3116	Phẫu thuật sửa chữa bệnh lý hẹp các tĩnh mạch phổi
3117	Phẫu thuật sửa chữa các bất thường của tĩnh mạch hệ thống trở về
3118	Phẫu thuật điều trị các rối loạn nhịp tim
3119	Phẫu thuật đặt máy tạo nhịp tim
3120	Phẫu thuật ghép tim và ghép phổi
3121	Phẫu thuật Band động mạch phổi tạm thời trong điều trị các trường hợp tăng lượng máu lên phổi
3122	Phẫu thuật thay van tim do bệnh lý van tim bẩm sinh
3123	Phẫu thuật đóng đường rò trong bệnh lý đường hầm động mạch chủ-thất trái
3124	Phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng mổ mở
3125	Phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng phẫu thuật nội soi
3126	Phẫu thuật điều trị các bệnh lý màng ngoài tim bằng phẫu thuật nội soi
3127	Phẫu thuật điều trị các bệnh lý vòng thắt động mạch và kìm động mạch bằng mổ mở

3128	Phẫu thuật điều trị các bệnh lý vòng thắt động mạch và kìm động mạch bằng phẫu thuật nội soi
3129	Phẫu thuật hibrid điều trị các bệnh tim bẩm sinh
3130	Phẫu thuật các bệnh tim bẩm sinh bằng rôbốt
3131	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh đảo ngược các mạch máu lớn, ba buồng nhĩ.
3132	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh ba buồng nhĩ.
3133	Phẫu thuật cắt màng tim rộng
3134	Cắt màng ngoài tim trong viêm màng ngoài tim có mủ
3135	Khâu vết thương tim, do đâm hay do mảnh đạn
3136	Phẫu thuật vỡ tim do chấn thương ngực kín
3137	Dẫn lưu màng tim qua đường Marfan
3138	Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất bán phần
3139	Dẫn lưu màng tim qua đường cắt sụn sườn 5
3140	Phẫu thuật có dùng máy tim, phổi nhân tạo
3141	Phẫu thuật chữa tạm thời tứ chứng Fallot
	2. Động, tĩnh mạch tim, phổi
3142	Phẫu thuật nong van động mạch chủ
3143	Phẫu thuật thay động mạch chủ
3144	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ vành 3 cầu trở lên
3145	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên kèm van động mạch chủ
3146	Thay đoạn động mạch chủ lên kèm quai động mạch chủ
3147	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên kèm quai động mạch chủ, động mạch chủ xuống
3148	Phẫu thuật thay đoạn động mạch xuất phát từ quai động mạch chủ
3149	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ với các động mạch xuất phát từ quai động mạch chủ
3150	Phẫu thuật dò động mạch vành vào nhĩ phải, động mạch phổi
3151	Phẫu thuật tĩnh mạch phổi bất thường
3152	Phẫu thuật sửa chữa bất thường hoàn toàn toàn hồi lưu tĩnh mạch phổi
3153	Phẫu thuật phồng động mạch phổi, dò động tĩnh mạch phổi
3154	Phẫu thuật sửa chữa vascularring
3155	Phẫu thuật bệnh Ebstein
3156	Phẫu thuật phồng gốc động mạch chủ bảo tồn van động mạch chủ
3157	Phẫu thuật bắc cầu mạch vành không dùng máy tim phổi
3158	Phẫu thuật phồng gốc động mạch chủ kèm thay van động mạch chủ
3159	Phẫu thuật điều trị phồng động mạch chủ ngực - bụng
3160	Phẫu thuật điều trị phồng động mạch chủ ngực – bụng trên và ngang thận
3161	Phẫu thuật sửa chữa dị dạng quai động mạch chủ
3162	Phẫu thuật hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn
3163	Phẫu thuật cắt hẹp eo động mạch chủ, ghép động mạch chủ bằng Prosthesis, bóc nội mạc động mạch cảnh
3164	Phẫu thuật tạo lỗ rò động tĩnh mạch bằng ghép mạch máu
	3. Động tĩnh mạch
3165	Phẫu thuật cắt ống động mạch ở người bệnh trên 15 tuổi hay ở người bệnh có áp lực phổi bằng hay cao hơn 2 phần 3 áp lực đại tuần hoàn

3166	Phẫu thuật phồng quai động mạch chủ
3167	Phẫu thuật phồng động mạch chủ ngực
3168	Phẫu thuật teo hại quai động mạch chủ (dị dạng quai động mạch)
3169	Phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
3170	Phẫu thuật phồng động mạch chủ bụng đoạn dưới động mạch thận
3171	Phẫu thuật hẹp hay tắc chạc ba động mạch chủ và động mạch chậu, tạo hình hoặc thay chạc ba
3172	Phẫu thuật phục hồi lưu thông tĩnh mạch chủ trên bị tắc
3173	Phẫu thuật bắc cầu động mạch dưới đòn - động mạch cảnh
3174	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ ngực - bụng
3175	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ ngực - đùi
3176	Phẫu thuật bắc cầu động mạch nách- đùi
3177	Phẫu thuật lấy lớp áo trong động mạch cảnh
3178	Phẫu thuật tái lập liên thông động mạch thận bằng ghép mạch máu, lột nội mạc động mạch hay cắm lại động mạch thận.
3179	Cắt đoạn nối động mạch phổi
3180	Phẫu thuật Fontan
3181	Phẫu thuật chuyển vị đại động mạch
3182	Phẫu thuật điều trị ghép động mạch bằng ống ghép nhân tạo
3183	Phẫu thuật làm shunt điều trị trong tăng áp lực tĩnh mạch cửa
3184	Phẫu thuật phục hồi lưu thông tĩnh mạch chủ trên bị tắc
3185	Phẫu thuật thay đoạn động mạch ngực xuống
3186	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng kèm theo ghép các động mạch (thân tạng, mạc treo tràng trên, thận)
3187	Phẫu thuật nối cửa - chủ
3188	Phẫu thuật nối tĩnh mạch lách - tĩnh mạch thận bên-bên
3189	Phẫu thuật cắt lách nối tĩnh mạch lách- tĩnh mạch thận tận-bên
3190	Phẫu thuật nối tĩnh mạch lách-tĩnh mạch thận chọn lọc theo Warren
3191	Phẫu thuật nối bắc cầu tĩnh mạch cửa ngoài gan với nhánh tĩnh mạch cửa trong gan
3192	Phẫu thuật nối tĩnh mạch trên gan và tĩnh mạch cử a trong gan
3193	Phẫu thuật tái lập liên thông động mạch mạc treo tràng: ghép mạch máu (trong phồng hay tắc động mạch)
3194	Phẫu thuật bắc cầu gần điều trị viêm tắc động mạch
3195	Phẫu thuật bắc cầu xa điều trị viêm tắc động mạch
3196	Phẫu thuật tạo hình eo động mạch
3197	Phẫu thuật tạo hình eo động mạch có hạ huyết áp chỉ huy
3198	Phẫu thuật triệt mạch Sugiura điều trị tăng áp lực tĩnh mạch cửa/xơ gan
3199	Phẫu thuật hẹp hay phồng động mạch cảnh gốc, cảnh trong
3200	Phẫu thuật thông động mạch cảnh, tĩnh mạch cảnh
3201	Khâu phục hồi mạch máu vùng cổ do chấn thương
3202	Thắt ống động mạch
3203	Phẫu thuật phồng hoặc thông động mạch chi
3204	Phẫu thuật điều trị ghép động mạch bằng ống ghép tự thân
3205	Phẫu thuật tạo hình động mạch đùi sâu

3206	Phẫu thuật nông hóa đường dò động tĩnh mạch cánh tay để chạy thận nhân tạo
3207	Phẫu thuật thắt đường dò động tĩnh mạch cổ tay sau ghép thận
3208	Phẫu thuật làm cầu nối điều trị tắc động mạch mãn tính
3209	Phẫu thuật bắc cầu hoặc thay thế đoạn động mạch trong điều trị bệnh lý mạch máu ngoại vi
3210	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu ngoại vi
3211	Phẫu thuật Muller điều trị giãn tĩnh mạch
3212	Thắt đường dò động tĩnh mạch cổ tay sau ghép thận
3213	Bóc lớp vỏ ngoài của động mạch
3214	Khâu vết thương mạch máu chi
3215	Lấy máu cục làm nghẽn mạch
3216	Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo
3217	Phẫu thuật phồng động mạch bẹn do tiêm chích ma tuý
3218	Nông hóa đường dò động tĩnh mạch cánh tay để chạy thận nhân tạo
3219	Phẫu thuật đặt Port động/tĩnh mạch để tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư
3220	Cắt bỏ giãn tĩnh mạch chi dưới
3221	Thắt các động mạch ngoại vi
	4. Ngực - phổi
3222	Phẫu thuật khí quản trẻ em
3223	Cắt đoạn nối khí quản
3224	Tạo hình khí quản kỹ thuật sliding
3225	Cắt đoạn nối phế quản gốc, phế quản thuỳ
3226	Phẫu thuật Heller lỗ dò phế quản, lấp lỗ dò bằng cơ da
3227	Phẫu thuật phế quản phổi, trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi
3228	Cắt 1 phổi
3229	Cắt 1 thuỳ kèm cắt 1 phân thuỳ phổi điển hình
3230	Cắt 1 thuỳ hay 1 phân thuỳ phổi
3231	Cắt mảng thành ngực điều trị ổ cặn màng phổi (Schede)
3232	Phẫu thuật cắt phổi kèm theo bóc vỏ màng phổi
3233	Mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi trong tràn khí màng phổi tái phát
3234	Mở lồng ngực thăm dò
3235	Phẫu thuật lồng ngực có video hỗ trợ (VATS)
3236	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu lỗ rò phế quản
3237	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu, thắt ống ngực
3238	Phẫu thuật mở lồng ngực cắt túi phình thực quản
3239	Cắt đoạn nối phế quản gốc, phế quản thuỳ
3240	Phẫu thuật dị dạng xương ức lồi, lõm
3241	Bóc vỏ màng phổi kèm khâu lỗ dò phế quản trong ổ cặn màng phổi có dò phế quản.
3242	Phẫu thuật cắt phổi biệt lập ngoài thuỳ phổi
3243	Bóc vỏ màng phổi điều trị ổ cặn màng phổi
3244	Cắt tuyến hung
3245	Mở màng phổi tối đa
3246	Khâu vết thương nhu mô phổi

3247	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi
3248	Dẫn lưu áp xe phổi
3249	Cắt phổi không điển hình (Wedge resection)
3250	Mở lồng ngực lấy dị vật trong phổi
3251	Bóc màng phổi trong dày dính màng phổi
3252	Đánh xẹp thành ngực trong ổ cặn màng phổi
3253	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi có cắt thuỳ phổi
3254	Cắt dây thần kinh giao cảm ngực
3255	Cắt một xương sườn trong viêm xương
3256	phẫu thuật làm xẹp thành ngực từ sườn 4 trở xuống
3257	Mở ngực lấy máu cục màng phổi
3258	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng
3259	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn
3260	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường ngực
3261	Khâu kín vết thương thủng ngực
3262	Kéo liên tục một mảng sườn hay mảng ức sườn
3263	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường bụng
3264	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp
3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
	C. TIÊU HÓA – BỤNG
	1. Thực quản
3266	Phẫu thuật điều trị thực quản đôi
3267	Cắt túi thừa thực quản ngực
3268	Phẫu thuật mở thông thực quản, mở thông dạ dày ở trẻ sơ sinh trong điều trị teo thực quản
3269	Phẫu thuật nối thực quản ngay trong điều trị teo thực quản
3270	Phẫu thuật tạo hình thực quản bằng dạ dày/đại tràng
3271	Phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
3272	Phẫu thuật điều tri luồng trào ngược dạ dày, thực quản
3273	Phẫu thuật điều trị hẹp thực quản
3274	Phẫu thuật điều trị rò khí thực quản
3275	Phẫu thuật điều trị rò thực quản
3276	Cắt túi thừa thực quản cổ
3277	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành
3278	Phẫu thuật điều trị nhão cơ hoành
	2. Dạ dày
3279	Phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày lần đầu hoặc mổ lại
3280	Phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình dạ dày bằng đoạn ruột non
3281	Phẫu thuật đặt đai thắt dạ dày chống béo phì
3282	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành
3283	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt xương sườn
3284	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành
3285	Phẫu thuật cắt 3/4 dạ dày

3286	Phẫu thuật cắt lại dạ dày do bệnh lành tính
3287	Cắt dây thần kinh X có hay không kèm tạo hình môn vị
3288	Phẫu thuật điều trị co thắt tâm vị
3289	Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày
3290	Cắt túi thừa tá tràng
3291	Phẫu thuật thoát vị cơ hoành có kèm trào ngược
3292	Mở dạ dày lấy bã thức ăn
3293	Nối dạ dày-ruột (omega hay Roux-en-Y)
3294	Phẫu thuật điều trị dạ dày đôi
3295	Phẫu thuật điều trị hoại tử thủng dạ dày ở trẻ sơ sinh
3296	Mở cơ môn vị (điều trị hẹp phì đại môn vị)
3297	Mở thông dạ dày
3298	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần
	3. Ruột non - ruột già
3299	Phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
3300	Phẫu thuật điều trị ruột đôi
3301	Phẫu thuật điều trị tắc tá tràng bẩm sinh
3302	Phẫu thuật điều trị teo ruột
3303	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo
3304	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng
3305	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng
3306	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel
3307	Phẫu thuật điều trị tắc ruột phân su
3308	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do viêm phúc mạc thai nhi
3309	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn
3310	Phẫu thuật tắc ruột do giun
3311	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột
3312	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng
3313	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột
3314	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột
3315	Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ sơ sinh
3316	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn
3317	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột
3318	Phẫu thuật tháo lông có cắt ruột, nối ngay hoặc dẫn lưu 2 đầu ruột
3319	Cắt lại đại tràng
3320	Cắt đoạn đại tràng
3321	Đóng hậu môn nhân tạo
3322	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải
3323	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 1 thì
3324	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 2 thì
3325	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng bẩm sinh
3326	Tháo lồng bằng bơm khí/nước

3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa
3328	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa
3329	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già
3330	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng
3331	Cắt đoạn ruột non
3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
	4. Hậu môn – trực tràng
3333	Phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng
3334	Phẫu thuật điều trị còn ổ nhớp
3335	Phẫu thuật điều trị còn ổ nhớp lộ ngoài
3336	Phẫu thuật tạo hình cơ thắt hậu môn
3337	Phẫu thuật tạo hình cơ tròn hậu môn điều trị mất tự chủ hậu môn
3338	Phẫu thuật tạo hình hậu môn
3339	Phẫu thuật Delorme
3340	Phẫu thuật Hanley
3341	Phẫu thuật Longo
3342	Phẫu thuật sa trực tràng đường bụng hoặc đường tầng sinh môn, có cắt ruột
3343	Phâu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng một thì
3344	Phâu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng nhiều thì
3345	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn tiền đình 1 thì/2 thì
3346	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp
3347	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột
3348	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn
3349	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại
3350	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò
3351	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng đường bụng kết hợp đường sau trực tràng
3352	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng đường trước xương cùng và sau trực tràng
3353	Phẫu thuật tạo hình hậu môn nắp (Denis Brown)
3354	Phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng
3355	Phẫu thuật khâu vùng quanh hậu môn trong điều trị sa trực tràng
3356	Phẫu thuật tái tạo cơ vùng hậu môn kiểu overlap trong điều trị đứt cơ vùng hậu môn)
3357	Phẫu thuật Đặt mảnh ghép trong điều trị bệnh sa trực tràng kiểu túi (Rectocele)
3358	Phẫu thuật giải ép thần kinh thẹn trong điều trị đau hậu môn
3359	Phẫu thuật trĩ dưới hướng dẫn của siêu âm (DGHAL)
3360	Phẫu thuật khâu treo trĩ theo phương pháp Longo cải biên
3361	Phẫu thuật phục hồi cơ nâng hậu môn qua đường hậu môn trong điều trị Rectocele
3362	Phẫu thuật tạo hình hậu môn kiểu cái nhà (Housing Flap) trong điều trị hẹp hậu môn
3363	Phẫu thuật tạo hình hậu môn kiểu Y-V trong điều trị hẹp hậu môn
3364	Cắt cơ tròn trong
3365	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên
3366	Phẫu thuật trĩ độ III

3367	Phẫu thuật trĩ độ III
3368	Phẫu thuật trĩ độ IV
3369	Cắt bỏ trĩ vòng
3370	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu
3371	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp
3372	Phẫu thuật trĩ bằng máy ZZ2D
3373	Thắt trĩ bằng dây cao su
3374	Nong hậu môn dưới gây mê
3375	Nong hậu môn không gây mê
3376	Thắt trĩ độ I, II
3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản
3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ
3379	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ
3380	Cắt polype trực tràng
	5. Bẹn - Bụng
3381	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng
3382	Cắt teratoma/u tế bào mầm vùng tiểu khung, ổ bụng bằng đường mổ cùng cụt kết hợp đường bụng
3383	Cắt nang/polyp rốn
3384	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt
3385	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng
3386	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
3387	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn
3388	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột
3389	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột
3390	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
3391	Cắt u nang buồng trứng
3392	Cắt u tuyến thượng thận
3393	Cắt teratoma/u tế bào mầm vùng cùng cụt bằng đường mổ cùng cụt
3394	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu
3395	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt
3396	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt
3397	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng
3398	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ
3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn
3401	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường
3402	Mở bụng thăm dò
3403	Khâu lại bục thành bụng đơn thuần
3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn
3405	Chọc dò túi cùng Douglas
3406	Chích áp xe tầng sinh môn
3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản

	D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY
	1. Gan
3408	Ghép gan
3409	Cắt gan khâu vết thương mạch máu: tĩnh mạch trên gan, tĩnh mạch chủ dưới
3410	Cắt gan phải hoặc gan trái
3411	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan lớn
3412	Cắt hạ phân thùy gan
3413	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ
3414	Cắt chỏm nang gan bằng mở bụng
3415	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan
3416	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
	2. Mật
3417	Cắt đoạn ống mật chủ, nối rốn gan - hỗng tràng
3418	Phẫu thuật cắt đoạn ống mật chủ và tạo hình đường mật
3419	Tán sỏi đường mật bằng thủy điện lực
3420	Nối ống mật chủ-hỗng tràng kèm dẫn lưu trong gan và cắt gan
3421	Nối ống mật chủ - tá tràng
3422	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm tạo hình cơ thắt Oddi
3423	Phẫu thuật sỏi trong gan
3424	Phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật: thắt động mạch gan
3425	Phẫu thuật chảy máu đường mật: cắt gan
3426	Phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
3427	Cắt túi mật
3428	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr
3429	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun
3430	Phẫu thuật điều trị thủng đường mật ngoài gan
3431	Nối mật – ruột – da
3432	Nối mật – da bằng quai ruột biệt lập hoặc túi mật
3433	Lấy sỏi ống mật chủ kèm cắt phân thùy gan
3434	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại
3435	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr lần đầu
3436	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột
3437	Nối ống mật chủ - hỗng tràng
3438	Dẫn lưu đường mật ra da
3439	Đặt bộ phận giả đường mật qua da
3440	Chọc mật qua da, dẫn lưu tạm thời đường mật qua da.
3441	Lấy sỏi qua ống Kehr, đường hầm, qua da
3442	Nối túi mật - hỗng tràng
3443	Dẫn lưu túi mật
3444	Dẫn lưu nang ống mật chủ
	3. Lách - Tuỵ
3445	Ghép tụy

3446	Đặt stent nang giả tuỵ
3447	Cắt khối tá - tuỵ
3448	Phẫu thuật Fray
3449	Lấy sỏi ống Wirsung, nối Wirsung - hỗng tràng
3450	Nối ống tuỵ-hỗng tràng
3451	Phẫu thuật cắt bỏ đuôi tụy-nối mỏm tụy còn lại với quai hỗng tràng
3452	Cắt gần toàn bộ tuỵ trong cường insulin
3453	Cắt lách bệnh lý do ung thư, áp xe, xơ lách, huyết tán…
3454	Nối nang tụy - dạ dày
3455	Nối nang tụy - hỗng tràng
3456	Cắt đuôi tuỵ
3457	Cắt thân+ đuôi tuỵ
3458	Dẫn lưu áp xe tụy
3459	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu
3460	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử
3461	Cắt lách bán phần do chấn thương
3462	Khâu lách do chấn thương
3463	Cắt lách toàn bộ do chấn thương
	Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC
	1. Thận
3464	Ghép thận
3465	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
3466	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi
3467	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái dưỡng chấp
3468	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận
3469	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi
3470	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
3471	Cắt thận đơn thuần
3472	Cắt một nửa thận
3473	Phẫu thuật treo thận
3474	Tạo hình phần nối bể thận- niệu quản
3475	Lấy sỏi san hô thận
3476	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang
3477	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
3478	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
3479	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang
3480	Tán sỏi ngoài cơ thể
3481	Chọc hút và bơm thuốc vào kén thận
3482	Dẫn lưu đài bể thận qua da
3483	Cắt eo thận móng ngựa
3484	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận
3485	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi

3486	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
3487	Phẫu thuật lại do rò ống tiết niệu ổ bụng sau mổ
3488	Dẫn lưu thận
3489	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận
	2. Niệu quản
3490	Nối niệu quản - đài thận
3491	Cắt nối niệu quản
3492	Lấy sỏi niệu quản
3493	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
3494	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
3495	Đặt bộ phận giả niệu quản qua da
3496	Nong niệu quản
3497	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo
3498	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên
3499	Đóng dẫn lưu niệu quản 1 bên/ 2 bên
3500	Trồng niệu quản vào bàng quang 1bên/ 2 bên
3501	Nối niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng
	3. Bàng quang
3502	Phẫu thuật tái tạo bàng quang bằng bàng quang mới
3503	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder
3504	Phẫu thuật ghép cơ cổ bàng quang
3505	Phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo kiểu Duhamel
3506	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ
3507	Mổ sa bàng quang qua ngã âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
3508	Tạo hình bàng quang bằng một đoạn ruột
3509	Tạo hình cổ bàng quang
3510	Cắt một nửa bàng quang có tạo hình bằng ruột
3511	Phẫu thuật điều trị bàng quang lộ ngoài
3512	Phẫu thuật điều trị bàng quang thần kinh
3513	Phẫu thuật tạo hình tăng dung tích bàng quang
3514	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình ruột - bàng quang
3515	Tạo hình bàng quang và dương vật một thì ở trẻ sơ sinh trong bàng quang lộ ngoài
3516	Cắt đường rò bàng quang -rốn, khâu lại bàng quang
3517	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
3518	Thông niệu quản ra da qua 1 đoạn ruột đơn thuần
3519	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca
3520	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
3521	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng
3522	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
3523	Cắt cổ bàng quang
3524	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang
3525	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất

3526	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang
3527	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang
3528	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức
3529	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông
3530	Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang
3531	Mổ lấy sỏi bàng quang
3532	Mở thông bàng quang
3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
3534	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
3535	Đặt ống thông bàng quang
	4. Niệu đạo
3536	Phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
3537	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
3538	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
3539	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ
3540	Phẫu thuật dị tật hậu môn-trực tràng có tạo hình niệu đạo
3541	Đóng các lỗ rò niệu đạo
3542	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt
3543	Cắt nối niệu đạo trước
3544	Cắt nối niệu đạo sau
3545	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu
3546	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da
3547	Lấy sỏi niệu đạo
3548	Tạo hình niệu đạo trong túi thừa niệu đạo
3549	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu
3550	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt
	5. Sinh dục
3551	Tạo hình miệng niệu đạo lệch thấp ở nữ giới
3552	Phẫu thuật điều trị són tiểu
3553	Điều trị đái rỉ ở nữ bàng đặt miếng nâng niệu đạo TOT
3554	Tạo hình dương vật do lệch lạc phái tính do gien
3555	Làm lại thành âm đạo
3556	Tạo hình âm đạo
3557	Tạo hình một phần âm vật
3558	Phẫu thuật tạo hình âm vật, âm đạo
3559	Tạo hình âm đạo, ghép da trên khuôn nong
3560	Phẫu thuật điều trị giãn tĩnh mạch thừng tinh
3561	Tạo hình dương vật, phẫu thuật một thì
3562	Phẫu thuật điều trị hội chứng dương vật bị vùi lấp
3563	Tạo hình cơ quan sinh dục ngoài cho người bệnh mơ hồ giới tính
3564	Phẫu thuật điều trị ứ dịch/mủ tử cung teo âm đạo
3565	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng trên người bệnh mơ hồ giới tính

3566	Tạo hình âm đạo bằng ruột
3567	Phẫu thuật tạo hình điều trị đa dị tật bàng quang âm đạo, niệu đạo, trực tràng
3568	Phẫu thuật nối dương vật bị đứt lìa
3569	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu lệch thấp (hypospadias) 1 thì
3570	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu lệch thấp (hypospadias) 2 thì
3571	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu mặt lưng dương vật (epispadias)
3572	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ 1 bên một thì
3573	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ 2 bên một thì
3574	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ 1 bên hai thì
3575	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ 2 bên hai thì
3576	Cắt tinh mạc
3577	Cắt mào tinh
3578	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn
3579	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo
3580	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng
3581	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật
3582	Phẫu thuật vỡ vật hang do gẫy dương vật
3583	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên
3584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên
3585	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật
3586	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
3587	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn
3588	Tạo vạt da chữ Z trong tạo hình dương vật
3589	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt
3590	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt
3591	Phẫu thuật toác khớp mu
3592	Tạo hình vạt da chữ Z trong tạo hình dương vật
3593	Chích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung
3594	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo
3595	Tách màng ngăn âm hộ
3596	Phẫu thuật thăm dò bìu trong đau bìu cấp ở trẻ em
3597	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn
3598	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn
3599	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên
3600	Rạch rộng vòng thắt nghẹt bao quy đầu
3601	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn
3602	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)
3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)
3605	Mở rộng lỗ sáo
3606	Nong niệu đạo

3607	Cắt bỏ tinh hoàn
3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn
	E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH
	1. Cột sống - Ngực
3609	Ghép xương chấn thương cột sống cổ
3610	Ghép xương chấn thương cột sống thắt lưng
3611	Cắt lá xương sống
3612	Kết hợp xương cột sống cổ lối trước
3613	Kết hợp xương cột sống cổ lối sau
3614	Lấy thân đốt sống, cố định cột sống và ghép xương liên thân đốt (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIP)
3615	Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc
3616	Cố định cột sống bằng vít qua cuống
3617	Phẫu thuật kết hợp xương, ghép xương sau trượt đốt sống L4-5, L5-S1
3618	Tạo hình lồng ngực (cắt các xương sườn ở mặt lồi trong vẹo cột sống để chỉnh hình lồng ngực)
3619	Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống ngực qua đường sau
3620	Phẫu thuật chỉnh gù cột sống ngực qua đường sau
3621	Lấy bỏ thân đốt sống ngực bằng ghép xương
3622	Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống đường trước và hàn khớp
3623	Phẫu thuật chỉnh vẹo gù sống đường trước và hàn khớp
3624	Phẫu thuật chỉnh gù cột sống phía trước + cố định cột sống và ghép xương
3625	Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống
3626	Phẫu thuật trượt thân đốt sống
3627	Nắn trượt và cố định cột sống trong trượt đốt sống
3628	Ghép xương chấn thương cột sống thắt lưng
3629	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)
3630	Cố định cột sống bằng vít qua cuống
3631	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đường sau (PLIP)
3632	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt phía sau qua lỗ liên hợp (TLIP)
3633	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới
3634	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng
3635	Cắt bỏ dây chằng vàng
3636	Mở cung sau cột sống ngực
3637	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng
3638	Phẫu thuật cố định cột sống bằng cung kim loại
3639	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc
3640	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương phức tạp (sọ não, ngực, bụng, chi)
3641	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống ngực
3642	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống thắt lưng
	2. Vai
3643	Phẫu thuật xương bả vai lên cao
3644	Phẫu thuật di chứng liệt cơ Delta, nhị đầu, tam đầu

3645	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ
3646	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai
3647	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn
3648	Tháo khớp vai
3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn
3650	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương
3651	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương
	3. Cánh, cẳng tay
3652	Phẫu thuật điều trị không có xương quay
3653	Phẫu thuật điều trị không có xương trụ
3654	Chuyển gân liệt thần kinh quay, giữa hay trụ
3655	Tái tạo dây chằng vòng khớp quay trụ trên
3656	Phẫu thuật kết hợp xương không mở ổ gãy dưới C Arm
3657	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương
3658	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian
3659	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương
3660	Kéo dài chi trên bằng phương pháp Ilizarov
3661	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục
3662	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay
3663	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu
3664	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay
3665	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay
3666	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu
3667	Phẫu thuật dính khớp khuỷu
3668	Cắt đoạn khớp khuỷu
3669	Phẫu thuật trật khớp khuỷu
3670	Phẫu thuật gấp khớp khuỷu do bại não
3671	Phẫu thuật dính khớp khuỷu
3672	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
3673	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay
3674	Phẫu thuật di chứng bại liệt chi trên
3675	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới
3676	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles
3677	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay
3678	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
3679	Phẫu thuật gãy Monteggia
3680	Cắt cụt cánh tay
3681	Tháo khớp khuỷu
3682	Cắt cụt cẳng tay
3683	Tháo khớp cổ tay
3684	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
3685	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu

3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay
3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu
3688	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay
3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay
3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay
	4. Bàn, ngón tay
3691	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp
3692	Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp
3693	Thay khớp liên đốt các ngón tay
3694	Đặt vít gãy trật xương thuyền
3695	Phẫu thuật chuyển cơ giang ngắn ngón I điều trị tách ngón I bẩm sinh
3696	Phẫu thuật điều trị tách bàn tay (càng cua)
3697	Phẫu thuật điều trị trật khớp bàn- ngón I bẩm sinh
3698	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động
3699	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài
3700	Phẫu thuật tạo gấp cổ tay do bại não
3701	Phẫu thuật Capsulodesis Zancolli giải quyết biến dạng vuốt trụ
3702	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay
3703	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn
3704	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch
3705	Phẫu thuật dị tật dính ngón, bằng và dưới 2 ngón tay
3706	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò súng
3707	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, di chứng vết thương bàn tay
3708	Phẫu thuật chuyển ngón thay thế ngón cái
3709	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi
3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa
3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay
3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít
	5. Hông - Đùi
3713	Phẫu thuật điều trị trật khớp háng bẩm sinh
3714	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương tạo varus)
3715	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương chậu, tạo mái che đầu xương đùi)
3716	Phẫu thuật cứng cơ may
3717	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy ổ cối phức tạp
3718	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy khung chậu
3719	Phẫu thuật làm dính sụn tiếp hợp điều trị ngắn chi
3720	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương
3721	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian
3722	Phẫu thuật toác khớp mu
3723	Tháo khớp háng
3724	Làm cứng khớp ở tư thế chức năng
3725	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng

3726	Phẫu thuật cắt cụt đùi
3727	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển
3728	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu
3729	Phẫu thuật viêm xương khớp háng
3730	Phẫu thuật trật khớp háng
3731	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng
3732	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)
3733	Đặt nẹp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày
3734	Kéo dài đùi bằng phương pháp Ilizarov
3735	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương
3736	Phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
3737	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm
3738	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày
3739	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
3740	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi
3741	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu
3742	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước
3743	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu
3744	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi
	6. Khớp gối
3745	Tái tạo dây chằng trước khớp gối
3746	Tạo hình dây chằng chéo khớp gối
3747	Lấy bỏ sụn chêm khớp gối
3748	Phẫu thuật trật khớp gối bẩm sinh
3749	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè
3750	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh
3751	Phẫu thuật thay lại dây chằng chéo trước khớp gối
3752	Phẫu thuật gấp khớp gối do bại não, nối dài gân cơ gấp gối, cắt thần kinh
3753	Phẫu thuật Egger tạo gấp khớp gối do bại não trong trường hợp nặng
3754	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè
3755	Tháo khớp gối
3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống
	7. Cẳng chân
3757	Phẫu thuật làm dính sụn tiếp hợp điều trị ngắn chi
3758	Đóng đinh xương chày mở
3759	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày
3760	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày
3761	Phẫu thuật chân chữ O
3762	Phẫu thuật chân chữ X
3763	Phẫu thuật co gân Achille
3764	Kéo dài cẳng chân bằng phương pháp Ilizarov
3765	Phẫu thuật khớp giả xương chầy bẩm sinh có ghép xương

3766	Phẫu thuật khớp giả xương chầy
3767	Phẫu thuật thiếu xương mác bẩm sinh
3768	Chuyển cân liệt thần kinh mác nông
3769	Phẫu thuật chuyển gân điều trị bàn chân rủ do liệt vận động
3770	Phẫu thuật di chứng bại liệt chi dưới
3771	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương
3772	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương
3773	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân
3774	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
3775	Cắt cụt cẳng chân
3776	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu
3777	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian
3778	Găm Kirschner trong gãy mắt cá
3779	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác
	8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân
3780	Phẫu thuật điều trị bàn chân khoèo do bại não
3781	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân bẹt bẩm sinh
3782	Phẫu thuật điều trị bàn chân bẹt do bại não
3783	Phẫu thuật điều trị tách bàn chân (càng cua)
3784	Phẫu thuật điều trị bàn chân lồi- xoay ngoài
3785	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân
3786	Đặt vít gãy thân xương sên
3787	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm
3788	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên
3789	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren
3790	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo
3791	Phẫu thuật bàn chân duỗi đổ
3792	Tháo một nửa bàn chân trước
3793	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
3794	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren
3795	Tháo khớp cổ chân
3796	Tháo khớp kiểu Pirogoff
3797	Tháo bỏ các ngón chân
3798	Tháo đốt bàn
	9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)
3799	Ghép da dị loại độc lập
3800	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương
3801	Chuyển vạt da có cuống mạch
3802	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt
3803	Nối gân gấp
3804	Gỡ dính gân
3805	Khâu nối thần kinh

3806	Gỡ dính thần kinh
3807	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm2
3808	Phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Colli)
3809	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5cm
3810	Ghép da tự do trên diện hẹp
3811	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
3812	Bơm rửa ổ áp xe khớp (khớp háng, khớp gối …)
3813	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp
3814	Dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp
3815	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu
3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần
3817	Chích áp xe phần mềm lớn
3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn
3819	Nối gân duỗi
3820	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản
3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể
3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể
3824	Vá da dầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm^2
3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm
3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
	10. Nắn - Bó bột
3828	Bột Corset Minerve, Cravate
3829	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
3830	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O
3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi
3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
3836	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
3837	Nắn, bó bột gãy xương hàm
3838	Nắn, bó bột cột sống
3839	Nắn, bó bột trật khớp vai
3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn
3841	Nắn, bó bột gẫy 1/3 trên thân xương cánh tay
3842	Nắn, bó bột gẫy 1/3 giữa thân xương cánh tay
3843	Nắn, bó bột gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay
3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu
3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay

3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay
3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV
3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay
3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay
3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay
3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles
3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
3855	Nắn, bó bột trật khớp háng
3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng
3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày
3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu
3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi
3860	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật
3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi
3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè
3863	Nắn, bó bột trật khớp gối
3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
3867	Nắn, bó bột gãy xương chày
3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren
3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia
3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
3871	Nắn, bó bột gẫy xương gót
3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
3874	Nắn, cố định trật khớp hàm
3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
3876	Nắn, bú bột gãy xương các loại dưới C Arm
3877	Nẹp bột các loại, không nắn
	11. Các kỹ thuật khác
3878	Chuyển giới tính (khi pháp luật cho phép)
3879	Cắt u máu trong xương
3880	Bắt vít qua khớp
3881	Phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ
3882	Tạo hình thân đốt sống qua da bằng đổ cement
3883	Phẫu thuật kéo dài chi
3884	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ
3885	Nắn bó giai đoạn trong cơ quan vận động
3886	Ghép trong mất đoạn xương
3887	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương

3888	Phẫu thuật can lệch, không kết hợp xương
3889	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy
3890	Kết hợp xương bằng phương pháp không mổ
3891	Phẫu thuật Doenig
3892	Gia cố xương bằng vật liệu nhân tạo
3893	Chuyển cơ chức năng có cuống
3894	Chuyển xoay vạt da, cơ ghép có cuống mạch liền không nối
3895	Tạo hình mở xương phức tạp (osteotomy)
3896	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên
3897	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh vận động
3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu
3899	Mở cửa sổ xương
3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật
3901	Rút đinh các loại
3902	Phẫu thuật vết thương khớp
3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động
3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi
3905	Rút chỉ thép xương ức
3906	Đặt túi bơm giãn da
3907	Chuyển xoay vạt da ghép có cuống mạch liền không nối
3908	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản
3909	Chích rạch áp xe nhỏ
3910	Chích hạch viêm mủ
3911	Thay băng, cắt chỉ
	G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC
3912	Phẫu thuật tách trẻ song sinh dính nhau (conjoined twin)
3913	Cắt nang giáp móng
3914	Cắt rò rãnh mang
3915	Cắt rò phần mềm
3916	Cắt u nang bao hoạt dịch
3917	Cắt rò xoang lê
3918	Phẫu thuật lấy dị vật thành ngực, thành bụng
3919	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng
3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm
3921	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt
3922	Phẫu thuật sinh thiết nội quan (ngực, bụng)
3923	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ
3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử
3925	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp
	XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI
	A. SỌ NÃO – ĐẦU – MẶT – CỔ
3926	Phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán

3927	Phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
3928	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
3929	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
3930	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
3931	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
3932	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
3933	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
3934	Phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
3935	Phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
3936	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
3937	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
3938	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3939	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3940	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3941	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3942	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
3943	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow
3944	Phẫu thuật nội soi điều trị xơ hóa cơ ức đòn chũm
3945	Phẫu thuật nội soi cắt u phần mềm
	B. TAI – MŨI – HỌNG
3946	Phẫu thuật nội soi mũi xoang cắt u xoang bớm
3947	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi họng
3948	Phẫu thuật nội soi mũi xoang giảm áp dây thần kinh thị giác
3949	Phẫu thuật nội soi lấy u lành tính hòm nhĩ
3950	Phẫu thuật nội soi tạo hình lệ đạo
3951	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh Vidien
3952	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình xương con
3953	Phẫu thuật nội soi bơm mỡ loa vòi điều trị doãng rộng vòi nhĩ
3954	Nội soi cắt hạt thanh đới
3955	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
3956	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới
3957	Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy
3958	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới
3959	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi
3960	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn
3961	Phẫu thuật nội soi nạo V.A
3962	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần
3963	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí
3964	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ
3965	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn giữa
3966	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí
	C. LỒNG NGỰC – PHỔI – TIM MẠCH

3967	Phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
3968	Phẫu thuật nội soi phế quản qua phế quản
3969	Phẫu thuật nội soi cắt một phân thùy phổi
3970	Phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
3971	Phẫu thuật nội soi cắt màng tim
3972	Phẫu thuật nội soi cắt nối phồng động mạch chủ bụng
3973	Phẫu thuật nội soi cắt ống động mạch
3974	Phẫu thuật nội soi điều tri thực quản đôi
3975	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
3976	Phẫu thuật nội soi điều trị vascular ring
3977	Phẫu thuật nội soi treo nâng quai động mạch chủ (aortopexy)
3978	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị hoành trẻ sơ sinh
3979	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị teo thực quản: nối ngay
3980	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị rò khí-thực quản
3981	Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt nối thực quản điều trị hẹp thực quản
3982	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
3983	Phẫu thuật nội soi điều trị tràn dưỡng chấp màng phổi
3984	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương cơ hoành, các tạng trong lồng ngực
3985	Phẫu thuật nội soi điều trị lõm lồng ngực (Kỹ thuật Nuss)
3986	Nội soi lồng ngực lấy máu tụ trong chấn thương ngực
3987	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh giao cảm ngực một bên
3988	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh giao cảm ngực hai bên
3989	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến hung
3990	Phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ
3991	Phẫu thuật nội soi cắt một thuỳ phổi
3992	Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
3993	Phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
3994	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn khí màng phổi
3995	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu màng phổi
3996	Phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
3997	Phẫu thuật nội soi lồng ngực thăm dò ±sinh thiết
3998	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị/nhão cơ hoành trẻ lớn
	D. BỤNG – TIÊU HÓA
3999	Phẫu thuật nội soi chống trào ngược dạ dày thực quản
4000	Phẫu thuật nội soi cắt thực quản do bệnh lành tính qua nội soi ngực-bụng
4001	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng dạ dày
4002	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng đại tràng
4003	Phẫu thuật nội soi điều trị ống tiêu hóa đôi (dạ dày, ruột)
4004	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng
4005	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn trung tràng
4006	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị teo ruột
4007	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc ruột phân su

4008	Phẫu thuật nội soi điều trị không hậu môn
4009	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột
4010	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp phì đại môn vị
4011	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn
4012	Phẫu thuật nội soi cắt hạ phân thuỳ gan, u gan nhỏ
4013	Phẫu thuật nội soi điều trị apxe gan
4014	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần
4015	Phẫu thuật nội soi thăm dò ổ bụng ± sinh thiết
4016	Phẫu thuật nội soi cắt lách
4017	Phẫu thuật nội soi cắt đuôi tuỵ
4018	Phẫu thuật nội soi cắt thân và đuôi tuỵ
4019	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuỵ trong cường insulin
4020	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-ruột
4021	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
4022	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr
4023	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu túi mật/đường mật ngoài gan
4024	Phẫu thuật nội soi điều trị teo mật
4025	Phẫu thuật nội soi cắt thực quản + tạo hình dạ dày
4026	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
4027	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh X
4028	Phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
4029	Phẫu thuật nội soi dạ dày điều trị béo phì
4030	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
4031	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
4032	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
4033	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
4034	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống
4035	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày, vét hạch hệ thống
4036	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
4037	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng do ung thư
4038	Phẫu thuật nội soi cắt cụt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn
4039	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng giữ lại cơ tròn
4040	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
4041	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma nối ngay
4042	Phẫu thuật nội soi cắt một nửa đại tràng phải hoặc trái
4043	Phẫu thuật nội soi cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới
4044	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
4045	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo có cắt ruột
4046	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo không cắt ruột
4047	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ thực quản do ung thư, tạo hình thực quản
4048	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ lớn
4049	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ sơ sinh

4050	Cắt đoạn đại tràng nội soi, nối tay
4051	Cắt đại trực tràng nội soi, nối máy
4052	Phẫu thuật nôi soi vỡ đại tràng
4053	Phẫu thuật cắt đại tràng qua nội soi hoặc nội soi trợ giúp
4054	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông điều trị sa đại tràng chậu hông (Sigmoidocele)
4055	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng cao
4056	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng + tầng sinh môn (PT milor)
4057	Phẫu thuật nội soi u bóng trực tràng/ dị dạng hậu môn
4058	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng hoặc nội soi trợ giúp
4059	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng nối mỏy qua nội soi ổ bụng
4060	Phẫu thuật Miles qua nội soi
4061	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng + bảo tồn cơ thắt
4062	Phẫu thuật nội soi hạ búng trực tràng + tạo hình hậu môn/ dị dạng 1 thì
4063	Phẫu thuật nội soi second-look
4064	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng
4065	Phẫu thuật nội soi khõu treo trực tràng điêu trị sa trực tràng
4066	Nội soi cắt polyp dạ dày
4067	Nội soi cắt polyp trực tràng, đại tràng
4068	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
4069	Phẫu thuật nội soi cắt dầy dính trong ổ bụng
4070	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn
4071	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
4072	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị qua khe thực quản
4073	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị thoát vị cơ hoành
4074	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín
4075	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng
4076	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)
4077	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng
4078	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa
4079	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
4080	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non
4081	Phẫu thuật nội soi nối nang tuỵ - hỗng tràng
	Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC
	1. Thận
4082	Phẫu thuật nội soi tạo hình phần nối bể thận- niệu quản
4083	Phẫu thuật nội soi cắt thận
4084	Phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
4085	Phẫu thuật nội soi cắt đơn vị thận không chức năng với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi
4086	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi qua phúc mạc
4087	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi sau phúc mạc
4088	Cắt chỏm nang thận nội soi sau phúc mạc
4089	Cắt eo thận móng ngựa qua nội soi

4090	Cắt thận tận gốc qua nội soi ổ bụng hay mổ mở (bướu wilm)
4091	Phẫu thuật nội soi lấy thận của người cho trong ghép thận từ người cho sống
4092	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận
4093	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc và sau phúc mạc
4094	Phẫu thuật nội soi tạo hình bể thận - niệu quản qua nội soi sau phúc mạc
4095	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bể thận qua nội soi sau phúc mạc
4096	Phẫu thuật nội soi qua phúc mạc cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên/2 bên
4097	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt u tuyến thượng thận
	2. Niệu quản
4098	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc
4099	Phẫu thuật nội soi cắt nang niệu quản qua ngả niệu đạo
4100	Phẫu thuật nội soi cắm lại 2 niệu quản điều trị luồng trào ngược bàng quang - niệu quản bẩm sinh
4101	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
4102	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
4103	Điều trị sỏi thận bằng phương pháp nội soi ngược dòng bằng ống soi mềm + tán sỏi bằng laser
4104	Phẫu thuật nội soi nối niệu-quản niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng
4105	Phẫu thuật nội soi trồng lại niệu quản vào bàng quang
4106	Nội soi đặt sonde JJ
4107	Nội soi tháo sonde JJ
4108	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống cứng và máy tán hơi
4109	Tán sỏi niệu quản qua nội soi
4110	Phẫu thuật nội soi cắt nang niệu quản qua ngả niệu đạo
4111	Mở rộng niệu quản qua nội soi
	3. Bàng quang
4112	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang
4113	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
4114	Nội soi cắt u bàng quang
4115	Nội soi cắt u bàng quang tái phát
4116	Nội soi lấy sỏi bàng quang
4117	Nội soi bàng quang chẩn đoán
4118	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang
4119	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)
4120	Phẫu thuật nội soi điều trị túi sa niệu quản trong bàng quang
	Phẫu thuật nội soi tạo hình bàng quang
	4. Sinh dục, niệu đạo
4121	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt
4122	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng
4123	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu 2 bên
4124	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
4125	Thắt tĩnh mạch tinh nội soi điều trị giãn tĩnh mạch thừng tinh

4126	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo
4127	Cắt u niệu đạo, van niệu đạo qua nội soi
4128	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn từ trong ổ bụng 1 thì
4129	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn từ trong ổ bụng 2 thì
4130	Phẫu thuật nội soi ổ bụng thăm dò xác định giới tính ± sinh thiết
4131	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
4132	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
4133	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
4134	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần
4135	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần
4136	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng
4137	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
4138	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán
4139	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn
4140	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng
4141	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
	E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG
4142	Phẫu thuật nội soi hội chứng ống cổ tay
4143	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương điều trị tổn thương sụn khớp gối
4144	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp cổ chân đến muộn
4145	Tái tạo dây chằng khớp gối qua nội soi
4146	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân điều trị đau mãn tính sau chấn thương
4147	Phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống đường trước và hàn khớp
4148	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị đĩa đệm
4149	Phẫu thuật nội soi điều trị xơ hóa cơ ức đòn chũm
4150	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
4151	Phẫu thuật nội soi hàn cứng khớp cổ chân
4152	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
4153	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái hóa khớp cổ chân
4154	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân
4155	Phẫu thuật nội soi khớp gối tạo dây chằng chéo trước endo-button
4156	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khâu rách chóp xoay qua nội soi khớp vai
	G. PHẪU THUẬT KHÁC
4157	Phẫu thuật nội soi có Robot
4158	Phẫu thuật nội soi cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10cm
4159	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
4160	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng thanh quản
4161	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú đảo ngược vùng mũi xoang
4162	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng-thanh quản
4163	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp do ung thư tuyến giáp
4164	Phẫu thuật nội soi sinh thiết nội quan lồng ngực/ổ bụng
4165	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng

4166	Phẫu thuật nội soi qua một vết rạch
4167	Phẫu thuật nội soi qua 01 Troca
4168	Phẫu thuật nội soi bàng quang tiêm thuốc chống trào ngược
4169	Phẫu thuật nội soi trồng lại niệu quản trong bàng quang
4170	Hồi sức cấp cứu bệnh nhân chết não
	XXI. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
4171.	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong và dưới đòn Sơ sinh
4172.	Đặt buồng tiêm bằng phẫu thuật để nuôi ăn tĩnh mạch
4173.	Rút buồng tiêm bằng phẫu thuật sau dợt nuôi ăn tĩnh mạch
4174.	Gỡ bỏ điện cực tạo nhịp vĩnh viễn
4175.	Chạy máy ECMO mỗi 12h/lần
4176.	Hỗ trợ hô hấp bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)
4177.	Hỗ trợ hô hấp- tuần hoàn bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)
	XXII. Y HỌC CỔ TRUYỀN
4178.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn đại tiện
4179.	Điện nhĩ châm điều trị sa trực tràng
4180.	Điện nhĩ châm điều trị táo bón
4181.	Cấy chỉ điều trị sa trực tràng
4182.	Điện châm điều trị sa trực tràng
4183.	Thủy châm điều trị sa trực tràng
	XXIII. GÂY MÊ HỒI SỨC
4184.	Gây mê thay băng bỏng
4185.	Gây mê đặt canuyn ECMO
4186.	Gây mê rút canuyn ECMO
	XXIV. NỘI KHOA
	I. TIM MẠCH - HÔ HẤP
4187.	Nghiệm pháp bàn nghiêng
4188.	Theo dõi điện tim từ xa
4189.	Thay điện cực tạo nhịp
4190.	Tạo nhịp tim qua da
4191.	Theo dõi tim thai
4192.	Đặt điện cực kích thích tim qua da
4193.	Đo độ bão hòa oxy máu qua da
	K. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
4194.	Test lẩy da với các dị nguyên hô hấp
4195.	Test lẩy da với các dị nguyên thức ăn
4196.	Test lẩy da với các dị nguyên sữa
4197.	Test lẩy da với vacxin
4198.	Test dưới da với thuốc
4199.	Test dưới da với vacxin
4200.	Test áp da với thuốc
4201.	Test áp da với thức ăn

4202.	Test áp da với sữa
4203.	Challenge test với thuốc
4204.	Challenge test với thức ăn
4205.	Challenge test với sữa
4206.	Giảm mẫn cảm với thuốc uống
4207.	Giảm mẫn cảm với thuốc tiêm
4208.	Giảm mẫn cảm với thức ăn
4209.	Giảm mẫn cảm với sữa
4210.	Giảm mẫn cảm dưới lưỡi mạt nhà
4211.	Kỹ thuật sinh thiết da
4212.	Chăm sóc da cho bn steven jonhson
4213.	Chăm sóc quấn ướt cho bn chàm
4214.	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều
	XXV. MẮT
4215.	Đo khúc xạ khách quan
	XXVI. UNG BƯỚU
4216.	Rút buồng tiêm bằng phẫu thuật sau đợt hóa trị
4217.	Kỹ thuật chụp mạch máu vùng mạch máu não chẩn đoán
4218.	Kỹ thuật chích Bleomycin trên u tân dịch
4219.	Kỹ thuật chích Kenacort trên sẹo xấu, u vùng mặt
4220.	Đặt VP Shunt
4221.	Thay băng và thay kim buồng tiêm
4222.	Thay băng buồng tiêm
4223.	Phẫu thuật vi phẫu u não bán cầu
4224.	Phẫu thuật vi phẫu u tiểu não
4225.	Phẫu thuật vi phẫu u tủy
4226.	Phẫu thuật nội soi phá sàn não thất III + sinh thiết u
	XXVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ
4227.	Phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
	XXVIII. NGOẠI KHOA
4228.	Phẫu thuật thoát vị tủy - màng tủy hở
4229.	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - tâm nhĩ
4230.	Phẫu thuật dẫn lưu dưới màng cứng - màng bụng
4231.	Phẫu thuật dẫn lưu thắt lưng liên tục
4232.	Phẫu thuật bóc bao áp xe não
4233.	Phẫu thuật vi phẫu dị tật cột sống chẻ đôi kín
4234.	Phẫu thuật vi phẫu liệt co cứng chi
4235.	Phẫu thuật vi phẫu dị dạng mạch máu tủy
4236.	Phẫu thuật vi phẫu túi phình động mạch não
4237.	Phẫu thuật nội soi phá sàn não thất III
4238.	Phẫu thuật nội soi phá sàn não thất III + Đốt dám rối mạch mạc
4239.	Tạo hình hộp sọ sau chấn thương

4240.	Tạo hình khuyết xương bẩm sinh
4241.	Phẫu thuật điều trị hẹp hộp sọ
4242.	Phẫu thuật đặt canuyn cho chạy máy ECMO kiểu V V
4243.	Phẫu thuật đặt canuyn cho chạy máy ECMO kiểu V A
4244.	Thay van động mạch phổi qua da
4245.	Thay van động mạch chủ qua da
4246.	Tháo bột các loại
	XXIX. ĐIỆN QUANG
4247.	Chụp động mạch vành qua da
4248.	Siêu âm tim Doppler
4249.	Siêu âm tim Doppler tại giường
4250.	Siêu âm tim qua đường thực quản
4251.	Siêu âm trong buồng tim
4252.	Siêu âm tim thai qua thành bụng
4253.	Siêu âm tim thai qua đường âm đạo
	XXX. VI SINH
4254.	Xét nghiệm cặn dư phân
	XXXI. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
4255.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị các bệnh lý gan
4256.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị u nang ống mật chủ, nối mật ruột
4257.	Phẫu thuật nội soi robot điều trị teo mật (Phẫu thuật Kasai)
4258.	Phẫu thuật nội soi robot điều trị cắt các khối u ổ bụng
4259.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị các bệnh lý trong lồng ngực
4260.	Phẫu thuật nội soi robot điều trị cắt các khối u trung thất
4261.	Phẫu thuật nội soi robot điều trị cắt thuỳ phổi ở trẻ em, cắt thuỳ phổi điển hình
4262.	Phẫu thuật nội soi robot điều trị thoát vị cơ hoành
4263.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị các bệnh lý thận, tiết niệu
4264.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị thận ứ nước do hẹp phần nối bể thận niệu quản
4265.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị các bệnh lý đường tiêu hóa, các tạng đặc ổ bụng
4266.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh (Hirschsprung)
4267.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị dị tật hậu môn, trực tràng
4268.	Phẫu thuật nội soi Robot điều trị luồng trào ngược dạ dày thực quản

IV. LAO (NGOẠI LAO)

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT
1	2
1	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống cổ
2	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương tự thân
3	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương và nẹp vít phía trước
4	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống có đặt lồng Titan và nẹp vít
5	Phẫu thuật đặt lại khớp háng tư thế xấu do lao
6	Phẫu thuật thay khớp háng do lao

7	Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao
8	Phẫu thuật thay khớp gối do lao
9	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực
10	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng
11	Phẫu thuật lao cột sống thắt lưng-cùng
12	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn
13	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn
14	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai
15	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu
16	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay
17	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay
18	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay
19	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay
20	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu
21	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu
22	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng
23	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối
24	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân
25	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi
26	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân
27	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân
28	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng do lao
29	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao
30	Bơm rửa ổ lao khớp
31	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao
32	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ
33	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách
34	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn
35	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ
36	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực
37	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên
38	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực
39	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ
40	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách
41	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn
42.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh vùng cổ do lao cột sống cổ
43.	Phẫu thuật cố định cột sống bằng buộc chỉ thép liên gai sau do lao cột sống cổ
44.	Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và cố định lối trước do lao cột sống cổ
45.	Phẫu thuật giải ép tủy lối trước có ghép xương tụ thân và cố định cột sống lối sau do lao cột sống ngực, thắt lưng
46.	Phẫu thuật giải ép tủy lối sau, đặt dụng cụ liên thân đốt (cage) và nẹp vít cố định cột sống ngực, thắt lưng do lao

syt_hanoi_so Y te ha noi_02/01/2024 08:51:44

47.	Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và nẹp vít cố định lối trước do lao cột sống ngực, thắt lưng
48.	Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và nẹp vít cố định lối sau do lao cột sống ngực, thắt lưng
49.	Phẫu thuật lao cột sống có video hỗ trợ
50.	Phẫu thuật chỉnh hình gù, vẹo do di chứng lao cột sống
51.	Phẫu thuật tháo bỏ dụng cụ kết hợp xương do lao cột sống
52.	Phẫu thuật nội soi lao khớp vai
53.	Phẫu thuật nội soi lao khớp gối
54.	Phẫu thuật nội soi lao khớp háng
55.	Phẫu thuật thay khớp vai do lao
56.	Phẫu thuật hàn cứng khớp gối do lao (Arthrodesis)
57.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ
58.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức
V. DA LIỄU	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. NỘI KHOA
1	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng
2	Chăm sóc bệnh nhân dị ứng thuốc nặng
3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
	B. NGOẠI KHOA
	1. Thủ thuật
4	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO_2
5	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO_2
6	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO_2
7	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO_2
8	Điều trị dày sừng da dầu bằng Laser CO_2
9	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO_2
10	Điều trị sẩn cục bằng Laser CO_2
11	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO_2
12	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma
13	Điều trị hạt cơm bằng Plasma
14	Điều trị u mềm treo bằng Plasma
15	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma
16	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma
17	Điều trị sẩn cục bằng Plasma
18	Điều trị bớt sùi bằng Plasma
19	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng
20	Điều trị sẩn cục bằng Nitơ lỏng
21	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng
22	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng

23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da
24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn
25	Điều trị u mạch máu bằng YAG-KTP
26	Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP
27	Xoá xăm bằng YAG-KTP
28	Điều trị sẹo lồi bằng YAG-KTP
29	Điều trị u mạch máu bằng Laser màu (Pulsed Dye Laser)
30	Điều trị giãn mạch máu bằng Laser màu
31	Điều trị sẹo lồi bằng Laser màu
32	Điều trị u mạch máu bằng IPL (Intense Pulsed Light)
33	Điều trị giãn mạch máu bằng IPL
34	Điều chứng tăng sắc tố bằng IPL
35	Điều trị chứng rậm lông bằng IPL
36	Điều trị sẹo lồi bằng IPL
37	Điều trị trứng cá bằng IPL
38	Xoá nếp nhăn bằng IPL
39	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA toàn thân
40	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ
41	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB toàn thân
42	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ
43	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)
44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện
45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện
46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
47	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện
48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện
49	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện
50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện
51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
	2. Phẫu thuật
52	Phẫu thuật giải áp thần kinh cho người bệnh phong
53	Sinh thiết móng
54	Phẫu thuật điều trị u dưới móng
55	Phẫu thuật chuyển gân cơ chày sau điều trị cất cần cho người bệnh phong
56	Phẫu thuật chuyển gân gấp chung nông điều trị cò mềm các ngón tay cho người bệnh phong
57	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt đối chiếu ngón cái cho người bệnh phong
58	Phẫu thuật cấy lông mày cho người bệnh phong
59	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi (mắt thỏ) cho người bệnh phong
60	Phẫu thuật điều trị sa trễ mi dưới cho người bệnh phong
61	Phẫu thuật điều trị sập cầu mũi cho người bệnh phong
62	Phẫu thuật điều trị hẹp hố khẩu cái cho người bệnh phong
63	Phẫu thuật Mohs điều trị ung thư da

64	Sinh thiết da
65	Sinh thiết niêm mạc
66	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương cho người bệnh phong
67	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da
68	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt
69	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp
70	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương cho người bệnh phong
71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da
72	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong bằng chiếu Laser Hé- Né
73	Điều trị đau do zona bằng chiếu Laser Hé- Né
	C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC
74	Điều trị bệnh rám má bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
75	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
76	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
77	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
78	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
79	Điều trị dãn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
80	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
81	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
82	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
83	Điều trị bệnh trứng cá bằng máy Acthyderm
84	Điều trị lão hóa da bằng máy Acthyderm
85	Điều trị nếp nhăn da bằng máy Acthyderm
86	Điều trị rám má bằng máy Acthyderm
87	Điều trị tàn nhang bằng máy Acthyderm
88	Điều trị viêm da cơ địa bằng máy Acthyderm
89	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da
	D. PHẪU THUẬT
90.	Phẫu thuật sùi mào gà đường kính 5 cm trở lên
	Đ. THỦ THUẬT
91.	Chăm sóc người bệnh bị pemphieoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq....
92.	Xoá xăm bằng các kỹ thuật Laser Ruby
93.	Điều trị sẹo lõm bằng Laser Fractional, Intracell
94.	Xóa nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell
95.	Điều trị các bớt sắc tố bằng Laser Ruby
96.	Trẻ hóa da bằng các kỹ thuật Laser Fractional
97.	Điều trị rám má bằng laser Fractional
98.	Trẻ hoá da bằng Radiofrequency (RF)
99.	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giầu tiểu cầu (PRP)
100.	Trẻ hoá da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giầu tiểu cầu (PRP)
101.	Trẻ hoá da bằng máy Mesoderm
102.	Điều trị rám má bằng máy Mesoderm

103.	Điều trị mụn trứng cá bằng máy Mesoderm
104.	Điều trị rụng tóc bằng máy Mesoderm
105.	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED
106.	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin
107.	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED
108.	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)
109.	Điều trị bệnh rám má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
110.	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
111.	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
112.	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
113.	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
114.	Điều trị dãn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
115.	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
116.	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
117.	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ
	E. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DA LIỄU
118.	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật tay
119.	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật chân
120.	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật mắt thỏ
121.	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân xơ cứng bì
VI. TÂM THẦN	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ
1	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)
2	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton
3	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)
4	Thang đánh giá trầm cảm ở trẻ em
5	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)
6	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)
7	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)
8	Thang đánh giá hưng cảm Young
9	Thang đánh giá lo âu - zung
10	Thang đánh giá lo âu - Hamilton
11	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)
12	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)
13	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)
14	Thang đánh giá hành vi trẻ em (CBCL)
15	Thang đánh giá ấn tượng lâm sàng chung (CGI-S)
16	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)
17	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)

18	Trắc nghiệm RAVEN
19	Trắc nghiệm WAIS
20	Trắc nghiệm WICS
21	Thang đánh giá trí nhớ Wechsler (WMS)
22	Thang đánh giá tập trung chú ý Bourdon
23	Thang đánh giá tập trung chú ý Pictogram
24	Thang đánh giá hoạt động hàng ngày (ADLS)
25	Thang đánh giá nhân cách Roschach
26	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)
27	Thang đánh giá nhân cách (CAT)
28	Thang đánh giá nhân cách (TAT)
29	Thang đánh giá nhân cách catell
30	Bảng nghiệm kê nhân cách hướng nội hướng ngoại (EPI)
31	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)
32	Thang đánh giá vận động bất thường (AIMS)
33	Thang đánh giá bồn chồn bất an – BARNES
34	Thang điểm thiếu máu cục bộ Hachinski
35	Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit)
36	Thang đánh giá hội chứng cai rượu CIWA
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
37	Siêu âm doppler xuyên sọ
38	Đo điện não vi tính
39	Đo điện não vidio
40	Đo lưu huyết não
	C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ
41	Kích thích từ xuyên sọ (TMS)
42	Sốc điện thông thường
43	Sốc điện có gây mê
	D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ
44	Liệu pháp thư giãn luyện tập
45	Liệu pháp tâm lý nhóm
46	Liệu pháp tâm lý gia đình
47	Liệu pháp tâm kịch
48	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình
49	Liệu pháp giải thích hợp lý
50	Liệu pháp hành vi
51	Liệu pháp ám thị
52	Liệu pháp nhận thức hành vi
53	Liệu pháp nhận thức
54	Liệu pháp tâm lý động
55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)
	Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN

syt_hanoi_so Y te ha noi 03/01/2024 08:54

56	Liệu pháp âm nhạc
57	Liệu pháp hội hoạ
58	Liệu pháp thể dục, thể thao
59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội
60	Liệu pháp lao động
	E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC
61	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp
62	Xử trí trạng thái kích động
63	Xử trí trạng thái động kinh
64	Xử trí trạng thái không ăn
65	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính
66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần
67	Xử trí trạng thái loạn động muộn
68	Cấp cứu tự sát
69	Xử trí hạ huyết áp tư thế
70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần
71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần
72	Xử trí trạng thái sảng rượu
	G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY
73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu
74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu
75	Thang đánh giá mức độ nghiện Himmelbach
76	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện
77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần
78	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone
79	Điều trị hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học cổ truyền
80	Điều trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon
81	Điều trị hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện bằng Clonidine
82	Điều trị nghiện chất dạng Amphetamine
83	Điều trị nghiện rượu
84.	Thang PANSS
85.	Trắc nghiệm đánh giá năng lực của trẻ K-ABC
86.	Thang VANDERBILT
87.	Bảng đánh giá cho trẻ khiếm thị và chậm phát triển từ 0-6 tuổi
	H. KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
88.	Trắc nghiệm Gille
VII. NỘI TIẾT	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	1. Kỹ thuật chung
1	Phẫu thuật tuyến nội tiết có sinh thiết tức thì

2	Phẫu thuật tuyến nội tiết có áp tế bào tức thì
3	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp
4	Cắt u tuyến yên
5	Cắt u tuyến tùng
6	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
7	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
8	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
9	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
10	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
11	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
12	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
13	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
14	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
15	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
16	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow
17	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
18	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
19	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
20	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
21	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
22	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
23	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật
24	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
25	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
26	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
27	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
28	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
29	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
30	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp
31	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
32	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
33	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
34	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
35	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
36	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên
37	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên
	2. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao siêu âm
38	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao siêu âm
39	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
40	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm

41	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
42	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
43	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
44	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
45	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm
46	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm
47	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm
48	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao siêu âm
49	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm
50	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
51	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
52	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
53	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
54	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
55	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao siêu âm
56	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng bằng dao siêu âm
57	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng bằng dao siêu âm
58	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng bằng dao siêu âm
59	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm
60	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm
61	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm
62	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao siêu âm
63	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao siêu âm
64	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao siêu âm
65	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm
66	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
67	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm
68	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
	3. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao Ligasure
69	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao ligasure
70	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
71	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
72	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
73	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
74	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
75	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
76	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure

77	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao ligasure
78	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
79	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao ligasure
80	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
81	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
82	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
83	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
84	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
85	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
86	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao ligasure
87	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng bằng dao ligasure
88	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng bằng dao ligasure
89	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng bằng dao ligasure
90	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao ligasure
91	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ bằng dao ligasure
92	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao ligasure
93	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao ligasure
94	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao ligasure
95	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao ligasure
96	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
97	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
98	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
99	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
	4. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao lưỡng cực
100	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao lưỡng cực
101	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
102	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
103	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
104	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
105	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực
106	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực
107	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao lưỡng cực
108	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao lưỡng cực
109	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao lưỡng cực
110	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao lưỡng cực
111	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao lưỡng cực
112	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
113	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực

114	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
115	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
116	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
117	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao lưỡng cực
118	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng bằng dao lưỡng cực
119	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng bằng dao lưỡng cực
120	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng bằng dao lưỡng cực
121	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao lưỡng cực
122	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ bằng dao lưỡng cực
123	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao lưỡng cực
124	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao lưỡng cực
125	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao lưỡng cực
126	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao lưỡng cực
127	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực
128	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
129	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực
130	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
	5. Phẫu thuật nội soi (PTNS) các tuyến nội tiết bằng dao siêu âm
131	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao siêu âm
132	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
133	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
134	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
135	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
136	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
137	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
138	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm
139	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm
140	PTNS cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm
141	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao siêu âm
142	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm
143	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
144	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
145	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
146	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm

147	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
148	PTNS nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao siêu âm
149	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao siêu âm
150	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao siêu âm
151	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao siêu âm
152	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao siêu âm
153	PTNS cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao siêu âm
154	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao siêu âm
155	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm
156	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
157	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm
158	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
159	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao siêu âm
	6. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao Ligasure
160	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao ligasure
161	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
162	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
163	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
164	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
165	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
166	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
167	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure
168	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao ligasure
169	PTNS cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
170	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao ligasure
171	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
172	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
173	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
174	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
175	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
176	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
177	PTNS nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao ligasure
178	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure
179	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure

180	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure
181	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao ligasure
182	PTNS cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao ligasure
183	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao ligasure
184	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
185	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
186	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
187	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
188	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao ligasure
	7. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao lưỡng cực
189	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao lưỡng cực
190	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
191	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
192	PTNS cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
193	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực
194	PTNS cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực
195	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực
196	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao lưỡng cực
197	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao lưỡng cực
198	PTNS cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao lưỡng cực
199	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao lưỡng cực
200	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao lưỡng cực
201	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
202	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
203	PTNS cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
204	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
205	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực
206	PTNS nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao lưỡng cực
207	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao lưỡng cực
208	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao lưỡng cực
209	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ bằng dao lưỡng cực
210	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao lưỡng cực
211	PTNS cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao lưỡng cực
212	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao lưỡng cực

213	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực
214	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
215	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực
216	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
217	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao lưỡng cực
	8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường
218	Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
219	Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường
220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường
221	Ghép da tự thân bằng mảnh da tròn nhỏ <5mm trên người bệnh đái tháo đường
222	Ghép da tự thân bằng mảnh da dài mỏng trên người bệnh đái tháo đường
223	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên người bệnh đái tháo đường
224	Ghép da tự thân bằng các mảnh da lớn, dày toàn lớp da trên người bệnh đái tháo đường
225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường
227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
229	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường
231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường
232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường
233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
235	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết kém) (danh từ tiểu phẫu cần ghi rõ)
236	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)
237	Điều trị bệnh lý võng mạc đái tháo đường bằng laser
238	Điều trị vết loét bằng máy hút áp lực âm (giảm áp vết loét) trên người bệnh đái tháo đường
239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
	9. Các kỹ thuật khác
242	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp
243	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm
244	Chọc hút tế bào tuyến giáp
245	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm
246.	Sinh thiết tức thì trong phẫu thuật tuyến nội tiết
247.	Áp tế bào tức thì trong phẫu thuật tuyến nội tiết
VIII. GÂY MÊ HỒI SỨC	

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	GÂY MÊ HỒI SỨC
	A. CÁC KỸ THUẬT
1	Kỹ thuật an thần PCS
2	Kỹ thuật cách ly dự phòng
3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng
4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường
5	Cai máy thở bằng chế độ thông minh
6	Cấp cứu cao huyết áp
7	Cấp cứu ngừng thở
8	Cấp cứu ngừng tim
9	Cấp cứu ngừng tim bằng máy tự động
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
12	Chăm sóc catheter động mạch
13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
14	Chăm sóc và theo dõi áp lực nội sọ
15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong
17	Chọc tĩnh mạch đùi
18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn
19	Chọc tủy sống đường bên
20	Chọc tủy sống đường giữa
21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật
22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường
23	Đặt bóng đối xung động mạch chủ ngực
24	Đặt các đường vào mạch máu cho bóng đối xung động mạch chủ ngực
25	Đặt các đường vào mạch máu cho ECMO
26	Đặt catether theo dõi áp lực nội sọ
27	Đặt catheter động mạch phổi
28	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài
29	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi
30	Đặt cathether theo dõi áp lực oxy não
31	Đặt Combitube
32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu
33	Đặt mát thanh quản Fastract
34	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương
35	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương
36	Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chẹn phế quản (blocker)
37	Đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy
38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng

39	Đặt nội khí quản khó trong phẫu thuật hàm mặt
40	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).
41	Đặt nội khí quản mò qua mũi
42	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương
43	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương
44	Đặt nội khí quản qua mũi
45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại
46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp
47	Đặt ống thông khí phổi 2 nòng
48	Đặt ống thông khí phổi bằng nội soi phế quản
49	Đặt tư thế năm sấp khi thở máy
50	Đo lưu lượng tim bằng điện từ trường
51	Đo lưu lượng tim bằng Doppler qua thực quản
52	Đo lưu lượng tim bằng sóng huyết áp (Flotac)
53	Đo lưu lượng tim không xâm lấn bằng siêu âm USCOM
54	Đo lưu lượng tim PiCCO
55	Đo lưu lượng tim qua catheter Swan-Ganz
56	Đo và theo dõi $ScvO_2$
57	Đo và theo dõi SjO_2
58	Đo và theo dõi SvO_2
59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic
60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
61	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy
62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ
63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill
64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp
65	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong chọc hút trứng
66	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai
67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental
68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda
69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1
70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu
71	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng ngực
72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa
73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên
74	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn
75	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang
76	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách
77	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông
78	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu
79	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy dò xung điện
80	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm

81	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng
82	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tủy sống - ngoài màng cứng
83	Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống
84	Kỹ thuật gây tê khoang cùng
85	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai
86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay
87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay
88	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to
89	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh
90	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò thần kinh
91	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò xung điện
92	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy siêu âm
93	Kỹ thuật gây tê tủy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai
94	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai
95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân
96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối
97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch
100	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA
101	Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tủy sống
102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
103	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện
104	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện
105	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA
106	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter
107	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh qua catheter
108	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)
109	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC
110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp
111	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim tủy sống-ngoài màng cứng (CSE)
112	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC
113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương
114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật
115	Hạ thân nhiệt chỉ huy
116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê
117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê
118	Hút dẫn lưu ngực
119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín
120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản

121	Huy động phế nang ở bệnh nhân thở máy
122	Kỹ thuật ECMO
123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
124	Xoay trở bệnh nhân thở máy
125	Xử trí dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng và hút liên tục đường dò)
126	Lấy lại máu bằng Cell saver
127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
128	Lọc gan MARS
129	Lọc màng bụng cấp cứu
130	Lọc máu liên tục
131	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường qui
132	Lọc máu thay huyết tương
133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc
134	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng
135	Mê tĩnh mạch theo TCI
136	Mở khí quản
137	Mở khí quản bằng dụng cụ nong
138	Mở khí quản qua da bằng bóng nong
139	Nâng thân nhiệt chỉ huy
140	Nội soi khí phế quản ở người bệnh suy thở, thở máy
141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
143	Nuôi dưỡng qua ống thông hỗng tràng
144	Oxy cao áp
145	Pha loãng máu trước hoặc trong hoặc sau khi phẫu thuật
146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)
147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
148	Rửa tay phẫu thuật
149	Rửa tay sát khuẩn
150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
152	Thẩm phân phúc mạc
153	Theo dõi ACT tại chỗ
154	Theo dõi áp lực động mạch phổi
155	Theo dõi áp lực nhĩ trái trong phẫu thuật tim
156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
157	Theo dõi bão hòa oxy mô vùng (SrO_2)
158	Theo dõi dãn cơ bằng máy
159	Theo dõi độ mê bằng BIS
160	Theo dõi độ mê bằng đo stress phẫu thuật
161	Theo dõi độ mê bằng ENTROPY
162	Theo dõi đông máu tại chỗ

163	Theo dõi đường giấy tại chỗ
164	Theo dõi đường máu liên tục bằng monitor
165	Theo dõi $EtCO_2$
166	Theo dõi Hb tại chỗ
167	Theo dõi Hct tại chỗ
168	Theo dõi huyết áp không xấm lấn bằng máy
169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy
170	Theo dõi huyết động bằng siêu âm qua thực quản
171	Theo dõi khí máu tại chỗ
172	Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản
173	Theo dõi SpO_2
174	Theo dõi TEG tại chỗ
175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy
176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
177	Thở CPAP không qua máy thở
178	Thở khí NO
179	Thở máy hai phổi độc lập (ILV)
180	Thở máy tần số cao hoặc tương đương
181	Thở máy xâm nhập ở người bệnh ARDS
182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau
183	Thở oxy gọng kính
184	Thở oxy qua mặt nạ
185	Thở oxy qua mũ kín
186	Thở oxy qua ống chữ T
187	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac
188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở
189	Thông khí một phổi
190	Thông khí qua màng giáp nhẫn
191	Thông khí trong phẫu thuật hoặc đặt stent khí quản
192	Thường qui đặt nội khí quản khó
193	Tiến hành tuần hoàn ngoài cơ thể bằng máy
194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
195	Truyền dịch thường qui
196	Truyền dịch trong sốc
197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
198	Truyền máu khối lượng lớn
199	Truyền máu trong sốc
200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em
204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh

205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường
	B. GÂY MÊ
206	Gây mê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em
207	Gây mê áp tia bêta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em
208	Gây mê bóc nội mạc động mạch cảnh
209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
210	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
211	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim
212	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
213	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
214	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường
215	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
216	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
217	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
218	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP
219	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi
220	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus
221	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP
222	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non
223	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược
224	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu
225	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu
226	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng
227	Gây mê nội soi buồng tử cung can thiệp
228	Gây mê nội soi buồng tử cung chẩn đoán
229	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
230	Gây mê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
231	Gây mê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
232	Gây mê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
233	Gây mê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản
234	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
235	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
236	Gây mê nội soi nối vòi tử cung
237	Gây mê nội soi nong hẹp thực quản
238	Gây mê nội soi nong niệu quản hẹp
239	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán
240	Gây mê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
241	Gây mê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
242	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản
243	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
244	Gây mê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ
245	Gây mê nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận

246	Gây mê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
247	Gây mê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản
248	Gây mê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
249	Gây mê phẫu thuật áp xe dưới màng tủy
250	Gây mê phẫu thuật áp xe gan
251	Gây mê phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ
252	Gây mê phẫu thuật áp xe não
253	Gây mê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng
254	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành /Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
255	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành có hay không dùng tim phổi nhân tạo
256	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong
257	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay
258	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển và động mạch quay
259	Gây mê phẫu thuật bắc cầu động mạch/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
260	Gây mê phẫu thuật bắc cầu mạch vành có đặt bóng dội ngược động mạch chủ
261	Gây mê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi
262	Gây mê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài
263	Gây mê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh
264	Gây mê phẫu thuật bàn chân thuổng
265	Gây mê phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel
266	Gây mê phẫu thuật bảo tồn
267	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi
268	Gây mê phẫu thuật bệnh lý van hai lá trẻ em
269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ
270	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối
271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa
272	Gây mê phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh không tím có và không tuần hoàn ngoài cơ thể của trẻ em
273	Gây mê phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
274	Gây mê phẫu thuật bóc bao áp xe não
275	Gây mê phẫu thuật bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
276	Gây mê phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)
277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
278	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú
279	Gây mê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
280	Gây mê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc
281	Gây mê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối
282	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc tái phát
283	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
284	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù

285	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
287	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
288	Gây mê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em
289	Gây mê phẫu thuật bướu cổ
290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn
291	Gây mê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới
292	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp
293	Gây mê phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang
294	Gây mê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi
295	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
296	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
297	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
298	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
299	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
300	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
301	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
302	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
303	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
304	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow
305	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
306	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
307	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
308	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ
309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
310	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên
311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
312	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
313	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
314	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
315	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
316	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
317	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ
318	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột

319	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang
320	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
321	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang
322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
323	Gây mê phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
324	Gây mê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất anti VEGF
325	Gây mê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng
326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên
327	Gây mê phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi
328	Gây mê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi
329	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
331	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
332	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
333	Gây mê phẫu thuật cắt chắp có bọc
334	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình
335	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ
336	Gây mê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư
337	Gây mê phẫu thuật cắt chỏm nang gan
338	Gây mê phẫu thuật cắt cổ bàng quang
339	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
340	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller
341	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
342	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
343	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
344	Gây mê phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
345	Gây mê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
347	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi
348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
349	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
350	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
351	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
352	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
353	Gây mê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi
355	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy
356	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
357	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới

358	Gây mê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
359	Gây mê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
360	Gây mê phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần
361	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
362	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn
365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn
369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
372	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái
373	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần
374	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý
375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương
376	Gây mê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
377	Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày
378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
382	Gây mê phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan
383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời
384	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương
385	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn
386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
387	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
388	Gây mê phẫu thuật cắt màng tim rộng
389	Gây mê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
390	Gây mê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh
392	Gây mê phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng
393	Gây mê phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
394	Gây mê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
395	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
396	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
397	Gây mê phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ
398	Gây mê phẫu thuật cắt một phần tuỵ

399	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
400	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
401	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
402	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
403	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
404	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
405	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng
406	Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy
407	Gây mê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
408	Gây mê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
409	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
410	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ
411	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
412	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
413	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu quản
414	Gây mê phẫu thuật cắt nối thực quản
415	Gây mê phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt
416	Gây mê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột
417	Gây mê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch
418	Gây mê phẫu thuật cắt nửa xuơng hảm trên hoặc dưới
419	Gây mê phẫu thuật cắt ống động mạch
420	Gây mê phẫu thuật cắt phân thùy gan
421	Gây mê phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan
422	Gây mê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
423	Gây mê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
424	Gây mê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau
425	Gây mê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo
426	Gây mê phẫu thuật cắt polyp mũi
427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
428	Gây mê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
431	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
434	Gây mê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng
435	Gây mê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
436	Gây mê phẫu thuật cắt thận
437	Gây mê phẫu thuật cắt thận bán phần
438	Gây mê phẫu thuật cắt thận đơn thuần
439	Gây mê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách

440	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X chọn lọc
441	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X siêu chọn lọc
442	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X toàn bộ
443	Gây mê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
444	Gây mê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
445	Gây mê phẫu thuật cắt thân và đuôi tuỵ
446	Gây mê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ
447	Gây mê phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn
448	Gây mê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
449	Gây mê phẫu thuật cắt thị thần kinh
450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
451	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản
452	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non
453	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
454	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực
455	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
456	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
457	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
458	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
459	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực
460	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)
461	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ gan trái
462	Gây mê phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư
463	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ hoặc phân thuỳ phổi do ung thư
464	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại
465	Gây mê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp
466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn
468	Gây mê phẫu thuật cắt tinh mạc
469	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
470	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.
471	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
472	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
473	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
474	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng
475	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
476	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
477	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản
478	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng

479	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
480	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
481	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy
482	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
483	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
484	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
485	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
486	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
487	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
488	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
489	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
490	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
491	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
492	Gây mê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư
493	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn
495	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
497	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
498	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
499	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng
500	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
502	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung
504	Gây mê phẫu thuật cắt túi lệ
505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật
506	Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản
507	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng
508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel
509	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo
510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng
511	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ
512	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực
513	Gây mê phẫu thuật cắt tụy trung tâm
514	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
515	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
516	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
517	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên
518	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên

519	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận
520	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
521	Gây mê phẫu thuật cắt u bán phần sau
522	Gây mê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
523	Gây mê phẫu thuật cắt u biểu bì
524	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
525	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu
527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
529	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
531	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản
532	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
533	Gây mê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII
534	Gây mê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII
535	Gây mê phẫu thuật cắt u hố sau u góc cầu tiểu não
536	Gây mê phẫu thuật cắt u hố sau u tiểu não
537	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ
538	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
539	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mũi
540	Gây mê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
541	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
542	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
543	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
545	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)
546	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
547	Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm
548	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi
549	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
550	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
551	Gây mê phẫu thuật cắt u màng tim
552	Gây mê phẫu thuật cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
553	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
554	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
555	Gây mê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
556	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
557	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
558	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
559	Gây mê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm

561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
565	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
566	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
567	Gây mê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản
568	Gây mê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
569	Gây mê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
570	Gây mê phẫu thuật cắt u niêm mạc má
571	Gây mê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng
572	Gây mê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
573	Gây mê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
574	Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
575	Gây mê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch
576	Gây mê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
578	Gây mê phẫu thuật cắt u tá tràng
579	Gây mê phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương
580	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
581	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh
582	Gây mê phẫu thuật cắt u thành âm đạo
583	Gây mê phẫu thuật cắt u thành ngực
584	Gây mê phẫu thuật cắt u thực quản
585	Gây mê phẫu thuật cắt u tiền phòng
586	Gây mê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
587	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo
588	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
589	Gây mê phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu
590	Gây mê phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực
591	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
592	Gây mê phẫu thuật cắt u tuỵ
593	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
594	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
595	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
596	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
597	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
598	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ
599	Gây mê phẫu thuật cắt u vú lành tính
600	Gây mê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
601	Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
602	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm

603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành
604	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
605	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên
606	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
607	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
608	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang
609	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
610	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình
611	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
612	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
613	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng …
614	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da
615	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
616	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ
617	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
618	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
619	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm
620	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư thận
621	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.
622	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
623	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
624	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư túi mật
625	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái
626	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay
627	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
628	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ
629	Gây mê phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản
630	Gây mê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
631	Gây mê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình
632	Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn
633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ
634	
635	Gây mê phẫu thuật chấn thương sọ não
636	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
637	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
638	Gây mê phẫu thuật chích áp xe gan
639	Gây mê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
640	Gây mê phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
641	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
642	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
643	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ
644	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm

645	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
646	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
647	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
648	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
649	Gây mê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
650	
651	Gây mê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
652	Gây mê phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ
653	Gây mê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ
654	Gây mê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang
655	Gây mê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)
656	Gây mê phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi
657	Gây mê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
658	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
659	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
660	Gây mê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
661	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay
662	Gây mê phẫu thuật cố định mảng sườn di động
663	Gây mê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ
664	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
665	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
666	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
667	Gây mê phẫu thuật có sốc
668	Gây mê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
669	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương
670	Gây mê phẫu thuật đại phẫu ngực ở trẻ em (các khối u trong lồng ngực, các bệnh lí bẩm sinh tim phổi…)
671	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
672	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
674	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
675	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
676	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên
677	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu thận
678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật
679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp
680	Gây mê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt
681	Gây mê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
682	Gây mê phẫu thuật đặt khung định vị u não
683	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
684	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
685	Gây mê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
686	Gây mê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi

687	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
688	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực
689	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi
690	Gây mê phẫu thuật đặt stent quai động mạch chủ
691	Gây mê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
692	Gây mê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
693	Gây mê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
694	Gây mê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
695	Gây mê phẫu thuật dị dạng tử cung
696	Gây mê phẫu thuật di thực hàng lông mi
697	Gây mê phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri
698	Gây mê phẫu thuật điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới
699	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
700	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ
701	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung
702	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi
703	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi
704	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
705	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
706	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
707	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
708	Gây mê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
709	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
710	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
711	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
712	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chụp và nối mạch máu
713	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu
714	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
715	Gây mê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
716	Gây mê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
717	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
718	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
719	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
720	Gây mê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
721	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
722	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
723	Gây mê phẫu thuật điều trị hở mi
724	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
725	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ

728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
729	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên
730	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên
731	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
732	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
733	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt
734	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
735	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
736	Gây mê phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu
737	Gây mê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
738	Gây mê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
739	Gây mê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
740	Gây mê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)
741	Gây mê phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh
742	Gây mê phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
743	Gây mê phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi
744	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
745	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
746	Gây mê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
747	Gây mê phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
748	Gây mê phẫu thuật điều trị són tiểu
749	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
750	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật
751	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại
752	Gây mê phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
753	Gây mê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
754	Gây mê phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
755	Gây mê phẫu thuật điều trị teo thực quản
756	Gây mê phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ
757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
763	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
765	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
766	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
767	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng

770	Gây mê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh
771	Gây mê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
772	Gây mê phẫu thuật điều trị thực quản đôi
773	Gây mê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
774	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang
775	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột
776	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
777	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
779	Gây mê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser
780	Gây mê phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất
781	Gây mê phẫu thuật điều trị vẹo cổ
782	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
783	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật
784	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận
786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ
787	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
789	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
790	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức
791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
792	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương tim
793	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí
794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
795	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
796	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim
797	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
798	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
799	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
800	Gây mê phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
801	Gây mê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
802	Gây mê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
803	Gây mê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
804	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
805	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
806	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
807	Gây mê phẫu thuật Doenig
808	Gây mê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
809	Gây mê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
810	Gây mê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân

811	Gây mê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
812	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)
813	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp khác
814	Gây mê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên
815	Gây mê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
816	Gây mê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang
817	Gây mê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
818	Gây mê phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim
819	Gây mê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
820	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau phẫu thuật tủy sống
821	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm
822	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
823	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng
824	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán
825	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ
826	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá
827	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ
828	Gây mê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
829	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
830	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da
831	Gây mê phẫu thuật động mạch chủ bụng
832	Gây mê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên có thay van động mạch chủ (PT Bental)
833	Gây mê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên
834	Gây mê phẫu thuật đóng thông liên nhĩ
835	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương
836	Gây mê phẫu thuật đục xương sửa trục
837	Gây mê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
838	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
839	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
841	Gây mê phẫu thuật Epicanthus
842	Gây mê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
843	Gây mê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
844	Gây mê phẫu thuật gan- mật
845	Gây mê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
846	Gây mê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay

848	Gây mê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
849	Gây mê phẫu thuật ghép củng mạc
850	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
851	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
852	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%
853	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%
854	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%
855	Gây mê phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
857	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể
858	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể
859	Gây mê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
860	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc
861	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
862	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lớp
863	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo
864	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân
865	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên
866	Gây mê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu
867	Gây mê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
868	Gây mê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
869	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt
870	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt
871	Gây mê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc
872	Gây mê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu
873	Gây mê phẫu thuật ghép van tim đồng loài
874	Gây mê phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
875	Gây mê phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
876	Gây mê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
877	Gây mê phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
878	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
879	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
880	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
881	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu
882	Gây mê phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V
883	Gây mê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
884	Gây mê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù

885	Gây mê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
886	Gây mê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
887	Gây mê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn
888	Gây mê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)
889	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên
890	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên
891	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên
892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên
893	Gây mê phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
894	Gây mê phẫu thuật hẹp khe mi
895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
896	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ ấp có kết hợp xương
897	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương
898	Gây mê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II
900	Gây mê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
901	Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
902	Gây mê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng
903	Gây mê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng
904	Gây mê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
905	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (KHX) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
906	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
907	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
908	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
909	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
910	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
911	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép
912	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
913	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
914	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép
915	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
916	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
917	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép
918	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
919	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
920	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
921	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
922	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
923	Gây mê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
924	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
925	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
926	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối

927	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
928	Gây mê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
929	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân
930	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
931	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
932	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
933	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
934	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
935	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay
936	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
937	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
938	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
939	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
940	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
941	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
942	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
943	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
944	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
945	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
946	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
947	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi
948	Gây mê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
949	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
950	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
951	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
952	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
953	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
954	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
955	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
956	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
957	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
958	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
959	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
960	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
961	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
962	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
963	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
964	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Monteggia
965	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
966	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
967	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
968	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần

969	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
970	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang
971	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
972	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Pilon
973	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay
974	Gây mê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
975	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
976	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
977	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
978	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân
979	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
980	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
981	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
982	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
983	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
984	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
985	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
986	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
987	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
988	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
989	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
990	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
991	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
992	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
993	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay
994	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
995	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
996	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai
997	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
998	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý
999	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đòn
1000	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
1001	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
1002	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương gót
1003	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
1004	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
1005	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp
1006	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
1007	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
1008	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
1009	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
1010	Gây mê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)

1011	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
1012	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
1013	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
1014	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên
1015	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
1016	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
1017	Gây mê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp vít, ốc, khóa)
1018	Gây mê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
1019	Gây mê phẫu thuật lác người lớn
1020	Gây mê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)
1021	Gây mê phẫu thuật lác thông thường
1022	Gây mê phẫu thuật lách hoặc tụy
1023	Gây mê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
1024	Gây mê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
1025	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
1026	Gây mê phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.
1027	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em
1028	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
1029	Gây mê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
1030	Gây mê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
1031	Gây mê phẫu thuật làm thẳng dương vật
1032	Gây mê phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc
1033	Gây mê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
1034	Gây mê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
1035	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
1036	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc
1037	Gây mê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
1038	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
1039	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
1040	Gây mê phẫu thuật laser mở bao sau đục
1041	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay
1042	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
1043	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy
1044	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
1045	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương
1046	Gây mê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
1047	Gây mê phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não
1048	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
1049	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
1050	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm

1051	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
1052	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng
1053	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ
1054	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực
1055	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
1056	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
1057	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
1058	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
1059	Gây mê phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
1060	Gây mê phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
1061	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
1062	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
1063	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cuống gan
1064	Gây mê phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
1065	Gây mê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
1066	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
1067	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
1068	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
1069	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
1070	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
1071	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
1072	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
1073	Gây mê phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)
1074	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
1075	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
1076	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
1077	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
1078	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang
1079	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
1080	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
1081	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
1082	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
1083	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
1084	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
1085	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
1087	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
1088	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
1089	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
1090	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
1091	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang

1092	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận
1093	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng
1094	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng
1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo
1096	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
1097	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
1098	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
1099	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
1100	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
1101	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
1102	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
1103	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
1104	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
1105	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
1106	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
1108	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
1110	Gây mê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng
1111	Gây mê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực
1112	Gây mê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
1113	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm
1114	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
1115	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
1116	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi
1117	Gây mê phẫu thuật loai 3
1118	Gây mê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)
1119	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
1120	Gây mê phẫu thuật lùi cơ nâng mi
1121	Gây mê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)
1122	Gây mê phẫu thuật mắt ở trẻ em
1123	Gây mê phẫu thuật miless
1124	Gây mê phẫu thuật mở bao sau
1125	Gây mê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
1126	Gây mê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
1127	Gây mê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
1128	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò
1129	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
1130	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết

1131	Gây mê phẫu thuật mở cơ môn vị
1132	Gây mê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong
1133	Gây mê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới
1134	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
1135	Gây mê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
1136	Gây mê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
1137	Gây mê phẫu thuật mở góc tiền phòng
1138	Gây mê phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán
1139	Gây mê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
1140	Gây mê phẫu thuật mở màng phổi tối đa
1141	Gây mê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
1142	Gây mê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương
1143	Gây mê phẫu thuật mở ngực thăm dò
1144	Gây mê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi
1145	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
1146	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
1147	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
1148	Gây mê phẫu thuật mở rộng điểm lệ
1149	Gây mê phẫu thuật mở rộng khe mi
1150	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
1151	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
1152	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)
1153	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày
1154	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
1155	Gây mê phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Gây mê phẫu thuật mở thông hồi tràng
1156	Gây mê phẫu thuật mở thông túi mật
1157	Gây mê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
1158	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
1159	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
1160	Gây mê phẫu thuật mộng đơn thuần
1161	Gây mê phẫu thuật múc nội nhãn
1162	Gây mê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt
1163	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch cổ
1164	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D1
1165	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D2
1166	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D3
1167	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D4
1168	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch trung thất
1169	Gây mê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt

1170	Gây mê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
1171	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
1172	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày
1173	Gây mê phẫu thuật nội kẹp ống động mạch
1174	Gây mê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
1175	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
1176	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng
1177	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng
1178	Gây mê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng
1179	Gây mê phẫu thuật nối niệu quản - đài thận
1180	Gây mê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
1181	Gây mê phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
1182	Gây mê phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
1183	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
1184	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
1185	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
1186	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
1187	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
1188	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
1189	Gây mê phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản
1190	Gây mê phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang
1191	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
1192	Gây mê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
1193	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
1194	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ phổi
1195	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
1196	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1197	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
1198	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
1199	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
1200	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
1201	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
1202	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
1203	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1204	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1205	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
1206	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
1207	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α
1208	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
1209	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
1210	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
1211	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương

1212	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
1213	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
1214	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
1215	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
1216	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi
1217	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
1218	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc
1219	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
1220	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
1221	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
1222	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
1223	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
1224	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
1225	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
1226	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo
1227	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
1228	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
1229	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
1230	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
1231	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
1232	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu
1233	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
1234	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay
1235	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
1236	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
1237	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
1238	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
1239	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
1240	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
1241	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
1242	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
1243	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
1244	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
1245	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
1246	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
1247	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
1248	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
1249	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V
1250	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
1251	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI

1252	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
1253	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
1254	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
1255	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
1256	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
1257	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
1258	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phải
1259	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
1260	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
1261	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
1262	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
1263	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
1264	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan trái
1265	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
1266	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật
1267	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
1268	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
1269	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
1270	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)
1271	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khủyu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
1272	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
1273	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
1274	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
1275	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
1276	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách
1277	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
1278	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
1279	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử
1280	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
1281	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
1282	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt mấu răng C2 (mỏm nha) qua miệng
1283	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa
1284	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
1285	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang lách
1286	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
1287	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng
1288	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x
1289	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất
1290	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy

1291	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
1292	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
1293	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
1294	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng
1295	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
1296	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái
1297	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
1298	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
1299	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
1300	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
1301	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
1302	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
1303	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận dư số
1304	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
1305	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X
1306	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
1307	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách
1308	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy
1309	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản
1310	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải
1311	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái
1312	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải
1313	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng dạ dày
1314	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
1315	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thực quản và toàn bộ dạ dày qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
1316	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
1317	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
1318	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
1319	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
1320	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
1321	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
1322	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
1323	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
1324	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
1325	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
1326	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
1327	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1328	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1329	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
1330	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
1331	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
1332	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo

1333	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn
1334	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn
1335	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
1336	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật
1337	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
1338	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
1339	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
1340	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
1341	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
1342	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
1343	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
1344	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
1345	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
1346	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
1347	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
1348	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
1349	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
1350	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
1351	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải
1352	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
1353	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
1354	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
1355	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
1356	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
1357	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u OMC
1358	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
1359	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
1360	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
1361	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
1362	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
1363	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
1364	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy
1365	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
1366	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
1367	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
1368	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
1369	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em
1370	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)
1371	Gây mê phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
1372	Gây mê phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung
1373	Gây mê phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo

1374	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)
1375	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
1376	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
1377	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
1378	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
1379	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
1380	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
1381	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
1382	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
1383	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
1384	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
1385	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)
1386	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
1387	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
1388	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
1389	Gây mê phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V
1390	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa
1391	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
1392	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
1393	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
1394	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
1395	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
1396	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
1397	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương
1398	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
1399	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh
1400	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
1401	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
1402	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
1403	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
1404	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
1405	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
1406	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
1407	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
1408	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
1409	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
1410	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
1411	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
1412	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x
1413	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ

1414	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
1415	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
1416	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
1417	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai
1418	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
1419	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài
1420	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
1421	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
1422	Gây mê phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
1423	Gây mê phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
1424	Gây mê phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
1425	Gây mê phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
1426	Gây mê phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
1427	Gây mê phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
1428	Gây mê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
1429	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
1430	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
1431	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
1432	Gây mê phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
1433	Gây mê phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
1434	Gây mê phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
1435	Gây mê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
1436	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
1437	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
1438	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi
1439	Gây mê phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
1440	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
1441	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
1442	Gây mê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
1443	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
1444	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
1445	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
1446	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
1447	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp
1448	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
1449	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
1450	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
1451	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
1452	Gây mê phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
1453	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
1454	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
1455	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay

1456	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
1457	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
1458	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
1459	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
1460	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
1461	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
1462	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)
1463	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
1464	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)
1465	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
1466	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
1467	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
1468	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
1469	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
1470	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1471	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
1472	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
1473	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
1474	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
1475	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
1476	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1477	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
1478	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
1479	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
1480	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
1481	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
1482	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
1483	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
1484	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
1485	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1486	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
1487	Gây mê phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
1488	Gây mê phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực
1489	Gây mê phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
1490	Gây mê phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
1491	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
1492	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
1493	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường tru¬ớc trong vẹo cột sống
1494	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
1495	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
1496	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy máu tụ

1497	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp
1498	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
1499	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
1500	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
1501	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
1502	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau
1503	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
1504	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u não thất
1505	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
1506	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
1507	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
1508	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng
1509	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
1510	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
1511	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
1512	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
1513	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
1514	Gây mê phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim–màng phổi
1515	Gây mê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
1516	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
1517	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
1518	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
1519	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
1520	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
1521	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
1522	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
1523	Gây mê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
1524	Gây mê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
1525	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
1526	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
1527	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
1528	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
1529	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
1530	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
1531	Gây mê phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
1532	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
1533	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
1534	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
1535	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
1536	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
1537	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
1538	Gây mê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi

1539	Gây mê phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
1540	Gây mê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
1541	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
1542	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
1543	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
1544	Gây mê phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
1545	Gây mê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
1546	Gây mê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất
1547	Gây mê phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
1548	Gây mê phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
1549	Gây mê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
1550	Gây mê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
1551	Gây mê phẫu thuật nội soi Robotigae
1552	Gây mê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
1553	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
1554	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
1555	Gây mê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
1556	Gây mê phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
1557	Gây mê phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
1558	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
1559	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)
1560	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng
1561	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
1562	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
1563	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
1564	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
1565	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
1566	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
1567	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
1568	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
1569	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
1570	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
1571	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
1572	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
1573	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
1574	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
1575	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
1576	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
1577	Gây mê phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
1578	Gây mê phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
1579	Gây mê phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)

1580	Gây mê phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
1581	Gây mê phẫu thuật nội soi thay van hai lá
1582	Gây mê phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
1583	Gây mê phẫu thuật nội soi tủy sống
1584	Gây mê phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
1585	Gây mê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
1586	Gây mê phẫu thuật nội soi u mạc treo
1587	Gây mê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
1588	Gây mê phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
1589	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
1590	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
1591	Gây mê phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
1592	Gây mê phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
1593	Gây mê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
1594	Gây mê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
1595	Gây mê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
1596	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
1597	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non
1598	Gây mê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
1599	Gây mê phẫu thuật nối tụy ruột
1600	Gây mê phẫu thuật nối vị tràng
1601	Gây mê phẫu thuật nối vòi tử cung
1602	Gây mê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
1603	Gây mê phẫu thuật nong niệu đạo
1604	Gây mê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)
1605	Gây mê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
1606	Gây mê phẫu thuật quặm bẩm sinh
1607	Gây mê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
1608	Gây mê phẫu thuật sa sinh dục
1609	Gây mê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn
1610	Gây mê phẫu thuật tháo lồng ruột
1611	Gây mê phẫu thuật ứ máu kinh
1612	Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mi
1613	Gây mê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
1614	Gây mê phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
1615	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi
1616	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai
1617	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
1618	Gây mê tán sỏi qua da bằng laser
1619	Gây mê tán sỏi qua da bằng siêu âm

1620	Gây mê tán sỏi qua da bằng xung hơi
1621	Gây mê tán sỏi thận qua da
1622	Gây mê thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em
1623	Gây mê trung phẫu ngực ở trẻ em
	C. HỒI SỨC
1624	Hồi sức áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em
1625	Hồi sức áp tia bêta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em
1626	Hồi sức bóc nội mạc động mạch cảnh
1627	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
1628	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
1629	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim
1630	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
1631	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
1632	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường
1633	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
1634	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
1635	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
1636	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELL
1637	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi
1638	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus
1639	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP
1640	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non
1641	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược
1642	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu
1643	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu
1644	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng
1645	Hồi sức nội soi buồng tử cung can thiệp
1646	Hồi sức nội soi buồng tử cung chẩn đoán
1647	Hồi sức nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
1648	Hồi sức nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
1649	Hồi sức nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
1650	Hồi sức nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
1651	Hồi sức nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản
1652	Hồi sức nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
1653	Hồi sức nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
1654	Hồi sức nội soi nối vòi tử cung
1655	Hồi sức nội soi nong hẹp thực quản
1656	Hồi sức nội soi nong niệu quản hẹp
1657	Hồi sức nội soi ổ bụng chẩn đoán
1658	Hồi sức nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
1659	Hồi sức nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
1660	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản

1661	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
1662	Hồi sức nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ
1663	Hồi sức nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận
1664	Hồi sức nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
1665	Hồi sức nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản
1666	Hồi sức nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
1667	Hồi sức phẫu thuật áp xe dưới màng tủy
1668	Hồi sức phẫu thuật áp xe gan
1669	Hồi sức phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ
1670	Hồi sức phẫu thuật áp xe não
1671	Hồi sức phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng
1672	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch vành /Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
1673	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch vành có hay không dùng tim phổi nhân tạo
1674	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong
1675	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay
1676	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển và động mạch quay
1677	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu động mạch/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
1678	Hồi sức phẫu thuật bắc cầu mạch vành có đặt bóng dội ngược động mạch chủ
1679	Hồi sức phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi
1680	Hồi sức phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài
1681	Hồi sức phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh
1682	Hồi sức phẫu thuật bàn chân thuổng
1683	Hồi sức phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel
1684	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn
1685	Hồi sức phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi
1686	Hồi sức phẫu thuật bệnh lý van hai lá trẻ em
1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ
1688	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối
1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa
1690	Hồi sức phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh không tím có và không tuần hoàn ngoài cơ thể của trẻ em
1691	Hồi sức phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
1692	Hồi sức phẫu thuật bóc bao áp xe não
1693	Hồi sức phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
1694	Hồi sức phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)
1695	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
1696	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ vú
1697	Hồi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
1698	Hồi sức phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM
1699	Hồi sức phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối
1700	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc tái phát

1701	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
1702	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù
1703	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
1704	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
1705	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
1706	Hồi sức phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em
1707	Hồi sức phẫu thuật bướu cổ
1708	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn
1709	Hồi sức phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới
1710	Hồi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp
1711	Hồi sức phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang
1712	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi
1713	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
1714	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
1715	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
1716	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
1717	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
1718	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
1719	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
1720	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1721	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
1722	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow
1723	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
1724	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
1725	Hồi sức phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
1726	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ
1727	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
1728	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên
1729	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
1730	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
1731	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1732	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
1733	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1734	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
1735	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ

1736	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
1737	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang
1738	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
1739	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang
1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
1741	Hồi sức phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
1742	Hồi sức phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
1743	Hồi sức phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng
1744	Hồi sức phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên
1745	Hồi sức phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi
1746	Hồi sức phẫu thuật cắt các khối u ở phổi
1747	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
1749	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
1750	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chắp có bọc
1752	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình
1753	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ
1754	Hồi sức phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư
1755	Hồi sức phẫu thuật cắt chỏm nang gan
1756	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ bàng quang
1757	Hồi sức phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
1758	Hồi sức phẫu thuật cắt cơ Muller
1759	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
1760	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
1761	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
1762	Hồi sức phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
1763	Hồi sức phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
1764	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
1765	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt chi
1766	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
1767	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
1768	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
1769	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
1770	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
1771	Hồi sức phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
1772	Hồi sức phẫu thuật cắt đoạn chi
1773	Hồi sức phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy
1774	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ

1775	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
1776	Hồi sức phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
1777	Hồi sức phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
1778	Hồi sức phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần
1779	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
1780	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1781	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
1782	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn
1783	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
1784	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
1785	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
1786	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn
1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
1788	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
1790	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái
1791	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bán phần
1792	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý
1793	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương
1794	Hồi sức phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
1795	Hồi sức phẫu thuật cắt lại dạ dày
1796	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
1800	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan
1801	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời
1802	Hồi sức phẫu thuật cắt lồi xương
1803	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn
1804	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
1805	Hồi sức phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
1806	Hồi sức phẫu thuật cắt màng tim rộng
1807	Hồi sức phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
1808	Hồi sức phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
1809	Hồi sức phẫu thuật cắt mào tinh
1810	Hồi sức phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng
1811	Hồi sức phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
1812	Hồi sức phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
1813	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
1814	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
1815	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ

1816	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần tuỵ
1817	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
1818	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
1819	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
1820	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
1821	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
1822	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
1823	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng
1824	Hồi sức phẫu thuật cắt nang tụy
1825	Hồi sức phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
1826	Hồi sức phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
1827	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
1828	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ
1829	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
1830	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
1831	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu quản
1832	Hồi sức phẫu thuật cắt nối thực quản
1833	Hồi sức phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt
1834	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột
1835	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch
1836	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa xuơng hảm trên hoặc dưới
1837	Hồi sức phẫu thuật cắt ống động mạch
1838	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thùy gan
1839	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan
1840	Hồi sức phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
1841	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
1842	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau
1843	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo
1844	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp mũi
1845	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
1846	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
1847	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
1849	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
1852	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng
1853	Hồi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
1854	Hồi sức phẫu thuật cắt thận
1855	Hồi sức phẫu thuật cắt thận bán phần
1856	Hồi sức phẫu thuật cắt thận đơn thuần

1857	Hồi sức phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
1858	Hồi sức phẫu thuật cắt thần kinh X chọn lọc
1859	Hồi sức phẫu thuật cắt thần kinh X siêu chọn lọc
1860	Hồi sức phẫu thuật cắt thần kinh X toàn bộ
1861	Hồi sức phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
1862	Hồi sức phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
1863	Hồi sức phẫu thuật cắt thân và đuôi tuy
1864	Hồi sức phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ
1865	Hồi sức phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn
1866	Hồi sức phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
1867	Hồi sức phẫu thuật cắt thị thần kinh
1868	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
1869	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản
1870	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non
1871	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
1872	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực
1873	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
1874	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
1875	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
1876	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
1877	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực
1878	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)
1879	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ gan trái
1880	Hồi sức phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư
1881	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ hoặc phần thuỳ phổi do ung thư
1882	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại
1883	Hồi sức phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp
1884	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
1885	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn
1886	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh mạc
1887	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
1888	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.
1889	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
1890	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
1891	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
1892	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng
1893	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
1894	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
1895	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản

1896	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
1897	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
1898	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
1899	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tụy
1900	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
1901	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
1902	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
1903	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1904	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1905	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
1906	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
1907	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
1908	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
1909	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
1910	Hồi sức phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư
1911	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn
1913	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
1915	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
1916	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
1917	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng
1918	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
1920	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung
1922	Hồi sức phẫu thuật cắt túi lệ
1923	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật
1924	Hồi sức phẫu thuật cắt túi sa niệu quản
1925	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng
1926	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel
1927	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo
1928	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng
1929	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ
1930	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực
1931	Hồi sức phẫu thuật cắt tụy trung tâm
1932	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
1933	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
1934	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
1935	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên

1936	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên
1937	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận
1938	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
1939	Hồi sức phẫu thuật cắt u bán phần sau
1940	Hồi sức phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
1941	Hồi sức phẫu thuật cắt u biểu bì
1942	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
1943	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
1944	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu
1945	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
1946	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
1947	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
1948	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi không ghép
1949	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản
1950	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
1951	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII
1952	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII
1953	Hồi sức phẫu thuật cắt u hố sau u góc cầu tiểu não
1954	Hồi sức phẫu thuật cắt u hố sau u tiểu não
1955	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ
1956	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
1957	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mũi
1958	Hồi sức phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
1959	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
1960	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
1961	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
1962	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
1963	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)
1964	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
1965	Hồi sức phẫu thuật cắt u lợi hàm
1966	Hồi sức phẫu thuật cắt u lưỡi
1967	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
1968	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
1969	Hồi sức phẫu thuật cắt u màng tim
1970	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
1971	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
1972	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
1973	Hồi sức phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
1974	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
1975	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
1976	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
1977	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da

1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
1980	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
1982	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
1983	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
1984	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
1985	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản
1986	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
1987	Hồi sức phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
1988	Hồi sức phẫu thuật cắt u niêm mạc má
1989	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng
1990	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
1991	Hồi sức phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
1992	Hồi sức phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
1993	Hồi sức phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch
1994	Hồi sức phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
1995	Hồi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
1996	Hồi sức phẫu thuật cắt u tá tràng
1997	Hồi sức phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương
1998	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
1999	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh
2000	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành âm đạo
2001	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành ngực
2002	Hồi sức phẫu thuật cắt u thực quản
2003	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiền phòng
2004	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
2005	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo
2006	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
2007	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu
2008	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực
2009	Hồi sức phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
2010	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuỵ
2011	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
2012	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
2013	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
2014	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
2015	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
2016	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ
2017	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú lành tính
2018	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
2019	Hồi sức phẫu thuật cắt u vùng họng miệng

2020	Hồi sức phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
2021	Hồi sức phẫu thuật cắt u xương lành
2022	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
2023	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên
2024	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
2025	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
2026	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang
2027	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
2028	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình
2029	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
2030	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
2031	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng …
2032	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da
2033	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
2034	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ
2035	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
2036	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
2037	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm
2038	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư thận
2039	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.
2040	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
2041	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
2042	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư túi mật
2043	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái
2044	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay
2045	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
2046	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ
2047	Hồi sức phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản
2048	Hồi sức phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
2049	Hồi sức phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình
2050	Hồi sức phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn
2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ
2052	
2053	Hồi sức phẫu thuật chấn thương sọ não
2054	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
2055	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
2056	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan
2057	Hồi sức phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
2058	Hồi sức phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
2059	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
2060	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
2061	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ

2062	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
2063	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
2064	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
2065	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
2066	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
2067	Hồi sức phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
2068	
2069	Hồi sức phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
2070	Hồi sức phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ
2071	Hồi sức phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ
2072	Hồi sức phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang
2073	Hồi sức phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)
2074	Hồi sức phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi
2075	Hồi sức phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
2076	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
2077	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
2078	Hồi sức phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
2079	Hồi sức phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay
2080	Hồi sức phẫu thuật cố định mảng sườn di động
2081	Hồi sức phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ
2082	Hồi sức phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
2083	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
2084	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
2085	Hồi sức phẫu thuật có sốc
2086	Hồi sức phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương
2088	Hồi sức phẫu thuật đại phẫu ngực ở trẻ em (các khối u trong lồng ngực, các bệnh lí bẩm sinh tim phổi…)
2089	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
2090	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
2091	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
2092	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
2093	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
2094	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên
2095	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu thận
2096	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật
2097	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp
2098	Hồi sức phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt
2099	Hồi sức phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
2100	Hồi sức phẫu thuật đặt khung định vị u não
2101	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
2102	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
2103	Hồi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)

2104	Hồi sức phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi
2105	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
2106	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực
2107	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch đùi
2108	Hồi sức phẫu thuật đặt stent quai động mạch chủ
2109	Hồi sức phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
2110	Hồi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
2111	Hồi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
2112	Hồi sức phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
2113	Hồi sức phẫu thuật dị dạng tử cung
2114	Hồi sức phẫu thuật di thực hàng lông mi
2115	Hồi sức phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri
2116	Hồi sức phẫu thuật điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới
2117	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
2118	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ
2119	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung
2120	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi
2121	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi
2122	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
2123	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
2124	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
2125	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
2126	Hồi sức phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
2127	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
2128	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
2129	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
2130	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chụp và nối mạch máu
2131	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu
2132	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
2133	Hồi sức phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
2134	Hồi sức phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
2135	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
2136	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
2137	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
2138	Hồi sức phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
2139	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
2140	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
2141	Hồi sức phẫu thuật điều trị hở mi
2142	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
2143	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
2144	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay

2145	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
2146	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
2147	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên
2148	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên
2149	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
2150	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
2151	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt
2152	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
2153	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
2154	Hồi sức phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu
2155	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
2156	Hồi sức phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
2157	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
2158	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)
2159	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh
2160	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
2161	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi
2162	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
2163	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
2164	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
2165	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
2166	Hồi sức phẫu thuật điều trị són tiểu
2167	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
2168	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật
2169	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại
2170	Hồi sức phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
2171	Hồi sức phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
2172	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
2173	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo thực quản
2174	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ
2175	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
2176	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
2177	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
2178	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
2179	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
2180	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
2181	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
2182	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
2183	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
2184	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
2185	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
2186	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác

2187	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng
2188	Hồi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh
2189	Hồi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
2190	Hồi sức phẫu thuật điều trị thực quản đôi
2191	Hồi sức phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
2192	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang
2193	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột
2194	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
2195	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
2196	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
2197	Hồi sức phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser
2198	Hồi sức phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất
2199	Hồi sức phẫu thuật điều trị vẹo cổ
2200	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
2201	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật
2202	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
2203	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận
2204	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ
2205	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
2206	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
2207	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
2208	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức
2209	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
2210	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương tim
2211	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí
2212	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
2213	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
2214	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim
2215	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
2216	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
2217	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
2218	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
2219	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
2220	Hồi sức phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
2221	Hồi sức phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
2222	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
2223	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
2224	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
2225	Hồi sức phẫu thuật Doenig
2226	Hồi sức phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
2227	Hồi sức phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân

2228	Hồi sức phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân
2229	Hồi sức phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
2230	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)
2231	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp khác
2232	Hồi sức phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên
2233	Hồi sức phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
2234	Hồi sức phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang
2235	Hồi sức phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
2236	Hồi sức phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim
2237	Hồi sức phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
2238	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau phẫu thuật tủy sống
2239	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm
2240	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
2241	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng
2242	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán
2243	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ
2244	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá
2245	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ
2246	Hồi sức phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
2248	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da
2249	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ bụng
2250	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên có thay van động mạch chủ (PT Bental)
2251	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên
2252	Hồi sức phẫu thuật đóng thông liên nhĩ
2253	Hồi sức phẫu thuật đục chỏi xương
2254	Hồi sức phẫu thuật đục xương sửa trục
2255	Hồi sức phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
2256	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
2257	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
2258	Hồi sức phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
2259	Hồi sức phẫu thuật Epicanthus
2260	Hồi sức phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
2261	Hồi sức phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
2262	Hồi sức phẫu thuật gan- mật
2263	Hồi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi

2264	Hồi sức phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
2265	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
2266	Hồi sức phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
2267	Hồi sức phẫu thuật ghép củng mạc
2268	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
2269	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
2270	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%
2271	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%
2272	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%
2273	Hồi sức phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
2274	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
2275	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể
2276	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể
2277	Hồi sức phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
2278	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc
2279	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
2280	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lớp
2281	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo
2282	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc tự thân
2283	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc xuyên
2284	Hồi sức phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu
2285	Hồi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
2286	Hồi sức phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
2287	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt
2288	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt
2289	Hồi sức phẫu thuật ghép nội mô giác mạc
2290	Hồi sức phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu
2291	Hồi sức phẫu thuật ghép van tim đồng loài
2292	Hồi sức phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
2293	Hồi sức phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2294	Hồi sức phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
2295	Hồi sức phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
2296	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
2297	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2298	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
2299	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu
2300	Hồi sức phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V

2301	Hồi sức phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
2302	Hồi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
2303	Hồi sức phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
2304	Hồi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
2305	Hồi sức phẫu thuật hạ lại tinh hoàn
2306	Hồi sức phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)
2307	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên
2308	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên
2309	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên
2310	Hồi sức phẫu thuật hạch ngoại biên
2311	Hồi sức phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
2312	Hồi sức phẫu thuật hẹp khe mi
2313	Hồi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
2314	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ ấp có kết hợp xương
2315	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương
2316	Hồi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II
2318	Hồi sức phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
2319	Hồi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
2320	Hồi sức phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng
2321	Hồi sức phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng
2322	Hồi sức phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
2323	Hồi sức phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
2324	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
2325	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
2326	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
2327	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
2328	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
2329	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép
2330	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
2331	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
2332	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép
2333	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
2334	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
2335	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép
2336	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
2337	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
2338	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
2339	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
2340	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
2341	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
2342	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay

2343	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
2344	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
2345	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
2346	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
2347	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ chân
2348	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
2349	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
2350	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
2351	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
2352	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
2353	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay
2354	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
2355	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
2356	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
2357	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
2358	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
2359	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
2360	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
2361	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
2362	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
2363	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
2364	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
2365	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi
2366	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
2367	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
2368	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
2369	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
2370	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
2371	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
2372	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
2373	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
2374	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
2375	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
2376	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
2377	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
2378	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
2379	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
2380	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
2381	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
2382	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Monteggia
2383	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
2384	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay

2385	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
2386	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
2387	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
2388	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang
2389	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
2390	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Pilon
2391	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay
2392	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
2393	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
2394	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
2395	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
2396	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân
2397	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
2398	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
2399	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
2400	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
2401	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
2402	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
2403	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
2404	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
2405	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
2406	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
2407	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
2408	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
2409	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
2410	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
2411	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay
2412	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
2413	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
2414	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bả vai
2415	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
2416	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý
2417	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đòn
2418	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
2419	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
2420	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương gót
2421	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
2422	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
2423	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp
2424	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
2425	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
2426	Hồi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương

2427	Hồi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
2428	Hồi sức phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
2429	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
2430	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
2431	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
2432	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên
2433	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
2434	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
2435	Hồi sức phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp vít, ốc, khóa)
2436	Hồi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
2437	Hồi sức phẫu thuật lác người lớn
2438	Hồi sức phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)
2439	Hồi sức phẫu thuật lác thông thường
2440	Hồi sức phẫu thuật lách hoặc tụy
2441	Hồi sức phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
2442	Hồi sức phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
2443	Hồi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
2444	Hồi sức phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.
2445	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em
2446	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
2447	Hồi sức phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
2448	Hồi sức phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
2449	Hồi sức phẫu thuật làm thẳng dương vật
2450	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc
2451	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
2452	Hồi sức phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
2453	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
2454	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc
2455	Hồi sức phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
2456	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
2457	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
2458	Hồi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục
2459	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay
2460	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
2461	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy
2462	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
2463	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương
2464	Hồi sức phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
2465	Hồi sức phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não
2466	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu

2467	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
2468	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
2469	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
2470	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng
2471	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ
2472	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực
2473	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
2474	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
2475	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
2476	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
2477	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
2478	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
2479	Hồi sức phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
2480	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
2481	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cuống gan
2482	Hồi sức phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
2483	Hồi sức phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
2484	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
2485	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
2486	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
2487	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
2488	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
2489	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
2490	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
2491	Hồi sức phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)
2492	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
2493	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
2494	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
2495	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
2496	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang
2497	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
2498	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
2499	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
2500	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
2501	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
2502	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
2503	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
2504	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
2505	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
2506	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
2507	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt

2508	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
2509	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
2510	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận
2511	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng
2512	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng
2513	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo
2514	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
2515	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
2516	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
2517	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
2518	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
2519	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
2520	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
2521	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
2522	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
2523	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
2524	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
2525	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
2526	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
2527	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
2528	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng
2529	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực
2530	Hồi sức phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
2531	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm
2532	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
2533	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
2534	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi
2535	Hồi sức phẫu thuật loai 3
2536	Hồi sức phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)
2537	Hồi sức phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
2538	Hồi sức phẫu thuật lùi cơ nâng mi
2539	Hồi sức phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)
2540	Hồi sức phẫu thuật mắt ở trẻ em
2541	Hồi sức phẫu thuật miless
2542	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau
2543	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
2544	Hồi sức phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
2545	Hồi sức phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
2546	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò

2547	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
2548	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết
2549	Hồi sức phẫu thuật mở cơ môn vị
2550	Hồi sức phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong
2551	Hồi sức phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới
2552	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
2553	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
2554	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
2555	Hồi sức phẫu thuật mở góc tiền phòng
2556	Hồi sức phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán
2557	Hồi sức phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
2558	Hồi sức phẫu thuật mở màng phổi tối đa
2559	Hồi sức phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
2560	Hồi sức phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương
2561	Hồi sức phẫu thuật mở ngực thăm dò
2562	Hồi sức phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi
2563	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
2564	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
2565	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
2566	Hồi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ
2567	Hồi sức phẫu thuật mở rộng khe mi
2568	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
2569	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
2570	Hồi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)
2571	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày
2572	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
2573	Hồi sức phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Hồi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng
2574	Hồi sức phẫu thuật mở thông túi mật
2575	Hồi sức phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
2576	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
2577	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
2578	Hồi sức phẫu thuật mộng đơn thuần
2579	Hồi sức phẫu thuật múc nội nhãn
2580	Hồi sức phẫu thuật nâng sàn hốc mắt
2581	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch cổ
2582	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D1
2583	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D2
2584	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D3
2585	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D4

2586	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch trung thất
2587	Hồi sức phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt
2588	Hồi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
2589	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
2590	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày
2591	Hồi sức phẫu thuật nội kẹp ống động mạch
2592	Hồi sức phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
2593	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
2594	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng
2595	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng
2596	Hồi sức phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng
2597	Hồi sức phẫu thuật nối niệu quản - đài thận
2598	Hồi sức phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
2599	Hồi sức phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
2600	Hồi sức phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
2601	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
2602	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
2603	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
2604	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
2605	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
2606	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
2607	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản
2608	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang
2609	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
2610	Hồi sức phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
2611	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
2612	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ phổi
2613	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
2614	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2615	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
2616	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
2617	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
2618	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
2619	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
2620	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
2621	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2622	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2623	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
2624	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
2625	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α
2626	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
2627	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2

2628	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
2629	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
2630	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
2631	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
2632	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
2633	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
2634	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi
2635	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
2636	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc
2637	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2638	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
2639	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2640	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2641	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
2642	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
2643	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
2644	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo
2645	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
2646	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
2647	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
2648	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
2649	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
2650	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu
2651	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
2652	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay
2653	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
2654	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
2655	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
2656	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
2657	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
2658	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
2659	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
2660	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
2661	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
2662	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
2663	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
2664	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
2665	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
2666	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
2667	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V

2668	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
2669	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI
2670	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
2671	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
2672	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
2673	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
2674	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
2675	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
2676	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phải
2677	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
2678	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
2679	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
2680	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
2681	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
2682	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trái
2683	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
2684	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật
2685	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
2686	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
2687	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
2688	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)
2689	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khủyu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
2690	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
2691	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
2692	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
2693	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
2694	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách
2695	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
2696	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
2697	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử
2698	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
2699	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
2700	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mấu răng C2 (mỏm nha) qua miệng
2701	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa
2702	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
2703	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang lách
2704	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
2705	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng
2706	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x

2707	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất
2708	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tụy
2709	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
2710	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
2711	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
2712	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng
2713	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
2714	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái
2715	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
2716	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
2717	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
2718	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
2719	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
2720	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
2721	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận dư số
2722	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
2723	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X
2724	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
2725	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách
2726	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy
2727	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản
2728	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải
2729	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái
2730	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải
2731	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng dạ dày
2732	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
2733	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản và toàn bộ dạ dày qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
2734	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
2735	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
2736	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
2737	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
2738	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
2739	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
2740	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
2741	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
2742	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
2743	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
2744	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
2745	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2746	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2747	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
2748	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp

2749	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
2750	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
2751	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn
2752	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn
2753	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
2754	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật
2755	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
2756	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
2757	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
2758	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
2759	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
2760	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
2761	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
2762	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
2763	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
2764	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
2765	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
2766	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
2767	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
2768	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
2769	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải
2770	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
2771	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
2772	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
2773	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
2774	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
2775	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u OMC
2776	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
2777	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
2778	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
2779	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
2780	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
2781	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
2782	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy
2783	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
2784	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
2785	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
2786	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
2787	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em
2788	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)
2789	Hồi sức phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
2790	Hồi sức phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung

2791	Hồi sức phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
2792	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)
2793	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
2794	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
2795	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
2796	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
2797	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
2798	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
2799	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
2800	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
2801	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
2802	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
2803	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)
2804	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
2805	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
2806	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
2807	Hồi sức phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V
2808	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa
2809	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
2810	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
2811	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
2812	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
2813	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
2814	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
2815	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương
2816	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
2817	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh
2818	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
2819	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
2820	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
2821	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
2822	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
2823	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
2824	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
2825	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
2826	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
2827	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
2828	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
2829	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
2830	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x

2831	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
2832	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
2833	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
2834	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
2835	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai
2836	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
2837	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài
2838	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
2839	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
2840	Hồi sức phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
2841	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
2842	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
2843	Hồi sức phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
2844	Hồi sức phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
2845	Hồi sức phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
2846	Hồi sức phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
2847	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
2848	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
2849	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
2850	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
2851	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
2852	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
2853	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
2854	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
2855	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
2856	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi
2857	Hồi sức phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
2858	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
2859	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
2860	Hồi sức phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
2861	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
2862	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
2863	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
2864	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
2865	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp
2866	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
2867	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
2868	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
2869	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
2870	Hồi sức phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
2871	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
2872	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan

2873	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay
2874	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
2875	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
2876	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2877	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
2878	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2879	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2880	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)
2881	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
2882	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)
2883	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
2884	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
2885	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
2886	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
2887	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
2888	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2889	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
2890	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
2891	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
2892	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
2893	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
2894	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2895	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
2896	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
2897	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
2898	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
2899	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
2900	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
2901	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
2902	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
2903	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2904	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
2905	Hồi sức phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
2906	Hồi sức phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực
2907	Hồi sức phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
2908	Hồi sức phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
2909	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
2910	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
2911	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trư¬ớc trong vẹo cột sống
2912	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
2913	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông

2914	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
2915	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp
2916	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
2917	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
2918	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
2919	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
2920	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau
2921	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
2922	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não thất
2923	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
2924	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
2925	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
2926	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng
2927	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
2928	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
2929	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
2930	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
2931	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
2932	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim–màng phổi
2933	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
2934	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
2935	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
2936	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
2937	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
2938	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
2939	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
2940	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
2941	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
2942	Hồi sức phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
2943	Hồi sức phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
2944	Hồi sức phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
2945	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
2946	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
2947	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
2948	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
2949	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
2950	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
2951	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
2952	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
2953	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
2954	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
2955	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng

2956	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi
2957	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
2958	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
2959	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
2960	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
2961	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
2962	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
2963	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
2964	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất
2965	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
2966	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
2967	Hồi sức phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
2968	Hồi sức phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
2969	Hồi sức phẫu thuật nội soi Robotigae
2970	Hồi sức phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
2971	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
2972	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
2973	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
2974	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
2975	Hồi sức phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
2976	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
2977	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)
2978	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng
2979	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
2980	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
2981	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
2982	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
2983	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
2984	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
2985	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
2986	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
2987	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
2988	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
2989	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
2990	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
2991	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2992	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2993	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2994	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
2995	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
2996	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong

2997	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)
2998	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
2999	Hồi sức phẫu thuật nội soi thay van hai lá
3000	Hồi sức phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
3001	Hồi sức phẫu thuật nội soi tủy sống
3002	Hồi sức phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
3003	Hồi sức phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
3004	Hồi sức phẫu thuật nội soi u mạc treo
3005	Hồi sức phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
3006	Hồi sức phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
3007	Hồi sức phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
3008	Hồi sức phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
3009	Hồi sức phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
3010	Hồi sức phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
3011	Hồi sức phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
3012	Hồi sức phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
3013	Hồi sức phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
3014	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
3015	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non
3016	Hồi sức phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
3017	Hồi sức phẫu thuật nối tụy ruột
3018	Hồi sức phẫu thuật nối vị tràng
3019	Hồi sức phẫu thuật nối vòi tử cung
3020	Hồi sức phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
3021	Hồi sức phẫu thuật nong niệu đạo
3022	Hồi sức phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)
3023	Hồi sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
3024	Hồi sức phẫu thuật quặm bẩm sinh
3025	Hồi sức phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
3026	Hồi sức phẫu thuật sa sinh dục
3027	Hồi sức phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn
3028	Hồi sức phẫu thuật tháo lồng ruột
3029	Hồi sức phẫu thuật ứ máu kinh
3030	Hồi sức phẫu thuật vá da tạo hình mi
3031	Hồi sức phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
3032	Hồi sức phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
3033	Hồi sức phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi
3034	Hồi sức phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai
3035	Hồi sức rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
3036	Hồi sức tán sỏi qua da bằng laser

3037	Hồi sức tán sỏi qua da bằng siêu âm
3038	Hồi sức tán sỏi qua da bằng xung hơi
3039	Hồi sức tán sỏi thận qua da
3040	Hồi sức thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em
3041	Hồi sức trung phẫu ngực ở trẻ em
	D. GÂY TÊ
3042	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em
3043	Gây tê áp tia bêta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em
3044	Gây tê bóc nội mạc động mạch cảnh
3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
3046	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP
3047	Gây tê nội soi buồng tử cung can thiệp
3048	Gây tê nội soi buồng tử cung chẩn đoán
3049	Gây tê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
3050	Gây tê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
3051	Gây tê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
3052	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
3053	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản
3054	Gây tê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
3055	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
3056	Gây tê nội soi nối vòi tử cung
3057	Gây tê nội soi nong hẹp thực quản
3058	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp
3059	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán
3060	Gây tê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
3061	Gây tê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
3062	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản
3063	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
3064	Gây tê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ
3065	Gây tê nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận
3066	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
3067	Gây tê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản
3068	Gây tê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
3069	Gây tê phẫu thuật áp xe dưới màng tủy
3070	Gây tê phẫu thuật áp xe gan
3071	Gây tê phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ
3072	Gây tê phẫu thuật áp xe não
3073	Gây tê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng
3074	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành /Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
3075	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành có hay không dùng tim phổi nhân tạo
3076	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong
3077	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay

3078	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển và động mạch quay
3079	Gây tê phẫu thuật bắc cầu động mạch/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
3080	Gây tê phẫu thuật bắc cầu mạch vành có đặt bóng dội ngược động mạch chủ
3081	Gây tê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi
3082	Gây tê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài
3083	Gây tê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh
3084	Gây tê phẫu thuật bàn chân thuổng
3085	Gây tê phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel
3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn
3087	Gây tê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi
3088	Gây tê phẫu thuật bệnh lý van hai lá trẻ em
3089	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ
3090	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối
3091	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa
3092	Gây tê phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh không tím có và không tuần hoàn ngoài cơ thể của trẻ em
3093	Gây tê phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
3094	Gây tê phẫu thuật bóc bao áp xe não
3095	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
3096	Gây tê phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)
3097	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
3098	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ vú
3099	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
3100	Gây tê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM
3101	Gây tê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối
3102	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc tái phát
3103	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
3104	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù
3105	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn
3106	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
3107	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
3108	Gây tê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em
3109	Gây tê phẫu thuật bướu cổ
3110	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn
3111	Gây tê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới
3112	Gây tê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp
3113	Gây tê phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang
3114	Gây tê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi
3115	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
3116	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng

3117	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
3118	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
3119	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
3120	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
3121	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
3122	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
3123	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
3124	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow
3125	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
3126	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
3127	Gây tê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
3128	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ
3129	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
3130	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên
3131	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
3132	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
3133	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
3134	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
3135	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3136	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
3137	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ
3138	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
3139	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang
3140	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
3141	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang
3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
3143	Gây tê phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
3144	Gây tê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
3145	Gây tê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng
3146	Gây tê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên
3147	Gây tê phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi
3148	Gây tê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi
3149	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
3151	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
3152	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm

3153	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc
3154	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình
3155	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ
3156	Gây tê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư
3157	Gây tê phẫu thuật cắt chỏm nang gan
3158	Gây tê phẫu thuật cắt cổ bàng quang
3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
3161	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
3162	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
3163	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
3164	Gây tê phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
3165	Gây tê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
3166	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
3167	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi
3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
3169	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
3170	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
3171	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
3172	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
3173	Gây tê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
3174	Gây tê phẫu thuật cắt đoạn chi
3175	Gây tê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy
3176	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
3177	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
3178	Gây tê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
3179	Gây tê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
3180	Gây tê phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần
3181	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
3182	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
3183	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
3184	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn
3185	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
3186	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
3187	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
3188	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn
3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
3192	Gây tê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái

3193	Gây tê phẫu thuật cắt lách bán phần
3194	Gây tê phẫu thuật cắt lách bệnh lý
3195	Gây tê phẫu thuật cắt lách do chấn thương
3196	Gây tê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
3197	Gây tê phẫu thuật cắt lại dạ dày
3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
3200	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
3202	Gây tê phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan
3203	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời
3204	Gây tê phẫu thuật cắt lồi xương
3205	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn
3206	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
3207	Gây tê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
3208	Gây tê phẫu thuật cắt màng tim rộng
3209	Gây tê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
3210	Gây tê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
3211	Gây tê phẫu thuật cắt mào tinh
3212	Gây tê phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng
3213	Gây tê phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
3214	Gây tê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
3215	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
3216	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
3217	Gây tê phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ
3218	Gây tê phẫu thuật cắt một phần tuỵ
3219	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
3220	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
3221	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
3222	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
3223	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
3224	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
3225	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng
3226	Gây tê phẫu thuật cắt nang tụy
3227	Gây tê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
3228	Gây tê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
3229	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
3230	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ
3231	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
3232	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
3233	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu quản
3234	Gây tê phẫu thuật cắt nối thực quản

3235	Gây tê phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt
3236	Gây tê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột
3237	Gây tê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch
3238	Gây tê phẫu thuật cắt nửa xương hảm trên hoặc dưới
3239	Gây tê phẫu thuật cắt ống động mạch
3240	Gây tê phẫu thuật cắt phân thùy gan
3241	Gây tê phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan
3242	Gây tê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
3243	Gây tê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
3244	Gây tê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau
3245	Gây tê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo
3246	Gây tê phẫu thuật cắt polyp mũi
3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
3248	Gây tê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
3249	Gây tê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
3250	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
3251	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
3252	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
3253	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
3254	Gây tê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng
3255	Gây tê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
3256	Gây tê phẫu thuật cắt thận
3257	Gây tê phẫu thuật cắt thận bán phần
3258	Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần
3259	Gây tê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
3260	Gây tê phẫu thuật cắt thần kinh X chọn lọc
3261	Gây tê phẫu thuật cắt thần kinh X siêu chọn lọc
3262	Gây tê phẫu thuật cắt thần kinh X toàn bộ
3263	Gây tê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
3264	Gây tê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
3265	Gây tê phẫu thuật cắt thân và đuôi tuỵ
3266	Gây tê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ
3267	Gây tê phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn
3268	Gây tê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
3269	Gây tê phẫu thuật cắt thị thần kinh
3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
3271	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản
3272	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non
3273	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
3274	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực

3275	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
3276	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
3277	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
3278	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
3279	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực
3280	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)
3281	Gây tê phẫu thuật cắt thuỳ gan trái
3282	Gây tê phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư
3283	Gây tê phẫu thuật cắt thuỳ hoặc phần thuỳ phổi do ung thư
3284	Gây tê phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại
3285	Gây tê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp
3286	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn
3288	Gây tê phẫu thuật cắt tinh mạc
3289	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
3290	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.
3291	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
3292	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
3293	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
3294	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng
3295	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
3296	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
3297	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản
3298	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
3299	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
3300	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
3301	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy
3302	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
3303	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
3304	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
3305	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3306	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3307	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
3308	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
3309	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
3310	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
3311	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
3312	Gây tê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư
3313	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
3314	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn

3315	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
3316	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
3317	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
3318	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
3319	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng
3320	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
3321	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
3322	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
3323	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung
3324	Gây tê phẫu thuật cắt túi lệ
3325	Gây tê phẫu thuật cắt túi mật
3326	Gây tê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản
3327	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng
3328	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel
3329	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo
3330	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng
3331	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ
3332	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực
3333	Gây tê phẫu thuật cắt tụy trung tâm
3334	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
3335	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
3336	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
3337	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên
3338	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên
3339	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận
3340	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
3341	Gây tê phẫu thuật cắt u bán phần sau
3342	Gây tê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
3343	Gây tê phẫu thuật cắt u biểu bì
3344	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
3345	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
3346	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu
3347	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
3349	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
3350	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
3351	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản
3352	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
3353	Gây tê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII
3354	Gây tê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII
3355	Gây tê phẫu thuật cắt u hố sau u góc cầu tiểu não

3356	Gây tê phẫu thuật cắt u hố sau u tiểu não
3357	Gây tê phẫu thuật cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ
3358	Gây tê phẫu thuật cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
3359	Gây tê phẫu thuật cắt u hốc mũi
3360	Gây tê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
3361	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
3362	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
3365	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)
3366	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
3367	Gây tê phẫu thuật cắt u lợi hàm
3368	Gây tê phẫu thuật cắt u lưỡi
3369	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
3370	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
3371	Gây tê phẫu thuật cắt u màng tim
3372	Gây tê phẫu thuật cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
3373	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
3374	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
3375	Gây tê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
3378	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
3379	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
3383	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
3384	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
3385	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
3386	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
3387	Gây tê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản
3388	Gây tê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
3389	Gây tê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
3390	Gây tê phẫu thuật cắt u niêm mạc má
3391	Gây tê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng
3392	Gây tê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
3393	Gây tê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
3394	Gây tê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
3395	Gây tê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch
3396	Gây tê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
3397	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo

3398	Gây tê phẫu thuật cắt u tá tràng
3399	Gây tê phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương
3400	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
3401	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh
3402	Gây tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo
3403	Gây tê phẫu thuật cắt u thành ngực
3404	Gây tê phẫu thuật cắt u thực quản
3405	Gây tê phẫu thuật cắt u tiền phòng
3406	Gây tê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
3407	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo
3408	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
3409	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu
3410	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực
3411	Gây tê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
3412	Gây tê phẫu thuật cắt u tuỵ
3413	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
3414	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
3415	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
3416	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
3417	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
3418	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ
3419	Gây tê phẫu thuật cắt u vú lành tính
3420	Gây tê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
3421	Gây tê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
3422	Gây tê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
3423	Gây tê phẫu thuật cắt u xương lành
3424	Gây tê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
3425	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên
3426	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
3427	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
3428	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang
3429	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
3430	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình
3431	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
3432	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
3433	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng …
3434	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da
3435	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
3436	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ
3437	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
3438	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
3439	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm

3440	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư thận
3441	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.
3442	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
3443	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
3444	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư túi mật
3445	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái
3446	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay
3447	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
3448	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ
3449	Gây tê phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản
3450	Gây tê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
3451	Gây tê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình
3452	Gây tê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn
3453	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ
3454	
3455	Gây tê phẫu thuật chấn thương sọ não
3456	Gây tê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
3457	Gây tê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
3458	Gây tê phẫu thuật chích áp xe gan
3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
3460	Gây tê phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
3461	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
3462	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
3463	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ
3464	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
3465	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
3466	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
3467	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
3468	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
3469	Gây tê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
3471	Gây tê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
3472	Gây tê phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ
3473	Gây tê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ
3474	Gây tê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang
3475	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)
3476	Gây tê phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi
3477	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
3478	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
3479	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
3481	Gây tê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay

3482	Gây tê phẫu thuật cố định mảng sườn di động
3483	Gây tê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ
3484	Gây tê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
3485	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
3486	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
3487	Gây tê phẫu thuật có sốc
3488	Gây tê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
3489	Gây tê phẫu thuật đa chấn thương
3490	Gây tê phẫu thuật đại phẫu ngực ở trẻ em (các khối u trong lồng ngực, các bệnh lí bẩm sinh tim phổi…)
3491	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
3492	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
3493	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
3494	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
3495	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
3496	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên
3497	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu thận
3498	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu túi mật
3499	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp
3500	Gây tê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt
3501	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
3502	Gây tê phẫu thuật đặt khung định vị u não
3503	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
3504	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
3505	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
3506	Gây tê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi
3507	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
3508	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực
3509	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi
3510	Gây tê phẫu thuật đặt stent quai động mạch chủ
3511	Gây tê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
3513	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
3514	Gây tê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
3515	Gây tê phẫu thuật dị dạng tử cung
3516	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi
3517	Gây tê phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri
3518	Gây tê phẫu thuật điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới
3519	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
3520	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ
3521	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung
3522	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi
3523	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi

3524	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
3525	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
3526	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
3527	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
3528	Gây tê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
3529	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
3530	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
3531	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
3532	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chụp và nối mạch máu
3533	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu
3534	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
3535	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
3536	Gây tê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
3537	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
3538	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
3539	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
3540	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
3541	Gây tê phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
3542	Gây tê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hở mi
3544	Gây tê phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
3545	Gây tê phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
3546	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
3547	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
3548	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
3549	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên
3550	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên
3551	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
3552	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
3553	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt
3554	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
3555	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
3556	Gây tê phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu
3557	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
3558	Gây tê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
3559	Gây tê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
3560	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)
3561	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh
3562	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
3563	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi

3564	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
3565	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
3566	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
3567	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
3568	Gây tê phẫu thuật điều trị són tiểu
3569	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
3570	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật
3571	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại
3572	Gây tê phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
3573	Gây tê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
3574	Gây tê phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
3575	Gây tê phẫu thuật điều trị teo thực quản
3576	Gây tê phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ
3577	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
3578	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
3579	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
3580	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
3581	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
3583	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
3584	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
3585	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
3586	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
3587	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
3589	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng
3590	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh
3591	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
3592	Gây tê phẫu thuật điều trị thực quản đôi
3593	Gây tê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
3594	Gây tê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang
3595	Gây tê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột
3596	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
3597	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
3599	Gây tê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser
3600	Gây tê phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất
3601	Gây tê phẫu thuật điều trị vẹo cổ
3602	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
3603	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật
3604	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
3605	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận

3606	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ
3607	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
3609	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
3610	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức
3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
3612	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương tim
3613	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí
3614	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
3615	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
3616	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim
3617	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
3618	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
3619	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
3620	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
3621	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
3622	Gây tê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
3623	Gây tê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
3624	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
3625	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
3626	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
3627	Gây tê phẫu thuật Doenig
3628	Gây tê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
3629	Gây tê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
3630	Gây tê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân
3631	Gây tê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
3632	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)
3633	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp khác
3634	Gây tê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên
3635	Gây tê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
3636	Gây tê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sáng
3637	Gây tê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
3638	Gây tê phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim
3639	Gây tê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
3640	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau phẫu thuật tủy sống
3641	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm
3642	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
3643	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng

3644	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán
3645	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ
3646	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá
3647	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ
3648	Gây tê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
3649	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
3650	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da
3651	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ bụng
3652	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên có thay van động mạch chủ (PT Bental)
3653	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên
3654	Gây tê phẫu thuật đóng thông liên nhĩ
3655	Gây tê phẫu thuật đục chỏi xương
3656	Gây tê phẫu thuật đục xương sửa trục
3657	Gây tê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
3658	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
3659	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
3660	Gây tê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
3661	Gây tê phẫu thuật Epicanthus
3662	Gây tê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
3663	Gây tê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
3664	Gây tê phẫu thuật gan- mật
3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
3666	Gây tê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
3668	Gây tê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
3669	Gây tê phẫu thuật ghép củng mạc
3670	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
3671	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
3672	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%
3673	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%
3674	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%
3675	Gây tê phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
3676	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
3677	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể
3678	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể
3679	Gây tê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
3680	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc
3681	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên

3682	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lớp
3683	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo
3684	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân
3685	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên
3686	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu
3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
3688	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
3689	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt
3690	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt
3691	Gây tê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc
3692	Gây tê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu
3693	Gây tê phẫu thuật ghép van tim đồng loài
3694	Gây tê phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
3695	Gây tê phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
3696	Gây tê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
3697	Gây tê phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
3698	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
3699	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
3700	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
3701	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu
3702	Gây tê phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V
3703	Gây tê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
3707	Gây tê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn
3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)
3709	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên
3710	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên
3711	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên
3712	Gây tê phẫu thuật hạch ngoại biên
3713	Gây tê phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi
3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
3716	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ ấp có kết hợp xương
3717	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương
3718	Gây tê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II
3720	Gây tê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
3721	Gây tê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
3722	Gây tê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng

3723	Gây tê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng
3724	Gây tê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
3725	Gây tê phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
3726	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
3727	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
3728	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
3729	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
3730	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
3731	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép
3732	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
3733	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
3734	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép
3735	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
3736	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
3737	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép
3738	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
3739	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
3740	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
3741	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
3742	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
3743	Gây tê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
3744	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
3745	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
3746	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
3747	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
3748	Gây tê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
3749	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ chân
3750	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
3751	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
3752	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
3753	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
3754	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
3755	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay
3756	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
3757	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
3758	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
3759	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
3760	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
3761	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
3762	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
3763	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
3764	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay

3765	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
3766	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
3767	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi
3768	Gây tê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
3769	Gây tê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
3770	Gây tê phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
3771	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
3772	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
3773	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
3774	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
3775	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
3776	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
3777	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
3778	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
3779	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
3780	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
3781	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
3782	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
3783	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
3784	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Monteggia
3785	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
3786	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
3787	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
3788	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
3789	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
3790	Gây tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang
3791	Gây tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
3792	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Pilon
3793	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay
3794	Gây tê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
3795	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
3796	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
3797	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
3798	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân
3799	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
3800	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
3801	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
3802	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
3803	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
3804	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
3805	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
3806	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi

3807	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
3808	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
3809	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
3810	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
3811	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
3812	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
3813	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay
3814	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
3815	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
3816	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai
3817	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
3818	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý
3819	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đòn
3820	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
3821	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
3822	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương gót
3823	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
3824	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
3825	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp
3826	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
3827	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
3828	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
3829	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
3830	Gây tê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
3831	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
3832	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
3833	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
3834	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên
3835	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
3836	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
3837	Gây tê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp vít, ốc, khóa)
3838	Gây tê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn
3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)
3841	Gây tê phẫu thuật lác thông thường
3842	Gây tê phẫu thuật lách hoặc tụy
3843	Gây tê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
3844	Gây tê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
3845	Gây tê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
3846	Gây tê phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.
3847	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em

3848	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
3849	Gây tê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
3850	Gây tê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
3851	Gây tê phẫu thuật làm thẳng dương vật
3852	Gây tê phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc
3853	Gây tê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
3854	Gây tê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
3855	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
3856	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc
3857	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
3858	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
3859	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
3860	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục
3861	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay
3862	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
3863	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy
3864	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
3865	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim
3866	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
3867	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường
3868	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
3869	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
3870	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
3871	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP
3872	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi
3873	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus
3874	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non
3875	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược
3876	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu
3877	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
3878	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu
3879	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng
3880	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
3881	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương
3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
3883	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo
3884	Gây tê phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não
3885	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
3886	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
3887	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
3888	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
3889	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng

3890	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ
3891	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực
3892	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
3893	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
3894	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
3895	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
3896	Gây tê phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
3897	Gây tê phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
3898	Gây tê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
3899	Gây tê phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
3900	Gây tê phẫu thuật lấy hạch cuống gan
3901	Gây tê phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
3902	Gây tê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
3903	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
3904	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
3905	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
3906	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
3907	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
3908	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
3909	Gây tê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
3910	Gây tê phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)
3911	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
3912	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
3913	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
3914	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
3915	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang
3916	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
3917	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
3918	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
3919	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
3920	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
3921	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
3922	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
3923	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
3924	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
3925	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
3926	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
3927	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
3928	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
3929	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận
3930	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng

3931	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng
3932	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
3933	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
3937	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
3938	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
3939	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
3940	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
3941	Gây tê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
3942	Gây tê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
3943	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
3944	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
3945	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
3946	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng
3947	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực
3948	Gây tê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
3949	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm
3950	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
3951	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
3952	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi
3953	Gây tê phẫu thuật loai 3
3954	Gây tê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)
3955	Gây tê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
3956	Gây tê phẫu thuật lùi cơ nâng mi
3957	Gây tê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)
3958	Gây tê phẫu thuật mắt ở trẻ em
3959	Gây tê phẫu thuật miless
3960	Gây tê phẫu thuật mở bao sau
3961	Gây tê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
3962	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
3963	Gây tê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
3964	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò
3965	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
3966	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết
3967	Gây tê phẫu thuật mở cơ môn vị
3968	Gây tê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong

3969	Gây tê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới
3970	Gây tê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
3971	Gây tê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
3972	Gây tê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
3973	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng
3974	Gây tê phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán
3975	Gây tê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
3976	Gây tê phẫu thuật mở màng phổi tối đa
3977	Gây tê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
3978	Gây tê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương
3979	Gây tê phẫu thuật mở ngực thăm dò
3980	Gây tê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi
3981	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
3982	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
3983	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
3984	Gây tê phẫu thuật mở rộng điểm lệ
3985	Gây tê phẫu thuật mở rộng khe mi
3986	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
3987	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
3988	Gây tê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)
3989	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày
3990	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
3991	Gây tê phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Gây tê phẫu thuật mở thông hồi tràng
3992	Gây tê phẫu thuật mở thông túi mật
3993	Gây tê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
3994	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
3995	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
3996	Gây tê phẫu thuật mộng đơn thuần
3997	Gây tê phẫu thuật múc nội nhãn
3998	Gây tê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt
3999	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch cổ
4000	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D1
4001	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D2
4002	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D3
4003	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D4
4004	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch trung thất
4005	Gây tê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt
4006	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
4007	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
4008	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày

4009	Gây tê phẫu thuật nội kẹp ống động mạch
4010	Gây tê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
4011	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
4012	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng
4013	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng
4014	Gây tê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng
4015	Gây tê phẫu thuật nối niệu quản - đài thận
4016	Gây tê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
4017	Gây tê phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
4018	Gây tê phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
4019	Gây tê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
4020	Gây tê phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
4021	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
4022	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
4023	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
4024	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
4025	Gây tê phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản
4026	Gây tê phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang
4027	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
4028	Gây tê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
4029	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
4030	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ phổi
4031	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
4032	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
4033	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
4034	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
4035	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
4036	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
4037	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
4038	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
4039	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
4040	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
4041	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
4042	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
4043	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α
4044	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
4045	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
4046	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
4047	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
4048	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
4049	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
4050	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên

4051	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
4052	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi
4053	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
4054	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc
4055	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4056	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
4057	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4058	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4059	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
4060	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
4061	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
4062	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo
4063	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
4064	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
4065	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
4066	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
4067	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
4068	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu
4069	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
4070	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay
4071	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
4072	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
4073	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
4074	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
4075	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
4076	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
4077	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
4078	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
4079	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
4080	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
4081	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
4082	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
4083	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
4084	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
4085	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V
4086	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
4087	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI
4088	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
4089	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
4090	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
4091	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII

4092	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
4093	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
4094	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phải
4095	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
4096	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
4097	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
4098	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
4099	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
4100	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan trái
4101	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
4102	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật
4103	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
4104	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
4105	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
4106	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)
4107	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khủyu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
4108	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
4109	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
4110	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
4111	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
4112	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách
4113	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
4114	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
4115	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử
4116	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
4117	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
4118	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt mấu răng C2 (mỏm nha) qua miệng
4119	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa
4120	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
4121	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang lách
4122	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
4123	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng
4124	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x
4125	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất
4126	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy
4127	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
4128	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
4129	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
4130	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng

4131	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
4132	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái
4133	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
4134	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
4135	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
4136	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
4137	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
4138	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
4139	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận dư số
4140	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
4141	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X
4142	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
4143	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách
4144	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy
4145	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản
4146	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải
4147	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái
4148	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải
4149	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng dạ dày
4150	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
4151	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thực quản và toàn bộ dạ dày qua ngả ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng
4152	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
4153	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
4154	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
4155	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
4156	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
4157	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
4158	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
4159	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
4160	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
4161	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
4162	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
4163	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
4164	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
4165	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
4166	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
4167	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
4168	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
4169	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn
4170	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn
4171	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
4172	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mật

4173	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
4174	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
4175	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
4176	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
4177	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
4178	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
4179	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
4180	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
4181	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
4182	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
4183	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
4184	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
4185	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
4186	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
4187	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải
4188	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
4189	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
4190	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
4191	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
4192	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
4193	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u OMC
4194	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
4195	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
4196	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
4197	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
4198	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
4199	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
4200	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tụy
4201	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
4202	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
4203	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
4204	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
4205	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em
4206	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)
4207	Gây tê phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
4208	Gây tê phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung
4209	Gây tê phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
4210	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)
4211	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
4212	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
4213	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
4214	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan

4215	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
4216	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
4217	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
4218	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
4219	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
4220	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
4221	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)
4222	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
4223	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
4224	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
4225	Gây tê phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V
4226	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa
4227	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
4228	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
4229	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
4230	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
4231	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
4232	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
4233	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương
4234	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
4235	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh
4236	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
4237	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
4238	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
4239	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
4240	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
4241	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
4242	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
4243	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
4244	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
4245	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
4246	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
4247	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
4248	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x
4249	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
4250	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
4251	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
4252	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
4253	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai
4254	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
4255	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài

4256	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
4257	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
4258	Gây tê phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
4259	Gây tê phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
4260	Gây tê phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
4261	Gây tê phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
4262	Gây tê phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
4263	Gây tê phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
4264	Gây tê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
4265	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
4266	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
4267	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
4268	Gây tê phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
4269	Gây tê phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
4270	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
4271	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
4272	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
4273	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
4274	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi
4275	Gây tê phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
4276	Gây tê phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
4277	Gây tê phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
4278	Gây tê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
4279	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
4280	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
4281	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
4282	Gây tê phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
4283	Gây tê phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp
4284	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
4285	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
4286	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
4287	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
4288	Gây tê phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
4289	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
4290	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
4291	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay
4292	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
4293	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
4294	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4295	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
4296	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4297	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen

4298	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)
4299	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
4300	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)
4301	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
4302	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
4303	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
4304	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4305	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
4306	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4307	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
4308	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4309	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
4310	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4311	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
4312	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4313	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
4314	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4315	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
4316	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
4317	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4318	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
4319	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4320	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
4321	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4322	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
4323	Gây tê phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
4324	Gây tê phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực
4325	Gây tê phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
4326	Gây tê phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
4327	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
4328	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
4329	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường tru¬ớc trong vẹo cột sống
4330	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
4331	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
4332	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
4333	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp
4334	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
4335	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
4336	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
4337	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
4338	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau

4339	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
4340	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u não thất
4341	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
4342	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
4343	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
4344	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng
4345	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
4346	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
4347	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
4348	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
4349	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
4350	Gây tê phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim–màng phổi
4351	Gây tê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
4352	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
4353	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
4354	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
4355	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
4356	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
4357	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
4358	Gây tê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
4359	Gây tê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
4360	Gây tê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
4361	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
4362	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
4363	Gây tê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
4364	Gây tê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
4365	Gây tê phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
4366	Gây tê phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
4367	Gây tê phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
4368	Gây tê phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
4369	Gây tê phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
4370	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
4371	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
4372	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
4373	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
4374	Gây tê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi
4375	Gây tê phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
4376	Gây tê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
4377	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
4378	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
4379	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
4380	Gây tê phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy

4381	Gây tê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
4382	Gây tê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất
4383	Gây tê phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
4384	Gây tê phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
4385	Gây tê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
4386	Gây tê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
4387	Gây tê phẫu thuật nội soi Robotigae
4388	Gây tê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
4389	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
4390	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
4391	Gây tê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
4392	Gây tê phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
4393	Gây tê phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
4394	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
4395	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)
4396	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng
4397	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
4398	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
4399	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
4400	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
4401	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
4402	Gây tê phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
4403	Gây tê phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
4404	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
4405	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
4406	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
4407	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
4408	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
4409	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4410	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4411	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4412	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
4413	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
4414	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
4415	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)
4416	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
4417	Gây tê phẫu thuật nội soi thay van hai lá
4418	Gây tê phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
4419	Gây tê phẫu thuật nội soi tủy sống
4420	Gây tê phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
4421	Gây tê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai

4422	Gây tê phẫu thuật nội soi u mạc treo
4423	Gây tê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
4424	Gây tê phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
4425	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
4426	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
4427	Gây tê phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
4428	Gây tê phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
4429	Gây tê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
4430	Gây tê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
4431	Gây tê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
4432	Gây tê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
4433	Gây tê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non
4434	Gây tê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
4435	Gây tê phẫu thuật nối tụy ruột
4436	Gây tê phẫu thuật nối vị tràng
4437	Gây tê phẫu thuật nối vòi tử cung
4438	Gây tê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
4439	Gây tê phẫu thuật nong niệu đạo
4440	Gây tê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)
4441	Gây tê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
4442	Gây tê phẫu thuật quặm bẩm sinh
4443	Gây tê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
4444	Gây tê phẫu thuật sa sinh dục
4445	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn
4446	Gây tê phẫu thuật tháo lồng ruột
4447	Gây tê phẫu thuật ứ máu kinh
4448	Gây tê phẫu thuật vá da tạo hình mi
4449	Gây tê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
4450	Gây tê phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
4451	Gây tê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi
4452	Gây tê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai
4453	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
4454	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser
4455	Gây tê tán sỏi qua da bằng siêu âm
4456	Gây tê tán sỏi qua da bằng xung hơi
4457	Gây tê tán sỏi thận qua da
4458	Gây tê thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em
4459	Gây tê trung phẫu ngực ở trẻ em
	Đ. AN THẦN
4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh

4461	An thần bệnh nhân nhổ răng
4462	An thần bệnh nhân nội soi đường mật
4463	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa
4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản
4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương
4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức
4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh
4468	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
4469	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
4470	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp
4471	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán
4472	An thần nội soi buồng tử cung nạo buồng tử cung
4473	An thần nội soi buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung
4474	An thần nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
4475	An thần nội soi gắp dị vật đường thở
4476	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản
4477	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản
4478	An thần nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
4479	An thần nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
4480	An thần nội soi nong hẹp thực quản
4481	An thần nội soi nong niệu quản hẹp
4482	An thần nội soi ổ bụng chẩn đoán
4483	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
4484	An thần nội soi tán sỏi niệu quản
4485	An thần nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
4486	An thần nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận
4487	An thần nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
4488	An thần nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
4489	An thần phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
4490	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
4491	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân HIV- AID
4492	An thần phẫu thuật mắt ở trẻ em
4493	An thần phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
4494	An thần phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
4495	An thần phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
4496	An thần phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
4497	An thần phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
4498	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
4499	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
4500	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
4501	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ
4502	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn

4503	An thần phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản
4504	An thần phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang
4505	An thần phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
4506	An thần phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
4507	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
4508	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
4509	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
4510	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
4511	An thần phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
4512	An thần phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
4513	An thần phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
4514	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
4515	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
4516	An thần phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay
4517	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
4518	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
4519	An thần phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
4520	An thần phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
4521	An thần phẫu thuật nội soi cắt u OMC
4522	An thần phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
4523	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
4524	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
4525	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
4526	An thần phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
4527	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tụy
4528	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
4529	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
4530	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
4531	An thần phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
4532	An thần phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)
4533	An thần phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung
4534	An thần phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
4535	An thần phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
4536	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
4537	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
4538	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn lưu
4539	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy
4540	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
4541	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
4542	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
4543	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy

4544	An thần phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
4545	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)
4546	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
4547	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
4548	An thần phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
4549	An thần phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
4550	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
4551	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
4552	An thần phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh quột thừa
4553	An thần phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu
4554	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương
4555	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
4556	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè x
4557	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
4558	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai x
4559	An thần phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
4560	An thần phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
4561	An thần phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
4562	An thần phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
4563	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối x
4564	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
4565	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
4566	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
4567	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
4568	An thần phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
4569	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn
4570	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
4571	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
4572	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
4573	An thần phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
4574	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai x
4575	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
4576	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài)
4577	An thần phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
4578	An thần phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
4579	An thần phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
4580	An thần phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
4581	An thần phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
4582	An thần phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
4583	An thần phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
4584	An thần phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi

4585	An thần phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
4586	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
4587	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân x
4588	An thần phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
4589	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
4590	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
4591	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
4592	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
4593	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
4594	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
4595	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi
4596	An thần phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
4597	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
4598	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên
4599	An thần phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
4600	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
4601	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
4602	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
4603	An thần phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối
4604	An thần phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp x
4605	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
4606	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
4607	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
4608	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
4609	An thần phẫu thuật nội soi kẹp túi phình động mạch não
4610	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
4611	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
4612	An thần phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay
4613	An thần phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
4614	An thần phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
4615	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4616	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
4617	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4618	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4619	An thần phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay
4620	An thần phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
4621	An thần phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)
4622	An thần phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
4623	An thần phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
4624	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
4625	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4626	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày

4627	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4628	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
4629	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4630	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
4631	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4632	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
4633	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4634	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
4635	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4636	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
4637	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4638	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
4639	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4640	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
4641	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4642	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
4643	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4644	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
4645	An thần phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy (Microfracture technique)
4646	An thần phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực (Arthroscopic Management of Scapulothoracic Disorders)
4647	An thần phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
4648	An thần phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
4649	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
4650	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
4651	An thần phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
4652	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
4653	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
4654	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp
4655	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
4656	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
4657	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
4658	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
4659	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
4660	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não thất
4661	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
4662	An thần phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
4663	An thần phẫu thuật nội soi lấy u sọ hầu qua xoang sang
4664	An thần phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
4665	An thần phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng
4666	An thần phẫu thuật nội soi lấy u
4667	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
4668	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi

4669	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
4670	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
4671	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
4672	An thần phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim – màng phổi
4673	An thần phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
4674	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
4675	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
4676	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
4677	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
4678	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
4679	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
4680	An thần phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
4681	An thần phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
4682	An thần phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
4683	An thần phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
4684	An thần phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
4685	An thần phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
4686	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
4687	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
4688	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
4689	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
4690	An thần phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
4691	An thần phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
4692	An thần phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
4693	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
4694	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
4695	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
4696	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
4697	An thần phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
4698	An thần phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
4699	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
4700	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
4701	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
4702	An thần phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
4703	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
4704	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não não thất
4705	An thần phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
4706	An thần phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
4707	An thần phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
4708	An thần phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
4709	An thần phẫu thuật nội soi Robotigae
4710	An thần phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu

4711	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
4712	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
4713	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
4714	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
4715	An thần phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
4716	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau)
4717	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân
4718	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng x
4719	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
4720	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó
4721	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
4722	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
4723	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
4724	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
4725	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
4726	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
4727	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
4728	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai
4729	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
4730	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
4731	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4732	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4733	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4734	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
4735	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
4736	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
4737	An thần phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)
4738	An thần phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
4739	An thần phẫu thuật nội soi thay van hai lá
4740	An thần phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
4741	An thần phẫu thuật nội soi tủy sống
4742	An thần phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
4743	An thần phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
4744	An thần phẫu thuật nội soi u mạc treo
4745	An thần phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
4746	An thần phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
4747	An thần phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
4748	An thần phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
4749	An thần phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
4750	An thần phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán
4751	An thần phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
4752	An thần rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa

4753	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành /Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
4754	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành có hay không dùng tim phổi nhân tạo
4755	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay
4756	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong
4757	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển và động mạch quay
4758	An thần sau phẫu thuật bắc cầu động mạch/Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển
4759	An thần sau phẫu thuật bắc cầu mạch vành có đặt bóng dội ngược động mạch chủ
4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ
4761	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não
4762	An thần sau phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
4763	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
4764	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài mầng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)
4765	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
4766	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não
4767	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
4768	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
4769	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
4770	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
4771	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
4772	An thần tán sỏi qua da bằng laser
4773	An thần tán sỏi qua da bằng siêu âm
4774	An thần tán sỏi qua da bằng xung hơi
4775	An thần tán sỏi thận qua da
4776	An thần thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em
4777	An thần trung phẫu ngực ở trẻ em
IX. NGOẠI KHOA	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO
	1. Sọ não
1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp
2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở
3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)
4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương
5	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não
6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài mầng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)
7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
9	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên

10	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
11	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất
12	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
13	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán
14	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ
15	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)
16	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)
17	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não
18	Phẫu thuật đặt catheter vào não thất đo áp lực nội sọ
19	Phẫu thuật đặt catheter vào nhu mô đo áp lực nội sọ
20	Phẫu thuật đặt catheter vào ống sống thắt lưng đo áp lực dịch não tuỷ
21	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN
22	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy nền sọ sau CTSN
23	Phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
24	Phẫu thuật giải chèn ép thần kinh thị giác do vỡ ống thị giác
	2. Phẫu thuật nhiễm trùng
25	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não
26	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não
27	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ
28	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, tiểu não, bằng đường mở nắp sọ
29	Phẫu thuật viêm xương sọ
30	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua xương đá
31	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ
32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
33	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng
34	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng
35	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy
36	Phẫu thuật áp xe dưới màng tủy
37	Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống
38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
39	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm không tái tạo đốt sống, bằng đường vào trực tiếp
40	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm có tái tạo đốt sống bằng mảnh ghép và/hoặc cố định nẹp vít, bằng đường trực tiếp
	3. Tủy sống
41	Phẫu thuật lấy bỏ u mỡ (lipoma) ở vùng đuôi ngựa + đóng thoát vị màng tủy hoặc thoát vị tuỷ-màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
42	Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
43	Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị tuỷ-màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
44	Giải phóng dị tật tủy sống chẻ đôi, bằng đường vào phía sau
45	Phẫu thuật cắt bỏ đường dò dưới da-dưới màng tuỷ

46	Phẫu thuật lấy bỏ nang màng tủy (meningeal cysts) trong ống sống bằng đường vào phía sau
47	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau mổ tủy sống
48	Phãu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tuỷ, bằng đường vào phía sau hoặc sau –ngoài
49	Phẫu thuật u dưới màng tủy, ngoài tủy kèm theo tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía trước hoặc trước ngoài
50	Phẫu thuật u ngoài màng cứng tủy sống-rễ thần kinh, bằng đường vào phía sau
51	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau
52	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau hoặc sau-ngoài
53	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc trước-ngoài
54	Phẫu thuật mở cung sau đốt sống đơn thuần kết hợp với tạo hình màng cứng tủy
55	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
56	Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép xương hoặc lồng titan
	4. Dịch não tủy
57	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)
58	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dãn não thất
59	Phẫu thuật dẫn lưu não thất-tâm nhĩ trong dãn não thất
60	Phẫu thật dẫn lưu dịch não tủy thắt lưng-ổ bụng
61	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-ổ bụng
62	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-tâm nhĩ
63	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ
64	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)
65	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
66	Phẫu thuật đóng đườn dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm
67	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng
68	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán
69	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ
70	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá
71	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau mổ các thương tổn nền sọ
	5. Sinh thiết
72	Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ
73	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương nội sọ có định vị dẫn đường
74	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương ở nền sọ qua đường miệng hoặc mũi
	6. Dị tật sọ mặt
75	Phẫu thuật tạo hình hộp sọ trong hẹp hộp sọ
76	Phẫu thuật dị dạng cổ chẩm
	7. Thoát vị não, màng não
77	Phẫu thuật thoát vị não màng não vòm sọ
78	Phẫu thuật thoát vị não màng não nền sọ

syt_hatinh_So Y te Ha Tinh 0001_0001_0001

79	Phẫu thuật thoát vị tủy-màng tủy
	8. Mạch máu
80	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần trước đa giác Willis
81	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần sau đa giác Willis
82	Phẫu thuật dị dạng động-tĩnh mạch não
83	Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não
84	Phẫu thuật u máu thể hang tiểu não
85	Phẫu thuật u máu thể hang thân não
86	Phẫu thuật nối động mạch trong-ngoài sọ
87	Phẫu thuật dị dạng động-tĩnh mạch màng cứng (fistula durale)
	9. Khối choán chỗ trong, ngoài não
88	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên
89	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên
90	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng đường mở nắp sọ trán và đường qua xoang sàng
91	Phẫu thuật u vùng giao thoa thị giác và/hoặc vùng dưới đồi bằng đường mở nắp sọ
92	Phẫu thuật u vùng tầng giữa nền sọ bằng mở nắp sọ
93	Phẫu thuật u 1/3 trong cánh nhỏ xương bướm bằng đường mở nắp sọ
94	Phẫu thuật u đỉnh xương đá bằng đường qua xương đá
95	Phẫu thuật u vùng rãnh trượt (petroclivan) bằng đường qua xương đá
96	Phẫu thuật u rãnh trượt, bằng đường mở nắp sọ
97	Phẫu thuật u vùng rãnh trượt bằng đường qua miệng hoặc qua xương bướm
98	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/hoặc lỗ tai trong bằng đường sau mê nhĩ-trước xoang sigma
99	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/hoặc lỗ tai trong bằng đường dưới chẩm-sau xoang sigma
100	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/ hoặc lỗ tai trong kết hợp hai đường vào phẫu thuật
101	Phẫu thuật u lỗ chẩn bằng đường mở nắp sọ
102	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
103	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não, xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
104	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
105	Phẫu thuật u hố sau xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
106	Phẫu thuật u liềm não, bằng đường mở nắp sọ
107	Phẫu thuật u lều tiểu não, bằng đường vào dưới lều tiểu não
108	Phẫu thuật u bờ tự do lều tiểu não, bằng đường vào trên lều tiểu não (bao gồm cả u tuyến tùng)
109	Phẫu thuật u não thất bên bằng đường mở nắp sọ
110	Phẫu thuật u não thất ba bằng đường mở nắp sọ
111	Phẫu thuật u não thất tư bằng đường mở nắp sọ
112	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường mở nắp sọ
113	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường qua xoang bướm
114	Phẫu thuật u sọ hầu bằng đường mở nắp sọ
115	Phẫu thuật u sọ hầu bằng đường qua xoang bướm
116	Phẫu thuật u nguyên sống (chordoma) xương bướm bằng đường qua xoang bướm

	10. Nhu mô, đại não
117	Phẫu thuật lấy bỏ vùng gây động kinh, bằng đường mở nắp sọ
118	Phẫu thuật u thể trai, vách trong suốt bằng đường mở nắp sọ
119	Phẫu thuật u đại não bằng đường mở nắp sọ
	11. Nhu mô, tiểu não
120	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ
121	Phẫu thuật u thân não, bằng đường mở nắp sọ
	12. U ngoài sọ
122	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ
123	Phẫu thuật u thần kinh sọ đoạn dưới nền sọ
124	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ
125	Phẫu thuật dị dạng mạch máu ngoài sọ
	13. Thần kinh chức năng
126	Phẫu thuật đặt điện cực sâu điều trị bệnh Parkinson
127	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh tam thoa (dây V) trong đau nửa mặt, bằng đường mở nắp sọ
128	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh mặt (dây VII) trong co giật nửa mặt (facial tics), bằng đường mở nắp sọ
129	Phẫu thuật phong bế hạch thần kinh tam thoa (hạch Gasser) bằng nhiệt, qua da, dưới hướng dẫn huỳnh quang
	14. Đặt điện cực, giảm đau
130	Phẫu thuật điều trị giảm đau trong ung thư
131	Phẫu thuật cắt hạch giao cảm trong điều trị bệnh ra mồ hôi tay bằng đường mở gai sau cột sống ngực
132	Phẫu thuật đặt điện cực vỏ não, qua đường mở nắp sọ
133	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống, qua da
134	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống qua da, kèm theo bộ phát kích thích dưới da
135	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống, bằng đường mở cung sau
136	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực vỏ não, bằng đường mở nắp sọ
137	Lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
138	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực tủy sống bằng đường mở cung sau
139	Lấy bỏ điện cực tủy sống, bằng đường qua da
140	Phẫu thuật thay bộ phát kích thích điện cực thần kinh, đặt dưới da
141	Phẫu thuật đặt dưới da bộ phát kích thích điện cực thần kinh
142	Phẫu thuật đặt bộ phát kích thích điện cực tủy sống
143	Phẫu thuật lấy bỏ bộ phát kích thích điện cực thần kinh
	15. Hố mắt
144	Phẫu thuật u xơ cơ ổ mắt
145	Phẫu thuật u thần kinh hốc mắt
146	Phẫu thuật u xương hốc mắt
147	Phẫu thuật u đỉnh hốc mắt
	16. Thần kinh ngoại biên
148	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên
149	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên

150	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên
151	Phẫu thuật u thần kinh trên da
	B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC
	1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực
152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi
153	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
154	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
155	Phẫu thuật điều trị vết thương tim
156	Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
157	Phẫu thuật điều trị vết thương – chấn thương khí quản cổ
158	Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
159	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
160	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi
161	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường ngực
162	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
163	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động
164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
165	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ
166	Phẫu thuật cấp cứu lồng ngực có dùng máy tim phổi nhân tạo
	2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu
167	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi
168	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh
169	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu
170	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn
171	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi
173	Phẫu thuật điều trị chấn thương – vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em
174	Phẫu thuật điều trị vết thương – chấn thương động – tĩnh mạch chủ, mạch tạng, mạch thận
175	Phẫu thuật Hybrid trong cấp cứu mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)
	3. Bệnh tim bẩm sinh
176	Kỹ thuật chạy máy tim phổi nhân tạo trong bệnh tim ở trẻ em
177	Phẫu thuật ghép van tim đồng loài
178	Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ
179	Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
180	Phẫu thuật thắt hẹp động mạch phổi trong bệnh tim bẩm sinh có tăng áp lực động mạch phổi nặng
181	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch phổi phổi trong bệnh tim bẩm sinh có hẹp đường ra thất phải
182	Phẫu thuật nối tắt tĩnh mạch chủ - động mạch phổi điều trị bệnh tim bẩm sinh phức tạp
183	Phẫu thuật Fontan
184	Phẫu thuật đóng thông liên nhĩ
185	Phẫu thuật vá thông liên thất

186	Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot
187	Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sàn nhĩ – thất bán phần
188	Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sàn nhĩ – thất toàn bộ
189	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh thất phải hai đường ra
190	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh đảo ngược các mạch máu lớn
191	Phẫu thuật sửa toàn bộ vỡ phình xoang Valsalva
192	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh nhĩ 3 buồng
193	Phẫu thuật điều trị hẹp đường ra thất phải đơn thuần (hẹp phễu thất phải, van động mạch phổi …)
194	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ bán phần
195	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ hoàn toàn
196	Phẫu thuật sửa van ba lá điều trị bệnh Ebstein
197	Phẫu thuật thay van ba lá điều trị bệnh Ebstein
198	Phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim
199	Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phối hợp
200	Phẫu thuật điều trị dò động – tĩnh mạch phổi
201	Phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ
202	Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ nhỏ
203	Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ lớn và người lớn
204	Phẫu thuật lại sửa toàn bộ các bệnh tim bẩm sinh
205	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo
206	Kỹ thuật chạy máy hỗ trợ tim phổi (ECMO) ở trẻ em
207	Phẫu thuật mở hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn tạm thời
208	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim bẩm sinh (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)
	4. Bệnh tim mắc phải
209	Kỹ thuật chạy máy tim phổi nhân tạo ở người lớn
210	Ghép tim
211	Ghép phổi
212	Ghép khối tim - phổi
213	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo
214	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành không dùng máy tim phổi nhân tạo
215	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phồng thất trái …)
216	Phẫu thuật tách hẹp van hai lá tim kín lần đầu
217	Phẫu thuật tách hẹp van hai lá tim kín lần hai
218	Phẫu thuật tạo hình van hai lá bị hẹp do thấp
219	Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp
220	Phẫu thuật thay van hai lá
221	Phẫu thuật thay van động mạch chủ
222	Phẫu thuật thay van động mạch chủ và động mạch chủ lên
223	Phẫu thuật tạo hình van động mạch chủ
224	Phẫu thuật thay hoặc tạo hình van hai lá kết hợp thay hoặc tạo hình van động mạch chủ
225	Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá đơn thuần

226	Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá kết hợp can thiệp khác trên tim (thay, tạo hình … các van tim khác)
227	Phẫu thuật thay lại 1 van tim
228	Phẫu thuật thay lại 2 van tim
229	Phẫu thuật điều trị lóc động mạch chủ type A
230	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên
231	Phẫu thuật thay động mạch chủ lên và quai động mạch chủ
232	Phẫu thuật thay động mạch chủ lên, quai động mạch chủ và động mạch chủ xuống
233	Phẫu thuật cắt u nhày nhĩ trái
234	Phẫu thuật cắt u cơ tim
235	Phẫu thuật cắt túi phồng thất trái
236	Phẫu thuật cắt màng tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt
237	Phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim
238	Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim
239	Phẫu thuật điều trị viêm xương ức sau mổ tim hở
240	Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo
241	Kỹ thuật đặt bóng đối xung động mạch chủ
242	Kỹ thuật chạy máy hỗ trợ tim phổi (ECMO) ở người lớn
243	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)
	5. Bệnh tim mạch máu
244	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ ngực
245	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ trên thận
246	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng dưới thận, động mạch chậu
247	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng trên và dưới thận
248	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ lên - động mạch lớn xuất phát từ quai động mạch chủ
249	Phẫu thuật bắc cầu điều trị thiếu máu mạn tính chi
250	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật
251	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
252	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ bụng – động mạch tạng
253	Phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
254	Phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
255	Phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh
256	Phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh
257	Phẫu thuật bắc cầu các động mạch vùng cổ - nền cổ (cảnh – dưới đòn, cảnh – cảnh)
258	Phẫu thuật bắc cầu động mạch nách – động mạch đùi
259	Phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
260	Phẫu thuật tạo thông động – tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo
261	Phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
262	Phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi
263	Phẫu thuật điều trị giả phồng động mạch do tiêm chích ma túy
264	Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính ≥ 10 cm)
265	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)

266	Phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
267	Phẫu thuật bắc cầu tĩnh mạch cửa – tĩnh mạch chủ dưới điều trị tăng áp lực tĩnh mạch cửa
268	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu ngoại vi
269	Phẫu thuật bệnh mạch máu có dùng máy tim phổi nhân tạo
270	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)
	6. Lồng ngực
271	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý
272	Phẫu thuật cắt một thùy phổi bệnh lý
273	Phẫu thuật cắt một bên phổi bệnh lý
274	Phẫu thuật cắt phổi do ung thư kèm nạo vét hạch
275	Phẫu thuật cắt u trung thất
276	Phẫu thuật cắt u trung thất lớn kèm bắc cầu phục hồi lưu thông hệ tĩnh mạch chủ trên
277	Phẫu thuật cắt u nang phế quản
278	Phẫu thuật cắt u thành ngực
279	Phẫu thuật điều trị lõm ngực bẩm sinh
280	Phẫu thuật điều trị lồi xương ức (ức gà)
281	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cặn, dầy dính màng phổi
282	Phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
283	Phẫu thuật điều trị lỗ dò phế quản
284	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi
285	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn
286	Phẫu thuật cắt xương sườn do viêm xương
287	Phẫu thuật đánh xẹp ngực điều trị ổ cặn màng phổi
288	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực
289	Mở ngực thăm dò, sinh thiết
290	Phẫu thuật cắt – khâu kén khí phổi
291	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi
292	Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
293	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi
294	Phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi
	C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
	1. Thận
295	Ghép thận
296	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận
297	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/ có C.Arm
298	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/ Laser
299	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
300	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái dưỡng chấp
301	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
302	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
303	Cắt thận đơn thuần
304	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)

305	Phẫu thuật treo thận
306	Lấy sỏi san hô thận
307	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang
308	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
309	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
310	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang
311	Tán sỏi ngoài cơ thể
312	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận
313	Dẫn lưu đài bể thận qua da
314	Cắt eo thận móng ngựa
315	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận
316	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi
317	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
318	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm
319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận
320	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes
321	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)
322	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch
	2. Niệu quản
323	Nối niệu quản - đài thận
324	Cắt nối niệu quản
325	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
326	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
327	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
328	Đặt bộ phận giả niệu quản qua da
329	Nong niệu quản
330	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo
331	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản
332	Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột
333	Cắm lại niệu quản – bàng quang
334	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong
335	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
	3. Bàng quang
336	Phẫu thuật mở rộng bàng quang bằng đoạn hồi tràng
337	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
338	Phẫu thuật ghép cơ cổ bàng quang
339	Phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo kiểu Duhamel
340	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ
341	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
342	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
343	Thông niệu quản ra da qua 1 đoạn ruột đơn thuần
344	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca

345	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
346	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng
347	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
348	Cắm niệu quản bàng quang
349	Cắt cổ bàng quang
350	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang
351	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức
352	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang
353	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang
355	Lấy sỏi bàng quang
356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
357	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
358	Cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
360	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
	4. Niệu đạo
361	Phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
362	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
363	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
364	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ
365	Phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
366	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt
367	Cắt nối niệu đạo trước
368	Cắt nối niệu đạo sau
369	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu
370	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da
371	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu
372	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt
373	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì
374	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2
375	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu
376	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang
377	Tạo hình niệu đạo bằng vạt da tự thân
378	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo
	5. Sinh dục
379	Tạo hình miệng niệu đạo lệch thấp ở nữ giới
380	Phẫu thuật đặt bộ phận giả (prosthesis) chữa liệt dương
381	Phẫu thuật tạo ống thông động tĩnh mạch chữa liệt dương
382	Phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
383	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến
384	Tạo hình dương vật do lệch lạc phái tính do gien

385	Đặt bộ phận giả chữa bí đái do phì đại tuyến tiền liệt.
386	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
387	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh
388	Phẫu thuật tạo hình điều trị đa dị tật bàng quang âm đạo, niệu đạo, trực tràng
389	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo lệch thấp 1 thì
390	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo lệch thấp 2 thì
391	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật
392	Phẫu thuật điều trị són tiểu
393	Điều trị đái rỉ ở nữ bàng đặt miếng nâng niệu đạo TOT
394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ
395	Cắt tinh mạc
396	Cắt mào tinh
397	Cắt thể Morgani xoắn
398	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo
399	Điều trị tại chỗ phì đại tuyến tiền liệt: sức nóng hoặc lạnh
400	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng
401	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật
402	Phẫu thuật vỡ vật hang do gẫy dương vật
403	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật
404	Nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
405	Nong niệu đạo
406	Cắt bỏ tinh hoàn
407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn
408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn
409	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)
410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
411	Cắt hẹp bao quy đầu
412	Mở rộng lỗ sáo
413	Đặt tinh hoàn nhân tạo
	D. TIÊU HÓA
	1. Thực quản
414	Mở ngực thăm dò
415	Mở ngực thăm dò, sinh thiết
416	Mở thông dạ dày
417	Đưa thực quản ra ngoài
418	Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất
419	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản
420	Lấy dị vật thực quản đường cổ
421	Lấy dị vật thực quản đường ngực
422	Lấy dị vật thực quản đường bụng
423	Đóng rò thực quản
424	Đóng lỗ rò thực quản – khí quản

425	Cắt túi thừa thực quản cổ
426	Cắt túi thừa thực quản ngực
427	Lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực
428	Lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng
429	Cắt đoạn thực quản, dẫn lưu hai đầu ra ngoài
430	Cắt nối thực quản
431	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
432	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
433	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực
434	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực
435	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
436	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
437	Cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non
438	Cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
439	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)
440	Tạo hình thực quản bằng dạ dày không cắt thực quản
441	Tạo hình thực quản bằng đại tràng không cắt thực quản
442	Phẫu thuật điều trị thực quản đôi
443	Phẫu thuật điều trị teo thực quản
444	Nạo vét hạch trung thất
445	Nạo vét hạch cổ
446	Phẫu thuật điều trị co thắt thực quản lan tỏa
447	Phẫu thuật Heller
448	Tạo van chống trào ngược dạ dày – thực quản
449	Tạo hình tại chỗ sẹo hẹp thực quản đường cổ
450	Các phẫu thuật thực quản khác
	2. Dạ dày
451	Mở bụng thăm dò
452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết
453	Nối vị tràng
454	Cắt dạ dày hình chêm
455	Cắt đoạn dạ dày
456	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn
457	Cắt toàn bộ dạ dày
458	Cắt lại dạ dày
459	Nạo vét hạch D1
460	Nạo vét hạch D2
461	Nạo vét hạch D3
462	Nạo vét hạch D4
463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
464	Phẫu thuật Newmann
465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày

466	Cắt thần kinh X toàn bộ
467	Cắt thần kinh X chọn lọc
468	Cắt thần kinh X siêu chọn lọc
469	Mở cơ môn vị
470	Tạo hình môn vị
471	Mở dạ dày xử lý tổn thương
472	Các phẫu thuật dạ dày khác
	3. Tá tràng
473	Cắt u tá tràng
474	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
475	Khâu vùi túi thừa tá tràng
476	Cắt túi thừa tá tràng
477	Cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng
478	Cắt màng ngăn tá tràng
	4. Ruột non- Mạc treo
479	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng
480	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non
481	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột
482	Tháo xoắn ruột non
483	Tháo lồng ruột non
484	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
485	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…)
486	Cắt ruột non hình chêm
487	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông
488	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài
489	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)
490	Cắt nhiều đoạn ruột non
491	Gỡ dính sau mổ lại
492	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
493	Đóng mở thông ruột non
494	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng
495	Nối tắt ruột non - ruột non
496	Cắt mạc nối lớn
497	Cắt bỏ u mạc nối lớn
498	Cắt u mạc treo ruột
499	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên
500	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên
501	Bắc cầu động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn tĩnh mạch hiển hoặc đoạn mạch nhân tạo
502	Cắt đoạn động mạch mạc treo tràng trên, nối động mạch trực tiếp
503	Cắt toàn bộ ruột non
504	Ghép ruột non
505	Các phẫu thuật tá tràng khác

	5. Ruột thừa- Đại tràng
506	Cắt ruột thừa đơn thuần
507	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
510	Các phẫu thuật ruột thừa khác
511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng
512	Khâu lỗ thủng đại tràng
513	Cắt túi thừa đại tràng
514	Cắt đoạn đại tràng nối ngay
515	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài
516	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann
517	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
518	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay
519	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài
520	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
521	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
522	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
523	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
524	Làm hậu môn nhân tạo
	6. Trực tràng
525	Làm hậu môn nhân tạo
526	Lấy dị vật trực tràng
527	Cắt đoạn trực tràng nối ngay
528	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
529	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp
530	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn
531	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tầng sinh môn
532	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tầng sinh môn
533	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
534	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng
535	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
536	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
537	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
538	Bóc u xơ, cơ..trực tràng đường bụng
539	Bóc u xơ, cơ..trực tràng đường tầng sinh môn
540	Đóng rò trực tràng – âm đạo
541	Đóng rò trực tràng – bàng quang
542	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng – niệu quản
543	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng – niệu đạo
544	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng – tầng sinh môn
545	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng – tiểu khung

546	Các phẫu thuật trực tràng khác
	7. Tầng sinh môn
547	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ
548	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)
550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ
551	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
552	Phẫu thuật Longo
553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ
554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)
555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
556	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp
557	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản
558	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp
559	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ
560	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)
562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn
563	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn
564	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)
568	Phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn
570	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ
571	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
572	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp
573	Các phẫu thuật hậu môn khác
	Đ. GAN - MẬT - TỤY
	1. Gan
574	Thăm dò, sinh thiết gan
575	Cắt gan toàn bộ
576	Cắt gan phải
577	Cắt gan trái
578	Cắt gan phân thuỳ sau
579	Cắt gan phân thuỳ trước
580	Cắt thuỳ gan trái
581	Cắt hạ phân thuỳ 1
582	Cắt hạ phân thuỳ 2
583	Cắt hạ phân thuỳ 3
584	Cắt hạ phân thuỳ 4

585	Cắt hạ phân thuỳ 5
586	Cắt hạ phân thuỳ 6
587	Cắt hạ phân thuỳ 7
588	Cắt hạ phân thuỳ 8
589	Cắt hạ phân thuỳ 9
590	Cắt gan phải mở rộng
591	Cắt gan trái mở rộng
592	Cắt gan trung tâm
593	Cắt gan nhỏ
594	Cắt gan lớn
595	Cắt nhiều hạ phân thuỳ
596	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột
597	Cắt gan có sử dụng kỹ thuật cao (CUSA, dao siêu âm, sóng cao tần…)
598	Các phẫu thuật cắt gan khác
599	Tạo hình tĩnh mạch gan - chủ dưới
600	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, nối trực tiếp
601	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, ghép tự thân
602	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, nối bằng mạch nhân tạo
603	Lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
604	Các loại phẫu thuật phân lưu cửa chủ
605	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)
606	Lấy bỏ u gan
607	Cắt lọc nhu mô gan
608	Cầm máu nhu mô gan
609	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu
610	Lấy máu tụ bao gan
611	Cắt chỏm nang gan
612	Ghép gan toàn bộ
613	Ghép gan bán phần
614	Ghép gan phụ trợ
615	Lấy hạch cuống gan
616	Dẫn lưu áp xe gan
617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan
618	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh
619	Lấy đa tạng từ người chết não
	2. Mật
620	Mở thông túi mật
621	Cắt túi mật
622	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
623	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
624	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi đường mật
625	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật

626	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da
627	Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
628	Mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
629	Mở nhu mô gan lấy sỏi
630	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
631	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác
632	Nối mật ruột bên - bên
633	Nối mật ruột tận - bên
634	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng
635	Cắt đường mật ngoài gan
636	Cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
637	Cắt nang ống mật chủ
638	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
639	Các phẫu thuật đường mật khác
	3. Tụy
640	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu
641	Dẫn lưu nang tụy
642	Nối nang tụy với tá tràng
643	Nối nang tụy với dạ dày
644	Nối nang tụy với hỗng tràng
645	Cắt bỏ nang tụy
646	Lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)
647	Lấy tổ chức ung thư tát phát khu trú tại tụy
648	Cắt khối tá tụy
649	Cắt khối tá tụy bảo tồn môn vị
650	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa tự thân
651	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa bằng mạch nhân tạo
652	Cắt khối tá tụy + tạo hình động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn mạch nhân tạo
653	Cắt tụy trung tâm
654	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
655	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách
656	Cắt toàn bộ tụy
657	Cắt một phần tuỵ
658	Các phẫu thuật cắt tuỵ khác
659	Nối tụy ruột
660	Nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
661	Nối diện cắt thân tụy với dạ dày
662	Nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
663	Các phẫu thuật nối tuỵ ruột khác
664	Phẫu thuật Mercadier điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
665	Phẫu thuật Patington – Rochelle điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
666	Phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn

667	Phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
668	Phẫu thuật Puestow - Gillesby
669	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
670	Các phẫu thuật điều trị sỏi tuỵ, viêm tuỵ mạn khác
671	Ghép tụy
672	Các phẫu thuật tuỵ khác
673	Cắt lách do chấn thương
674	Cắt lách bệnh lý
675	Cắt lách bán phần
676	Khâu vết thương lách
677	Bảo tồn lách vỡ bằng lưới sinh học
678	Các phẫu thuật lách khác
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC
	1. Thành bụng - cơ hoành
679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
680	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
683	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
685	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
686	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng
687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
688	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn
689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương
690	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành
691	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
692	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
693	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
694	Phẫu thuật điều trị nhão cơ hoành
695	Phẫu thuật cắt u cơ hoành
696	Các phẫu thuật cơ hoành khác
697	Phẫu thuật cắt u thành bụng
698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ
699	Khâu vết thương thành bụng
700	Các phẫu thuật thành bụng khác
	2. Phúc mạc
701	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
702	Bóc phúc mạc douglas
703	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
704	Bóc phúc mạc bên trái
705	Bóc phúc mạc bên phải

syt_hatinh_vt_so_y_te_ha_tinh_ttb_13/01/2024 08:53:00

706	Bóc phúc mạc phủ tạng
707	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác
708	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ
709	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong mổ
710	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ
711	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong mổ
712	Lấy u phúc mạc
713	Lấy u sau phúc mạc
	G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH
	1. Vùng vai-xương đòn
714	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo
715	Phẫu thuật tạo hình bệnh xương bả vai lên cao
716	Phẫu thuật tháo khớp vai
717	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai
718	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
719	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn
720	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
722	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
	2. Vùng cánh tay
723	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
724	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
725	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
726	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
727	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
728	Phẫu thuật KHX phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
729	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay
731	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
732	Phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay
733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
	3. Vùng cẳng tay
734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
735	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia
737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay
738	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
739	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
740	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu
742	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương
743	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay

syt_kninh_Sở Y tế Ninh Bình_03/09/2024 08:54:41

744	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
	4. Vùng bàn tay
745	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
746	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
747	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
748	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay
749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay
750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay
751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay
752	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cấm (Vùng II)
	5. Vùng chậu
753	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu
754	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
755	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
756	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
757	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
758	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
	6. Vùng đùi
759	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi
760	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật háng
761	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
762	Phẫu thuật KHX gãy cổ mấu chuyển xương đùi
763	Phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
764	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
765	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
766	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
767	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
768	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
769	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
770	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
771	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi
	7. Khớp gối
772	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè
773	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
774	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
	8. Vùng cẳng chân
775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
777	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày
778	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
779	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
780	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân

781	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
782	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân
784	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
785	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
786	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
	9. Vùng gót chân-bàn chân
787	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót
789	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
790	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
791	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
792	Phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
	10. Gãy xương hở
793	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân
794	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân
795	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
796	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
797	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
798	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
799	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
800	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
801	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay
802	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
803	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
804	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
805	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
806	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
	11. Tổn thương phần mềm
807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động
808	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động
809	Phẫu thuật vết thương bàn tay
810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi
811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
812	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay
813	Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch liền
814	Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch rời
	12. Vùng cổ tay-bàn tay
815	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
818	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I

819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
822	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay
823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới
824	Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền
825	Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền
826	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay
827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay
828	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay
829	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới
830	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
831	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương thuyền bằng mảnh ghép xương cuống mạch liền
832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
834	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
835	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa
836	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ
837	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay
838	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ
839	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V
840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II
841	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì
842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi
843	Phẫu thuật điề trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
844	Phẫu thuật thay khớp bàn, ngón tay nhân tạo
845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới
846	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay
847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
848	Tạo hình thay thế khớp cổ tay
849	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay
850	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay
851	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay
852	Phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
853	Phẫu thuật chuyển ngón tay
854	Phẫu thuật làm đối chiếu ngón 1 (thiểu dưỡng ô mô cái)
855	Chỉnh hình trong bệnh Arthrogryposis (Viêm dính nhiều khớp bẩm sinh)
856	Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bẩm sinh
857	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước
858	Phẫu thuật và điều trị bệnh Dupuytren
859	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay
860	Thương tích bàn tay giản đơn

861	Thương tích bàn tay phức tạp
862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón
863	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay
	13. Vùng cổ chân-bàn chân
865	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân
866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon
867	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp
868	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
869	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân
872	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên
873	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
874	Cụt chấn thương cổ và bàn chân
875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước
876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
877	Phẫu thuật tổn thương gân Achille
878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên
879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I
880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình
881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille
886	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muộn
887	Phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
888	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay
889	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung
890	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại liệt
891	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại não
892	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI
893	Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liền
894	Ghép xương có cuống mạch nuôi
895	Chuyển vạt cân cơ cánh tay trước
896	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)
897	Trật khớp háng bẩm sinh
898	Phẫu thuật trật báng chè bẩm sinh
899	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải
900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi

901	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay
902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
903	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối
	15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em
904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
905	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM
906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay
907	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET
908	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
910	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay
911	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
912	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu
913	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia
914	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay
916	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương
917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi
918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi
919	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân
921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
922	Phẫu thuật sữa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân
923	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
924	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
925	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý
926	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác
927	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần
928	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương
929	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng
930	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần
931	Phẫu thuật thay đoạn xương ghép bảo quản bằng kỹ thuật cao
932	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng
933	Phẫu thuật ghép chi
934	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương
935	Phẫu thuật kéo dài chi
936	Phẫu thuật tạo hình bằng các vạt da có cuống mạch liền
937	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
938	Phẫu thuật làm vận động khớp gối
939	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân
940	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi

941	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)
942	Phẫu thuật cắt cụt chi
943	Phẫu thuật tháo khớp chi
944	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản
945	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp
946	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)
947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
948	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay
949	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)
950	Phẫu thuật làm cứng khớp gối
951	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối
952	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi
953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
955	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
956	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp
957	Phẫu thuật điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)
958	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác
959	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ
960	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm2
961	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm2
962	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm2
963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)
964	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)
965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)
966	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)
967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương
968	Phẫu thuật ghép xương tự thân
969	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo
970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm
971	Lấy u xương (ghép xi măng)
972	Phẫu thuật U máu
973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp
974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi
975	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh
976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ
977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm2
978	Phẫu thuật vá da mỏng
979	Phẫu thuật viêm xương
980	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết
981	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài
982	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay

983	Phẫu thuật vết thương khớp
984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
	17. Nắn- Bó bột
985	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0
988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
991	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
992	Bột Corset Minerve,Cravate
993	Nắn, bó bột gãy xương hàm
994	Nắn, bó bột cột sống
995	Nắn, bó bột trật khớp vai
996	Nắn, bó bột gãy xương đòn
997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay
1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay
1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV
1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles
1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
1010	Nắn, bó bột trật khớp háng
1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng
1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày
1013	Nắn, bó bột gãy xương chậu
1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi
1015	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật
1016	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi
1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè
1018	Nắn, bó bột trật khớp gối
1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
1022	Nắn, bó bột gãy xương chày
1023	Nắn, bó bột gãy xương gót

1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
1025	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn
1026	Nắn, bó bột gãy Dupuptren
1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia
1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
1030	Nắm, cố định trật khớp hàm
1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
1032	Nẹp bột các loại, không nắn
	H. CỘT SỐNG
	1. Cột sống cổ
1033	Phẫu thuật cố định C_1-C_2 điều trị mất vững C_1-C_2
1034	Phẫu thuật cố định chẩm cổ , ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chân cung, gãy mõm nha, vỡ C_1 …)
1035	Phẫu thuật vít trực tiếp mỏm nha trong điều trị gãy mỏm nha
1036	Buộc vòng cố định C_1-C_2 lối sau
1037	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng
1038	Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lối sau
1039	Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
1040	Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu
1041	Cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ
1042	Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước
1043	Kéo cột sống bằng khung Halo
1044	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống cổ
1045	Phẫu thuật cắt thân đốt sống, ghép xương và cố định CS cổ (ACCF)
1046	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định CS cổ (ACDF)
1047	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước
1048	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước
1049	Phẫu thuật trượt bản lề cổ chẩm
1050	Phẫu thuật bệnh lý vôi hóa dây chằng dọc sau cột sống cổ
1051	Phẫu thuật nang Tarlov
	2. Cột sống ngực
1052	Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc
1053	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực
1054	Lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
1055	Tạo hình lồng ngực (cắt các xương sườn ở mặt lồi trong vẹo cột sống để chỉnh hình lồng ngực)
1056	Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống qua đường sau
1057	Phẫu thuật chỉnh gù cột sống qua đường sau
1058	Phẫu thuật chỉnh vẹo CS đường trước và hàn khớp
1059	Phẫu thuật chỉnh gù CS đường trước và hàn khớp
1060	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống đường trước
1061	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương

1062	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
1063	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lối sau
1064	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lối bên
	3. Cột sống thắt lưng
1065	Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương (nẹp Kaneda, chữ Z)
1066	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)
1067	Cố định cột sống và cánh chậu
1068	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống
1069	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng vít loãng xương
1070	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng hệ thống định vị (Navigation)
1071	Phẫu thuật cố định bắt vít qua cuống sống sử dụng hệ thống rô-bốt
1072	Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng sử dụng hệ thống nẹp bán động
1073	Lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
1074	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau (PLIF)
1075	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)
1076	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng
1077	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng
1078	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lung
1079	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
1080	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
1081	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
1082	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng
	4. Các phẫu thuật ít xâm lấn
1083	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống
1084	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng
1085	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan
1086	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống
1087	Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm ít xâm lấn sử dụng hệ thống ống nong
1088	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới hướng dẫn của cắt lớp hoặc cộng hưởng từ
1089	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống cổ bằng sóng cao tần
1090	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng sóng cao tần
1091	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da
1092	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da
1093	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da + ghép xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp sử dụng hệ thống ống nong
	I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC
1094	Phẫu thuật vết thương tủy sống
1095	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống
1096	Phẫu thuật máu tụ ngoài màng cứng tủy sống
1097	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tủy sống
1098	Phẫu thuật dị vật tủy sống, ống sống.

1099	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng
1100	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng
1101	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới
1102	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
1103	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc
1104	Cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
1105	Phẫu thuật thần kinh chức năng điều trị đau do co cứng, đau do ung thư
1106	Phẫu thuật tạo hình xương ức
1107	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên
1108	Phẫu thuật cột sống điều trị các bệnh lý cột sống tái phát
1109	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống
1110	Phẫu thuật nang màng nhện tủy
1111	Phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri
1112	Phẫu thuật ứng dụng tế bào gốc điều trị các bệnh lý thần kinh tủy sống
1113	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng
	K. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
1114.	Đặt prothese cố định sàn chậu vào mỏm nhô xương cụt
1115.	Phẫu thuật đặt Stent thực quản
1116.	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)
1117.	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột tự cán)
1118.	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp gối
X.	**BỎNG**
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. ĐIỀU TRỊ BỎNG
	1. Thay băng bỏng
1	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn
2	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn
3	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn
4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
6	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em
7	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40 % - 60% diện tích cơ thể ở trẻ em
8	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em
9	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em
10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu
12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da
13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông
14	Gây mê thay băng bỏng

	2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng
15	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép
16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu
17	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn
19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn
20	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
23	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn
25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
26	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
29	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
30	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn
31	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn
32	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
33	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
34	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
35	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
36	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
37	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
38	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
39	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
40	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
41	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
42	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
43	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
44	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
45	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
46	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
47	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
48	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
49	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
50	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
51	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
52	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
53	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
54	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
55	Ghép da đồng loại ≥ 10% diện tích cơ thể

56	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể
57	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng
58	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng
59	Sử dụng các sản phẩm dạng dung dịch từ nuôi cấy tế bào để điều trị vết thương, vết bỏng
60	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
61	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
62	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause ≥ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu
63	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu
64	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn
65	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
66	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín ≥ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
67	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
68	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu
69	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu
70	Phẫu thuật chuyển vạt da phức tạp có nối mạch vi phẫu điều trị bỏng sâu
71	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai
72	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu
73	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu
74	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu
75	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu
76	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ
	3. Các kỹ thuật khác
77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
78	Chẩn đoán độ sâu bỏng bằng thiết bị laser doppler
79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
82	Sơ cấp cứu bỏng acid
83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng
85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp
86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa
87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng
88	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng
89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng
91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng
92	Nội soi hô hấp chẩn đoán và điều trị bỏng đường hô hấp
93	Nội soi tiêu hóa chẩn đoán và điều trị bỏng tiêu hóa và các biến chứng tiêu hóa ở bệnh nhân bỏng nặng

syt_hatinh – So Y te Ha Tinh 0919.04.65.41

94	Siêu lọc máu liên tục điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng
95	Sử dụng giường khí hóa lỏng điều trị bệnh nhân bỏng nặng
96	Sử dụng giường đệm tuần hoàn khí điều trị bệnh nhân bỏng nặng
97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng
98	Sử dụng oxy cao áp điều trị bệnh nhân bỏng
99	Điều trị tổn thương bỏng bằng máy sưởi ấm bức xạ
100	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bỏng
101	Hút áp lực âm (v.a.c) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bỏng
	B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG
102	Khám di chứng bỏng
103	Cắt sẹo khâu kín
104	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình
105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause
106	Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bỏng
107	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết
108	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị bỏng
109	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị sẹo bỏng
110	Kỹ thuật tạo vạt da "siêu mỏng" chẩm cổ lưng có nối mạch vi phẫu điều trị sẹo vùng cổ-mặt
111	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bỏng
112	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bỏng
113	Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bỏng
114	Quy trình kỹ thuật tạo vạt da DIEP điều trị bỏng
115	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng
	C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH
116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
117	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính
118	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính
119	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính
120	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne
121	Sử dụng oxy cao áp điều trị vết thương mạn tính
	D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG
122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng
123	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng
124	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc
125	Điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo
126	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo
127	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo - massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo
128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng
129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng
130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể
131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng

	Đ. ĐIỀU TRỊ BỎNG
132.	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng >60% DTCT hoặc có bỏng hô hấp
133.	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng từ 40 - 60% diện tích cơ thể
134.	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng từ 10 - 39% diện tích cơ thể
135.	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng < 10% diện tích cơ thể
136.	Ghép vật liệu thay thế da điều trị vết thương, vết bỏng
137.	Tắm điều trị bệnh nhân hồi sức, cấp cứu bỏng
138.	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cóng lạnh
139.	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác
140.	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ
141.	Nội soi hô hấp điều trị bệnh nhân thở máy
142.	Phẫu thuật cắt cuống da Ý
143.	Phẫu thuật lấy da mảnh mỏng từ người sống
144.	Siêu lọc máu liên tục 24h điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng
145.	Siêu lọc máu liên tục 48h điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng
146.	Siêu lọc máu liên tục kết hợp thẩm tách 24h điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng
147.	Siêu lọc máu liên tục kết hợp thẩm tách 48h điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng
148.	Sử dụng hỗn dịch các tế bào chủ yếu của da tự thân điều trị vết thương, vết bỏng
149.	Thủy trị liệu chi thể điều trị vết bỏng (30 phút)
150.	Nẹp cố định dự phòng và điều trị sẹo co kéo vùng miệng sau bỏng
151.	Nẹp cổ mềm dự phòng và điều trị sẹo co kéo vùng cổ
	E. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG
152.	Kỹ thuật vi phẫu nối bạch mạch - tĩnh mạch điều trị phù do tắc bạch mạch
153.	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị sẹo
154.	Kỹ thuật tạo vạt da nhánh xuyên cuống liền che phủ tổn khuyết
	G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH
155.	Ghép vật liệu thay thế da điều trị vết thương mạn tính
156.	Sử dụng các chế phẩm sinh học (dạng tiêm, phun, ...) điều trị vết thương mạn tính
157.	Thủy trị liệu chi thể điều trị vết thương mạn tính
158.	Cắt lọc mô hoại tử vết thương mạn tính bằng dao thủy lực
159.	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính
160.	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính
161.	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín
162.	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính
163.	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị vết thương mạn tính
164.	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên có cuống mạch liền điều trị vết thương mạn tính
165.	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên động mạch mông trên điều trị loét cùng cụt
166.	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị vết thương mạn tính
167.	Kỹ thuật xác định nồng độ O_2 và CO_2 tại chỗ vết thương mạn tính
168.	Kỹ thuật ghép khối mỡ tự thân điều trị vết thương mạn tính
169.	Kỹ thuật tiêm huyết tương giàu tiểu cầu điều trị vết thương mạn tính
170.	Kỹ thuật ghép hỗn dịch tế bào tự thân trong điều trị vết thương mạn tính

171.	Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại
172.	Kỹ thuật kéo dãn tổ chức trong điều trị vết thương mạn tính
173.	Điều trị vết thương mạn tính bằng chiếu tia plasma
174.	Can thiệp mạch trong điều trị loét tĩnh mạch chi dưới
175.	Chụp mạch cản quang trong chẩn đoán hệ mạch tại chỗ vết thương mạn tính
176.	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
177.	Kỹ thuật massage tại chỗ trong chăm sóc vết thương mạn tính
178.	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp
179.	Kỹ thuật đặt dẫn lưu dự phòng nhiễm khuẩn tại chỗ vết thương mạn tính
180.	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới
XI. UNG BƯỚU	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
2	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
3	Đặt ống nội khí quản
4	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
5	Đặt ống thông hậu môn
6	Đặt stent khí phế quản
7	Mở khí quản cấp cứu
8	Mở khí quản thường quy
9	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
10	Mở thông bàng quang trên xương mu
11	Rửa bàng quang lấy máu cục
12	Thay canuyn mở khí quản
13	Đặt ống thông dạ dày
14	Rửa dạ dày cấp cứu
	II. NỘI KHOA
15	Bơm hóa chất bàng quang điều trị ung thư bàng quang
16	Bơm rửa khoang màng phổi
17	Chọc dò dịch màng phổi
18	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
19	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim
20	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
21	Đặt buồng tiêm truyền dưới da
22	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)
23	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
24	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
25	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục
26	Nội soi niệu quản chẩn đoán

27	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết
28	Nong niệu đạo và đặt sonde đái
29	Rửa bàng quang
30	Rút buồng tiêm bằng phẫu thuật sau đợt hóa trị
31	Rút sonde jj qua đường nội soi bàng quang
32	Sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở
33	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
34	Thay băng buồng tiêm
35	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
36	thay băng và thay kim buồng tiêm
37	Thụt tháo phân
	III. NGOẠI KHOA
	A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO
38	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)
39	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não
40	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não
41	Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép xương hoặc lồng titan
42	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-ổ bụng
43	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dãn não thất
44	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)
45	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau mổ tủy sống
46	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau mổ các thương tổn nền sọ
47	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)
48	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
49	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
50	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên
51	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
52	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não
53	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)
54	Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ
55	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ
56	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương ở nền sọ qua đường miệng hoặc mũi
57	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ
58	Phẫu thuật u đỉnh hốc mắt
59	Phẫu thuật u dưới màng tủy, ngoài tủy kèm theo tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía trước hoặc trước ngoài
60	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tuỷ, bằng đường vào phía sau hoặc sau –ngoài
61	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/hoặc lỗ tai trong bằng đường dưới chẩm-sau xoang sigma
62	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
63	Phẫu thuật u hố sau xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
64	Phẫu thuật u lều tiểu não, bằng đường vào dưới lều tiểu não

65	Phẫu thuật u liềm não, bằng đường mở nắp sọ
66	Phẫu thuật u não thất ba bằng đường mở nắp sọ
67	Phẫu thuật u não thất bên bằng đường mở nắp sọ
68	Phẫu thuật u não thất tư bằng đường mở nắp sọ
69	Phẫu thuật u ngoài màng cứng tủy sống-rễ thần kinh, bằng đường vào phía sau
70	Phẫu thuật u nguyên sống (chordoma) xương bướm bằng đường qua xoang bướm
71	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
72	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não, xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
73	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau
74	Phẫu thuật u sọ hầu bằng đường mở nắp sọ
75	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng đường mở nắp sọ trán và đường qua xoang sàng
76	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên
77	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên
78	Phẫu thuật u thần kinh hốc mắt
79	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên
80	Phẫu thuật u thần kinh trên da
81	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ
82	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau hoặc sau-ngoài
83	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường mở nắp sọ
84	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường qua xoang bướm
85	Phẫu thuật u vùng rãnh trượt bằng đường qua miệng hoặc qua xương bướm
86	Phẫu thuật u vùng tầng giữa nền sọ bằng mở năp sọ
87	Phẫu thuật u xơ cơ ổ mắt
88	Phẫu thuật u xương hốc mắt
89	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ
90	Phẫu thuật viêm xương sọ
91	Điều trị các khối u sọ não và một số bệnh lý thần kinh sọ não bằng dao Gamma
92	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tủy, bằng đường vào phía sau hoặc sau -ngoài
	B. ĐẦU-MẶT-CỔ
93	Cắt các u ác tuyến dưới hàm
94	Cắt các u ác tuyến giáp
95	Cắt các u ác tuyến mang tai
96	Cắt các u lành tuyến giáp
97	Cắt các u lành vùng cổ
98	Cắt các u nang giáp móng
99	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
100	Nạo vét hạch cổ chọn lọc
101	Nạo vét hạch cổ chức năng
102	Nạo vét hạch cổ tiệt căn
103	Phẫu thuật cắt bán phần thanh quản trên nhẫn kiểu CHEP
104	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản bán phần có tạo hình

105	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản toàn phần
106	Phẫu thuật cắt hạ họng bán phần
107	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần đứng
108	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần ngang trên thanh môn
109	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm
110	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần
111	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần
112	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII
113	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng
114	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II
115	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe
116	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ
117	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi
118	Phẫu thuật rò khe mang I
119	Phẫu thuật rò xoang lê
120	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt
121	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai
122	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm
123	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên
124	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
125	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
126	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
127	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng bằng dao siêu âm
128	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
129	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
130	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
131	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
132	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
133	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
134	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm
135	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
136	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
137	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
138	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
139	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
140	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
141	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
142	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
143	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
144	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm

145	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
146	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
147	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
148	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
149	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
150	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
151	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
152	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên
153	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên
154	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật
155	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao siêu âm
156	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp
157	Cắt bỏ tinh hoàn
158	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
159	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng bằng dao siêu âm
160	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
161	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure
162	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
163	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
164	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
165	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
166	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
167	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao ligasure
168	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
169	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
170	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
171	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
172	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao ligasure
173	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao ligasure
174	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm
175	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
176	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
177	Cắt u tuyến tùng
178	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao ligasure
179	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
180	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
181	Phẫu thuật ghép xương với khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
182	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm

183	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt
184	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
185	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt bằng vạt da cơ
	C. TAI - MŨI - HỌNG
186	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ
187	Cắt hạ họng bán phần
188	Cắt khối u khẩu cái
189	Cắt một nửa lưỡi + vét hạch cổ
190	Cắt thanh quản bán phần
191	Cắt u cuộn cảnh
192	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
193	Cắt ung thư lưỡi - sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
194	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ
195	Cắt ung thư lưỡi, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
196	Cắt ung thư sàng hàm
197	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
198	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 2 bên
199	Khí dung mũi họng
200	Nhét bấc mũi sau
201	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai
202	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài
203	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần
204	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VII
205	Cắt khối u vùng họng miệng bằng Laser
206	Cắt u amidan
207	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser
208	Cắt bỏ u xương thái dương
209	Cắt bỏ u xương thái dương - tạo hình vạt cơ da
210	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
211	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
212	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
213	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
214	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm
215	Cắt u lưỡi lành tính
216	Cắt u nang men răng, ghép xương
217	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
218	Cắt ung thư vòm khẩu cái, tạo hình
219	Cắt u tuyến tùng bằng DCSA
220	Cắt u tuyến yên bằng DCSA
221	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ

222	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản
223	Nội soi sinh thiết u hốc mũi
224	Nội soi sinh thiết u vòm
225	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê
226	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi
227	Phẫu thuật cắt phần giữa xương hàm trong ung thư sàng hàm
228	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi
229	Phẫu thuật cắt u sàn miệng
230	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản
231	Phẫu thuật mở cạnh mũi
232	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)
233	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,…)
234	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)
235	Sinh thiết u họng miệng
236	Cầm máu mũi bằng Merocel
237	Phẫu thuật cắt u Amydal
238	Phẫu thuật Laser cắt u nang lành tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale
	D. LỒNG NGỰC - PHỔI
239	Mở ngực thăm dò, sinh thiết
240	Phẫu thuật cắt một bên phổi bệnh lý
241	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý
242	Phẫu thuật cắt một thùy phổi bệnh lý
243	Phẫu thuật cắt phổi do ung thư kèm nạo vét hạch
244	Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính ≥ 10 cm)
245	Phẫu thuật cắt u thành ngực
246	Phẫu thuật cắt u trung thất
247	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn
248	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi
249	Phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
250	Cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch 1 bên lồng ngực
251	Cắt u xương sườn 1 xương
252	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
253	Phẫu thuật bóc u thành ngực
254	Phẫu thuật vét hạch nách
255	Cắt một thuỳ phổi hoặc một phân thuỳ phổi do ung thư
256	Cắt thuỳ phổi hoặc cắt một bên phổi kèm vét hạch trung thất
257	Cắt u trung thất
	E. TIÊU HÓA – BỤNG
258	Các phẫu thuật ruột thừa khác
259	Cắt bỏ u mạc nối lớn
260	Cắt dạ dày hình chêm
261	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay

262	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
263	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài
264	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột
265	Cắt đoạn đại tràng nối ngay
266	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann
267	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài
268	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài
269	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông
270	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tầng sinh môn
271	Cắt đoạn trực tràng nối ngay
272	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
273	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn
274	Cắt mạc nối lớn
275	Cắt nhiều đoạn ruột non
276	Cắt ruột non hình chêm
277	Cắt ruột thừa đơn thuần
278	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
279	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
280	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
281	Cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
282	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
283	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
284	Cắt toàn bộ dạ dày
285	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp
286	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
287	Cắt túi thừa đại tràng
288	Cắt u mạc treo ruột
289	Cắt u tá tràng
290	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
291	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
292	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng
293	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
294	Đóng lỗ rò thực quản – khí quản
295	Đóng mở thông ruột non
296	Đóng rò thực quản
297	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
298	Đóng rò trực tràng – âm đạo
299	Gỡ dính sau mổ lại
300	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
301	Khâu lỗ thủng đại tràng
302	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non

303	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng
304	Làm hậu môn nhân tạo
305	Mở bụng thăm dò
306	Mở bụng thăm dò, sinh thiết
307	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…)
308	Mở thông dạ dày
309	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng
310	Nạo vét hạch cổ
311	Nạo vét hạch D1
312	Nạo vét hạch D2
313	Nạo vét hạch D3
314	Nạo vét hạch D4
315	Nạo vét hạch trung thất
316	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng
317	Nối tắt ruột non - ruột non
318	Nối vị tràng
319	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
320	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
321	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp
322	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
323	Tháo xoắn ruột non
324	Cắt lại đại tràng do ung thư
325	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới
326	Tạo hình thực quản (do ung thư & bệnh lành tính)
327	Cắt u tuyến thượng thận
328	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng
329	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường
330	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống Di hoặc D2
331	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng
332	Nối mật-Hỗng tràng do ung thư
333	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - tầng sinh môn
334	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng
335	Lấy u sau phúc mạc
336	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
337	Phẫu thuật cắt u cơ hoành
338	Phẫu thuật cắt u thành bụng
339	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
340	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ
	G. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY
341	Các phẫu thuật đường mật khác
342	Cầm máu nhu mô gan
343	Cắt bỏ nang tụy

syt_hanhchanh_So Y te Ha Tinh_03/04/2024 08:54:00

344	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách
345	Cắt gan nhỏ
346	Cắt gan phải
347	Cắt gan phải mở rộng
348	Cắt gan phân thuỳ sau
349	Cắt gan phân thuỳ trước
350	Cắt gan trái
351	Cắt gan trái mở rộng
352	Cắt gan trung tâm
353	Cắt hạ phân thuỳ 1
354	Cắt hạ phân thuỳ 2
355	Cắt hạ phân thuỳ 3
356	Cắt hạ phân thuỳ 4
357	Cắt hạ phân thuỳ 5
358	Cắt hạ phân thuỳ 6
359	Cắt hạ phân thuỳ 7
360	Cắt hạ phân thuỳ 8
361	Cắt khối tá tụy
362	Cắt khối tá tụy bảo tồn môn vị
363	Cắt lách bán phần
364	Cắt lách bệnh lý
365	Cắt lọc nhu mô gan
366	Cắt một phần tuỵ
367	Cắt nhiều hạ phân thuỳ
368	Cắt thuỳ gan trái
369	Cắt tụy trung tâm
370	Lấy bỏ u gan
371	Lấy hạch cuống gan
372	Lấy tổ chức ung thư tát phát khu trú tại tụy
373	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
374	Các phẫu thuật cắt tụy khác
375	Cắt đuôi tụy và cắt lách
376	Cắt một phần tụy
377	Nối nang tụy với dạ dày
378	Nối nang tụy với hỗng tràng
379	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh
380	Thăm dò, sinh thiết gan
381	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách
382	Cắt túi mật
383	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách
	H. TIẾT NIỆU – SINH DỤC
384	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài

syt_hanhchat_So Y te Ha Tinh_ngay 03/01/2024 08:55:41

385	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
386	Cắt cổ bàng quang
387	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật
388	Cắt hẹp bao quy đầu
389	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
390	Cắt nối niệu đạo sau
391	Cắt nối niệu quản
392	Cắt thận đơn thuần
393	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch
394	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
395	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột
396	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
397	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
398	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)
399	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
400	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca
401	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
402	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận
403	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
404	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong
405	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ
406	Mở rộng lỗ sáo
407	Nong niệu đạo
408	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang
409	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt
410	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng
411	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo
412	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes
413	Cắt bỏ dương vật ung thư có vét hạch
414	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc
415	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư
416	Cắt nang thừng tinh một bên
417	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu
418	Cắt u bàng quang đường trên
419	Cắt u lành dương vật
420	Cắt u sùi đầu miệng sáo
421	Cắt u thận lành
422	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống
423	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung
424	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi
425	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi
426	Nội soi bàng quang cắt u

427	Nội soi nong niệu quản hẹp
428	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi
429	Cắm lại niệu quản – bàng quang
430	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)
431	Cắt một nửa thận
432	Cắt một phần bàng quang
433	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder
434	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang
435	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn
436	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông
437	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên
438	Dẫn lưu thận
439	Đặt ống thông bàng quang
440	Mở thông bàng quang
441	Nội soi bàng quang chẩn đoán
442	Nội soi cắt u bàng quang
443	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo
444	Nội soi đặt sonde JJ
445	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ
446	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
447	Cắt nối niệu đạo trước
448	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
449	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu
450	Cắt bàng quang toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
451	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes)
452	Nội soi tháo sonde JJ
453	Nong niệu quản
454	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt
455	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên
456	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt
457	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên
458	Tạo hình phần nối bể thận- niệu quản
459	Trồng niệu quản vào bàng quang 1bên/ 2 bên
	I. VÚ - PHỤ KHOA
460	Bóc nang tuyến Bartholin
461	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo
462	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên
463	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
464	Cắt bỏ tạng trong tiểu khung, từ 2 tạng trở lên
465	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú

466	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)
467	Cắt polyp cổ tử cung
468	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng
469	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng
470	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
471	Cắt u nang buồng trứng
472	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ
473	Cắt u nang buồng trứng xoắn
474	Cắt u thành âm đạo
475	Cắt u vú lành tính
476	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng
477	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay
478	Cắt vú theo phương pháp Patey + cắt buồng trứng hai bên
479	Mổ bóc nhân xơ vú
480	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
481	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú
482	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú
483	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
484	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
485	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
486	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vạt tự thân
487	Phẫu thuật Wertheim- Meig điều trị ung thư cổ tử cung
488	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú
489	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú
490	Bóc nhân xơ vú
491	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên
492	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo
493	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi
494	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng
495	Cắt cụt cổ tử cung
496	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
497	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách
498	Chích áp xe tuyến Bartholin
499	Chích áp xe vú
500	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng
501	Chọc dò túi cùng Douglas
502	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
503	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
504	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn
505	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
506	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
507	Khâu rách cùng đồ âm đạo

508	Khoét chóp cổ tử cung
509	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
510	Nạo hút thai trứng
511	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
512	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung
513	Nội soi buồng tử cung can thiệp
514	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
515	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
516	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
517	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
518	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
519	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
520	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
521	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
522	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
523	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
524	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
525	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu
526	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
527	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
528	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú
529	Soi cổ tử cung
530	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)
531	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
532	Tiêm hóa chất tại chỗ điều trị chửa ở cổ tử cung
533	Tiêm nhân Chorio
534	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
535	Cắt u xơ cổ tử cung
536	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
537	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
538	Điều trị u lành tử cung bằng nút động mạch
539	Làm thuốc âm đạo
540	Nạo buồng tử cung chẩn đoán
541	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung
542	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
543	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo
544	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng
545	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
546	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng
547	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
548	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối
549	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai

550	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
551	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
552	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung
553	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn
554	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)
555	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư
556	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam
557	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng
558	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ
559	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa
560	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vạt da cơ có cuống mạch nuôi
561	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da cơ có cuống mạch
562	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại
563	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid
564	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da cơ có cuống mạch
565	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da mạch xuyên vùng kế cận
566	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vạt da tại chỗ
567	Phẫu thuật tái núm vú bằng mảnh ghép phức hợp
568	Phẫu thuật tái núm vú bằng vạt tại chỗ
569	Phẫu thuật tái tạo quầng núm vú
570	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da cơ có cuống mạch kết hợp đặt chất liệu độn
571	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da có cuống mạch xuyên kế cận
572	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da giãn kết hợp đặt chất liệu độn
573	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trễ
	K. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP
574	Cắt chi và vét hạch do ung thư
575	Cắt cụt cánh tay do ung thư
576	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm
577	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
578	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó
579	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)
580	Cắt u xương, sụn
581	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
582	Tháo khớp cổ tay do ung thư
583	Cắt cụt cẳng chân do ung thư
584	Cắt cụt đùi do ung thư
585	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm
586	Ghép da dị loại
587	Tháo khớp háng do ung thư
588	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay
589	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm²
590	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm²

591	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp
592	Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lối sau
593	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước
594	Phẫu thuật cắt cụt chi
595	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ
596	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống
597	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lối sau
598	Phẫu thuật ghép xương tự thân
599	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng
600	Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước
601	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý
602	Phẫu thuật lấy bỏ u xương
603	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực
604	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
605	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi
606	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
607	Phẫu thuật tạo hình bằng các vạt da có cuống mạch liền
608	Phẫu thuật tháo khớp chi
609	Phẫu thuật U máu
610	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương
611	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vạt da tại chỗ
612	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da tại chỗ
613	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da lân cận
614	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da tại chỗ
615	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt tại chỗ
	IV. XẠ TRỊ-HÓA TRỊ LIỆU
616	Điều trị bệnh Basedow bằng I 131
617	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng I131
618	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng I 131
619	Điều trị đích trong ung thư
620	Điều trị u máu bằng hóa chất
621	Điều trị ung thư bằng nghiệm pháp gene
622	Điều trị ung thư tuyến giáp biệt hóa bằng I131
623	Đổ khuôn chì trong xạ trị
624	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi
625	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy
626	Hóa trị liều cao
627	Hóa trị liều cao kết hợp với truyền tế bào gốc tạo máu
628	Làm mặt nạ cố định đầu
629	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị áp sát
630	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị ngoài
631	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị trong

632	Điều trị ung thư bằng tế bào gốc
633	Súc rửa vòm họng trong xạ trị
634	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư
635	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi
636	Truyền hóa chất động mạch
637	Truyền hóa chất khoang màng bụng
638	Truyền hóa chất khoang màng phổi
639	Truyền hóa chất nội tủy
640	Truyền hóa chất tĩnh mạch
641	Xạ trị áp sát xuất liều cao
642	Xạ trị áp sát xuất liều thấp
643	Xạ trị bằng các đồng vị phóng xạ
644	Xạ trị bằng Cyber Knife
645	Xạ trị bằng Gamma Knife
646	Xạ trị bằng máy Cobalt
647	Xạ trị bằng máy gia tốc
648	Xạ trị bằng máy gia tốc có điều biến liều
649	Xạ trị bằng máy Rx
650	Xạ trị bằng nguồn áp sát
651	Xạ trị bằng tấm áp P32
652	Xạ trị bằng X Knife
653	Xạ trị điều biến liều sử dụng PET/CT mô phỏng
654	Xạ trị phối hợp đồng thời với hóa trị
655	Xạ trị sử dụng CT mô phỏng
656	Xạ trị sử dụng PET/CT mô phỏng
657	Xạ trị triệu chứng trong di căn ung thư
658	Xạ trị trong mổ
659	Xạ trị trong mổ ung thư âm đạo
660	Xạ trị trong mổ ung thư não
661	Xạ trị trong mổ ung thư nội mạc tử cung
662	Xạ trị trong mổ ung thư cổ tử cung
663	Xạ trị trong mổ ung thư khoang miệng
664	Xạ trị trong mổ ung thư di căn xương
665	Xạ trị trong mổ ung thư di căn cột sống
666	Xạ trị trong mổ ung thư da
667	Xạ trị trong mổ ung thư đại trực tràng
668	Xạ trị trong mổ ung thư phần mềm
669	Xạ trị trong mổ ung thư vú
670	Xạ phẫu bằng dao gamma quay
	V. Y HỌC HẠT NHÂN
671	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng I^{131}
672	Độ tập trung I^{131} tuyến giáp

673	PET/CT
674	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}FDG
675	Xạ hình toàn thân với I^{131}
676	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate
677	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate
678	Xạ hình tuyến giáp với I^{131}
679	Xạ hình tuyến vú
680	Xạ hình xương với ^{99m}Tc – MDP
681	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với 99mTc Pertechnetate
682	Xạ hình xương với ^{99m}Tc - MDP
683	Xạ hình thận với 99mTc – DMSA
684	Điều trị Basedow bằng 131I
685	Điều trị bướu tuyến giáp đơn thuần bằng 131I
686	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng 131I
687	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo 90Y
688	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo phóng xạ
689	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo 90Y
690	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo phóng xạ
691	Điều trị ung thư gan bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
692	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng 188Re
693	Điều trị ung thư gan bằng keo Silicon – 32P
694	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng 131I – Lipiodol
695	Điều trị ung thư gan bằng keo Ho-166
696	Điều trị ung thư gan bằng hạt phóng xạ 125I
697	Điều trị ung thư gan bằng keo phóng xạ
698	Điều trị ung thư vú bằng hạt phóng xạ 125I
699	Điều trị ung thư vòm mũi họng bằng hạt phóng xạ
700	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng hạt phóng xạ 125I
701	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo phóng xạ
702	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo 90Y
703	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng thuốc phóng xạ
704	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 153Sm
705	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 117Sn
706	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 188Re
707	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 186Re
708	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng 89Sr
709	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng 85Sr
710	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng: 90Y
711	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 32P
712	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-131-MIBG
713	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-131-MIBG
714	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-123-MIBG

715	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-123-MIBG
716	Điều trị bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
717	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ
718	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với 131I-Rituximab
719	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với 131I-Nimotuzumab
720	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 111In-DTPA-octreotide
721	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 111In-DOTATOC
722	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 90Y-DOTATOC
723	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 90Y-DOTA-Lanreotide
724	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 90Y-DOTATATE
725	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 177Lu -DOTATATE
726	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ 177Lu-DOTATOC
727	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ alpha 213-Bi-DOTATOC
728	Điều trị bằng nano - thụ thể peptid phóng xạ 177Lu-DOTATATE-PLGA-PEG NPs
729	Điều trị di căn ung thư bằng cấy hạt phóng xạ 125I
730	Điều trị ung thư tuyến tiền liệt bằng cấy hạt phóng xạ 103Pd
731	Điều trị ung thư phổi bằng cấy hạt phóng xạ 125I
732	Điều trị ung thư thực quản bằng cấy hạt phóng xạ 125I
733	Điều trị ung thư đầu cổ bằng cấy hạt phóng xạ 125I
734	Điều trị u não bằng cấy hạt phóng xạ 125I
735	Điều trị ung thư di căn gan bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
736	Điều trị ung thư đường mật trong gan bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
737	Điều trị u lympho ác tính không Hodgkin bằng kháng thể đơn dòng gắn đồng vị phóng xạ 90Y-Ibritumomab
738	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với 90Y- Rituximab
739	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với 90Y- Nimotuzumab
740	Điều trị ung thư bằng hạt vi cầu phóng xạ
741	Điều trị ung thư bằng hạt phóng xạ
742	Xạ hình chẩn đoán khối u bằng Kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
743	SPECT chẩn đoán khối u bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
744	SPECT/CT chẩn đoán khối u bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
745	PET/CT chẩn đoán bằng NaF
746	Xạ hình xương bằng NaF
747	Xạ trị áp sát bằng đồng vị phóng xạ
748	Xạ trị áp sát bằng hạt phóng xạ
749	Xạ trị áp sát bằng tâm áp phóng xạ
750	Xạ trị áp sát bằng Stent phóng xạ
751	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng 177Lu
752	SPECT tụy
753	Xạ hình tụy
754	Xạ hình xương 3 pha
755	Xạ hình chức năng thận với 99mTc –DTPA
756	SPECT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép

757	SPECT/CT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
758	Xạ hình toàn thân sau nhận liều điều trị giảm đau di căn ung thư xương
759	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA
760	Kỹ thuật phát hiện hạch gác bằng đầu dò Gamma
761	Điều trị ung thư gan bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
762	Xạ hình gan bằng bức xạ hàm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
763	SPECT gan bằng bức xạ hãm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
764	SPECT/CT gan bằng bức xạ hãm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
765	PET/CT bằng bức xạ hãm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ 90Y
766	Xạ hình đánh giá luồng thông mạch máu (shunt) gan phổi
767	SPECT đánh giá luồng thông mạch máu (shunt) gan phổi
768	SPECT/CT đánh giá luồng thông mạch máu (shunt) gan phổi
769	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với 99mTc Pertechnetate
770	SPECT/CT chẩn đoán khối u
771	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với 99mTc – MIBI
772	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với 67Ga
773	SPECT/CT chẩn đoán u phổi
774	SPECT/CT chẩn đoán u vú
775	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với 131I - MIBG
776	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với 123I - MIBG
777	SPECT/CT phóng xạ miễn dịch
778	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ
779	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với 177Lu-DOTATOC
780	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với 111In-DOTATOC
781	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với 111In-DTPA-octreotide
782	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với 177Lu-DOTATATE
783	SPECT/CT hạch Lympho
784	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu 99m Tc–HMPAO
785	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu 111In
786	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu 67 Ga
787	SPECT/CT mô phỏng xạ trị 3D
788	SPECT/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)
789	PET/MRI
790	PET/MRI chẩn đoán khối u
791	PET/MRI chẩn đoán bệnh hệ thần kinh
	VI. CÁC KỸ THUẬT KHÁC
792	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính
793	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính
794	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính
795	Nội soi bàng quang sinh thiết

796	Nội soi sinh thiết niệu đạo
797	Nong cổ tử cung trước xạ trong
798	Truyền ghép tủy tự thân và ngoại lai
799	Đặt các nguồn xạ vào tổ chức cơ thể
800	Phẫu thuật lạnh điều trị các khối u nông
801	Xạ trị buồng trứng trong ung thư vú
802	Rửa âm đạo, cổ tử cung trước xạ trị
803	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết
804	Nội soi tai mũi họng
Định nghĩa "phức tạp": xâm lấn tạng lân cận/cần phải tạo hình/vi phẫu/can thiệp mạch máu.	
XII. PHỤ SẢN	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. SẢN KHOA
1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược
2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên
3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp
4	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)
5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
6	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)
7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu
8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)
9	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp
10	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa
11	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa
12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
14	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hóa do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
15	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
16	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
17	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
18	Khâu tử cung do nạo thủng
19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng
20	Gây chuyển dạ bằng thuốc
21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
22	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa

24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)
25	Nội xoay thai
26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
27	Forceps
28	Giác hút
29	Soi ối
30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
31	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)
32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
34	Cắt và khâu tầng sinh môn
35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
37	Kiểm soát tử cung
38	Bóc rau nhân tạo
39	Kỹ thuật bấm ối
40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
41	Khám thai
42	Nút mạch cầm máu trong sản khoa
43	Sinh thiết gai rau
44	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang
45	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai
46	Chọc ối điều trị đa ối
47	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào
48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ
50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
52	Khâu vòng cổ tử cung
53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
54	Chích áp xe tầng sinh môn
	B. PHỤ KHOA
55	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu
56	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu
57	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
58	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
59	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
60	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng
61	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
62	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)
63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn
64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần

syt_hanoi@soytuyenquang.gov.vn 08/01/2024 08:51:41

65	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
66	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi
67	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo
68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
69	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối
70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
76	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
78	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng
79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai
80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn
81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung
82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
84	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm
85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ
89	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung
90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
91	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng
92	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng
93	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
94	Phẫu thuật nội soi tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
95	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
96	Vi phẫu thuật tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
97	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
98	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục
99	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ
100	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu
101	Phẫu thuật Crossen
102	Phẫu thuật Manchester
103	Phẫu thuật Lefort
104	Phẫu thuật Labhart
105	Phẫu thuật treo tử cung
106	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)

107	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)
108	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)
109	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
110	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
111	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
112	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
113	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
114	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo
115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
117	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng
118	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo
119	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi
120	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
121	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc
122	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung
123	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
124	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung
125	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung
126	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung
127	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
128	Nội soi buồng tử cung can thiệp
129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung
130	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
131	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
132	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
134	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu
135	Phẫu thuật TVT điều trị són tiêu
136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
137	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng
138	Tiêm hóa chất tại chỗ điều trị chửa ở cổ tử cung
139	Tiêm nhân Chorio
140	Khoét chóp cổ tử cung
141	Cắt cụt cổ tử cung
142	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)
143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
146	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn
147	Cắt u thành âm đạo
148	Lấy dị vật âm đạo

149	Khâu rách cùng đồ âm đạo
150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn
151	Chích áp xe tuyến Bartholin
152	Bóc nang tuyến Bartholin
153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
158	Nạo hút thai trứng
159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
160	Chọc dò túi cùng Douglas
161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
162	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng
163	Chích áp xe vú
164	Khám nam khoa
165	Khám phụ khoa
166	Soi cổ tử cung
167	Làm thuốc âm đạo
168	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách
169	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
170	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay
171	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú
172	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
173	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú
174	Cắt u vú lành tính
175	Bóc nhân xơ vú
176	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên
177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
	C. SƠ SINH
178	Thay máu sơ sinh
179	Khám mắt sơ sinh non tháng để tầm soát bệnh lý võng mạc
180	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản
181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch
182	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP)
183	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh
184	Chọc dò màng bụng sơ sinh
185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh
186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy
187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)
188	Chọc dò tủy sống sơ sinh
189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn

190	Truyền máu sơ sinh
191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh
192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
193	Rửa dạ dày sơ sinh
194	Ep tim ngoài lồng ngực
195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh
196	Khám sơ sinh
197	Chăm sóc rốn sơ sinh
198	Tắm sơ sinh
199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
	D. HỖ TRỢ SINH SẢN
203	Hỗ trợ phôi nở
204	Chọc hút noãn
205	Chuyển phôi
206	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành
207	Nuôi cấy phôi
208	Trữ lạnh phôi, noãn
209	Rã đông phôi, noãn
210	Trữ lạnh tinh trùng
211	Rã đông tinh trùng
212	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng
213	Phẫu thuật lấy tinh trùng
214	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)
215	Chuyển phôi, giao tử vào vòi tử cung (ZIFT, GIFT)
216	Sinh thiết phôi chẩn đoán
217	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh
218	Giảm thiểu phôi
219	Lọc rửa tinh trùng
220	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)
	Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
221	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ
223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)
228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
	E. PHÁ THAI

229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần
230	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước
231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần
232	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22
233	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18
234	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)
235	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
236	Hút thai có kiểm soát bằng nội soi
237	Hút thai dưới siêu âm
238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ
241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
Những kỹ thuật có dấu (*) chỉ định chuyển tuyến.	
XIII.	**MẮT**
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
1.	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù
2.	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
3.	Vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
4.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
5.	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
6.	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
7.	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát
8.	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
9.	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo
10.	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
11.	Phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
12.	Tháo dầu Silicon nội nhãn
13.	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM
14.	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn
15.	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc
16.	Cắt dịch kính, khớ nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm
17.	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
18.	Cắt dịch kính lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính
19.	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn
20.	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính
21.	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy
22.	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không

	dùng dầu/khí nội nhãn
23.	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển
24.	Tháo đai độn củng mạc
25.	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên
26.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mống mắt (Iridoplasty)
27.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
28.	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi
29.	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
30.	Laser điều trị u nguyên bào võng mạc
31.	Lạnh đông điều trị ung thư võng mạc
32.	Mở bao sau đục bằng laser
33.	Điều trị laser hồng ngoại
34.	Laser excimer điều trị tật khúc xạ
35.	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
36.	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
37.	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
38.	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
39.	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
40.	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị
41.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
42.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL
43.	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
44.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt lOL
45.	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL
46.	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
47.	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
48.	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
49.	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
50.	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
51.	Mở bao sau bằng phẫu thuật
52.	Cắt chỉ bằng laser
53.	Ghép giác mạc xuyên
54.	Ghép giác mạc lớp
55.	Ghép giác mạc có vành củng mạc
56.	Ghép giác mạc tự thân
57.	Ghép nội mô giác mạc
58.	Ghép củng mạc
59.	Ghép giác mạc nhân tạo
60.	Ghép vòng căng/hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
61.	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa

62.	Nối thông lệ mũi nội soi
63.	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
64.	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi
65.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
66.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
67.	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
68.	Gọt giác mạc đơn thuần
69.	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
70.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
71.	Lấy dị vật hốc mắt
72.	Lấy dị vật trong củng mạc
73.	Lấy dị vật tiền phòng
74.	Lấy dị vật nội nhãn bẵng nam châm
75.	Cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
76.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
77.	Cố định màng xương tạo cùng đồ
78.	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
79.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
80.	Sinh thiết tổ chức mi
81.	Sinh thiết tổ chức hốc mắt
82.	Sinh thiết tổ chức kết mạc
83.	Cắt u da mi không ghép
84.	Cắt u mi cả bề dày không ghép
85.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
86.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
87.	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
88.	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
89.	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
90.	Cắt u tiền phòng
91.	Cắt u hậu phòng
92.	Tiêm coctison điều trị u máu
93.	Điều trị u máu bằng hóa chất
94.	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
95.	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
96.	Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
97.	Nạo vét tổ chức hốc mắt
98.	Chích mủ hốc mắt
99.	Ghép mỡ điều trị lõm mắt
100.	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
101.	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt
102.	Nâng sàn hốc mắt

103.	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả
104.	Tái tạo cùng đồ
105.	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính
106.	Đóng lỗ dò đường lệ
107.	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ
108.	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)
109.	Phẫu thuật lác thông thường
110.	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
111.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
112.	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
113.	Chỉnh chỉ sau mổ lác
114.	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
115.	Sửa sẹo sau mổ lác
116.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
117.	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
118.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
119.	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
120.	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi
121.	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
122.	Cắt cơ Muller
123.	Lùi cơ nâng mi
124.	Vá da tạo hình mi
125.	Phẫu thuật tạo hình nếp mi
126.	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi
127.	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
128.	Kéo dài cân cơ nâng mi
129.	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
130.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
131.	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
132.	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
133.	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
134.	Di thực hàng lông mi
135.	Phẫu thuật Epicanthus
136.	Phẫu thuật mở rộng khe mi
137.	Phẫu thuật hẹp khe mi
138.	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
139.	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
140.	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V có hoặc không rút ngắn dây chằng mi trong)
141.	Điều trị di lệch góc mắt
142.	Phẫu thuật Doenig
143.	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng

144.	Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
145.	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên
146.	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)
147.	Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
148.	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
149.	Mở góc tiền phòng
150.	Mở bè có hoặc không cắt bè
151.	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm
152.	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)
153.	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
154.	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng
155.	Sửa vá sẹo bọng bằng kết mạc, màng ối, củng mạc
156.	Sửa sẹo bọng bằng kim (Phẫu thuật needling)
157.	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
158.	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
159.	Tiêm nhu mô giác mạc
160.	Áp tia bêta điều trị các bệnh lý kết mạc
161.	Tập nhược thị
162.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
163.	Rửa chất nhân tiền phòng
164.	Cắt bỏ túi lệ
165.	Phẫu thuật mộng đơn thuần
166.	Lấy dị vật giác mạc sâu
167.	Cắt bỏ chắp có bọc
168.	Khâu cò mi, tháo cò
169.	Chích dẫn lưu túi lệ
170.	Phẫu thuật lác người lớn
171.	Khâu da mi đơn giản
172.	Khâu phục hồi bờ mi
173.	Ghép da dị loại
174.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
175.	Khâu phủ kết mạc
176.	Khâu giác mạc
177.	Khâu củng mạc
178.	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
179.	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc
180.	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
181.	Lạnh đông thể mi
182.	Điện đông thể mi
183.	Bơm hơi / khí tiền phòng
184.	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
185.	Múc nội nhãn

186.	Cắt thị thần kinh
187.	Phẫu thuật quặm
188.	Phẫu thuật quặm tái phát
189.	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
190.	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
191.	Mổ quặm bẩm sinh
192.	Cắt chỉ khâu giác mạc
193.	Tiêm dưới kết mạc
194.	Tiêm cạnh nhãn cầu
195.	Tiêm hậu nhãn cầu
196.	Tiêm nội mô giác mạc
197.	Bơm thông lệ đạo
198.	Lấy máu làm huyết thanh
199.	Điện di điều trị
200.	Lấy dị vật kết mạc
201.	Khâu kết mạc
202.	Lấy calci kết mạc
203.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
204.	Cắt chỉ khâu kết mạc
205.	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
206.	Bơm rửa lệ đạo
207.	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
208.	Thay băng vô khuẩn
209.	Tra thuốc nhỏ mắt
210.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
211.	Rửa cùng đồ
212.	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
213.	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
214.	Bóc giả mạc
215.	Rạch áp xe mi
216.	Rạch áp xe túi lệ
217.	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
218.	Soi đáy mắt trực tiếp
219.	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
220.	Soi đáy mắt bằng Schepens
221.	Soi góc tiền phòng
222.	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
223.	Khám lâm sàng mắt
224.	Đo thị giác tương phản
225.	Gây mê để khám
	Ung bướu
226.	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ

227.	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
228.	Cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàn
	Tạo hình
229.	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
230.	Phẫu thuật phục hồi trễ mi dưới
231.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)
232.	Lắp mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hổng hàm mặt
233.	Phẫu thuật tạo nếp mi
234.	Phẫu thuật điều trị hở mi
235.	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
236.	Phẫu thuật tạo hình mi
237.	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
	Chẩn đoán hình ảnh
238.	Chụp khu trú dị vật nội nhãn
239.	Chụp lỗ thị giác
240.	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
241.	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople
242.	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
243.	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
244.	Chụp đáy mắt không huỳnh quang
245.	Chụp đáy mắt RETCAM
246.	Chụp mạch với ICG
247.	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople màu
248.	Chụp đĩa thị 3D
249.	Siêu âm bán phần trước
	Thăm dò chức năng và xét nghiệm
250.	Test thử cảm giác giác mạc
251.	Test phát hiện khô mắt
252.	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
253.	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
254.	Đo thị trường chu biên
255.	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…)
256.	Đo sắc giác
257.	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
258.	Đo khúc xạ máy
259.	Đo khúc xạ giác mạc Javal
260.	Đo thị lực
261.	Thử kính
262.	Đo độ lác
263.	Xác định sơ đồ song thị
264.	Đo biên độ điều tiết
265.	Đo thị giác 2 mắt

266.	Đo độ sâu tiền phòng
267.	Đo đường kính giác mạc
268.	Đo độ dày giác mạc
269.	Đếm tế bào nội mô giác mạc
270.	Chụp bản đồ giác mạc
271.	Đo độ bền cơ sinh học giác mạc (Đo ORA)
272.	Điện châm kích thích
273.	Điện võng mạc
274.	Điện nhãn cầu
275.	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
276.	Đo độ lồi
277.	Test thử nhược cơ
278.	Test kéo cơ cưỡng bức
279.	Hóa sinh (Thủy dịch mắt)
280.	Định lượng Globulin
281.	Định lượng Albumin
282.	Đinh lượng Vitamin
283.	Định lượng Cholesterol
284.	Định lượng LDH
285.	Xét nghiệm tỷ trọng
286.	Xét nghiệm pH
287.	Định lượng kháng thể
	1. Nội khoa
288.	Test lẩy bì
289.	Test nội bì
290.	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
291.	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
	2. Chẩn đoán hình ảnh
292.	Chụp mạch ký huỳnh quang
	3. Các kỹ thuật khác (TTLT 37)
293.	Siêu âm + đo trục nhãn cầu
294.	Chụp Angiography mắt
XIV. TAI - MŨI – HỌNG	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. TAI - TAI THẦN KINH
1	Cấy điện cực ốc tai (Cấy ốc tai điện tử)
2	Phẫu thuật cấy máy trợ thính đường xương (BAHA)
3	Phẫu thuật đặt điện cực tai giữa
4	Phẫu thuật khoét mê nhĩ
5	Phẫu thuật mở túi nội dịch

6	Phẫu thuật điều trị rò mê nhĩ
7	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai
8	Phẫu thuật vùng đỉnh xương đá
9	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VII
10	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây VII
11	Phẫu thuật giảm áp dây VII
12	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VIII
13	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình
14	Phẫu thuật dẫn lưu não thất
15	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai
16	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não
17	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên
18	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai
19	Phẫu thuật thay thế xương bàn đạp
20	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần
21	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm
22	Phẫu thuật nội soi tiệt căn xương chũm
23	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm cải biên
24	Phẫu thuật nội soi tiệt căn xương chũm cải biên
25	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa
26	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mổ tiệt căn xương chũm
27	Mở sào bào
28	Mở sào bào - thượng nhĩ
29	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ
30	Phẫu thuật tạo hình tai giữa
31	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con
32	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con
33	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật
34	Vá nhĩ đơn thuần
35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi
36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ
37	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV
38	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV
39	Phẫu thuật lấy u thần kinh thính giác đường xuyên mê nhĩ
40	Phẫu thuật cắt bỏ u cuộn cảnh
41	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiểu sản
42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài
43	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài
44	Mở lại hốc mổ giải quyết các biến chứng sau phẫu thuật
45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai
46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
47	Cắt bỏ vành tai thừa

48	Đặt ống thông khí màng nhĩ
49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ
50	Chích rạch màng nhĩ
51	Khâu vết rách vành tai
52	Bơm hơi vòi nhĩ
53	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai
54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)
55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê
56	Chọc hút dịch vành tai
57	Chích nhọt ống tai ngoài
58	Làm thuốc tai
59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
	B. MŨI-XOANG
60	Phẫu thuật cắt thần kinh Vidienne
61	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh Vidienne
62	Phẫu thuật nội soi vùng chân bướm hàm
63	Phẫu thuật vùng hố dưới thái dương
64	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khẩu cái
65	Phẫu thuật thắt động mạch hàm trong
66	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
67	Phẫu thuật thắt động mạch sàng
68	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sàng
69	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt
70	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
71	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị giác
72	Phẫu thuật bít lấp rò dịch não tủy ở mũi
73	Phẫu thuật nội soi bít lấp rò dịch não tủy ở mũi
74	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)
75	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán
76	Phẫu thuật nạo sàng hàm
77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng
78	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm
79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm
80	Cắt Polyp mũi
81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi
82	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser
83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa
84	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm
85	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang
86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi
87	Phẫu thuật ung thư sàng hàm
88	Phẫu thuật cắt phần giữa xương hàm trong ung thư sàng hàm

89	Phẫu thuật ung thư sàng hàm phối hợp nội soi
90	Phẫu thuật mở cạnh mũi
91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang
92	Phẫu thuật cắt u xơ mạch vòm họng theo đường ngoài
93	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng
94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng
95	Phẫu thuật nội soi cắt u tuyến yên qua đường mũi
96	Phẫu thuật nội soi cắt u thần kinh khứu giác
97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi
98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang
99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi
100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser
101	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh
102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang
103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi
104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa
105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới
106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
107	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần (Coblator)
108	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng Laser
109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới
110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi
111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi
112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn
113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
114	Phẫu thuật chấn thương xoang trán
115	Khoan xoang trán
116	Phẫu thuật vỡ xoang hàm
117	Phẫu thuật mở xoang hàm
118	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm
119	Phẫu thuật chỉnh hình ổ mắt
120	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên
121	Phẫu thuật chấn thương xương gò má
122	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng
123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương
124	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt
125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc
126	Phẫu thuật nội soi nong- dẫn lưu túi lệ
127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
129	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê
130	Đốt điện cuốn mũi dưới

131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới
132	Bẻ cuốn mũi
133	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới
134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương
135	Sinh thiết hốc mũi
136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi
137	Nội soi sinh thiết u vòm
138	Chọc rửa xoang hàm
139	Phương pháp Proetz
140	Nhét bấc mũi sau
141	Nhét bấc mũi trước
142	Cầm máu mũi bằng Merocel
143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ
	C. HỌNG-THANH QUẢN
148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)
149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê
150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator
151	Phẫu thuật cắt u Amydal
152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)
153	Nạo VA
154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản
155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi
156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)
157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)
158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)
159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hố lưỡi thanh thiệt
160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh
161	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh
162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)
163	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản điều trị liệt dây thanh
164	Phẫu thuật điều trị liệt cơ mở thanh quản hai bên
165	Phẫu thuật treo sụn phễu
166	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)
167	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mền gây tê
168	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,…) (gây tê/gây mê)
169	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)

syt_hatinh@bo_y_tai_chinh 03/01/2024 8:54:41

170	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Laser
171	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư thanh quản bằng Laser
172	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh
173	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh bằng laser
174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)
175	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,…)
176	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống cứng gây tê/gây mê
177	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống mềm gây tê/gây mê
178	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống cứng gây tê/gây mê
179	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống mềm gây tê/gây mê
180	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản có stent
181	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản không có stent
182	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản có stent
183	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản không có stent
184	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng đặt ống nong
185	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng mảnh ghép sụn
186	Nối khí quản tận - tận
187	Phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản
188	Kỹ thuật đặt van phát âm
189	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản
190	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản sau chấn thương
191	Phẫu thuật chỉnh hình khí quản sau chấn thương
192	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình khí quản sau chấn thương
193	Nội soi nong hẹp thực quản
194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng
195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má
196	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)
197	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi
198	Nội soi nong hẹp thực quản có stent
199	Nội soi bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản
200	Nội soi bơm rửa khí phế quản
201	Phẫu thuật Laser điều trị Amygdale hốc mủ
202	Phẫu thuật Laser cắt u nang lành tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale
203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản
204	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
205	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng
206	Chích áp xe sàn miệng
207	Chích áp xe quanh Amidan
208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA
209	Cắt phanh lưỡi
210	Sinh thiết u hạ họng
211	Sinh thiết u họng miệng

212	Lấy dị vật họng miệng
213	Lấy dị vật hạ họng
214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
215	Đốt họng hạt bằng nhiệt
216	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)
217	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)
218	Bơm thuốc thanh quản
219	Đặt nội khí quản
220	Thay canuyn
221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
222	Khí dung mũi họng
223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê
224	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản
225	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản
226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê
227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê
228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê
230	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
231	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê
232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê
233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê
234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê
236	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê
238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê
239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê
240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê
242	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê
244	Nội soi khí quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê
245	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê
246	Nội soi khí quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
247	Nội soi khí quản ống mềm lấy dị vật gây tê
248	Nội soi khí quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
249	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê
250	Nội soi phế quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê
251	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê
252	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
253	Nội soi phế quản ống mềm lấy dị vật gây tê

254	Nội soi phế quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
255	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê
	D. ĐẦU CỔ
256	Phẫu thuật khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ
257	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài
258	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong
259	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ
260	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)
261	Phẫu thuật nối dây thần kinh VII trong xương chũm
262	Phẫu thuật vùng chân bướm hàm
263	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới có tái tạo
264	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới không có tái tạo
265	Phẫu thuật cắt u hạ họng/đáy lưỡi theo đường trên xương móng
266	Phẫu thuật tạo hình họng – màn hầu bằng vạt cơ – niêm mạc thành sau họng
267	Phẫu thuật phục hồi tổn thương phức tạp miệng, họng bằng vạt cân cơ
268	Phẫu thuật tạo hình họng - màn hầu sau cắt u ác tính
269	Phẫu thuật tạo hình lưỡi sau cắt u ác tính
270	Phẫu thuật tạo hình họng-thực quản sau cắt u ác tính
271	Phẫu thuật cắt hạ họng bán phần
272	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản bán phần có tạo hình
273	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản toàn phần
274	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần
275	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần đứng
276	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần ngang trên thanh môn
277	Phẫu thuật cắt bán phần thanh quản trên nhẫn kiểu CHEP
278	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh
279	Nạo vét hạch cổ tiệt căn
280	Nạo vét hạch cổ chọn lọc
281	Nạo vét hạch cổ chức năng
282	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII
283	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII
284	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm
285	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần
286	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần
287	Phẫu thuật cắt thuỳ giáp
288	Phẫu thuật cắt mỏm trâm theo đường miệng
289	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng
290	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe
291	Phẫu thuật rò sống mũi
292	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi
293	Phẫu thuật rò khe mang I
294	Phẫu thuật rò khe mang I có bộc lộ dây VII

295	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II
296	Phẫu thuật rò xoang lê
297	Phẫu thuật túi thừa Zenker
298	Phẫu thuật cắt kén hơi thanh quản
299	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ
300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ
301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
303	Thay băng vết mổ
304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
	Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ
305	Phẫu thuật thẩm mỹ cấy ghép tóc
306	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da trán
307	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cung lông mày
308	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tự thân
309	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp
310	Phẫu thuật thẩm mỹ hạ sống mũi gồ
311	Phẫu thuật thẩm mỹ sống mũi lệch vẹo
312	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cánh mũi
313	Phẫu thuật thẩm mỹ mở rộng cánh mũi
314	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cao chóp mũi
315	Phẫu thuật thẩm mỹ làm ngắn mũi
316	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dài mũi/xóa bỏ mũi hếch
317	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cánh mũi xệ
318	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vạt da
319	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vạt da
320	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân
321	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương
322	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước
323	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau
324	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí
325	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mi mắt
326	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt
327	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng vạt da, cân cơ, xương
328	Phẫu thuật tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng mảnh ghép tự do da, cân cơ, xương
329	Phẫu thuật tạo hình mặt do liệt dây VII
330	Phẫu thuật tạo hình vùng mặt thiểu sản
331	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt
332	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vạt da
333	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cổ
334	Phẫu thuật căng da cổ
335	Phẫu thuật tạo hình vá khe hở vòm miệng bằng vạt tại chỗ

336	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bằng vạt thành sau họng
337	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi
338	Phẫu thuật tái tạo hình môi
339	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dày môi
340	Phẫu thuật thẩm mỹ làm mỏng môi
341	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm
342	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to
343	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm
344	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da mặt
345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân
346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân
347	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân
348	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ
349	Phẫu thuật mở lại hốc mổ điều trị tụ dịch sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ
350	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vạt da
351	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tự thân
352	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng sụn sườn
353	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tổng hợp
354	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật liệu ghép tự thân/ vật liệu ghép tổng hợp
355	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai
356	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cụp
357	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi
358.	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài (ác tính)
359.	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Plasma
360.	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Plasma (gây mê)
361.	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
362.	Phẫu thuật lấy bỏ vật liệu ghép
363.	Cắt phanh lưỡi (gây mê)
364.	Phẫu thuật cắt ung thư sàn miệng
365.	Phẫu thuật cắt ung thư vùng họng miệng
366.	Khâu lỗ thủng thực quản
367.	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên
368.	Trích áp xe vùng đầu cổ
369.	Phẫu thuật nội soi cắt phân giữa xương hàm trên trong ung thư sàng hàm
370.	Phẫu thuật cắt toàn bộ xương hàm trên trong ung thư sàng hàm
371.	Phẫu thuật cắt ung thư Amydal sử dụng dao siêu âm/ dao Ligasure / Laser CO2
372.	Phẫu thuật nội soi cắt u máu hạ họng - thanh quản bằng dao siêu âm
373.	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản bằng Laser CO2 (gây tê/gây mê)
374.	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động) bằng dao siêu âm/ Laser CO_2
375.	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh bằng Laser CO2
376.	Nạo vét hạch cổ tiệt căn sử dụng dao siêu âm/ Ligasure

377.	Nạo vét hạch cổ chọn lọc sử dụng dao siêu âm/ Ligasure
378.	Nạo vét hạch cổ chức năng sử dụng dao siêu âm/ Ligasure
379.	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai- bảo tồn dây VII sử dụng NIM dò tìm dây VII
380.	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII sử dụng dao siêu âm / Ligasure
381.	Phẫu thuật cắt tuyến giáp sử dụng dao siêu âm/ Ligasure
382.	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến giáp sử dụng dao siêu âm
383.	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng bằng dao siêu âm/ Ligasure
384.	Phẫu thuật rò khe mang I có bộc lộ dây VII sử dụng NIM dò dây VII
385.	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang xâm lấn nền sọ sử dụng định vị Navigation
386.	Phẫu thuật nội soi mũi xoang có sử dụng định vị Navigation
387.	Phẫu thuật nội soi cắt u sọ hầu sử dụng định vị Navigation
388.	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng hố yên sử dụng định vị Navigation
389.	Phẫu thuật áp xe não do tai sử dụng định vị Navigation
390.	Phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt xâm lấn các xoang mặt
391.	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy di vật (di vật thực quản, hỏa khí...)
392.	Đóng lỗ rò thực quản-khí quản
393.	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ rò xoang lê bằng laser/nhiệt
394.	Phẫu thuật rút ống nong/T-tube sau chỉnh hình sẹo hẹp thanh/ khí quản
	E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
395.	Cắt u cuộn cảnh
3%.	Đo ABR (1 lần)
397.	Đo AOE (1 lần)
398.	Đo sức nghe lời
399.	Đo trên ngưỡng
400.	Phẫu thuật cắt bỏ u thành bên họng lan lên đáy sọ có kiểm soát bằng kính hiển vi và nội soi
XV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
1	Điều trị bằng sóng ngắn
2	Điều trị bằng sóng cực ngắn
3	Điều trị bằng vi sóng
4	Điều trị bằng từ trường
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
7	Điều trị bằng các dòng điện xung
8	Điều trị bằng siêu âm
9	Điều trị bằng sóng xung kích
10	Điều trị bằng dòng giao thoa

11	Điều trị bằng tia hồng ngoại
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp
13	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân
16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
18	Điều trị bằng Parafin
19	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục
20	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)
21	Điều trị bằng tia nước áp lực cao
22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)
23	Điều trị bằng bùn
24	Điều trị bằng nước khoáng
25	Điều trị bằng oxy cao áp
26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
27	Điều trị bằng điện trường cao áp
28	Điều trị bằng ion tĩnh điện
29	Điều trị bằng ion khí
30	Điều trị bằng tĩnh điện trường
	B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
35	Tập lăn trở khi nằm
36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
37	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động
38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
39	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động
40	Tập dáng đi
41	Tập đi với thanh song song
42	Tập đi với khung tập đi
43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
44	Tập đi với gậy
45	Tập đi với bàn xương cá
46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
47	Tập lên, xuống cầu thang
48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)
49	Tập đi với chân giả trên gối
50	Tập đi với chân giả dưới gối

syt_hatinh_sở Y tế hà tĩnh_2026/04/24 08:54:41

51	Tập đi với khung treo
52	Tập vận động thụ động
53	Tập vận động có trợ giúp
54	Tập vận động chủ động
55	Tập vận động tự do tứ chi
56	Tập vận động có kháng trở
57	Tập kéo dãn
58	Tập vận động trên bóng
59	Tập trong bồn bóng nhỏ
60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên
61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
63	Tập với thang tường
64	Tập với giàn treo các chi
65	Tập với ròng rọc
66	Tập với dụng cụ quay khớp vai
67	Tập với dụng cụ chèo thuyền
68	Tập thăng bằng với bàn bập bênh
69	Tập với máy tập thăng bằng
70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
71	Tập với xe đạp tập
72	Tập với bàn nghiêng
73	Tập các kiểu thở
74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer…)
75	Tập ho có trợ giúp
76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
79	Kỹ thuật di động khớp
80	Kỹ thuật di động mô mềm
81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở
82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay
83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân
84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
85	Kỹ thuật xoa bóp vùng
86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
87	Kỹ thuật Frenkel
88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý
89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình
90	Tập điều hợp vận động
91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
	C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU

	(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
95	Tập các vận động thô của bàn tay
96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
97	Tập phối hợp hai tay
98	Tập phối hợp tay mắt
99	Tập phối hợp tay miệng
100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)
101	Tập điều hòa cảm giác
102	Tập tri giác và nhận thức
103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi
	D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
104	Tập nuốt
105	Tập nói
106	Tập nhai
107	Tập phát âm
108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)
109	Tập cho người thất ngôn
110	Tập luyện giọng
111	Tập sửa lỗi phát âm
	Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
112	Lượng giá chức năng người khuyết tật
113	Lượng giá chức năng tim mạch
114	Lượng giá chức năng hô hấp
115	Lượng giá chức năng tâm lý
116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
118	Lượng giá chức năng dáng đi
119	Lượng giá chức năng thăng bằng
120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
121	Lượng giá lao động hướng nghiệp
122	Thử cơ bằng tay
123	Đo tầm vận động khớp
124	Đo áp lực bàng quang bằng máy niệu động học
125	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
126	Đo áp lực hậu môn trực tràng
127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi
128	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver

129	Đo áp lực bàng quang ở người bệnh nhi
130	Phong bế thần kinh bằng Phenol để điều trị co cứng cơ
131	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị co cứng cơ
132	Tiêm Botulinum toxine vào cơ thành bàng quang để điều trị bàng quang tăng hoạt động
133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống
134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống
135	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)
136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng *(trong liệt tứ chi)*
138	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh
139	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên
140	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới
	E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)
141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*
148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*
149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO
154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong
155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng
156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm
	G. VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
157.	Điều trị bằng từ trường xuyên sọ
158.	Điều trị bằng điện vi dòng
159.	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyệt đạo
160.	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
161.	Điều trị chườm ngải cứu
162.	Thủy trị liệu có thuốc
163.	Thủy trị liệu cho người bệnh sau bỏng
164.	Điều trị bằng bồn tắm tương phản nóng lạnh
165.	Điều trị bằng bồn tắm điện một chiều

166.	Điều trị bằng bồn mát xa thủy lực
	H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
167.	Tập vận động cột sống
168.	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy
169.	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu
170.	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)
171.	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi)
172.	Tập dưỡng sinh
173.	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot)
174.	Kỹ thuật lập vận động trên máy chức năng
175.	Kỹ thuật kéo dãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh
176.	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ
177.	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
178.	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ
179.	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson
180.	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã
181.	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà
182.	Kỹ thuật tập sức bền có gắn máy theo dõi tim mạch
183.	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch
184.	Kỹ thuật thư dãn
185.	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)
186.	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ với máy Isokinetic
187.	Kỹ thuật tập đi trên thảm lăn (Treadmill) với nâng đỡ một phần trọng lượng
	I. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
188.	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)
189.	Kỹ thuật gương trị liệu (Miror therapy)
	K. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
190.	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)
191.	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ
192.	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ
193.	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói
194.	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt
	L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	(nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
195.	Chẩn đoán điện thần kinh cơ

syt_kontum_So Y te Kon Tum_2024-08-15 CA

196.	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ
197.	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em
198.	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em
199.	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV
200.	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS
201.	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT
202.	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM
203.	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS
204.	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)
205.	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE cho người cao tuổi
206.	Đo mức độ tiêu thụ o xy tối đa
207.	Đo mức độ tiêu thụ o xy bán tối đa
208.	Nghiệm pháp đi 6 phút
209.	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili
210.	Nghiệm pháp Tinetti
211.	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi
212.	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói
213.	Đo áp lực bàn chân bằng máy để tư vấn sử dụng giày, dép cho người bệnh đái tháo đường
214.	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà
215.	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ cổ
216.	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ khu trú (tay, chân hoặc thân mình)
217.	Kỹ thuật can thiệp rối loạn tiểu tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)
218.	Kỹ thuật thông mũi họng ngược dòng ở trẻ em
219.	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II
220.	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III
221.	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV
222.	Kỹ thuật hút áp lực âm điều trị loét do đè ép hoặc vết thương
223.	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng gel Silicol
224.	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp gel Silicol
225.	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng mặt nạ áp lực kết hợp thuốc làm mềm sẹo
226.	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp thuốc làm mềm sẹo
227.	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng tiêm Corticoid trong sẹo, dưới sẹo
228.	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo và gel Silicol
229.	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo, gel Silicol và các sản phẩm tế bào
	M. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP
	(Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)
230.	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)
231.	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)

232.	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế cổ cho bệnh nhân sau bỏng
233.	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho bệnh nhân sau bỏng
234.	Kỹ thuật bó bột chậu lưng không nắn làm khuôn nẹp khớp háng
235.	Kỹ thuật bó bột chậu lưng có nắn làm khuôn nẹp khớp háng
236.	Kỹ thuật bó bột chậu lưng chân không nắn làm khuôn nẹp cột sống háng
237.	Kỹ thuật bó bột chậu lưng chân có nắn làm khuôn nẹp cột sống háng
238.	Kỹ thuật bó bột cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay
239.	Kỹ thuật bó bột cẳng-bàn tay có nắn làm khuôn nẹp bàn tay
240.	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu
241.	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay có nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu
242.	Kỹ thuật bó bột mũ phi công không nắn làm khuôn nẹp hộp sọ
243.	Kỹ thuật bó bột mũ phi công có nắn làm khuôn nẹp cổ nhựa
244.	Kỹ thuật bó bột chữ U làm khuôn nẹp khớp háng
245.	Kỹ thuật bó bột bàn chân khoèo
246.	Kỹ thuật bó bột trật khớp háng bẩm sinh
247.	Kỹ thuật bó bột cảng-bàn chân làm khuôn nẹp dưới gối
248.	Kỹ thuật bó bột xương đùi-chậu/cột sống làm khuôn nẹp trên gối
	N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
249.	Kéo nắn, kéo dãn cột ống, các khớp
250.	Tập do cứng khớp
251.	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
252.	Xoa bóp áp lực hơi
XVI. ĐIỆN QUANG	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
	1. Siêu âm đầu, cổ
1	Siêu âm tuyến giáp
2	Siêu âm các tuyến nước bọt
3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
4	Siêu âm hạch vùng cổ
5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp
6	Siêu âm hốc mắt
7	Siêu âm qua thóp
8	Siêu âm nhãn cầu
9	Siêu âm Doppler hốc mắt
10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ
	2. Siêu âm vùng ngực
11	Siêu âm màng phổi
12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi

14	Siêu âm qua thực quản
	3. Siêu âm ổ bụng
15	Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng
18	Siêu âm tử cung phần phụ
19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)
20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng
22	Siêu âm Doppler gan lách
23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng…)
24	Siêu âm Doppler động mạch thận
25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ
26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)
27	Siêu âm 3D/4D khối u
28	Siêu âm 3D/4D thai nhi
29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới
	4. Siêu âm sản phụ khoa
30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung
38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu
39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa
40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối
41	Siêu âm 3D/4D thai nhi
42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi
	5. Siêu âm cơ xương khớp
43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)
44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)
	6. Siêu âm tim, mạch máu
45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
46	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch
47	Siêu âm nội mạch
48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ
49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực
50	Siêu âm tim, màng tim qua thực quản
51	Siêu âm tim, mạch máu có cản âm

52	Siêu âm Doppler tim, van tim
53	Siêu âm 3D/4D tim
	7. Siêu âm vú
54	Siêu âm tuyến vú hai bên
55	Siêu âm Doppler tuyến vú
56	Siêu âm đàn hồi mô vú
	8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam
57	Siêu tinh hoàn hai bên
58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên
59	Siêu âm dương vật
60	Siêu âm Doppler dương vật
	9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt
61	Siêu âm trong mổ
62	Siêu âm nội soi
63	Siêu âm có chất tương phản
64	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua siêu âm nội soi đường trực tràng
65	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú…)
66	Siêu âm 3D/4D trực tràng
	B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
	1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy
67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
72	Chụp Xquang Blondeau
73	Chụp Xquang Hirtz
74	Chụp Xquang hàm chếch một bên
75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
77	Chụp Xquang Chausse III
78	Chụp Xquang Schuller
79	Chụp Xquang Stenvers
80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)
82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)
83	Chụp Xquang răng toàn cảnh
84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)
85	Chụp Xquang mỏm trâm
86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên
88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế

89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch
91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên
93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze
96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên
98	Chụp Xquang khung chậu thẳng
99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch
100	Chụp Xquang khớp vai thẳng
101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch
102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng
119	Chụp Xquang ngực thẳng
120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
126	Chụp Xquang tuyến vú
127	Chụp Xquang tại giường
128	Chụp Xquang tại phòng mổ
129	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)
	2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị

syt_hanhchanh_so Y te ha tinh_03/11/2024 08:53:01

130	Chụp Xquang thực quản dạ dày
131	Chụp Xquang ruột non
132	Chụp Xquang đại tràng
133	Chụp Xquang đường mật qua Kehr
134	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi
135	Chụp Xquang đường dò
136	Chụp Xquang tuyến nước bọt
137	Chụp Xquang tuyến lệ
138	Chụp Xquang tử cung vòi trứng
139	Chụp Xquang ống tuyến sữa
140	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)
141	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng
142	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng
143	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng
144	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu
145	Chụp Xquang động mạch tạng
146	Chụp Xquang động mạch chi
147	Chụp Xquang động mạch vành
148	Chụp Xquang bao rễ thần kinh
	C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)
	1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy
149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
151	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang
152	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)
153	Chụp CLVT mạch máu não
154	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D
155	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
156	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
157	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa
158	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc
159	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang
160	Chụp CLVT hốc mắt
161	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D
162	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)
163	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)
164	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)
	2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy
165	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
166	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
167	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang
168	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)

169	Chụp CLVT mạch máu não
170	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D
171	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
172	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
173	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa
174	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc
175	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang
176	Chụp CLVT hốc mắt
177	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D
	3. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ ≥ 256 dãy
178	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
179	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
180	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang
181	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)
182	Chụp CLVT mạch máu não
183	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D
184	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
185	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
186	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa
187	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc
188	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang
189	Chụp CLVT hốc mắt
190	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D
	4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy
191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u
195	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản
196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi
197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực
198	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim
199	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành
	5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy
200	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
201	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
202	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
203	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u
204	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản
205	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi
206	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực
207	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim

208	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành
	6. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ ≥ 256 dãy
209	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
210	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
211	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
212	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u
213	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản
214	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi
215	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực
216	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim có dùng thuốc beta block
217	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim không dùng thuốc beta block
218	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành
	7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy
219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)
220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
223	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
224	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất
225	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật
226	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)
227	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde
228	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde
229	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo
230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu
	8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-128 dãy
231	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)
232	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
233	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
234	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
235	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
236	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất
237	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật
238	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)
239	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde
240	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde
241	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo
242	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu

	9. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ ≥ 256 dãy
243	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)
244	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
245	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
246	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
247	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
248	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất
249	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật
250	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)
251	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde
252	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde
253	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo
254	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu
	10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy
255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang
259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang
261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang
263	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp
264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang
265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang
266	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên
267	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới
	11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy
268	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
269	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
270	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
271	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang
272	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
273	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang
274	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
275	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang
276	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp
277	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang
278	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang
279	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân

280	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên
281	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới
	12. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ ≥256 dãy
282	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
283	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
284	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
285	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang
286	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
287	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang
288	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
289	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang
290	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp
291	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang
292	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang
293	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân
294	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên
295	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới
	D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)
	1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T
296	Chụp cộng hưởng từ sọ não
297	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản
298	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản
299	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản
300	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản
301	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản
302	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)
303	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác
304	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản
305	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)
306	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)
307	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)
308	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)
309	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá
310	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ
311	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản
312	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng
	2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2-1.5T
313	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực
314	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
315	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)
316	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú
317	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản

318	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú
	3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T
319	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)
320	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)
321	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)
322	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn
323	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)
324	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật
325	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản
326	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tống phân (defecography-MR)
327	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)
328	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)
329	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản
330	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt
331	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)
332	Chụp cộng hưởng từ thai nhi
333	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô
	4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T
334	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ
335	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản
336	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực
337	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản
338	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng
339	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản
340	Chụp cộng hưởng từ khớp
341	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch
342	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp
343	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương
344	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản
345	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi
346	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản
	5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T
347	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu
348	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực
349	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành
350	Chụp cộng hưởng từ tim
351	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
352	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên
353	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản

354	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới
355	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản
356	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân
357	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản
358	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch
359	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản
360	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu
361	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu
	6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T
362	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM
363	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản
364	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)
365	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng
	7. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực ≥ 3T
366	Chụp cộng hưởng từ sọ não
367	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản
368	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản
369	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản
370	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản
371	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản
372	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)
373	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác
374	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản
375	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)
376	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)
377	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)
378	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)
379	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá
380	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ
381	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản
382	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng
	8. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực ≥ 3T
383	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực
384	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
385	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)
386	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú
387	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản
388	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú
	9. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực ≥ 3T
389	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)

390	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)
391	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)
392	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn
393	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)
394	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật
395	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản
396	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tống phân (defecography-MR)
397	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)
398	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)
399	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản
400	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt
401	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)
402	Chụp cộng hưởng từ thai nhi
403	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô
	10. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực ≥ 3T
404	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ
405	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản
406	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực
407	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản
408	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng
409	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản
410	Chụp cộng hưởng từ khớp
411	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch
412	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp
413	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương
414	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản
415	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi
416	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản
	11. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực ≥ 3T
417	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu
418	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực
419	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành
420	Chụp cộng hưởng từ tim
421	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)
422	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên
423	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản
424	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới
425	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản
426	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân
427	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản

428	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch
429	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản
430	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu
431	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu
	12. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy từ lực ≥ 3T
432	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM
433	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản
434	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)
435	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng
	Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
	1. Chụp mạch dưới Xquang tăng sáng
436	Chụp động mạch não dưới Xquang tăng sáng
437	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ dưới Xquang tăng sáng
438	Chụp động mạch chủ dưới Xquang tăng sáng
439	Chụp động mạch chậu dưới Xquang tăng sáng
440	Chụp động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
441	Chụp động mạch phổi dưới Xquang tăng sáng
442	Chụp động mạch phế quản dưới Xquang tăng sáng
443	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) dưới Xquang tăng sáng
444	Chụp động mạch mạc treo dưới Xquang tăng sáng
445	Chụp tĩnh mạch dưới Xquang tăng sáng
446	Chụp tĩnh mạch lách - cửa dưới Xquang tăng sáng
447	Chụp tĩnh mạch chi dưới Xquang tăng sáng
448	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp dưới Xquang tăng sáng
	2. Chụp và can thiệp mạch dưới Xquang tăng sáng
449	Chụp và can thiệp động mạch chủ ngực dưới Xquang tăng sáng
450	Chụp và can thiệp động mạch chủ bụng dưới Xquang tăng sáng
451	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
452	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
453	Chụp và nút mạch dị dạng động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
454	Chụp và nong cầu nối động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
455	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng
456	Chụp và lấy máu tĩnh mạch thượng thận dưới Xquang tăng sáng
457	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới Xquang tăng sáng
458	Chụp và nút mạch điều trị ung thư biểu mô tế bào gan dưới Xquang tăng sáng
459	Chụp và nút động mạch gan dưới Xquang tăng sáng
460	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan dưới Xquang tăng sáng
461	Chụp và nút động mạch phế quản dưới Xquang tăng sáng
462	Chụp và can thiệp động mạch phổi dưới Xquang tăng sáng
463	Chụp và can thiệp động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) dưới Xquang tăng sáng
464	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung dưới Xquang tăng sáng
465	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạch trong cơ tử cung dưới Xquang tăng sáng

466	Chụp và nút động mạch tử cung dưới Xquang tăng sáng
467	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh dưới Xquang tăng sáng
468	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng dưới Xquang tăng sáng
469	Chụp và can thiệp động mạch lách dưới Xquang tăng sáng
470	Chụp và can thiệp mạch tá tụy dưới Xquang tăng sáng
471	Chụp và nút dị dạng động mạch thận dưới Xquang tăng sáng
472	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng dưới Xquang tăng sáng
473	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u dưới Xquang tăng sáng
474	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi dưới Xquang tăng sáng
475	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng dưới Xquang tăng sáng
476	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt dưới Xquang tăng sáng
477	Đổ xi măng cột sống dưới Xquang tăng sáng
478	Tiêm phá đông khớp vai dưới Xquang tăng sáng
479	Điều trị tiêm giảm đau cột sống dưới Xquang tăng sáng
480	Điều trị tiêm giảm đau khớp dưới Xquang tăng sáng
481	Điều trị u xương dạng xương dưới Xquang tăng sáng
482	Điều trị các tổn thương xương dưới Xquang tăng sáng
483	Đặt cổng truyền hóa chất dưới da dưới Xquang tăng sáng
484	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng
485	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng
486	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng
487	Tháo lồng ruột bằng bơm hơi hoặc thuốc cản quang dưới Xquang tăng sáng
488	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới Xquang tăng sáng
489	Dẫn lưu đường mật dưới Xquang tăng sáng
490	Nong đặt Stent đường mật dưới Xquang tăng sáng
491	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng
492	Dẫn lưu áp xe ổ bụng dưới Xquang tăng sáng
493	Dẫn lưu các ổ dịch ổ bụng dưới Xquang tăng sáng
494	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa..) dưới Xquang tăng sáng
495	Dẫn lưu bể thận dưới Xquang tăng sáng
496	Đặt sonde JJ dưới Xquang tăng sáng
497	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng bằng điện quang can thiệp dưới Xquang tăng sáng
498	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật dưới Xquang tăng sáng
499	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày dưới Xquang tăng sáng
500	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da dưới Xquang tăng sáng
	3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)
501	Chụp động mạch não số hóa xóa nền
502	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ số hóa xóa nền
503	Chụp động mạch chủ số hóa xóa nền
504	Chụp động mạch chậu số hóa xóa nền
505	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền

506	Chụp động mạch phổi số hóa xóa nền
507	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền
508	Chụp các động mạch tủy
509	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) số hóa xóa nền
510	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền
511	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền
512	Chụp tĩnh mạch lách - cửa số hóa xóa nền
513	Chụp tĩnh mạch lách - cửa đo áp lực số hóa xóa nền
514	Chụp tĩnh mạch chi số hóa xóa nền
515	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp số hóa xóa nền
	4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền
516	Chụp và can thiệp mạch chủ ngực số hóa xóa nền
517	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng số hóa xóa nền
518	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền
519	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền
520	Chụp và nút mạch dị dạng mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền
521	Chụp và nong cầu nối mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền
522	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền
523	Điều trị suy tĩnh mạch chi dưới bằng đốt sóng RF, Lazer…
524	Chụp và điều trị bơm thuốc tiêu sợi huyết tại chỗ mạch chi qua ống thông số hóa xóa nền
525	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền
526	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến thượng thận số hóa xóa nền
527	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ số hóa xóa nền
528	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền
529	Chụp và nút động mạch gan số hóa xóa nền
530	Chụp nút mạch điều trị ung thư gan (TACE)
531	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan số hóa xóa nền
532	Chụp và nút động mạch phế quản số hóa xóa nền
533	Chụp và can thiệp mạch phổi số hóa xóa nền
534	Chụp và nút mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền
535	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung số hóa xóa nền
536	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạch trong cơ tử cung số hóa xóa nền
537	Chụp và nút động mạch tử cung số hóa xóa nền
538	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh số hóa xóa nền
539	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng số hóa xóa nền
540	Chụp và can thiệp mạch lách số hóa xóa nền
541	Chụp và can thiệp mạch tá tụy số hóa xóa nền
542	Chụp, nong và đặt stent động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền
543	Chụp, nong và đặt Stent động mạch thận số hóa xóa nền
544	Chụp và nút dị dạng động mạch thận số hóa xóa nền
545	Chụp và nút mạch bằng hạt DC Bead gắn hóa chất điều trị u gan số hóa xóa nền
546	Chụp và tạo luồng thông cửa chủ qua da (TIPS) số hóa xóa nền

547	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch dạ dày số hóa xóa nền
548	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da số hóa xóa nền
549	Chụp và sinh thiết gan qua tĩnh mạch trên gan số hóa xóa nền
550	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền
551	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền
552	Chụp và bơm dược chất phóng xạ, hạt phóng xạ điều trị khối u số hóa xóa nền
553	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền
554	Chụp và điều trị phình động mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hóa xóa nền
555	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch não số hóa xóa nền
556	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền
557	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch màng cứng số hóa xóa nền
558	Chụp và test nút động mạch não số hóa xóa nền
559	Chụp và nút dị dạng mạch tủy số hóa xóa nền
560	Chụp và nút động mạch đốt sống số hóa xóa nền
561	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u số hóa xóa nền
562	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch ngoài sọ (mạch cảnh, đốt sống) số hóa xóa nền
563	Chụp và nong hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền
564	Chụp, nong và đặt Stent điều trị hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền
565	Chụp và bơm thuốc tiêu sợi huyết đường động mạch điều trị tắc động mạch não cấp số hóa xóa nền
566	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền
567	Chụp và can thiệp các bệnh lý hệ tĩnh mạch não số hóa xóa nền
568	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi số hóa xóa nền
569	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng số hóa xóa nền
570	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt số hóa xóa nền
571	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến yên số hóa xóa nền
572	Đổ xi măng cột sống số hóa xóa nền
573	Tạo hình và đổ xi măng cột sống (kyphoplasty)
574	Tiêm phá đông khớp vai số hóa xóa nền
575	Điều trị tiêm giảm đau cột sống số hóa xóa nền
576	Điều trị tiêm giảm đau khớp số hóa xóa nền
577	Điều trị u xương dạng xương số hóa xóa nền
578	Điều trị các tổn thương xương số hóa xóa nền
579	Điều trị các khối u tạng (thận, lách, tụy...) số hóa xóa nền
580	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền
581	Đặt cổng truyền hóa chất dưới da số hóa xóa nền
582	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền
583	Đốt sóng cao tần điều trị suy giãn tĩnh mạch số hóa xóa nền
584	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da số hóa xóa nền
585	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da số hóa xóa nền
586	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da số hóa xóa nền

587	Dẫn lưu đường mật số hóa xóa nền
588	Nong đặt Stent đường mật số hóa xóa nền
589	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền
590	Dẫn lưu áp xe ngực/bụng số hóa xóa nền
591	Dẫn lưu các ổ dịch ngực/bụng số hóa xóa nền
592	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa..) số hóa xóa nền
593	Dẫn lưu bể thận số hóa xóa nền
594	Đặt sonde JJ số hóa xóa nền
595	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền
596	Nong điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền
597	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật số hóa xóa nền
598	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày số hóa xóa nền
599	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da số hóa xóa nền
600	Diệt hạch điều trị đau dây V số hóa xóa nền
	5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm
601	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm
602	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn siêu âm
603	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm
604	Sinh thiết gan ghép dưới hướng dẫn siêu âm
605	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm
606	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm
607	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm
608	Sinh thiết thận ghép dưới hướng dẫn siêu âm
609	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
610	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
611	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm
612	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm
613	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm
614	Đốt sóng cao tần điều trị ung thư gan (RFA) dưới hướng dẫn siêu âm
615	Chích đốt Laser dưới hướng dẫn siêu âm
616	Bơm Ethanol trực tiếp dưới hướng dẫn siêu âm
617	Tiêm xơ khối u dưới hướng dẫn của siêu âm
618	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm
619	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
621	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
622	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
623	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
624	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm
625	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
626	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm
627	Chọc hút, sinh thiết khối u trung thất qua siêu âm thực quản

628	Chọc hút dịch màng tin dưới hướng dẫn siêu âm
629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
630	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm
631	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm
632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
	6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
634	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
635	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
636	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính
637	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính
638	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính
639	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính
640	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính
641	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính
642	Sinh thiết gan ghép dưới cắt lớp vi tính
643	Sinh thiết thận ghép dưới cắt lớp vi tính
644	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính
645	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính
646	Sinh thiết não dưới cắt lớp vi tính
647	Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính
648	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính
649	Chọc hút ổ dịch/áp xe não dưới cắt lớp vi tính
650	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
651	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
652	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
653	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp bi tính
	7. Can thiệp dưới cộng hưởng từ
654	Sinh thiết các tạng dưới cộng hưởng từ
655	Sinh thiết vú dưới cộng hưởng từ
656	Sinh thiết não dưới cộng hưởng từ
	8. Điện quang tim mạch
657	Chụp động mạch vành
658	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng
659	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành
660	Sinh thiết cơ tim
661	Thông tim ống lớn
662	Nong van hai lá
663	Nong van động mạch chủ
664	Nong van động mạch phổi
665	Bít thông liên nhĩ
666	Bít thông liên thất

667	Bít ống động mạch
668	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần
669	Đặt máy tạo nhịp
670	Đặt máy tạo nhịp phá rung
671	Thăm dò điện sinh lý trong buồng tim
672	Chụp nong động mạch ngoại biên bằng bóng
673	Chụp, nong động mạch và đặt stent
674	Bít ống động mạch
675	Đặt stent động mạch chủ
676.	Điều trị u xơ tử cung bằng sóng siêu âm hội tụ tần số cao dưới hướng dẫn cộng hưởng từ (HIFU)
677.	Điều trị các khối u bằng sóng siêu âm hội tụ tần số cao dưới hướng dẫn cộng hưởng từ (HIFU)
678.	Điều trị u tuyến tiền liệt bằng sóng siêu âm hội tụ tần số cao
679.	Chụp và điều trị nút búi giãn tĩnh mạch dạ dày ngược dòng (BRTO)
680.	Chụp và điều trị nút giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da
681.	Chụp và nút mạch điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt
682.	Điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt bằng nút động mạch tuyến tiền liệt
683.	Nút động mạch trong điều trị chảy máu do ung thư tuyến tiền liệt
684.	Nút động mạch trong điều trị chảy máu do các khối u ác tính vùng tiểu khung (ung thư cổ tử cung, ung thư bàng quang không có chỉ định phẫu thuật,...)
685.	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng cấy hạt phóng xạ qua da
686.	Điều trị các khối u bằng cấy hạt phóng xạ qua da
687.	Chụp và nút mạch điều trị u phổi
688.	Chụp và nút mạch điều trị u trung thất
689.	Tạo hình đặt Stent và bơm xi măng điều trị xẹp đốt sống
690.	Chọc sinh thiết vú dưới định vị nổi (Stereotaxic)
691.	Chọc sinh thiết tạng dưới định vị Robot
692.	Điều trị đốt các khối u bằng sóng điện từ trường (NanoKnife)
693.	Điều trị các khối u bằng vi sóng (Microwave)
	Chụp CHT máy từ lực ≥ 1.5Tesla
694.	Chụp cộng hưởng từ tim sử dụng chất gắng sức đánh giá tưới máu cơ tim có tiêm thuốc tương phản
695.	Chụp cộng hưởng từ bệnh lý cơ tim có tiêm thuốc tương phản
696.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý van tim *(nếu có tiêm thuốc)*
697.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các khối u tim có tiêm thuốc tương phản
698.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý tim bẩm sinh có tiêm thuốc tương phản
699.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý tim bẩm sinh
700.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá quá tải sắt
701.	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)
702.	Cộng hưởng từ phổ tim
703.	Siêu âm tại giường
	E. KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)

704.	Chụp XQ số hóa cắt lớp tuyến vú 1 bên (tomosynthesis)
XVII. Y HỌC HẠT NHÂN	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. CHẨN ĐOÁN
1	SPECT não với ^{99m}Tc Pertechnetate
2	SPECT não với ^{99m}Tc - ECD
3	SPECT não với ^{99m}Tc - DTPA
4	SPECT não với ^{99m}Tc - HMPAO
5	SPECT não với 111In - octreotide
6	SPECT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
7	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
8	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với Tl-201
9	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc –Tetrofosmin
10	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – Sestamibi
11	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – Teboroxime (Cardiotec)
12	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}TcN-NOEt
13	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – Furifosmin
14	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{123}I- IPPA
15	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{123}I - BMIPP
16	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
17	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc –Tetrofosmin
18	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – Sestamibi
19	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – Teboroxime (Cardiotec)
20	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}TcN-NOEt
21	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – Furifosmin
22	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{123}I- IPPA
23	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{123}I - BMIPP
24	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tl-201
25	SPECT chức năng tim pha sớm
26	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc – Pertechnetate
27	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc – Sestamibi
28	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc – Tetrofosmin
29	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc
30	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc; pha nghỉ
31	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc; pha gắng sức
32	SPECT nhồi máu cơ tim với ^{111}In – kháng thể kháng cơ tim
33	SPECT nhồi máu cơ tim với ^{99m}Tc – Stannous pyrophosphate (PYP)
34	SPECT gan
35	SPECT thận
36	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG

syt_hatinh_vt_So Y te Ha Tinh_13/01/2024 08:51:41

37	SPECT tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG
38	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol
39	SPECT tuyến tiền liệt
40	SPECT tuyến tiền liệt với ^{111}In – Capromab pendetid
41	SPECT tuyến tiền liệt với ^{111}In – CYT-356
42	SPECT xương, khớp
43	SPECT chẩn đoán khối u
44	SPECT chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc – MIBI
45	SPECT chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
46	SPECT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
47	SPECT chẩn đoán khối u với ^{111}In – Pentetreotide
48	SPECT chẩn đoán u phổi
49	SPECT chẩn đoán u vú
50	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG
51	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG
52	SPECT phóng xạ miễn dịch
53	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ
54	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu-DOTATOC
55	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In-DOTATOC
56	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In-DTPA-octreotide
57	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu-DOTATATE
58	SPECT hạch Lympho
59	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{99m} Tc–HMPAO
60	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{111}In
61	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{67} Ga
62	SPECT/CT
63	SPECT/CT não với ^{99m}Tc Pertechnetate
64	SPECT/CT não với ^{99m}Tc – ECD
65	SPECT/CT não với ^{99m}Tc – DTPA
66	SPECT/CT não với ^{99m}Tc – HMPAO
67	SPECT/CT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
68	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
69	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin
70	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
71	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tetrofosmin
72	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với Tl-201
73	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tl-201
74	SPECT/CT chức năng tim pha sớm
75	SPECT/CT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc
76	SPECT/CT nhồi máu cơ tim với ^{111}In – kháng thể kháng cơ tim
77	SPECT/CT gan
78	SPECT/CT thận

79	SPECT/CT tuyến tiền liệt
80	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG
81	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG
82	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol
83	SPECT/CT xương, khớp
84	SPECT/CT chẩn đoán khối u
85	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc – MIBI
86	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
87	SPECT/CT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
88	SPECT/CT chẩn đoán khối u với ^{111}In – Pentetreotide
89	SPECT/CT chẩn đoán u phổi
90	SPECT/CT chẩn đoán u vú
91	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG
92	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG
93	SPECT/CT phóng xạ miễn dịch
94	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ
95	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu-DOTATOC
96	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In-DOTATOC
97	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In-DTPA-octreotide
98	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu-DOTATATE
99	SPECT/CT hạch Lympho
100	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu ^{99m} Tc–HMPAO
101	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu ^{111}In
102	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu ^{67} Ga
103	SPECT/CT mô phỏng xạ trị 3D
104	SPECT/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)
105	Xạ hình phóng xạ miễn dịch
106	Xạ hình não với ^{99m}Tc Pertechnetate
107	Xạ hình não với ^{99m}Tc - ECD
108	Xạ hình não với ^{99m}Tc – DTPA
109	Xạ hình não với ^{99m}Tc – HMPAO
110	Xạ hình u màng não với ^{99m}Tc – chelate
111	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{99m}Tc - DTPA
112	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{111}In - DTPA
113	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{131}I-RISA
114	Độ tập trung ^{131}I tuyến giáp
115	Xạ hình toàn thân với ^{131}I
116	Xạ hình toàn thân sau nhận liều điều trị giảm đau di căn ung thư xương
117	Xạ hình toàn thân sau nhận liều điều trị miễn dịch phóng xạ
118	Xạ hình tuyến giáp với ^{131}I
119	Xạ hình tuyến giáp với ^{123}I
120	Xạ hình tuyến giáp sau phẫu thuật với ^{131}I

121	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với ^{131}I
122	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate
123	Xạ hình tuyến cận giáp với ^{99m}Tc – V – DMSA
124	Xạ hình tuyến cận giáp với ^{99m}Tc- MIBI
125	Xạ hình tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép
126	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate
127	Xạ hình tuyến lệ với ^{99m}Tc Pertechnetate
128	Xạ hình tuyến nước bọt với ^{99m}Tc Pertechnetate
129	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
130	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc – MIBI
131	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với Tetrofosmin
132	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{201}Tl
133	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin
134	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{201}Tl
135	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin
136	Xạ hình chức năng tim với ^{99m}Tc đánh dấu
137	Xạ hình chức năng tim pha sớm
138	Xạ hình chức năng tâm thất với ^{99m}Tc – Pertechnetate
139	Xạ hình nhồi máu cơ tim với ^{99m}Tc – Pyrophosphate
140	Xạ hình hoại tử cơ tim với ^{99m}Tc – Pyrophotphate
141	Xạ hình tuyến vú
142	Xạ hình tưới máu phổi
143	Xạ hình tưới máu phổi với ^{99m}Tc - macroaggregated
144	Xạ hình thông khí phổi
145	Xạ hình thông khí phổi với ^{133}Xe
146	Xạ hình thông khí phổi với ^{99m}Tc-DTPA
147	Xạ hình chẩn đoán chức năng thực quản và trào ngược dạ dày – thực quản với ^{99m}Tc – Sulfur Colloid
148	Xạ hình chẩn đoán chức năng co bóp dạ dày với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid
149	Xạ hình chẩn đoán xuất huyết đường tiêu hóa với hồng cầu đánh dấu Tc-99m
150	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với ^{99m}Tc Pertechnetate
151	Nghiệm pháp chẩn đoán HPylory với ^{14}C-Urea
152	Xạ hình lách với Methionin – ^{99m}Tc
153	Xạ hình lách với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
154	Xạ hình lách với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
155	Xạ hình gan với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
156	Xạ hình gan – mật với ^{99m}Tc – HIDA
157	Xạ hình gan – mật với ^{131}I – Rose Bengan
158	Xạ hình u máu trong gan với hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc
159	Xạ hình chức năng gan – mật sau ghép gan với ^{99m}Tc – IDA
160	Thận đồ đồng vị với ^{131}I – Hippuran
161	Xạ hình chức năng thận với ^{131}I – Hippuran
162	Xạ hình thận với ^{99m}Tc – DMSA

163	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc –DTPA
164	Xạ hình chức năng thận với ^{123}I gắn OIH
165	Xạ hình chức năng thận với ^{131}I gắn OIH
166	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc – MAG3
167	Xạ hình chức năng thận – tiết niệu sau ghép thận bằng ^{99m}Tc – MAG3
168	Xạ hình trào ngược bàng quang niệu quản với ^{99m}Tc Pertechnetate
169	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG
170	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG
171	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol
172	Xạ hình tuyến tiền liệt
173	Xạ hình tinh hoàn với ^{99m}Tc Pertechnetate
174	Xạ hình xương với ^{99m}Tc – MDP
175	Xạ hình xương 3 pha
176	Xạ hình tủy xương với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid hoặc BMHP
177	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc – MIBI
178	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
179	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
180	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{111}In – Pentetreotide
181	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG
182	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG
183	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc – MAA
184	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc – DTPA
185	Xác định thể tích hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
186	Xác định đời sống hồng cầu và nơi phân hủy hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr
187	Xạ hình bạch mạch với ^{99m} Tc–HMPAO hoặc^{99m} Tc–Sulfur Colloid
188	Xạ hình hạch Lympho
189	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{99m} Tc–HMPAO
190	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{111}In
191	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{67} Ga
192	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA
193	Kỹ thuật phát hiện hạch gác bằng đầu dò Gamma
194	PET
195	PET chẩn đoán khối u
196	PET chẩn đoán bệnh hệ thần kinh
197	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate
198	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C -1- butanol
199	PET nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C-N-methylspiperone
200	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}FDG
201	PET nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F-16α –fluoro-17-estradiol
202	PET nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với 18F – spiperone
203	PET tưới máu não với ^{15}O-H_2O
204	PET đo lượng chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O-O_2

205	PET chuyển hóa yếm khí với ^{18}F-Misomidazole (MISO)
206	PET chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F-FDOPA
207	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT2A receptor
208	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI
209	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D2 receptor
210	PET chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dimentia)
211	PET chẩn đoán bênh Azheimer với [^{11}C]]PIB
212	PET chẩn đoán bệnh tim mạch
213	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate
214	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate
215	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}FDG
216	PET tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH3
217	PET thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O-CO
218	PET tưới máu cơ tim với ^{15}O-H_2ONH3
219	PET tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb_+
220	PET chẩn đoán bệnh nhiễm trùng
221	PET trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}FDG
222	PET/CT
223	PET/CT chẩn đoán khối u
224	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}FDG
225	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-glucose
226	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-methionine
227	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-ACHC
228	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-tyrosine
229	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-thymidine
230	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-fluorodeoxyuridine
231	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F-fluoromidonidazole
232	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F-β-estradiol
233	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{15}O-H_2O
234	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{62}Cu-PTSM
235	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F gắn kháng thể đơn dòng kháng khối u
236	PET/CT chẩn đoán khối u với 5-^{18}F-fluorouracil
237	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C-daunoubicin
238	PET/CT chẩn đoán bệnh hệ thần kinh
239	PET/CT chẩn đoán bệnh hệ thần kinh với ^{18}FDG
240	PET/CT chẩn đoán bệnh sa sút trí tuệ với ^{18}FDG
241	PET/CT chẩn đoán bệnh Alzheimer với ^{18}FDG
242	PET/CT chẩn đoán bệnh động kinh với ^{18}FDG
243	PET/CT chẩn đoán bệnh Parkinson với ^{18}FDG
244	PET/CT đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate
245	PET/CT đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C -1- butanol
246	PET/CT nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C-N-methylspiperone

247	PET/CT đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}FDG
248	PET/CT nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F-16α –fluoro-17-estradiol
249	PET/CT nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với 18F – spiperone
250	PET/CT tưới máu não với ^{15}O-H_2O
251	PET/CT đo lượng chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O-O_2
252	PET/CT chuyển hóa yếm khí với ^{18}F-Misomidazole (MISO)
253	PET/CT chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F-FDOPA
254	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT2A receptor
255	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI
256	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D2 receptor
257	PET/CT chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dimentia)
258	PET/CT chẩn đoán bênh Azheimer với [^{11}C]]PIB
259	PET/CT chẩn đoán bệnh tim mạch
260	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate
261	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate
262	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}FDG
263	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH3
264	PET/CT thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O-CO
265	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{15}O-H_2ONH3
266	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb_+
267	PET/CT chẩn đoán bệnh tim mạch với ^{18}FDG
268	PET/CT chẩn đoán bệnh thiếu máu cơ tim với ^{18}FDG
269	PET/CT đánh giá sự sống còn của cơ tim với ^{18}FDG
270	PET/CT chẩn đoán bệnh nhiễm trùng
271	PET/CT trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}FDG
272	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ
273	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{68}Ga -DOTANOC
274	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{68}Ga-DOTATATE
275	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y -DOTANOC
276	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y -DOTATATE
277	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y -DOTA-Lanreotide
278	PET/CT mô phỏng xạ trị
279	PET/CT mô phỏng xạ trị 3D
280	PET/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)
281	PET/MRI
282	PET/MRI chẩn đoán khối u
283	PET/MRI chẩn đoán bệnh hệ thần kinh
284	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate
285	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C -1- butanol
286	PET/MRI nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C-N-methylspiperone
287	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}FDG
288	PET/MRI nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F-16α –fluoro-17-estradiol

289	PET/MRI nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với 18F – spiperone
290	PET/MRI tưới máu não với ^{15}O-H_2O
291	PET/MRI đo lượng chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O-O_2
292	PET/MRI chuyển hóa yếm khí với ^{18}F-Misomidazole (MISO)
293	PET/MRI chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F-FDOPA
294	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT2A receptor
295	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI
296	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D2 receptor
297	PET/MRI chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dimentia)
298	PET/MRI chẩn đoán bênh Azheimer với [^{11}C]]PIB
299	PET/MRI chẩn đoán bệnh tim mạch
300	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate
301	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate
302	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}FDG
303	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH3
304	PET/MRI thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O-CO
305	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{15}O-H_2ONH3
306	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb_+
307	PET/MRI chẩn đoán bệnh nhiễm trùng
308	PET/MRI trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}FDG
309	Định lượng CA 19 – 9 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
310	Định lượng CA 50 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
311	Định lượng CA 125 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
312	Định lượng CA 15 – 3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
313	Định lượng CA 72 – 4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
314	Định lượng GH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
315	Định lượng kháng thể kháng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
316	Định lượng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
317	Định lượng Tg bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
318	Định lượng kháng thể kháng Tg (AntiTg) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
319	Định lượng Micro Albumin niệu bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
320	Định lượng LH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
321	Định lượng FSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
322	Định lượng HCG bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
323	Định lượng T_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
324	Định lượng FT_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
325	Định lượng T_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
326	Định lượng FT_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
327	Định lượng TSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
328	Định lượng TRAb bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
329	Định lượng Testosterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
330	Định lượng Prolactin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ

331	Định lượng Progesterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
332	Định lượng Estradiol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
333	Định lượng Calcitonin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
334	Định lượng CEA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
335	Định lượng AFP bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
336	Định lượng PSA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
337	Định lượng PTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
338	Định lượng ACTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
339	Định lượng Cortisol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
	B. ĐIỀU TRỊ
340	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng ^{131}I
341	Điều trị Basedow bằng ^{131}I
342	Điều trị bướu tuyến giáp đơn thuần bằng ^{131}I
343	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng ^{131}I
344	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo ^{90}Y
345	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo phóng xạ
346	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo ^{90}Y
347	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo phóng xạ
348	Điều trị ung thư gan bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
349	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{188}Re
350	Điều trị ung thư gan bằng keo Silicon – ^{32}P
351	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{131}I – Lipiodol
352	Điều trị ung thư gan bằng keo Ho-166
353	Điều trị ung thư gan bằng hạt phóng xạ ^{125}I
354	Điều trị ung thư gan bằng keo phóng xạ
355	Điều trị ung thư vú bằng hạt phóng xạ ^{125}I
356	Điều trị ung thư vòm mũi họng bằng hạt phóng xạ
357	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng hạt phóng xạ ^{125}I
358	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo phóng xạ
359	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo ^{90}Y
360	Điều trị sẹo lồi bằng tấm áp ^{32}P
361	Điều trị eczema bằng tấm áp ^{32}P
362	Điều trị u máu nông bằng tấm áp ^{32}P
363	Điều trị bệnh đa hồng cầu nguyên phát bằng ^{32}P
364	Điều trị bệnh Leucose kinh bằng P-32
365	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng thuốc phóng xạ
366	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{153}Sm
367	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{117}Sn
368	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{188}Re
369	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{186}Re
370	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng ^{89}Sr
371	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng ^{85}Sr

372	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng: ^{90}Y
373	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{32}P
374	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-131-MIBG
375	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-131-MIBG
376	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-123-MIBG
377	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-123-MIBG
378	Điều trị bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
379	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ
380	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{131}I-Rituximab
381	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{131}I-Nimotuzumab
382	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{111}In-DTPA-octreotide
383	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{111}In-DOTATOC
384	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y-DOTATOC
385	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y-DOTA-Lanreotide
386	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y-DOTATATE
387	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{177}Lu -DOTATATE
388	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{177}Lu-DOTATOC
389	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ alpha 213-Bi-DOTATOC
390	Điều trị bằng nano - thụ thể peptid phóng xạ ^{177}Lu-DOTATATE-PLGA-PEG NPs
391.	Điều trị di căn ung thư bằng cấy hạt phóng xạ ^{125}I
392.	Điều trị ung thư tuyến tiền liệt bằng cấy hạt phóng xạ ^{103}Pd
393.	Điều trị ung thư phổi bằng cấy hạt phóng xạ ^{125}I
394.	Điều trị ung thư thực quản bằng cấy hạt phóng xạ ^{125}I
395.	Điều trị ung thư đầu cổ bằng cấy hạt phóng xạ ^{125}I
396.	Điều trị u não bằng cấy hạt phóng xạ ^{125}I
397.	Điều trị ung thư di căn gan bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
398.	Điều trị ung thư đường mật trong gan bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
399.	Điều trị u lympho ác tính không Hodgkin bằng kháng thể đơn dòng gắn đồng vị phóng xạ ^{90}Y-Ibritumomab
400.	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{90}Y- Rituximab
401.	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{90}Y- Nimotuzumab
402.	Điều trị ung thư bằng hạt vi cầu phóng xạ
403.	Điều trị ung thư bằng hạt phóng xạ
404.	Xạ hình chẩn đoán khối u bằng Kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
405.	SPECT chẩn đoán khối u bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
406.	SPECT/CT chẩn đoán khối u bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
407.	PET/CT chẩn đoán bằng NaF
408.	Xạ hình xương bằng NaF
409.	Xạ trị áp sát bằng đồng vị phóng xạ
410.	Xạ trị áp sát bằng hạt phóng xạ

411.	Xạ trị áp sát bằng tâm áp phóng xạ
412.	Xạ trị áp sát bằng Stent phóng xạ
413.	Xạ hình gan bằng bức xạ hàm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
414.	SPECT gan bằng bức xạ hãm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
415.	PET/CT bằng bức xạ hãm ở bệnh nhân ung thư gan, ung thư đường mật trong gan, ung thư di căn gan sau điều trị bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y
416.	Xạ hình đánh giá luồng thông mạch máu (shunt) gan phổi
417.	SPECT đánh giá luồng thông mạch máu (shunt) gan phổi
418.	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{177}Lu
419.	SPECT tụy
420.	Xạ hình tụy
XVIII. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. SỌ NÃO
1	Mở thông não thất bể đáy nội soi
2	Nội soi mở thông não thất
	B. TAI - MŨI - HỌNG
3	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng chẩn đoán
4	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng sinh thiết
5	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán
6	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm sinh thiết
7	Nội soi cầm máu mũi
8	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết
9	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng cắt đốt bằng điện cao tần
10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán
11	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết
12	Nội soi thanh quản ống mềm cắt u lành tính
13	Nội soi tai mũi họng
14	Nội soi tai mũi họng huỳnh quang
15	Nội soi thanh quản lấy dị vật
	C. KHÍ- PHẾ QUẢN
16	Nội soi khí - phế quản ống cứng sinh thiết xuyên vách
17	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết xuyên vách
18	Nội soi khí - phế quản ống mềm cắt đốt u bằng điện đông cao tần
19	Nội soi khí - phế quản ống cứng cắt đốt u bằng điện đông cao tần
20	Nội soi khí - phế quản ống mềm đặt stent
21	Nội soi khí - phế quản ống cứng đặt stent
22	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết

23	Nội soi khí - phế quản ống mềm cắt lạnh u
24	Nội soi khí - phế quản ống cứng cắt lạnh u
25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán
26	Nội soi khí - phế quản ống cứng chẩn đoán
27	Nội soi siêu âm khí - phế quản ống mềm, sinh thiết xuyên thành phế quản
28	Nội soi khí - phế quản ống mềm chải phế quản chẩn đoán
29	Nội soi khí - phế quản ống mềm rửa phế quản phế nang chọn lọc
30	Nội soi khí - phế quản ống cứng rửa phế nang toàn bộ phổi
31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật
32	Nội soi khí - phế quản ống cứng lấy dị vật
33	Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản
34	Nội soi khí - phế quản ống mềm huỳnh quang
35	Nội soi khí - phế quản ống mềm dải tần hẹp (NBI, Iscan, Fice,…)
36	Nội soi khí - phế quản ống mềm hút đờm qua ống nội khí quản
	D. LỒNG NGỰC- PHỔI
37	Nội soi lồng ngực ống cứng chẩn đoán
38	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm chẩn đoán
39	Nội soi lồng ngực ống cứng sinh thiết
40	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm sinh thiết
41	Nội soi trung thất chẩn đoán
42	Nội soi trung thất sinh thiết
43	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm cắt đốt bằng điện đông cao tần
	Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG
44	Nong đường mật, Oddi qua nội soi
45	Nội soi đường mật tán sỏi qua da
46	Nong bằng bóng qua nội soi điều trị hẹp chỗ nối đại trực tràng sau mổ
47	Nội soi điều trị loét ống tiêu hóa bằng Laser
48	Mở thông dạ dày qua nội soi
49	Nội soi ruột non bóng kép (Double Baloon Endoscopy)
50	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Baloon Endoscopy)
51	Nội soi tiêu hóa bằng viên đạn (Capsule Endoscopy).
52	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên kết hợp với chọc hút tế bào.
53	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng
54	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tuỵ.
55	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tuỵ
56	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để đặt Stent đường mật tuỵ
57	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi
58	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)
59	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa
60	Nội soi cắt dưới niêm mạc điều trị ung thư sớm dạ dày
61	Đặt catheter tenchkoff qua nội soi ổ bụng
62	Sửa catheter tenchkoff qua nội soi ổ bụng

63	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán
64	Nội soi hố thận để thăm dò, chẩn đoán
65	Nội soi khung chậu để thăm dò, chẩn đoán
66	Nội soi ổ bụng- sinh thiết
67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị
68	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật
69	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản
70	Nội soi đại tràng-lấy dị vật
71	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu
72	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ
73	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết
74	Nội soi cắt polip ông tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)
75	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ
76	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị dãn tĩnh mạch phình vị
77	Nội soi băng tần hẹp (NBI)
78	Nội soi siêu âm trực tràng
79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết
80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng
81	Nội soi đại tràng sigma
82	Soi trực tràng
	E. TIẾT NIỆU
83	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)
84	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)
85	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
86	Soi bàng quang
87	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
88	Nội soi bàng quang tìm xem đái dưỡng chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật
89	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản
90	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật
91	Nội soi sinh thiết niệu đạo
92	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản
93	Nội soi niệu quản chẩn đoán
94	Nội soi niệu quản sinh thiết
95	Nội soi bàng quang sinh thiết
	G. KHỚP
96	Nội soi khớp điều trị
97	Nội soi khớp chẩn đoán
	H. PHỤ SẢN
98	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
99	Nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
100	Nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung

101	Nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
102	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung
103	Nội soi buồng tử cung can thiệp
104	Nội soi chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ GEU
105	Nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
106	Soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
107.	Nội soi bàng quang có can thiệp
XIX. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. TIM, MẠCH
1	Thăm dò điện sinh lý tim
2	Thông tim chẩn đoán
3	Đo vận tốc lan truyền sóng mạch
4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
5	Thăm dò huyết động bằng Swan Ganz
6	Đo áp lực thẩm thấu máu
7	Holter huyết áp
8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
9	Đo lưu huyết não
10	Nghiệm pháp Von-Kaulla (thời gian tiêu thụ euglobulin)
11	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)
12	Holter điện tâm đồ
13	Nghiệm pháp dây thắt
14	Điện tim thường
	B. HÔ HẤP
15	Đo dung tích khí cặn
16	Đo khuếch tán khí (DLCO)
17	Đo tổng dung lượng phổi
18	Test giãn phế quản (broncho modilator test)
19	Đo hô hấp ký
20	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký
21	Đo nồng độ khí CO trong đường thở
22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)
24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)
25	Nghiệm pháp hô hấp gắng sức
26	Dao động xung ký
27	Thăm dò rối loạn hô hấp lúc ngủ
	C. THẦN KINH, TÂM THẦN
28	Điện cơ trơn định lượng (QEMG)

syt_hatinh_vt_So Y te Ha Tinh 02/12/2024 08:54:41

29	Ghi điện cơ
30	Điện cơ vùng đáy chậu (EMG)
31	Điện cơ sợi đơn cực (SFEMG)
32	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh cảm giác
33	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh vận động
34	Đo điện thế kích thích cảm giác
35	Đo điện thế kích thích giác quan
36	Đo điện thế kích thích vận động
37	Ghi điện não đồ vi tính
38	Ghi điện não đồ đa kênh giấc ngủ
39	Ghi điện não đồ video
40	Ghi điện não đồ thông thường
41	Đo ngưỡng đau
42	Test thần kinh tự chủ
	D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU
43	Đo PH thực quản 24 giờ
44	Đo áp lực niệu đạo bằng máy
45	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
46	Đo áp lực bàng quang bằng máy
47	Đo niệu dòng đồ
48	Đo áp lực thẩm thấu niệu
49	Thăm dò niệu động học bằng máy (Urodynamic)
50	Đo áp lực ổ bụng bằng máy niệu động học (Urodynamic)
51	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C13, C14
	Đ. TAI MŨI HỌNG
52	Ghi đáp ứng thính giác trạng thái ổn định (ASSR)
53	Mapping điện cực ốc tai
54	Phân tích âm giọng nói cơ bản
55	Phân tích âm giọng nói phức tạp
56	Thanh môn đồ (EGG)
57	Điện cơ thanh quản
58	Đo để hiệu chỉnh máy trợ thính kỹ thuật số
59	Thăm dò chức năng tiền đình (VNG)
60	Đo thính lực đơn âm
61	Đo thính lực lời
62	Đo thính lực trên ngưỡng
63	Đo thính lực ở trường tự do
64	Đo nhĩ lượng
65	Đo phản xạ cơ bàn đạp
66	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán
67	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)
68	Đo sức cản của mũi

69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc
	E. MẮT
70	Điện võng mạc
71	Đo độ dày giác mạc
72	Đếm tế bào nội mô giác mạc
73	Đo bản đồ giác mạc
74	Siêu âm A/B
75	Đo biên độ điều tiết
76	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
77	Test thử cảm giác giác mạc
78	Test phát hiện khô mắt
79	Nghiệm pháp phát hiện glocom
80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
81	Đo thị trường chu biên
82	Đo sắc giác
83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
84	Đo khúc xạ máy
85	Đo khúc xạ giác mạc Javal
86	Thử kính
87	Đo độ lác
88	Xác định sơ đồ song thị
89	Đo độ sâu tiền phòng
90	Đo đường kính giác mạc
91	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm
92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…)
93	Đo thị lực
94	Chụp cắt lớp võng mạc (Optical Coherence Tomography)
	G. CƠ XƯƠNG KHỚP
95	Thử nghiệm Methacholine (methacholine test)
96	Đo áp lực hậu môn trực tràng
97	Đo phản xạ đại tiện
98	Test ngoại bì tìm dị nguyên trong bệnh Eczema tiếp xúc (chuyển Dị ứng-Miễn dịch)
99	Test Prick với bệnh mày đay mẩn ngứa (chuyển Dị ứng-Miễn dịch)
100	Đo áp lực bàn chân bằng máy
101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm
102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA
103	Đo cảm giác rung bàn chân bằng máy
104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ
105	Nghiệm pháp Atropin
	H. NỘI TIẾT
106	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 2 mẫu có định lượng Insulin kèm theo
107	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 5 mẫu có định lượng Insulin kèm theo

syt_hanoi@so_y_te_ha_noi.gov.vn 0243.825.541

108	Nghiệm pháp nhịn đói 72 giờ
109	Nghiệm pháp kích thích Synacthen nhanh
110	Nghiệm pháp kích thích Synacthen chậm
111	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp qua đêm
112	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp trong 2 ngày
113	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao qua đêm
114	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao trong 2 ngày
115	Nghiệm pháp nhịn uống
116	Đo chuyển hóa cơ bản
117	Đo đường máu 24 giờ có định lượng Insulin
118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin
119	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén
120	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén
121	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén
122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin
123	Đo phân bố trọng lượng cơ thể lên chân người bệnh đái tháo đường
124	Test dung nạp Tolbutamit
125	Test dung nạp Glucagon
126	Thử nghiệm ngấm Bromsulphtalein thăm dò chức năng gan
127	Thử nghiệm dung nạp Carbonhydrate (glucoza, fructoza, galactoza, lactoza)
XX. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động
2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động
3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công
4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay
5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động
6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.
7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công
8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động
9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động
10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công
11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động

12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động
13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động
14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động
15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)
16	Nghiệm pháp Protamin sulfat
17	Nghiệm pháp Von-Kaulla
18	Thời gian tiêu Euglobulin
19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
22	Nghiệm pháp dây thắt
23	Định lượng D-Dimer
24	Bán định lượng D-Dimer
25	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/ Anti thrombinIII)
26	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)
27	Phát hiện kháng đông ngoại sinh
28	Phát hiện kháng đông đường chung
29	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI
30	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V,VII, X
31	Định lượng kháng nguyên yếu tố Von Willebrand (VWF Antigen)
32	Định lượng hoạt tính yếu tố Von Willebrand (VWF Activity) (tên khác: định lượng hoạt tính đồng yếu tố Ristocetin: VIII: R co)
33	Định lượng yếu tố XII
34	Định lượng yếu tố XIII (Tên khác: Định lượng yếu tố ổn định sợi huyết)
35	Định tính yếu tố XIII (Tên khác: Định tính yếu tố ổn định sợi huyết)
36	Định tính ức chế yếu tố VIIIc/IX
37	Định lượng ức chế yếu tố VIIIc
38	Định lượng ức chế yếu tố IX
39	Đo độ nhớt (độ quánh) máu toàn phần/huyết tương/dịch khác
40	Định lượng phức hệ fibrin monome hòa tan (Fibrin Soluble Test), (Tên khác: FS Test; FSM Test)
41	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP/Collagen/Acid Arachidonic/Thrombin/Epinephrin
42	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin
43	Định lượng FDP
44	Bán định lượng FDP
45	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)
46	Định lượng Protein S toàn phần
47	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)
48	Định lượng Protein S tự do
49	Phát hiện kháng đông lupus (LAC/ LA screen: Lupus Anticoagulant screen)
50	Khẳng định kháng đông lupus (LAC/ LA confirm: Lupus Anticoagulant confirm)

51	Định lượng Anti Xa
52	Nghiệm pháp sinh Thromboplastin (T.G.T: Thromboplastin Generation Test)
53	Thời gian Reptilase
54	Đàn hồi đồ cục máu (TEG: Thrombo Elasto Graphy)
55	Thời gian phục hồi Canxi
56	Định lượng hoạt tính yếu tố V Leiden
57	Định lượng Heparin
58	Định lượng Plasminogen
59	Định lượng chất ức chế hoạt hóa Plasmin (PAI: Plasmin Activated Inhibitor)
60	Xét nghiệm PFA (Platelet Funtion Analyzer) bằng Collagen/Epinephrine trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/Epi)
61	Xét nghiệm PFA (Platelet Funtion Analyzer) bằng Collagen/ADP trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/ADP)
62	Xét nghiệm PFA (Platelet Funtion Analyzer) bằng P2Y trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng P2Y)
63	Xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia) - Ab
64	Xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia)- IgG
65	Định lượng C1- inhibitor
66	Định lượng t-pA (tissue - Plasminogen Activator)
67	Định lượng □2 antiplasmin
68	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang
69	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang
70	Định lượng anti □2GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang
71	Định lượng anti □2GPI IgM bằng phương pháp ELISA/ miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang
72	Định lượng men ADAMTS13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with ThromboSpondin1 member 13)
73	Phát hiện DIC bằng phương pháp sóng đôi trên máy đông máu
74	Phát hiện chất ức chế đông máu có phụ thuộc thời gian, nhiệt độ
75	Định lượng yếu tố HMWK
76	Định lượng yếu tố pre Kallikrein
77	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence)
78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương
	B. SINH HÓA HUYẾT HỌC
79	Định lượng Acid Folic
80	Định lượng Beta 2 Microglobulin
81	Định lượng Cyclosporin A
82	Định lượng khả năng gắn sắt toàn thể (TIBC)
83	Định lượng Hemoglobin tự do
84	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh (UIBC)
85	Định lượng Transferin receptor hòa tan (TFR)
86	Định lượng ZPP (Zine Proto Phorphyrin)

87	Độ bão hòa Transferin
88	Định lượng vitamin B12
89	Định lượng Transferin
90	Định lượng Hepcidin
91	Định lượng EPO (Erythropoietin)
92	Đo huyết sắc tố niệu
93	Methemoglobin
94	Định lượng Peptid - C
95	Định lượng Methotrexat
96	Định lượng Haptoglobin
97	Định lượng Free kappa huyết thanh
98	Định lượng Free lambda huyết thanh
99	Định lượng Free kappa niệu
100	Định lượng Free lambda niệu
101	Xét nghiệm hồng cầu tự tan
102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu
103	Định lượng G6PD
104	HK (Hexokinase)
105	GPI (Glucose phosphate isomerase)
106	PFK (Phosphofructokinase)
107	ALD (Aldolase)
108	PGK (Phosphoglycerate kinase)
109	PK (Pyruvatkinase)
110	Fructosamin
111	IGF-I
112	Định lượng IgG
113	Định lượng IgA
114	Định lượng IgM
115	Định lượng IgE
116	Định lượng Ferritin
117	Định lượng sắt huyết thanh
	C. TẾ BÀO HỌC
118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)
123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)
125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
126	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)
127	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)

128	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)
129	Xét nghiệm tế bào học tủy xương (không bao gồm thủ thuật chọc hút tủy)
130	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (chưa bao gồm kim sinh thiết một lần)
131	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (bao gồm kim sinh thiết nhiều lần)
132	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (sử dụng máy khoan cầm tay)
133	Xét nghiệm mô bệnh học tủy xương (không bao gồm thủ thuật sinh thiết tủy xương)
134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)
136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu
137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ
138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)
140	Tìm giun chỉ trong máu
141	Tập trung bạch cầu
142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
143	Máu lắng (bằng máy tự động)
144	Tìm tế bào Hargraves
145	Nhuộm sợi xơ trong mô tủy xương
146	Nhuộm sợi liên võng trong mô tủy xương
147	Nhuộm hóa mô miễn dịch tủy xương
148	Nhuộm hóa học tế bào tủy xương(gồm nhiều phương pháp)
149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
151	Cặn Addis
152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công
153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tuỷ, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng máy phân tích huyết học tự động
154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học
155	Xét nghiệm tế bào học lách (lách đồ)
156	Xử lý và đọc tiêu bản (tuỷ, lách, hạch)
157	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi
158	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi in trên đĩa CD
159	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học
160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm
161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế
162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)
163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)
165	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ
166	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)
167	Làm thủ thuật sinh thiết hạch
168	Xét nghiệm mô bệnh học hạch

169	Làm thủ thuật chọc hút lách làm lách đồ
170	Xét nghiệm tế bào học lách (lách đồ)
171	Đo đường kính hồng cầu
	D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
172	Xác định kháng nguyên Lua của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật ống nghiệm)
173	Xác định kháng nguyên Lub của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật ống nghiệm)
174	Xác định kháng nguyên Lua của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
175	Xác định kháng nguyên Lub của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
176	Xác định kháng nguyên Lua của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
177	Xác định kháng nguyên Lub của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
178	Xác định kháng nguyên Fya của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật ống nghiệm)
179	Xác định kháng nguyên Fyb của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật ống nghiệm)
180	Xác định kháng nguyên Fya của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
181	Xác định kháng nguyên Fyb của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
182	Xác định kháng nguyên Fya của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
183	Xác định kháng nguyên Fyb của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
184	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
185	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
186	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
187	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
188	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
189	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
190	Xác định kháng nguyên Kpa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
191	Xác định kháng nguyên Kpb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
192	Xác định kháng nguyên Kpa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
193	Xác định kháng nguyên Kpb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
194	Xác định kháng nguyên Kpa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
195	Xác định kháng nguyên Kpb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
196	Xác định kháng nguyên Jsa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
197	Xác định kháng nguyên Jsb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)
198	Xác định kháng nguyên Jsa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)

199	Xác định kháng nguyên Jsb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
200	Xác định kháng nguyên Jsa của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
201	Xác định kháng nguyên Jsb của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
202	Xác định kháng nguyên Jka của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật ống nghiệm)
203	Xác định kháng nguyên Jkb của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật ống nghiệm)
204	Xác định kháng nguyên Jka của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
205	Xác định kháng nguyên Jkb của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
206	Xác định kháng nguyên Jka của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
207	Xác định kháng nguyên Jkb của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
208	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)
209	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)
210	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
211	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
212	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
213	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
214	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)
215	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)
216	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
217	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
218	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
219	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
220	Xác định kháng nguyên Mia của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)
221	Xác định kháng nguyên Mia của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
222	Xác định kháng nguyên Mia của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
223	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật ống nghiệm)
224	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
225	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
226	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
227	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)

228	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
229	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
230	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
231	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
232	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
233	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
234	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
235	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
236	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
237	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
238	Xác định kháng nguyên Cw của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
239	Xác định kháng nguyên Cw của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
240	Xác định kháng nguyên Cw của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
241	Xác định kháng nguyên Dia của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)
242	Xác định kháng nguyên Dib của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)
243	Xác định kháng nguyên Dia của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
244	Xác định kháng nguyên Dib của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
245	Xác định kháng nguyên Dia của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
246	Xác định kháng nguyên Dib của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
247	Xác định kháng nguyên Wra của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)
248	Xác định kháng nguyên Wrb của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)
249	Xác định kháng nguyên Wra của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
250	Xác định kháng nguyên Wrb của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
251	Xác định kháng nguyên Wra của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
252	Xác định kháng nguyên Wrb của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
253	Xác định kháng nguyên Xga của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật ống nghiệm)
254	Xác định kháng nguyên Xga của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
255	Xác định kháng nguyên Xga của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
256	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)
257	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)

258	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
259	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)
260	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
261	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
262	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22ºC, 37ºC, kháng globulin người) bằng phương pháp Scangel/Gelcard
263	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22ºC, 370C, kháng globulin người) bằng phương pháp ống nghiệm
264	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
265	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật ống nghiệm)
266	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)
268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22ºC (Kỹ thuật ống nghiệm)
269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22ºC (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
270	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22ºC (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37ºC (Kỹ thuật ống nghiệm)
272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37ºC (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
273	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37ºC (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
274	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)
275	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
276	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)
281	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
282	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)
285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)
292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)

293	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ
294	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn
295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
297	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
298	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
299	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)
300	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)
301	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật ống nghiệm khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)
302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
303	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
305	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)
306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
307	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
309	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)
310	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật ống nghiệm)
311	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
312	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật ống nghiệm)
313	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
314	Xác định kháng nguyên nhóm máu hệ hồng cầu bằng phương pháp sinh học phân tử (giá cho một loại kháng nguyên)
315	Kỹ thuật hấp phụ kháng thể
316	Kỹ thuật tách kháng thể
	Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC
317	Kháng thể kháng histon (anti histon) bằng kỹ thuật ELISA
318	Kháng thể kháng Scl 70 (anti Scl-70) bằng kỹ thuật ELISA
319	Kháng thể Sm-Jo-1 (anti Sm-Jo-1) bằng kỹ thuật ELISA
320	Kháng thể kháng Sm (anti Sm) bằng kỹ thuật ELISA
321	Kháng thể kháng SS-A (kháng La) (anti SS-A) bằng kỹ thuật ELISA
322	Kháng thể kháng SS-B (kháng Ro) (anti SS-B) bằng kỹ thuật ELISA
323	Kháng thể kháng nDNA (anti-nDNA) bằng kỹ thuật ELISA
324	Kháng thể kháng protein nhân (anti-RNP) bằng kỹ thuật ELISA
325	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA
326	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật ELISA
327	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật huỳnh quang
328	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật huỳnh quang
329	Phát hiện kháng thể kháng tiểu cầu bằng kỹ thuật Flow-cytometry

330	Xét nghiệm HLA-B27 bằng kỹ thuật Flow-cytometry
331	Đếm số lượng tế bào gốc (stem cell, CD34)
332	Lympho cross match bằng kỹ thuật Flow-cytometry
333	Phân loại miễn dịch bằng kỹ thuật Flow-cytometry
334	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh Bạch cầu cấp bằng kỹ thuật Flow-cytometry
335	Đánh giá tồn lưu tế bào ác tính bằng kỹ thuật Flow-cytometry
336	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh tăng sinh ác tính dòng lympho bằng kỹ thuật Flow-cytometry
337	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh lý Plasmocyte bằng kỹ thuật Flow-cytometry
338	Phân tích quần thể lympho bằng kỹ thuật dấu ấn miễn dịch (DAMD)
339	Xác định chỉ số DNA index bằng kỹ thuật dấu ấn miễn dịch (DAMD)
340	Đánh giá tiên lượng bệnh rối loạn sinh tủy bằng kỹ thuật Flow-cutometry
341	Dấu ấn miễn dịch màng tế bào (bằng kỹ thuật huỳnh quang)
342	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8
343	Xét nghiệm CD55/59 bạch cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)
344	Xét nghiệm CD55/59 hồng cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)
345	Đếm số lượng tế bào gốc tạo máu trên máy Cytomics FC500
346	Xét nghiệm FLAER (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)
347	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)
348	Xét nghiệm Đường-Ham
349	Điện di miễn dịch dịch não tuỷ
350	Điện di miễn dịch nước tiểu
351	Điện di miễn dịch huyết thanh
352	Điện di huyết sắc tố
353	Điện di protein huyết thanh
354	Xét nghiệm tồn dư tối thiểu của bệnh nhân ung thư máu
355	Đếm số lượng tế bào NK (Nature killer)
356	Xét nghiệm PRA (panel reactive anti-body) bằng kỹ thuật ELISA
357	Đọ chéo trong ghép bằng kỹ thuật vi độc tế bào
358	Xét nghiệm xác định kháng thể kháng tiểu cầu trực tiếp
359	Xét nghiệm xác định kháng thể kháng tiểu cầu gián tiếp
360	Định typ HLA-A độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)
361	Định typ HLA-B độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)
362	Định typ HLA-C độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)
363	Định typ HLA-DR độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)
364	Định typ HLA-DQ độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)
365	Định typ HLA độ phân giải trung bình đến cao bằng kỹ thuật PCR-SSO trên hệ thống Luminex (cho cả 5 locus A, B, C, DR và DQ)
366	Định typ HLA độ phân giải cao bằng kỹ thuật SBT trên hệ thống Miseq (cho cả 5 locus A, B, C, DR và DQ)
367	Định lượng sắt hoạt tính trong huyết thanh (LPI-Labile Plasma Ion)
368	Định lượng sắt không gắn Transferin huyết tương (NTBI - Non Transferin Bound Ion)

369	ANA 17 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 17 typ kháng thể kháng nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch)
370	ANA 12 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 12 typ kháng thể kháng nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch)
371	Xét nghiệm panel Viêm gan tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm gan tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)
372	Xét nghiệm panel Viêm đa cơ tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm đa cơ tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)
373	Xét nghiệm panel Viêm mạch tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm mạch tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)
374	Xét nghiệm panel Viêm dạ dày-ruột tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm dạ dày-ruột tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)
375	Anti phospholipid IgG và IgM (sàng lọc các kháng thể kháng phospholipid lớp IgG và IgM bằng kỹ thuật ELISA
376	Phân tích Myeloperoxidase nội bào
377	DCIP test (Dichlorophenol-Indolphenol test dùng sàng lọc huyết sắc tố E)
378	BCB test (Bright Cresyl Blue test dùng sàng lọc huyết sắc tố H)
	E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC
379	Xác định gen bằng kỹ thuật FISH
380	Cấy chuyển dạng lympho cho xét nghiệm nhiễm sắc thể
381	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) tủy xương
382	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) máu ngoại vi
383	Cấy hỗn hợp lympho
384	Phát hiện gene bệnh Hemophilia (bằng kỹ thuật PCR-PFLP)
385	Công thức nhiễm sắc thể (NST) từ tế bào ối
386	FISH chẩn đoán NST 13, 18, 21, XY (chẩn đoán trước sinh)
387	FISH chẩn đoán NST XY
388	FISH chẩn đoán NST Ph1 (BCR/ ABL)
389	FISH chẩn đoán hội chứng Prader Willi
390	FISH chẩn đoán hội chứng De George
391	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 4;11
392	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 1;19
393	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 8;21
394	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 15;17
395	PCR chẩn đoán yếu tố biệt hóa tinh hoàn (TDF)
396	PCR chẩn đoán trước sinh yếu tố biệt hóa tinh hoàn (TDF)
397	PCR chẩn đoán bệnh teo cơ tủy (SMA)
398	Chẩn đoán trước sinh bệnh teo cơ tủy (SMA)
399	PCR chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 25 exons
400	MLPA chẩn đoán gene SH2D1A của hội chứng XLP
401	PCR chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 25 exons
402	MLPA chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 79 exons
403	MLPA chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 79 exons
404	PCR chẩn đoán bệnh beta thalassemia (08 đột biến)
405	PCR chẩn đoán trước sinh bệnh beta thalassemia

406	Giải trình tự gene chẩn đoán bệnh beta thalassemia
407	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh bệnh beta thalassemia
408	Giải trình tự gene chẩn đoán bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)
409	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)
410	MLPA chẩn đoán bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)
411	MLPA chẩn đoán trước sinh bệnh Tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)
412	Giải trình tự gene Perforin (PRF1) bệnh HLH
413	Giải trình tự gene Perforin (PRF1) chẩn đoán trước sinh bệnh HLH
414	MLPA chẩn đoán trước sinh gene SH2D1A của hội chứng XLP
415	Giải trình tự gene SH2D1A của hội chứng XLP
416	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh gene SH2D1A
417	PCR chẩn đoán 04 đột biến bệnh Thiếu hụt Citrin
418	PCR chẩn đoán trước sinh 04 đột biến thiếu hụt Citrin
419	PCR chẩn đoán chuyển đoạn Philadelphia (BCR/ABL) P210
420	PCR chẩn đoán chuyển đoạn Philadelphia (BCR/ABL) P190
421	Định lượng gen bệnh máu ác tính bằng kỹ thuật Real - Time PCR
422	Định lượng tế bào người cho ở người nhận sau ghép bằng kỹ thuật Real - Time PCR
423	Theo dõi bệnh tồn dư tối thiểu bằng bằng kỹ thuật Real - Time PCR
424	Xét nghiệm phát hiện gen bệnh lý Lơ xê mi (1 gen) bằng kỹ thuật RT - PCR
425	Phát hiện gene JAK2 V617F trong nhóm bệnh tăng sinh tủy bằng kỹ thuật Allen-specific PCR
426	Xét nghiệm phát hiện đột biến gene bằng kỹ thuật Multiplex PCR (phát hiện cùng lúc 4 đột biến)
427	Xét nghiệm giải trình tự gene
428	Định lượng virut Cytomegalo (CMV) bằng kỹ thuật Real Time PCR
429	Phát hiện đột biến Intron18/BCL1 bằng kỹ thuật PCR RFLP
430	Phát hiện đảo đoạn intron22 của gen yếu tố VIII bệnh Hemophilia bằng kỹ thuật longrange PCR
431	Xác định gen bệnh máu bằng kỹ thuật RT-PCR
432	Xác định gen AML1/ETO bằng kỹ thuật RT-PCR
433	Xác định gen CBFβ /MYH11 bằng kỹ thuật RT-PCR
434	Xác định gen PML/ RARα bằng kỹ thuật RT-PCR
435	Xác định gen TEL/ AML1 bằng kỹ thuật RT-PCR
436	Xác định gen E2A/ PBX1 bằng kỹ thuật RT-PCR
437	Xác định gen MLL/ AF4 bằng kỹ thuật RT-PCR
438	Xác định gen NPM1-A bằng kỹ thuật Allen specific -PCR
439	Xác định gen FLT3-ITD bằng kỹ thuật PCR
440	Xét nghiệm HLA-B27 bằng kỹ thuật sinh học phân tử.
441	Xác định gen IGH-MMSET (của chuyển đoạn t(4;14) bằng kỹ thuật PCR
442	Xét nghiệm kháng đột biến Imatinib T325I bằng kỹ thuật Allen-specific PCR
443	Xét nghiệm trao đổi nhiễm sắc tử chị em
444	Xét nghiệm phát hiện nhiễm sắc thể X dễ gãy
445	Xét nghiệm phát hiện biểu hiện gen (GEP: gen expression profiling)

446	Xét nghiệm xác định đột biến Thalassemia (phát hiện đồng thời 21 đột biến α-Thalassemia hoặc 22 đột biến β-Thalasemia)
447	Xét nghiệm gen phát hiện các allen phổ biến của HLA B27
448	Xác định gen bệnh máu bằng kỹ thuật cIg FISH
449	Xét nghiệm giải trình tự gen trên hệ thống Miseq
450	Xác định đột biến gen trong rối loạn chuyển hóa sắt
451	Xét nghiệm gen sàng lọc nguy cơ huyết khối
452	Xét nghiệm gen sàng lọc nguy cơ xơ vữa động mạch
453	Xét nghiệm gen liên quan đến chuyển hóa thuốc Thiopurin
454	Xét nghiệm gen liên quan đến chuyển hóa Coumarin
455	Phát hiện gen bệnh Thalassemia bằng kỹ thuật PCR-RFLP
	G. TRUYỀN MÁU
456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu
457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu
458	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA
459	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hóa phát quang
460	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật NAT
461	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA
462	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật RPR
463	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ngưng kết hồng cầu/ vi hạt thụ động
464	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA
465	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật miễn dịch thấm
466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi
467	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA
468	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hóa phát quang
469	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật PCR/ NAT
470	Xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu (Kỹ thuật men tiêu protein/ antiglobulin thực hiện thủ công hoặc trên máy bán tự động, máy tự động)
471	Lọc bạch cầu trong máu toàn phần
472	Chiếu xạ máu toàn phần và các thành phần máu
473	Điều chế khối hồng cầu đậm đặc
474	Điều chế khối hồng cầu có dung dịch bảo quản
475	Điều chế khối hồng cầu giảm bạch cầu
476	Điều chế khối hồng cầu rửa

477	Điều chế khối hồng cầu lọc bạch cầu
478	Điều chế huyết tương giàu tiểu cầu
479	Điều chế khối tiểu cầu pool
480	Điều chế khối tiểu cầu gạn tách từ một người cho
481	Điều chế khối tiểu cầu giảm bạch cầu
482	Điều chế khối tiểu cầu lọc bạch cầu
483	Điều chế khối bạch cầu
484	Điều chế huyết tương tươi
485	Điều chế huyết tương tươi đông lạnh
486	Điều chế tủa lạnh
487	Rửa hồng cầu/ tiểu cầu bằng máy ly tâm lạnh
488	Rửa hồng cầu bằng máy tự động
489	Lọc bạch cầu trong máu toàn phần
490	Lọc bạch cầu trong khối hồng cầu
491	Lọc bạch cầu trong khối tiểu cầu
492	Đông lạnh hồng cầu, tiểu cầu ở quày lạnh
493	Đông lạnh hồng cầu, tiểu cầu trong nitơ lỏng
494	Loại bỏ glycerol trong khối hồng cầu đông lạnh
495	Chiếu tia tử ngoại, hồng ngoại bất hoạt virus trong khối hồng cầu, khối tiểu cầu
496	Bất hoạt virus trong chế phẩm huyết tương bằng hóa chất
497	Bất hoạt virus trong chế phẩm huyết tương bằng nhiệt
498	Điều chế chế phẩm máu (khối hồng cầu) để thay máu cho bệnh nhân sơ sinh tan máu do bị bất đồng nhóm máu mẹ con
	H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG
499	Rút máu để điều trị
500	Truyền thay máu
501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)
502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
503	Gạn bạch cầu điều trị
504	Gạn tiểu cầu điều trị
505	Gạn hồng cầu điều trị
506	Trao đổi huyết tương điều trị
507	Lọc máu liên tục
508	Đặt catheter cố định đường tĩnh mạch trung tâm
509	Chăm sóc catheter cố định
510	Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch
511	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng
512	Thử phản ứng với globulin kháng tuyến ức, kháng lympho (ATG, ALG) trên bệnh nhân
513	Ghép tế bào gốc tạo máu tự thân
514	Ghép tế bào gốc tạo máu đồng loại
515	Thủ thuật chọc tủy sống tiêm hóa chất nội tủy
516	Thủ thuật chọc tủy sống lấy dịch não tủy làm xét nghiệm
517	Chẩn đoán trước sinh cho các bệnh máu bẩm sinh

	I. TẾ BÀO GỐC
518	Khám tuyển chọn người hiến tế bào gốc
519	Thu thập máu dây rốn để phân lập tế bào gốc
520	Gạn tách tế bào gốc từ máu ngoại vi bằng máy tự động
521	Thu thập dịch tủy xương để phân lập tế bào gốc
522	Phân lập tế bào gốc bằng ly tâm túi dẻo
523	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng HES
524	Phân lập tế bào gốc bằng ống Falcon 50 ml, không dùng hóa chất
525	Phân lập tế bào gốc bằng ống chuyên dụng RES-Q60
526	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng Filcoll
527	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động Sepax
528	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động AXP
529	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động Comtex
530	Thu thập và phân lập tế bào gốc từ dịch tủy xương bằng máy Harvest Terumo
531	Nuôi cấy cụm tế bào gốc (colony firming culture)
532	Đông lạnh khối tế bào gốc bằng hệ thống hạ nhiệt độ
533	Bảo quản khối tế bào gốc đông lạnh bằng bình chứa Nitơ lỏng
534	Rã đông khối tế bào gốc đông lạnh bằng bình cách thủy
535	Phân lập tế bào gốc trung mô
536	Thu hoạch dịch tủy xương
537	Thu gom tế bào đơn nhân máu ngoại vi bằng máy tự động
538	Giảm huyết tương trong tủy xương và các tế bào gốc tạo máu từ apheresis
539	Hướng dẫn loại bỏ hồng cầu bằng lắng đọng hydroxyethyl starch (HES)
540	Giảm thể tích tế bào gốc máu ngoại vi để bảo quản lạnh
541	Phân tách Buffy-Coat tủy xương sử dụng máy COBE 2991
542	Xử lý làm giàu tế bào đơn nhân tủy xương bằng máy tự động (Biosafe Sepax, COBE Spectra hoặc COMTEX Fresenious)
543	Xử lý tự động máu dây rốn với hệ thống Biosafe Sepax và phụ kiện
544	Xử lý tự động máu dây rốn với hệ thống AXP
545	Đông lạnh sản phẩm tế bào trị liệu trong túi đông lạnh
546	Lưu trữ đông lạnh máu dây rốn.
547	Lưu trữ đông lạnh tế bào gốc máu ngoại vi, tủy xương
548	Hạ lạnh kiểm soát tốc độ, lưu trữ và lấy ra tự động mẫu máu dây rốn đã giảm thể tích bằng hệ thống BioArchive
549	Vận chuyển mẫu tế bào gốc đông lạnh
550	Vận chuyển mẫu máu dây rốn đông lạnh
551	Rã đông mẫu tế bào gốc tạo máu: Phòng thí nghiệm và cạnh giường bệnh
552	Quy trình rã đông sản phẩm máu dây rốn đông lạnh để truyền
553	Quy trình lọc đối với các sản phẩm apheresis tế bào trị liệu
554	Rửa mẫu tế bào gốc tạo máu đông lạnh để loại bỏ dimethyl sulfoxide (DMSO)
555	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng máy Sepax
556	Rửa sản phẩm tế bào trị liệu bằng máy COBE 2991
557	Chọn lọc các tế bào CD34+ sử dụng hệ thống lựa chọn tế bào từ tính Isolex 300i

558	Chọn lọc các tế bào CD34+ sử dụng hệ thống CliniMACS
559	Làm giàu bạch cầu đơn nhân sử dụng hệ thống tách tế bào Elutra
560	Tăng sinh ngoài cơ thể tế bào gốc tạo máu chọn lọc từ máu dây rốn
561	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ tủy xương
562	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ máu dây rốn
563	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ mô mỡ
564	Phân lập và biệt hóa tế bào đuôi gai người cho trị liệu tế bào
	K. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
565.	Định lượng kháng nguyên antithrombin/ antithrombinIII (AT antigen/ATIIl antigen)
566.	Định lượng hoạt tính antithrombin/ antithrombinIII (AT activity/ATIII activity)
567.	Định lượng chất ức chế hoạt hóa Plasmin 1 (PAI-1)
568.	Định lượng chất ức chế hoạt hóa Plasmin 2 (PAI-2)
569.	Định lượng kháng nguyên yếu tố Von Willerbrand (vWf:Ag) bằng Kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang
570.	Định lượng D-Dimer bằng Kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang
571.	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu chung
572.	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu chung
573.	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu ngoại sinh
574.	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu ngoại sinh
575.	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh
576.	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh
577.	Định lượng kháng thể kháng Beta2 Glycoprotein I (aβ2GPI) IgG bằng Kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
578.	Định lượng kháng thể kháng Beta2 Glycoprotein I (aβ2GPI) IgM bằng kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
579.	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin (aCL) IgM bằng Kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
580.	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin (aCL) IgG bằng kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
581.	Định lượng hoạt tính yếu tố von Willebrand (đồng yếu tố Ristocetin) bằng kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
582.	Định lượng hoạt tính Protein S (PS activity)
583.	Định lượng kháng nguyên Protein S (PS antigen)
584.	Định lượng kháng nguyên Protein C (PC antigen)
585.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM: Rotation ThromboElastoMetry) nội sinh (ROTEM-INTEM)
586.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM: Rotation ThromboElastoMetry) ngoại sinh (ROTEM-EXTEM)
587.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM: Rotation ThromboElastoMetry) ức chế tiểu cầu (ROTEM- FIBTEM)
588.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM: Rotation ThromboElastoMetry) ức chế tiểu sợi huyết (ROTEM- APTEM)

589.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM: Rotation ThromboElastoMetry) trung hòa heparin (ROTEM- HEPTEM)
590.	Đo độ đàn hồi cục máu (TEG: ThromboElastoGraph) trung hòa heparin (TEG-Heparinase)
591.	Đàn hồi đồ cục máu (TEG: ThromboElastoGraph) ức chế tiểu cầu (TEG- Platelet blocker)
592.	Đàn hồi đồ cục máu (TEG: ThromboElastoGraph) ức chế tiêu sợi huyết (TEG-Antifibrinolytic drug)
593.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin bằng phương pháp trở kháng
594.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Thrombin bằng phương pháp trở kháng
595.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Acid Arachidonic bằng phương pháp trở kháng
596.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP bằng phương pháp trở kháng
597.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Collagen bằng phương pháp trở kháng
598.	Định lượng kháng nguyên men ADAM TS 13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with Thrombo Sprondin1 Member 13 Antigen)
599.	Định lượng hoạt tính men ADAM TS 13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with Thrombo Sprondin1 Member 13 Activity)
600.	Định lượng yếu tố Kininogen trọng lượng phân tử cao (Định lượng yếu tố HMWK)
601.	Định lượng yếu tố Prekallikrein (Định lượng yếu tố PKK)
602.	Định lượng PIVKA (Protein Induced by Vitamin K Absence)
603.	Xét nghiệm kháng Protein C hoạt hóa
604.	Xét nghiệm TEG thăm dò chức năng tiểu cầu
	L. TẾ BÀO HỌC
605.	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)
606.	OF test (Osmotic fragility test) (Test sàng lọc
607.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm hồng cầu sắt (Nhuộm Perls)
608.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Peroxydase (MPO: Myeloperoxydase)
609.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Sudan đen
610.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Periodic Acide Schiff (PAS)
611.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase không đặc hiệu
612.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase đặc hiệu
613.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Phosphatase acid
614.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Phosphatase kiềm bạch cầu
615.	Xét nghiệm và chẩn đoán hóa mô miễn dịch tủy xương cho một dấu ấn (Marker) trên máy nhuộm tự động
616.	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học tủy xương trên máy nhuộm tự động
617.	Xét nghiệm hình dáng-kích thước hồng cầu niệu
	M. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
618.	Xác định kháng nguyên Lea của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật ống nghiệm)

syt_hanoi_v_So Y te Ha Noi 0-2-01-2024 08:51:41

619.	Xác định kháng nguyên Lea của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy bán tự động)
620.	Xác định kháng nguyên Lea của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
621.	Xác định kháng nguyên Leb của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật ống nghiệm)
622.	Xác định kháng nguyên Leb của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy bán tự động)
623.	Xác định kháng nguyên Leb của hệ nhóm máu Lewis (Kỹ thuật Scangel/ Gelcard trên máy tự động)
624.	Phản ứng hòa hợp tiểu cầu (kỹ thuật pha rắn).
625.	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật ống nghiệm)
626.	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật Scangel)
	N. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC
627.	Phân tích dấu ấn/CD/marker miễn dịch máu ngoại vi, hoặc dịch khác bằng kỹ thuật flow cytometry
628.	Phân tích dâu ấn/CD/marker miễn dịch mẫu tủy xương, hoặc mẫu hạch, hoặc mẫu tổ chức khác bằng Kỹ thuật flow cytometry
629.	Xét nghiệm kháng thể kháng lao (phương pháp thấm miễn dịch)
630.	Xét nghiệm kháng thể kháng Dengue IgG và IgM (phương pháp thấm miễn dịch)
631.	Định lượng CD25 (IL-2R) hòa tan trong huyết thanh bằng kỹ thuật ELISA
632.	Xét nghiệm tồn dư tối thiểu của bệnh máu ác tính bằng phương pháp Flow-cytometry
633.	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (Locus A, hoặc Locus B, hoặc Locus C, hoặc Locus DR, hoặc Locus DQ, hoặc Locus DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO
634.	Định type HLA cho 1 locus (Locus A, hoặc Locus B, hoặc Locus C, hoặc Locus DR, hoặc Locus DQ) bằng kỹ thuật PCR-SSP
635.	Định danh kháng thể kháng HLA bằng kỹ thuật luminex
636.	Định danh kháng thể kháng HLA bằng kỹ thuật ELISA
637.	Đánh giá chỉ số IS (sepsis index) trên máy flow cytometry
	O. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC
638.	Xét nghiệm cấy chuyển dạng lympho
639.	Xác định nhiễm sắc thể X, Y bằng Kỹ thuật FISH
640.	Phát hiện đột biến gen Hemophilia bằng kỹ thuật PCR- RFLP
641.	Xét nghiệm giải trình tự gen bằng kỹ thuật giải trình tự thế hệ 1 (cho mỗi đoạn gen < 1kb)
642.	Định typ HLA bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ 2
643.	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen thalassemia bằng kỹ thuật PCR
644.	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen hemophilia bằng kỹ thuật PCR
645.	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen bằng kỹ thuật PCR
646.	Xét nghiệm xác định đột biến gen bằng kỹ thuật PCR- RFLP
647.	Xét nghiệm giải trình tự gen bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ 2
648.	Xét nghiệm xác định gen bằng kỹ thuật cIg FISH với tách tế bào bằng Ficoll
649.	Xét nghiệm công thức nhiễm sắc thể tủy xương với chất kích thích đặc hiệu
650.	Xét nghiệm công thức nhiệm sắc thể với môi trường đặc hiệu

651.	Xét nghiệm phát hiện máu mẹ trong dịch ối
652.	Xét nghiệm xác định các marker di truyền của người cho/ người nhận bằng kỹ thuật realtime PCR
653.	Xét nghiệm chimerism bằng kỹ thuật realtime PCR
654.	Xét nghiệm xác định mọc mảnh ghép (Chimerism) bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ 2
655.	Xét nghiệm xác định mọc mảnh ghép (Chimerism) bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ 1
656.	Xét nghiệm xác định đột biến gen bằng kỹ thuật MLPA
657.	Xét nghiệm xác định đột biến gen beta thalassemia bằng kỹ thuật MLPA
658.	Xét nghiệm xác định đột biến gen alpha thalassemia bằng kỹ thuật MLPA
659.	Xét nghiệm MLPA chẩn đoán bệnh teo cơ tủy (SMA)
660.	Xét nghiệm MLPA chẩn đoán trước sinh bệnh teo cơ tủy (SMA)
661.	Xét nghiệm FISH chẩn đoán hội chứng Down
662.	Xét nghiệm kháng đột biến Imatinib T315I bằng kỹ thuật Allen-specific PCR
	P. TRUYỀN MÁU
663.	Điều chế khối bạch cầu gạn tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu
664.	Điều chế khối hồng cầu gạn tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu
665.	Điều chế huyết tương gạn tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu
666.	Xét nghiệm sàng lọc viêm gan E đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA, kỹ thuật hóa phát quang kỹ thuật NAT
667.	Xét nghiệm sàng lọc anti-HBc đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA, kỹ thuật hóa phát quang
668.	Xét nghiệm định nhóm máu dưới nhóm hệ Rh (C, c, E, e) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
669.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ MNSs (M, N, S, s, Mia) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
670.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Kidd (Jka, Jkb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
671.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Duffy (Fya, Fyb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
672.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Lutheran (Lua, Lub) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
673.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Kell (K, k, Kpa, Kpb, Jsa, Jsb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
674.	Xét nghiệm định nhóm máu xác định kháng nguyên P1 đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
675.	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Lewis (Lea, Leb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động
	Q. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG
676.	Gạn tách huyết tương điều trị
677.	Truyền máu toàn phần có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường
678.	Truyền khối hồng cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường
679.	Truyền khối tiểu cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường

680.	Truyền thuốc thải sắt đường dưới da
681.	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng ghép tế bào gốc
682.	Truyền khối tế bào gốc tạo máu
	R. TẾ BÀO GỐC
683.	Xử lý tế bào gốc bằng máy tự động
684.	Xử lý tế bào gốc bằng phương pháp thủ công
685.	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng phương pháp thủ công
686.	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng máy tự động
687.	Tìm kiếm nguồn tế bào gốc phù hợp cho ghép
688.	Chọn lọc tế bào gốc sử dụng kỹ thuật từ tính
689.	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm xanh trypan
690.	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm tế bào dòng chảy
	S. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
691.	Định lượng yếu tố Thrombomodulin
692.	Định lượng β - Thromboglobulin (βTG)
693.	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase không đặc hiệu có ức chế bằng NaF
694.	Điều chế và lưu trữ tế bào gốc từ máu cuống rốn
695.	Điều chế và lưu trữ tế bào gốc từ tủy xương
696.	Điều chế và lưu trữ tế bào gốc từ máu ngoại vi
XXI. HÓA SINH	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. MÁU
1	Đo hoạt độ ACP (Phosphatase Acid)
2	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone)
3	Định lượng Acid Uric
4	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)
5	Định lượng Adiponectin
6	Định lượng Aldosteron
7	Định lượng Albumin
8	Định lượng Alpha1 Antitrypsin
9	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)
10	Đo hoạt độ Amylase
11	Định lượng Amoniac (NH3)
12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)
13	Định lượng Anti CCP
14	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)
15	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)
16	Định lượng Apo A1 (Apolipoprotein A1)
17	Định lượng Apo B (Apolipoprotein B)

18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)
19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
20	Đo hoạt độ AST (GOT)
21	Định lượng α1 Acid Glycoprotein
22	Định lượng β2 microglobulin
23	Định lượng Beta Crosslap
24	Định lượng □hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)
25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
27	Định lượng Bilirubin toàn phần
28	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)
29	Định lượng Calci toàn phần
30	Định lượng Calci ion hóa
31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc
32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)
33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)
34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)
35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)
36	Định lượng Calcitonin
37	Định lượng Carbamazepin
38	Định lượng Ceruloplasmin
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)
40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)
41	Định lượng Cholesterol toàn phần
42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)
43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
44	Định lượng CK-MB mass
45	Định lượng C-Peptid
46	Định lượng Cortisol
47	Định lượng Cystatine C
48	Định lượng bổ thể C3
49	Định lượng bổ thể C4
50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)
51	Định lượng Creatinin
52	Định lượng Cyfra 21- 1
53	Định lượng Cyclosphorin
54	Định lượng D-Dimer
55	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)
56	Định lượng Digoxin
57	Định lượng Digitoxin
58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
59	Định lượng FABP (Fatty Acid Binding Protein)

60	Định lượng Ethanol (cồn)
61	Định lượng Estradiol
62	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)
63	Định lượng Ferritin
64	Định lượng Fructosamin
65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)
66	Định lượng free □HCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)
67	Định lượng Folate
68	Định lượng FT_3 (Free Triiodothyronine)
69	Định lượng FT_4 (Free Thyroxine)
70	Định lượng Galectin 3
71	Định lượng Gastrin
72	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)
73	Định lượng GH (Growth Hormone)
74	Đo hoạt độ GLDH (Glutamat dehydrogenase)
75	Định lượng Glucose
76	Định lượng Globulin
77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
78	Định lượng GLP-1
79	Định lượng Gentamicin
80	Định lượng Haptoglobulin
81	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA / ECLIA)
82	Đo hoạt độ HBDH (Hydroxy butyrat dehydrogenase)
83	Định lượng HbA1c
84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
85	Định lượng HE4
86	Định lượng Homocystein
87	Định lượng IL-1α (Interleukin 1α)
88	Định lượng IL -1β (Interleukin 1β)
89	Định lượng IL-6 (Interleukin 6)
90	Định lượng IL-8 (Interleukin 8)
91	Định lượng IL-10 (Interleukin 10)
92	Định lượng IgE Cat Specific (E1)
93	Định lượng IgE (Immunoglobuline E)
94	Định lượng IgA (Immunoglobuline A)
95	Định lượng IgG (Immunoglobuline G)
96	Định lượng IgM (Immunoglobuline M)
97	Định lượng IGFBP-3 (Insulin like growth factor binding protein 3)
98	Định lượng Insulin
99	Điện di Isozym – LDH
100	Định lượng IMA (Ischemia Modified Albumin)
101	Định lượng Kappa

syt_hatinh_ttso Y te ha tinh_23/12/2024 08:57:41

102	Định lượng Kappa tự do (Free kappa)
103	Xét nghiệm Khí máu
104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)
105	Định lượng Lambda
106	Định lượng Lambda tự do (Free Lambda)
107	Định lượng Leptin human
108	Điện di LDL/HDL Cholesterol
109	Đo hoạt độ Lipase
110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)
111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)
112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
113	Điện di Lipoprotein
114	Định lượng Lp-PLA2 (Lipoprotein Associated Phospholipase A2)
115	Định lượng Malondialdehyd (MDA)
116	Đo hoạt độ MPO
117	Định lượng Myoglobin
118	Định lượng Mg
119	Định lượng N-MID Osteocalcin
120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)
121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)
122	Đo hoạt độ P-Amylase
123	Định lượng PAPP-A
124	Định lượng Pepsinogen I
125	Định lượng Pepsinogen II
126	Định lượng Phenobarbital
127	Định lượng Phenytoin
128	Định lượng Phospho
129	Định lượng Pre-albumin
130	Định lượng Pro-calcitonin
131	Định lượng Prolactin
132	Điện di Protein (máy tự động)
133	Định lượng Protein toàn phần
134	Định lượng Progesteron
135	Định lượng Procainnamid
136	Định lượng Protein S100
137	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)
138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)
139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)
140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)
141	Định lượng Renin activity
142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)
143	Định lượng Sắt

144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)
145	Định lượng SHBG (Sex hormon binding globulin)
146	Định lượng Sperm Antibody
147	Định lượng T_3 (Tri iodothyronine)
148	Định lượng T_4 (Thyroxine)
149	Định lượng s TfR (Solube transferin receptor)
150	Định lượng Tacrolimus
151	Định lượng Testosterol
152	Định lượng TGF β1(Transforming Growth Factor Beta 1)
153	Định lượng TGF β2(Transforming Growth Factor Beta 2)
154	Định lượng Tg (Thyroglobulin)
155	Định lượng Theophylline
156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)
157	Định lượng Transferin
158	Định lượng Triglycerid
159	Định lượng Troponin T
160	Định lượng Troponin Ths
161	Định lượng Troponin I
162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)
163	Định lượng Tobramycin
164	Định lượng Total p1NP
165	Định lượng T-uptake
166	Định lượng Urê
167	Định lượng Valproic Acid
168	Định lượng Vancomycin
169	Định lượng Vitamin B12
170	Định lượng yếu tố tân tạo mạch máu (PLGF – Placental Growth Factor)
171	Định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu (sFlt-1-solube FMS like tyrosinkinase-1)
	B. NƯỚC TIỂU
172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)
173	Định tính Amphetamin (test nhanh)
174	Định lượng Amphetamine
175	Đo hoạt độ Amylase
176	Định lượng Axit Uric
177	Định lượng Barbiturates
178	Định lượng Benzodiazepin
179	Định tính beta hCG (test nhanh)
180	Định lượng Canxi
181	Định lượng Catecholamin
182	Định lượng Cocaine
183	Định lượng Cortisol
184	Định lượng Creatinin

185	Định lượng Dưỡng chấp
186	Định tính Dưỡng chấp
187	Định lượng Glucose
188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)
189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)
190	Định lượng Methadone
191	Định lượng NGAL (Neutrophil Gelatinase-Associated Lipocalin)
192	Định lượng Opiate
193	Định tính Opiate (test nhanh)
194	Định tính Morphin (test nhanh)
195	Định tính Codein (test nhanh)
196	Định tính Heroin (test nhanh)
197	Định lượng Phospho
198	Định tính Phospho hữu cơ
199	Định tính Porphyrin
200	Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)
201	Định lượng Protein
202	Định tính Protein Bence -jones
203	Định tính Rotunda
204	Định lượng THC (Canabionids)
205	Định lượng Ure
206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
	C. DỊCH NÃO TUỶ
207	Định lượng Clo
208	Định lượng Glucose
209	Phản ứng Pandy
210	Định lượng Protein
	D. THỦY DỊCH MẮT
211	Định lượng Albumin
212	Định lượng Globulin
	E. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim…)
213	Đo hoạt độ Amylase
214	Định lượng Bilirubin toàn phần
215	Định lượng Cholesterol toàn phần
216	Định lượng Creatinin
217	Định lượng Glucose
218	Đo hoạt độ LDH
219	Định lượng Protein
220	Phản ứng Rivalta
221	Định lượng Triglycerid
222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò
223	Định lượng Ure

	G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
224.	ALA
225.	Alpha Microglobin
226.	Bổ thể trong huyết thanh
227.	C-Peptid
228.	Định lượng CRP
229.	Định lượng Methotrexat
230.	Định lượng p2PSA
231.	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh
232.	Định lượng Tranferin Receptor
233.	Đo khả năng găn sắt toàn thể
234.	Đường máu mao mạch
235.	Erythropoietin
236.	GH
237.	Gross
238.	Homocysteine
239.	Inhibin A
240.	Maclagan
241.	Nồng độ rượu trong máu
242.	Paracetamol
243.	Phản ứng cố định bổ thể
244.	Phản ứng CRP
245.	Quinin/Cloroquin/Mefloquin
246.	Salicylate
247.	Tricyclic anti depressant
248.	Xác định Bacturate trong máu
249.	Xác định các yếu tố vi lượng (đồng, kẽm)
250.	Xác định các yếu tố vi lượng Fe (sắt)
251.	DPD
252.	Gonadotrophin để chẩn đoán thai nghén bằng phương pháp hóa học-miễn dịch định tính
253.	Gonadotrophin để chẩn đoán thai nghén định lượng
254.	Hydrocorticosteroid định lượng
255.	Oestrogen toàn phần định lượng
256.	Xentonic/ sắc tố mật/ muối mật/ urobilinogen
257.	Amilase/ Trypsin/ Mucinase định tính
258.	Bilirubin định tính
259.	Canxi, Phospho định tính
260.	Urobilin, Urobilinogen: Định tính
261.	Clo dịch
262.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...)

263.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) có đếm số lượng tế bào
XXII. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. VI KHUẨN
	1. Vi khuẩn chung
1	Vi khuẩn nhuộm soi
2	Vi khuẩn test nhanh
3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động
5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động
6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính
7	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động
8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)
9	Vi khuẩn kháng sinh phối hợp
10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh
11	Vi khuẩn khẳng định
12	Vi khuẩn định danh PCR
13	Vi khuẩn định danh giải trình tự gene
14	Vi khuẩn kháng thuốc PCR
15	Vi khuẩn kháng thuốc giải trình tự gene
16	Vi hệ đường ruột
	2. Mycobacteria
17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen
18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang
19	*Mycobacterium tuberculosis* nuôi cấy môi trường lỏng
20	*Mycobacterium tuberculosis* nuôi cấy môi trường đặc
21	*Mycobacterium tuberculosis* Mantoux
22	*Mycobacterium tuberculosis* kháng thuốc hàng 1 môi trường đặc
23	*Mycobacterium tuberculosis* kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng
24	*Mycobacterium tuberculosis* kháng thuốc hàng 2 môi trường đặc
25	*Mycobacterium tuberculosis* kháng thuốc hàng 2 môi trường lỏng
26	*Mycobacterium tuberculosis* kháng thuốc PZA môi trường lỏng
27	*Mycobacterium tuberculosis* pyrazinamidase
28	*Mycobacterium tuberculosis* định danh và kháng RMP Xpert
29	*Mycobacterium tuberculosis* đa kháng LPA
30	*Mycobacterium tuberculosis* siêu kháng LPA
31	*Mycobacterium tuberculosis* PCR hệ thống tự động
32	*Mycobacterium tuberculosis* Real-time PCR
33	*Mycobacterium tuberculosis* spoligotyping

syt_hanhchinh_ttt_So Y te Ninh Thuan 30/10/2024 08:51:41

34	*Mycobacterium tuberculosis* RFLP typing
35	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường lỏng
36	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường đặc
37	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh LPA
38	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh Real-time PCR
39	*Mycobacterium leprae* nhuộm soi
40	*Mycobacterium leprae* PCR
41	*Mycobacterium leprae* mảnh sinh thiết
	3. Vibrio cholerae
42	*Vibrio cholerae* soi tươi
43	*Vibrio cholerae* nhuộm soi
44	*Vibrio cholerae* nhuộm huỳnh quang
45	*Vibrio cholerae* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
46	*Vibrio cholerae* PCR
47	*Vibrio cholerae* Real-time PCR
48	*Vibrio cholerae* giải trình tự gene
	4. Neisseria gonorrhoeae
49	*Neisseria gonorrhoeae* nhuộm soi
50	*Neisseria gonorrhoeae* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
51	*Neisseria gonorrhoeae* PCR
52	*Neisseria gonorrhoeae* Real-time PCR
53	*Neisseria gonorrhoeae* Real-time PCR hệ thống tự động
54	*Neisseria gonorrhoeae* kháng thuốc PCR
55	*Neisseria gonorrhoeae* kháng thuốc giải trình tự gene
	5. Neisseria meningitidis
56	*Neisseria meningitidis* nhuộm soi
57	*Neisseria meningitidis* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
58	*Neisseria meningitidis* PCR
59	*Neisseria meningitidis* Real-time PCR
	6. Các vi khuẩn khác
60	*Chlamydia* test nhanh
61	*Chlamydia* nhuộm huỳnh quang
62	*Chlamydia* Ab miễn dịch bán tự động
63	*Chlamydia* Ab miễn dịch tự động
64	*Chlamydia* PCR
65	*Chlamydia* Real-time PCR
66	*Chlamydia* Real-time PCR hệ thống tự động
67	*Chlamydia* giải trình tự gene
68	*Clostridium* nuôi cấy, định danh
69	*Clostridium difficile* miễn dịch bán tự động
70	*Clostridiumdifficile* miễn dịch tự động
71	*Clostridium difficile* PCR

72	*Helicobacter pylori* nhuộm soi
73	*Helicobacter pylori* Ag test nhanh
74	*Helicobacter pylori* Ab test nhanh
75	*Helicobacter pylori* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
76	*Helicobacter pylori* Ab miễn dịch bán tự động
77	*Helicobacter pylori* PCR
78	*Helicobacter pylori* Real-time PCR
79	*Helicobacter pylori* giải trình tự gene
80	*Leptospira* test nhanh
81	*Leptospira* PCR
82	*Mycoplasma pneumoniae* Ab miễn dịch bán tự động
83	*Mycoplasma pneumoniae* Ab miễn dịch tự động
84	*Mycoplasma pneumoniae* Real-time PCR
85	*Mycoplasma hominis* test nhanh
86	*Mycoplasma hominis* nhuộm huỳnh quang
87	*Mycoplasma hominis* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
88	*Mycoplasma hominis* PCR
89	*Mycoplasma hominis* Real-time PCR
90	*Rickettsia* Ab miễn dịch bán tự động
91	*Rickettsia* Ab miễn dịch tự động
92	*Rickettsia* PCR
93	*Salmonella* Widal
94	*Streptococcus pyogenes* ASO
95	*Treponema pallidum* soi tươi
96	*Treponema pallidum* nhuộm soi
97	*Treponema pallidum* nhuộm huỳnh quang
98	*Treponema pallidum* test nhanh
99	*Treponema pallidum* RPR định tính và định lượng
100	*Treponema pallidum* TPHA định tính và định lượng
101	*Treponema pallidum* PCR
102	*Treponema pallidum* Real-time PCR
103	*Ureaplasma urealyticum* test nhanh
104	*Ureaplasma urealyticum* nhuộm huỳnh quang
105	*Ureaplasma urealyticum* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
106	*Ureaplasma urealyticum* PCR
107	*Ureaplasma urealyticum Real-time PCR*
	B. VIRUS
	1. Virus chung
108	Virus test nhanh
109	Virus Ag miễn dịch bán tự động
110	Virus Ag miễn dịch tự động
111	Virus Ab miễn dịch bán tự động

syt_hanhchanh@so_y_te.ha_tinh.gov.vn 02/01/2024 08:35:41

112	Virus Ab miễn dịch tự động
113	Virus Xpert
114	Virus PCR
115	Virus Real-time PCR
116	Virus giải trình tự gene
	2. Hepatitis virus
117	HBsAg test nhanh
118	HBsAg miễn dịch bán tự động
119	HBsAg miễn dịch tự động
120	HBsAg khẳng định
121	HBsAg định lượng
122	HBsAb test nhanh
123	HBsAb miễn dịch bán tự động
124	HBsAb định lượng
125	HBc IgM miễn dịch bán tự động
126	HBc IgM miễn dịch tự động
127	HBcAb test nhanh
128	HBc total miễn dịch bán tự động
129	HBc total miễn dịch tự động
130	HBeAg test nhanh
131	HBeAg miễn dịch bán tự động
132	HBeAg miễn dịch tự động
133	HBeAb test nhanh
134	HBeAb miễn dịch bán tự động
135	HBeAb miễn dịch tự động
136	HBV đo tải lượng Real-time PCR
137	HBV đo tải lượng hệ thống tự động
138	HBV cccDNA
139	HBV genotype PCR
140	HBV genotype Real-time PCR
141	HBV genotype giải trình tự gene
142	HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)
143	HBV kháng thuốc giải trình tự gene
144	HCV Ab test nhanh
145	HCV Ab miễn dịch bán tự động
146	HCV Ab miễn dịch tự động
147	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
148	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động
149	HCV Core Ag miễn dịch tự động
150	HCV PCR
151	HCV đo tải lượng Real-time PCR
152	HCV đo tải lượng hệ thống tự động

153	HCV genotype Real-time PCR
154	HCV genotype giải trình tự gene
155	HAV Ab test nhanh
156	HAV IgM miễn dịch bán tự động
157	HAV IgM miễn dịch tự động
158	HAV total miễn dịch bán tự động
159	HAV total miễn dịch tự động
160	HDV Ag miễn dịch bán tự động
161	HDV IgM miễn dịch bán tự động
162	HDV Ab miễn dịch bán tự động
163	HEV Ab test nhanh
164	HEV IgM test nhanh
165	HEV IgM miễn dịch bán tự động
166	HEV IgM miễn dịch tự động
167	HEV IgG miễn dịch bán tự động
168	HEV IgG miễn dịch tự động
	3. HIV
169	HIV Ab test nhanh
170	HIV Ag/Ab test nhanh
171	HIV Ab miễn dịch bán tự động
172	HIV Ab miễn dịch tự động
173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động
175	HIV khẳng định (*)
176	HIV Ab Western blot
177	HIV DNA PCR
178	HIV DNA Real-time PCR
179	HIV đo tải lượng Real-time PCR
180	HIV đo tải lượng hệ thống tự động
181	HIV kháng thuốc giải trình tự gene
182	HIV genotype giải trình tự gene
	4. Dengue virus
183	Dengue virus NS1Ag test nhanh
184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh
185	Dengue virus IgA test nhanh
186	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động
187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
188	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động
189	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động
190	Dengue virus PCR
191	Dengue virus Real-time PCR
192	Dengue virus serotype PCR

	5. Herpesviridae
193	CMV IgM miễn dịch bán tự động
194	CMV IgM miễn dịch tự động
195	CMV IgG miễn dịch bán tự động
196	CMV IgG miễn dịch tự động
197	CMV PCR
198	CMV Real-time PCR
199	CMV đo tải lượng hệ thống tự động
200	CMV Avidity
201	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động
202	HSV 1 IgM miễn dịch tự động
203	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động
204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động
205	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động
206	HSV 2 IgM miễn dịch tự động
207	HSV 2 IgG miễn dịch bán tự động
208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động
209	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động
210	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động
211	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động
212	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động
213	HSV Real-time PCR
214	HSV đo tải lượng hệ thống tự động
215	VZV Real-time PCR
216	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động
217	EBV IgM miễn dịch tự động
218	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động
219	EBV IgG miễn dịch tự động
220	EBV EA-D IgG miễn dịch bán tự động
221	EBV EB-NA IgG miễn dịch bán tự động
222	EBV PCR
223	EBV Real-time PCR
224	EBV đo tải lượng hệ thống tự động
	6. Enterovirus
225	EV71 IgM/IgG test nhanh
226	EV71 PCR
227	EV71 Real-time PCR
228	EV71 genotype giải trình tự gene
229	Enterovirus PCR
230	Enterovirus Real-time PCR
231	Enterovirus genotype giải trình tự gene
	7. Các virus khác

232	Adenovirus Real-time PCR
233	BK/JC virus Real-time PCR
234	Coronavirus PCR
235	Coronavirus Real-time PCR
236	Hantavirus test nhanh
237	Hantavirus PCR
238	HPV PCR
239	HPV Real-time PCR
240	HPV genotype Real-time PCR
241	HPV genotype PCR hệ thống tự động
242	HPV genotype giải trình tự gene
243	Influenza virus A, B test nhanh
244	Influenza virus A, B Real-time PCR (*)
245	Influenza virus A, B giải trình tự gene (*)
246	JEV IgM miễn dịch bán tự động
247	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động
248	Measles virus Ab miễn dịch tự động
249	Rotavirus test nhanh
250	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động
251	Rotavirus PCR
252	RSV Ab miễn dịch bán tự động
253	RSV Real-time PCR
254	Rubella virus Ab test nhanh
255	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động
256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động
257	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động
258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động
259	Rubella virus Avidity
260	Rubella virus PCR
261	Rubella virus Real-time PCR
262	Rubella virus giải trình tự gene
	C. KÝ SINH TRÙNG
	1. Ký sinh trùng trong phân
263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
264	Hồng cầu trong phân test nhanh
265	Đơn bào đường ruột soi tươi
266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
267	Trứng giun, sán soi tươi
268	Trứng giun soi tập trung
269	*Strongyloides stercoralis*(Giun lươn) ấu trùng soi tươi
270	*Cryptosporidium* test nhanh
271	Ký sinh trùng khẳng định

	2. Ký sinh trùng trong máu
272	*Angiostrogylus cantonensis* (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động
273	*Angiostrogylus cantonensis* (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động
274	*Clonorchis/Opisthorchis* (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động
275	*Clonorchis/Opisthorchis* (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động
276	*Cysticercus cellulosae* (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động
277	*Cysticercus cellulosae* (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động
278	*Echinococcus granulosus* (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động
279	*Echinococcus granulosus* (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động
280	*Entamoeba histolytica* (Amip) Ab miễn dịch bán tự động
281	*Entamoeba histolytica*(Amip) Ab miễn dịch tự động
282	*Fasciola* (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động
283	*Fasciola* (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động
284	*Filaria* (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi
285	*Gnathostoma* (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động
286	*Gnathostoma* (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động
287	*Paragonimus* (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động
288	*Paragonimus* (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động
289	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính
290	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng
291	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
292	*Schistosoma* (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động
293	*Schistosoma* (Sán máng) Ab miễn dịch tự động
294	*Strongyloides stercoralis* (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động
295	*Strongyloides stercoralis* (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động
296	*Toxocara* (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động
297	*Toxocara* (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động
298	*Toxoplasma* IgM miễn dịch bán tự động
299	*Toxoplasma* IgM miễn dịch tự động
300	*Toxoplasma* IgG miễn dịch bán tự động
301	*Toxoplasma* IgG miễn dịch tự động
302	*Toxoplasma* Avidity
303	*Trichinella spiralis* (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động
304	*Trichinella spiralis* (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động
	3. Ký sinh trùng ngoài da
305	*Demodex* soi tươi
306	*Demodex* nhuộm soi
307	*Phthirus pubis* (Rận mu) soi tươi
308	*Phthirus pubis* (Rận mu) nhuộm soi
309	*Sarcoptes scabies hominis* (Ghẻ) soi tươi
310	*Sarcoptes scabies hominis* (Ghẻ) nhuộm soi
	4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác

syt_hanhchanh_so y te ha tinh 03/12/2024 08:34

311	*Cysticercus cellulosae* (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết
312	*Gnathostoma* ấu trùng soi mảnh sinh thiết
313	*Pneumocystis jirovecii* nhuộm soi
314	*Taenia* (Sán dây) soi tươi định danh
315	*Toxocara* (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết
316	*Trichinella spiralis* (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết
317	*Trichomonas vaginalis* soi tươi
318	*Trichomonas vaginalis* nhuộm soi
	D. VI NẤM
319	Vi nấm soi tươi
320	Vi nấm test nhanh
321	Vi nấm nhuộm soi
322	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
323	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động
324	Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động
325	Vi nấm khẳng định
326	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)
327	Vi nấm PCR
328	Vi nấm giải trình tự gene
	Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN
329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí
330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay
331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt
334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải
335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang
336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm
	E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
337.	*Aspergillus* miễn dịch bán tự động
338.	*Cryptococcus* test nhanh
339.	P*neumocystis* miễn dịch bán tự động
340.	Vi khuẩn Ag miễn dịch tự động
341.	Vi khuẩn Ag miễn dịch bán tự động
342.	Vi khuẩn Ab miễn dịch tự động
343.	Vi khuẩn Ab miễn dịch bán tự động
344.	Ký sinh trùng Ag miễn dịch tự động
345.	Ký sinh trùng Ag miễn dịch bán tự động
346.	Ký sinh trùng Ab miễn dịch tự động
347.	Ký sinh trùng Ab miễn dịch bán tự động
348.	Vi nấm Ag miễn dịch tự động
349.	Vi nấm Ag miễn dịch bán tự động

350.	Vi nấm Ab miễn dịch tự động
351.	Vi nấm Ab miễn dịch bán tự động
352.	Virus genotype Real-time PCR (cho một loại vi sinh vật)
353.	Vi khuẩn Real-time PCR
354.	Vi nấm Real-time PCR
355.	Ký sinh trùng Real-time PCR
356.	Ký sinh trùng test nhanh
357.	Ký sinh trùng xác định trình tự một đoạn gen
358.	Vi nấm kháng thuốc định tính
359.	Vi nấm kháng thuốc trên máy tự động
360.	Xét nghiệm cặn dư phân
XXIII. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
3	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm
4	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm
5	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của CT. Scan
6	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của siêu âm
7	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp
8	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của CT. Scan
9	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm
10	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm
11	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của CT. Scan
12	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của siêu âm
13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
15	Chọc hút kim nhỏ các hạch
16	Chọc hút kim nhỏ mào tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm
17	Chọc hút kim nhỏ tổn thương trong ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm
18	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt
19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
21	Tế bào học dịch màng khớp
22	Tế bào học nước tiểu
23	Tế bào học đờm
24	Tế bào học dịch chải phế quản
25	Tế bào học dịch rửa phế quản
26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng

28	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm… các bệnh phẩm súc vật thực nghiệm
29	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm… các bệnh phẩm tử thiết
30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm…các bệnh phẩm sinh thiết
31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học
32	Quy trình nhuộm đỏ Congo kiềm (theo Puchtler 1962)
33	Nhuộm lipit trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Dunnigan
34	Nhuộm lipit trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Menschick
35	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff
36	Nhuộm xanh alcian
37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin
38	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)
39	Nhuộm đa màu theo Lillie (1951)
40	Nhuộm May – Grunwald- Giemsa cho tủy xương
41	Nhuộm theo phương pháp Custer cho các mảnh cắt của tủy xương
42	Nhuộm theo phương pháp Schmorl cho các mảnh cắt của tủy xương
43	Nhuộm Soudan III hoặc IV hoặc Oil Red O trong dung dịch Ethanol
44	Nhuộm Oil Red O trong cồn isopropylic
45	Nhuộm đen Soudan B trong diacetin
46	Nhuộm đen Soudan B hòa tan trong propylen-glycol
47	Nhuộm đen Soudan B hòa tan trong ethanol – glycol
48	Nhuộm lipit trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Cain.
49	Nhuộm Grocott
50	Nhuộm xanh Phổ Perl phát hiện ion sắt
51	Nhuộm bạc Warthin – Stary phát hiện Helicobacter pylori
52	Nhuộm Fer Colloidal de Hale (cải biên theo Muller và Mowry)
53	Nhuộm sắt cao
54	Nhuộm Gomori cho sợi võng
55	Nhuộm aldehyde fuchsin cho sợi chun
56	Nhuộm phát hiện adenosine triphosphatase (ATPase)
57	Nhuộm Orcein cải biên theo Shikata phát hiện kháng nguyên HBsAg
58	Nhuộm Orcein phát hiện kháng nguyên viêm gan B (HBSAg) trong mô gan
59	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP
60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học
61	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn
62	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng nguyên
63	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp phát hiện kháng nguyên
64	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng thể
65	Nhuộm ức chế huỳnh quang phát hiện kháng thể
66	Nhuộm kháng bổ thể huỳnh quang phát hiện kháng thể
67	Nhuộm Shorr

68	Nhuộm Glycogen theo Best
69	Nhuộm PAS kết hợp xanh Alcian
70	Nhuộm phát hiện Phosphastase kiềm
71	Nhuộm Gomori chì phát hiện phosphatase acid
72	Nhuộm Mucicarmin
73	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo
74	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou
75	Nhuộm Diff – Quick
76	Nhuộm Giemsa
77	Nhuộm May Grunwald – Giemsa
78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep
79	Cell bloc (khối tế bào)
80	Xét nghiệm FISH
81	Xét nghiệm SISH
82	Xét nghiệm giải trình tự chuỗi DNA trên khối paraffin
83	Xét nghiệm PCR
84	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn màu (CISH)
85	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn bạc hai màu (Dual-ISH)
86	Xét nghiệm giải trình tự gen
87	Nuôi cấy tế bào
88	Xét nghiệm nhiễm sắc thể đồ
89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy
90	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh
91.	Xét nghiệm đột biến gen gây dị tật bẩm sinh
92.	Xét nghiệm đột biến gen Her 2
93.	Xét nghiệm đột biến gen EGFR
94.	Xét nghiệm đột biến gen KRAS
95.	Xét nghiệm đột biến gen BRAF
96.	Xét nghiệm đột biến gen NRAS
97.	Xét nghiệm đột biến gen ALK
98.	Xét nghiệm HLA
99.	Xét nghiệm đột biến gen KIT
100.	Xét nghiệm đột biến gen BRCA 1, BRCA 2
101.	Xét nghiệm đột biến gen APC
102.	Xét nghiệm đột biến gen MET
103.	Xét nghiệm đột biến gen Dystrophin
104.	Xét nghiệm các gen gây ung thư đại tràng và tụy
105.	Xét nghiệm các gen gây ung thư tiền liệt tuyến và melanoma
106.	Xét nghiệm các gen gây ung thư phổi
107.	Xét nghiệm các gen tự miễn trong bệnh hen phế quản và viêm khớp dạng thấp
108.	Xét nghiệm các gen tự miễn trong đái tháo đường
109.	Phân tích tính đa hình thụ thể gamma Fc (FCGR)

110.	Phân tích tính đa hình gen DPYD
111.	Phân tích tính đa hình gen TPMT
112.	Phân tích tính đa hình gen CYP2C19
113.	Phân tích tính đa hình gen MDR1, CYP2D6 và CCR5
114.	Phân tích tính đa hình gen VKORC1 và CYP2C9
115.	Phân tích tính đa hình gen ApoE
	E. KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
116.	Xét nghiệm và chẩn đoán miễn dịch huỳnh quang cho bộ 6 kháng thể để chẩn đoán mô bệnh học
XXIV. VI PHẪU	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. THẦN KINH SỌ NÃO
1	Phẫu thuật vi phẫu u não nền sọ
2	Phẫu thuật vi phẫu u não thất
3	Phẫu thuật vi phẫu u não đường giữa
4	Phẫu thuật vi phẫu dị dạng mạch não
5	Phẫu thuật vi phẫu nối ghép thần kinh
6	Phẫu thuật vi phẫu nối hoặc ghép mạch nội sọ
	B. HÀM MẶT
7	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương mác
8	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương mào chậu
9	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương đòn
10	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt sử dụng vạt ngực
11	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt sử dụng vạt lưng
12	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt sử dụng vạt cơ thon
13	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt sử dụng vạt cơ Delta
14	Phẫu thuật vi phẫu điều trị đau dây tam thoa phương pháp Janneta
15	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt sử dụng vạt tự do (cơ, xương, da, vạt phức hợp …)
16	Phẫu thuật vi phẫu nối lại da đầu
17	Phẫu thuật vi phẫu các bộ phận ở đầu, mặt bị đứt rời (mũi, tai, môi…)
18	Phẫu thuật vi phẫu tái tạo lại các bộ phận ở đầu, mặt (da đầu, mũi, tai, môi…)
	C. TAI MŨI HỌNG
19	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh và sụn phễu một bên
20	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh
21	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản
22	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản kèm ghép sụn sườn
23	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt sẹo sau cắt thanh quản
24	Phẫu thuật vi phẫu cắt dây thanh
25	Phẫu thuật vi phẫu cắt sẹo sau cắt thanh quản
26	Phẫu thuật vi phẫu thanh quản

27	Phẫu thuật vi phẫu tai (vá màng nhĩ, giảm áp dây thần kinh 7, cấy ốc tai…)
	D. SẢN PHỤ KHOA
28	Tạo hình vú bằng vi phẫu thuật sử dụng vạt tự do
29	Phẫu thuật vi phẫu nối lại vòi sau cắt, tắc, tạo hình loa vòi
30	Tạo hình âm đạo hoặc tầng sinh môn bằng vi phẫu thuật sử dụng vạt tự do
31	Tái tạo bộ phận sinh dục bằng vi phẫu thuật sử dụng vạt tự do
	Đ. CÁC CHUYÊN KHOA NGOẠI KHÁC
32	Phủ khuyết rộng trên cơ thể bằng ghép vi phẫu mạc nối, kết hợp với ghép da kinh điển
33	Chuyển vạt da có nối hoặc ghép mạch vi phẫu
34	Chuyển vạt xương có nối hoặc ghép mạch vi phẫu
35	Chuyển vạt cơ có nối hoặc ghép mạch vi phẫu
36	Phẫu thuật tái tạo các tổn khuyết bằng vạt vi phẫu
37	Phẫu thuật vi phẫu nối dương vật đứt rời
38	Nối ống dẫn tinh - mào tinh hoàn bằng vi phẫu thuật
39	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại cánh tay/cẳng tay bị cắt rời
40	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại chi dưới bị cắt rời
41	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời
42	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt rời
43	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 2 ngón tay bị cắt rời
44	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 1 ngón tay bị cắt rời
45	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại bàn và các ngón tay bị cắt rời
46	Chuyển vạt phức hợp (da, cơ, xương, thần kinh…) có nối hoặc ghép mạch vi phẫu
47	Tạo hình dương vật bằng vi phẫu thuật
48	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 5 ngón tay bị cắt rời
49	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 6 ngón tay bị cắt rời
50	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 7 ngón tay bị cắt rời
51	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 8 ngón tay bị cắt rời
52	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 9 ngón tay bị cắt rời
53	phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 10 ngón tay bị cắt rời
54	Phẫu thuật chuyển vạt cơ chức năng có nối hoặc ghép mạch máu, thần kinh vi phẫu
55	Phẫu thuật chuyển vạt da phục hồi cảm giác có nối hoặc ghép mạch máu, thần kinh vi phẫu
56	Tái tạo ngón tay bằng ngón chân có sử dụng vi phẫu
57	Ghép thần kinh có mạch nuôi bằng vi phẫu
58	Chuyển hoặc ghép thần kinh bằng vi phẫu thuật
59.	Chuyển vạt cơ có nối hoặc ghép mạch vi phẫu
60.	Phẫu thuật tái tạo các tổn khuyết bằng vạt vi phẫu
XXV. PHẪU THUẬT NỘI SOI	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ

syt_hanhchi_so Y te ha tinh 2024 083 ...

	1. Sọ não - Đầu - Mặt
1	Phẫu thuật nội soi xoang bướm
2	Phẫu thuật nội soi xoang trán
3	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm
4	Phẫu thuật nội soi mở ngách mũi giữa
5	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước / sau
6	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn dưới
7	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới
8	Phẫu thuật chỉnh hình cắt cuốn mũi giữa
9	Phẫu thuật cắt thần kinh VIDIAN
10	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn
11	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần xương hàm trên medial maxillectomy
12	Phẫu thuật nội soi sào bào thượng nhĩ (kín / hở)
13	Phẫu thuật nội soi khoét xương chũm
14	Phẫu thuật chỉnh hình xương con nội soi
15	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
16	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
17	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
18	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
19	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
20	Phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
21	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
22	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
23	Phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
24	Phẫu thuật bóc bao áp xe não
25	Phẫu thuật nội soi kẹp cổ túi phình động mạch não
26	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp cổ túi phình
27	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
28	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải ép thần kinh số V
29	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
30	Phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
31	Phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
32	Phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
33	Phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
34	Phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
35	Phẫu thuật nội soi lấy u não thất
36	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
37	Phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não não thất
38	Phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
39	Phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
40	Phẫu thuật nội soi lấy u sọ hầu qua xoang Bướm
41	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não

	2. Tuyến giáp, tuyến cận giáp
42	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
43	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
44	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
45	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
46	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
47	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
48	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân
49	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
50	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
51	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
52	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
53	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
54	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
55	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
56	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
57	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
58	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
59	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên trong ung thư
60	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ1 bên trong ung thư
	B. CỘT SỐNG
61	Phẫu thuật nội soi cắt mấu răng C2 (mỏm nha) qua miệng
62	Phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng
63	Phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
64	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua đường liên bản sống
65	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua lỗ liên hợp
66	Phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống thắt lưng
67	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
68	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trước trong vẹo cột sống
69	Phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
70	Phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau
71	Phẫu thuật nội soi tủy sống
72	Phẫu thuật nội soi lấy u
73	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
74	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực
	C. LỒNG NGỰC- PHỔI- TIM - MẠCH
	1. Lồng ngực – Phổi
75	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
76	Phẫu thuật nội soi cắt u thành ngực
77	Phẫu thuật nội soi gỡ dính - hút rửa màng phổi trong bệnh lý mủ màng phổi
78	Phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
79	Phẫu thuật nội soi khâu dò ống ngực

80	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
81	Phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)
82	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi
83	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực
84	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm cổ
85	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm thắt lưng
86	Phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
87	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
88	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi
89	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi - màng phổi
90	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất nhỏ (< 5 cm)
91	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất lớn (> 5 cm)
92	Phẫu thuật nội soi bóc, sinh thiết hạch trung thất
93	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u chẩn đoán
94	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thùy phổi, kén - nang phổi
95	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi
96	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi kèm nạo vét hạch
97	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi
98	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch
99	Phẫu thuật nội soi cắt - nối phế quản
	2. Tim
100	Phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
101	Phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
102	Phẫu thuật nội soi thay van hai lá
103	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
104	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu khoang màng tim
105	Phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim
106	Phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
107	Phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
108	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
	3. Mạch máu
109	Phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
110	Phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ chủ - phổi
111	Phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
112	Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong để làm cầu nối
113	Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển để làm cầu nối
114	Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay để làm cầu nối
115	Phẫu thuật nội soi cắt xương sườn 1 điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực
116	Phẫu thuật nội soi chuyển vị tĩnh mạch trong phẫu thuật tạo thông động – tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo
117	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý mạch máu
	D. BỤNG – TIÊU HOÁ
	1. Thực quản

118	Cắt thực quản nội soi ngực và bụng
119	Cắt thực quản nội soi ngực phải
120	Cắt thực quản nội soi qua khe hoành
121	Cắt thực quản nội soi bụng – ngực phải với miệng nối ở ngực phải (phẫu thuật Lewis – Santy)
122	Cắt u lành thực quản nội soi ngực phải
123	Cắt u lành thực quản nội soi ngực trái
124	Cắt u lành thực quản nội soi bụng
125	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi ngực phải
126	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi ngực trái
127	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi bụng
128	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi ngực phải
129	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi ngực trái
130	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi bụng
131	Phẫu thuật nội soi điều trị teo thực quản bẩm sinh
132	Phẫu thuật Heller qua nội soi ngực trái
133	Phẫu thuật Heller qua nội soi bụng
134	Phẫu thuật Heller kết hợp tạo van chống trào ngược qua nội soi bụng
135	Phẫu thuật mở cơ thực quản nội soi ngực phải điều trị bệnh co thắt thực quản nan tỏa
136	Phẫu thuật tạo van chống trào ngược dạ dày – thực quản qua nội soi
137	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị khe hoành
138	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng dạ dày
139	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng đại tràng
	2. Dạ dày
140	Phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
141	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
143	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
144	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
145	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
146	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)
147	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
148	Phẫu thuật nội soi cắt thân thần kinh X
149	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
150	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X siêu chọn lọc
151	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
152	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hỗng tràng
153	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
154	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
155	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
156	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
157	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
158	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách

159	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
160	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α
161	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
162	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
163	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
164	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
165	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
	3. Tá tràng
166	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
167	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
168	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
169	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
170	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
171	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
	4. Ruột non
172	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
173	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
174	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
175	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
176	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non
177	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
178	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
179	Phẫu thuật nội soi mở hỗng tràng ra da
180	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da
181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
182	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
183	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng
184	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
186	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ ruột non
	5. Ruột thừa
187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
189	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa
190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng
191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
	6. Đại tràng
192	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
193	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
194	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch
195	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
196	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng

197	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
198	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch
199	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
200	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch
201	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
202	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch
203	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
204	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng + nạo vét hạch
205	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng+ nạo vét hạch
206	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
207	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
208	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
b	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
209	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo
210	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang
211	Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng
212	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
213	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
214	Phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
	7. Hậu môn - Trực tràng
215	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
216	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch
217	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
218	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch
219	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn
220	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn+ nạo vét hạch+ nạo vét hạch
221	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn
222	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn + nạo vét hạch
223	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
224	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo+ nạo vét hạch
225	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
226	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
227	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
228	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo
229	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
230	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
231	Phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại - trực tràng)
232	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
233	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng

234	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng
235	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng
236	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
	8. Gan
237	Phẫu thuật nội soi cắt gan phải
238	Phẫu thuật nội soi cắt gan trái
239	Phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
240	Phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
241	Phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
242	Phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
243	Phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
244	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
245	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
246	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
247	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
248	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
249	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
250	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
251	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI
252	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
253	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
254	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V
255	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
256	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
257	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
258	Phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
259	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
260	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
261	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan
262	Nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
263	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan
264	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
	9. Đường mật
265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
268	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
269	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ - hỗng tràng
270	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
271	PTNS tán sỏi trong mổ nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr
273	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật

274	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
275	Phẫu thuật nội soi nối túi mật - hỗng tràng
276	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung - hỗng tràng
277	Phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
278	Phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ - hỗng tràng
279	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
280	PTNS cắt nang đường mật
281	Phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật
282	Phẫu thuật nội soi cắt u OMC
283	Phẫu thuật nội soi nối OMC - tá tràng
284	PTNS cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
	10. Tụy
285	Phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
286	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
287	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
288	Phẫu thuật nội soi cắt thân và đuôi tụy
289	Phẫu thuật nội soi cắt thân và đuôi tụy + cắt lách
290	Phẫu thuật nội soi cắt u tụy
291	Phẫu thuật nội soi cắt nang tụy
292	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
293	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy-dạ dày
294	Phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử
295	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy
296	Phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
297	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
	11. Lách
298	Phẫu thuật nội soi cắt lách
299	Phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
300	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
301	Phẫu thuật nội soi cắt nang lách
302	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang lách
303	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
	12. Mạc treo
304	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
305	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
306	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
307	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
	13. Điều trị giảm béo
308	Phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
309	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày hình ống
310	Phẫu thuật nội soi nối tắt dạ dày – hỗng tràng
311	Phẫu thuật nội soi đổi dòng tá tràng

312	Phẫu thuật nội soi đảo dòng tụy mật
	14. Thoát vị
313	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)
314	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)
315	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng
316	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
317	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat - Jacob
318	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
319	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
320	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
	15. Tuyến thượng thận
321	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên
322	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên
323	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên
324	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên
325	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận
326	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận
	16. Các phẫu thuật nội soi khác
327	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
328	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
329	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
330	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ
331	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư
332	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
333	Nội soi ổ bụng chẩn đoán
334	Phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)
335	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng
336	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở
337	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm
338	Phẫu thuật nội soi khác
	Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
	1. Thận
339	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ
340	Phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
341	Phẫu thuật nội soi cắt u thận
342	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
343	Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
344	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
345	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
346	Phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
347	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc
348	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc

349	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc
350	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc
351	Nội soi lấy thận ghép
352	Phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
353	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
354	Tán sỏi thận qua da
355	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
356	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
357	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
358	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
359	Nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận
360	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất
361	Phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản (nội soi trong)
362	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi
363	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
	2. Niệu quản
364	Nội soi niệu quản cắt nang
365	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
366	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
367	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
368	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ
369	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ
370	Phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang
371	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
372	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
373	Tán sỏi qua da bằng xung hơi
374	Tán sỏi qua da bằng siêu âm
375	Tán sỏi qua da bằng laser
376	Nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser hoặc bằng xung hơi
377	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
378	Nội soi nong niệu quản hẹp
379	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản
380	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản
	3. Bàng quang
381	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang bán phần
382	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang tận gốc
383	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
384	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang
385	Nội soi bàng quang cắt u
386	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi
387	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang, tạo hình bàng quang qua ổ bụng
388	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát

389	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang
390	Nội soi gắp sỏi bàng quang
391	Nội soi bàng quang tán sỏi
392	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng
393	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo
394	Nội soi nạo hạch chậu bịt
	4. Tuyến tiền liệt
395	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt
396	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi
397	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc
398	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính
399	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser
400	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón
401	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần
402	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt
	5. Sinh dục, niệu đạo
403	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị vô sinh
404	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn
405	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng
406	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh
407	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo
408	Nội soi tán sỏi niệu đạo
409	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo
410	Nội soi bóc bạch mạch điều trị đái dưỡng chấp
411	Phẫu thuật nội soi nạo hạch bẹn 2 bên (trong ung thư dương vật)
	6. Phẫu thuật vùng hố chậu
412	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
413	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
414	Phẫu thuật nội soi cắt khối chửa ngoài tử cung
415	Phẫu thuật nội soi mở vòi trứng lấy khối chửa ngoài tử cung + tạo hình vòi trứng
416	Phẫu thuật nôi soi điều trị vô sinh
417	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa
418	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
419	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
420	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi
	7. Tử cung
421	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
422	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
423	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ
424	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
425	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
426	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung

427	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ
428	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ
429	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
430	Phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
	8. Buồng trứng – Vòi trứng
431	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng
432	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
433	Cắt u buồng trứng qua nội soi
434	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
435	Nội soi nối vòi tử cung
436	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi
437	Thông vòi tử cung qua nội soi
	E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG
	1. Khớp vai
438	Phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai
439	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
440	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
441	Phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay
442	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
443	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
444	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn
445	Phẫu thuật nội soi đính lại điểm bám gân nhị đầu
446	Phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu
447	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai
448	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay
449	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
450	Phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực
	2. Khớp khuỷu
451	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu
452	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu
453	Phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu
454	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài
	3. Khớp cổ tay
455	Phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
456	Phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay
457	Phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
	4. Khớp háng
458	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp hang
459	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
	5. Khớp gối
460	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối
461	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm

462	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm
463	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối
464	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
465	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
466	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân
467	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng
468	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
469	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
470	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
471	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó
472	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè
473	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối
474	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 1 bó
475	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 2 bó
476	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 1 bó
477	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 2 bó
478	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại
479	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp gối bằng gân đồng loại (nội soi tái tạo dây chằng chéo trước, chéo sau, mổ mở tái tạo dây chằng bên chầy, bên mác)
480	Phẫu thuật nội soi điều trị vỡ xương bánh chè
481	Phẫu thuật nội soi gỡ dính khớp gối
	6. Khớp cổ chân
482	Phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
483	Phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên
484	Phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
485	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái
486	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
	G. TẠO HÌNH
	1. Vùng Đầu - Mặt - Cổ
487	Phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
488	Phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
489	Phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
490	Phẫu thuật nội soi chẩn đoán bệnh lý khớp (khớp thái dương hàm)
	2. Vùng thân mình
491	Phẫu thuật nội soi nâng ngực
492	Phẫu thuật nội soi tạo hình vú sau ung thư
493	Phẫu thuật nội soi lấy vạt: Vạt cơ lưng to; Vạt cơ thẳng bụng; Vạt mạc treo …
494	Phẫu thuật nội soi chẩn đoán (u vú)
	3. Vùng chi thể
495	Phẫu thuật nội soi lấy thần kinh trong phẫu thuật ghép thần kinh (thần kinh hiển …)
496	Phẫu thuật nội soi lấy vạt: Vạt cơ thon, cơ thẳng đùi, cơ rộng trong …
497	Phẫu thuật nội soi lấy u

	H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC
498	Phẫu thuật nội soi đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng
	I. TIÊU HÓA
499.	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + Đặt lưới nhân tạo và tạo van chống trào ngược
500.	Phẫu thuật nội soi tạo hình môn vị
501.	Phẫu thuật nội soi thăm dò sinh thiết gan hoặc tụy, hoặc ...
502.	Phẫu thuật nội soi nối nang ống mật chủ - tá tràng
	K. CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH
503.	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân cắt hoạt mạc viêm
504.	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân cắt lọc sụn khớp cổ chân
	L. HÀM MẶT - TẠO HÌNH
505.	Phẫu thuật nội soi điều trị chấn thương hàm mặt
506.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình xương hàm dưới
507.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình xương hàm trên
508.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình sọ mặt
509.	Phẫu thuật nội soi cắt u hàm mặt
510.	Phẫu thuật nội soi vùng đầu mặt cổ khác
511.	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong tạo hình cơ quan sinh dục ngoài (VD: Tạo hình âm đạo sau ung thư hoặc teo âm đạo bẩm sinh)
	M. PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU
512.	Phẫu thuật nội soi cắt u túi tinh
513.	Phẫu thuật nội soi rạch mở lỗ phóng tinh niệu đạo
514.	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu ổ áp xe tiền liệt tuyến
515.	Phẫu thuật nội soi đặt protere niệu đạo
516.	Phẫu thuật nội soi bơm silicon điều trị trào ngược bàng quang - niệu đạo
517.	Phẫu thuật nội soi bơm Silicon điều trị đái rỉ
	N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
518.	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang
519.	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)
520.	Phẫu thuật nội soi tái tạo gân
XXVI. TẠO HÌNH - THẨM MỸ	
TT	**DANH MỤC KỸ THUẬT**
1	2
	A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ
	1. Vùng xương sọ- da đầu
1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
3	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tại chỗ
4	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt lân cận
5	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tự do
6	Phẫu thuật điều trị lột da đầu bán phần

7	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu
8	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu
9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên
11	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm
12	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên
13	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng
14	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày
15	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da nhân tạo
16	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ
17	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận che phủ các khuyết da đầu
18	Phẫu thuật tạo vạt da tự do che phủ các khuyết da đầu
19	Phẫu thuật tạo hình che phủ khuyết phức hợp vùng đầu bằng vạt da cân xương có cuống nuôi
20	Phẫu thuật tạo hình che phủ khuyết phức hợp vùng đầu bằng vạt da cân xương tự do
21	Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng da đầu
22	Bơm túi giãn da vùng da đầu
23	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu
24	Phẫu thuật giãn da cấp tính vùng da đầu
25	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì vùng trán
26	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
27	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương tự thân
28	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương đồng loại
29	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng chất liệu nhân tạo
30	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman vùng trán
31	Phẫu thuật tái tạo trán lõm bằng xi măng xương
32	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử
	2. Vùng mi mắt
33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt
34	Khâu da mi
35	Khâu phục hồi bờ mi
36	Khâu cắt lọc vết thương mi
37	Phẫu thuật ghép da tự thân cho vết thương khuyết da mi
38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi
39	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận cho vết thương khuyết da mi
40	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt
41	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi trên
42	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi dưới
43	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi
45	Phẫu thuật hạ mi trên
46	Kéo dài cân cơ nâng mi
47	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi

48	Phẫu thuật điều trị hở mi
49	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo
50	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới
51	Đặt chỉ trước bản sụn làm căng mi, rút ngắn mi hay phối hợp cả hai điều trị lật mi dưới
52	Phẫu thuật mở rộng khe mi
53	Phẫu thuật hẹp khe mi
54	Phẫu thuật điều tri Epicanthus
55	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới
56	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
57	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mi mắt
58	Phẫu thuật tạo hình khuyết ½ toàn bộ mi mắt trên
59	Phẫu thuật tạo hình khuyết toàn bộ mi mắt trên
60	Phẫu thuật tạo hình khuyết ½ toàn bộ mi mắt dưới
61	Phẫu thuật tạo hình khuyết toàn bộ mi mắt dưới
62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bỏng mi mắt
63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt
64	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt
65	Phẫu thuật ghép sụn mi mắt
66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt
67	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh
68	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt
69	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt
70	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
71	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt
72	Nâng sàn hốc mắt
73	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả
74	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
75	Tái tạo toàn bộ mi bằng vạt có cuống mạch
76	Tái tạo toàn bộ mi và cùng đồ bằng vạt có cuống mạch
77	Tái tạo toàn bộ mi bằng vạt tự do
78	Tái tạo toàn bộ mi và cùng đồ bằng vạt tự do
79	Điều trị chứng co mi trên bằng botox
80	Điều trị chứng co giật mi trên bằng botox
81	Tái tạo cung mày bằng vạt có cuống mạch nuôi
82	Tái tạo cung mày bằng ghép da đầu mang tóc
	3. Vùng mũi
83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi
84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu
85	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu
86	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu
87	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu
88	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ

89	Phẫu thuật tạo hình mũi một phần
90	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt có cuống mạch nuôi
91	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt da kế cận
92	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt da từ xa
93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vạt da có cuống mach nuôi
94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai
95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)
96	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)
97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử
98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong seo jkhe hở môi đơn
99	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi kép
100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi
101	Phẫu thuật thu nhỏ tháp mũi
102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi
103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi
104	Phẫu thuật đặt túi gĩan da cho tạo hình tháp mũi
105	Phẫu thuật tạo tạo vạt giãncho tạo hình tháp mũi
106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi
107	Phẫu thuật tạo lỗ mũi
108	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi
109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân
	4. Vùng môi
110	Khâu vết thương vùng môi
111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi
112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi
113	Ghép một phần môi đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu
114	Ghép toàn bộ môi đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu
115	Ghép toàn bộ môi đứt rời và phần xung quanh bằng kỹ thuật vi phẫu
116	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tại chỗ
117	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tự do
118	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt tại chỗ
119	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt lân cận
120	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt từ xa
121	Phẫu thuật tạo hình môi kết hợp các bộ phận xung quanh bằng kỹ thuật vi phẫu
122	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII
123	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh một bên
124	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh hai bên
125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên
126	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên
127	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng mắc phải
128	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bẩm sinh
129	Phẫu thuật tạo hình thông mũi miệng

130	Phẫu thuật tạo hình thiểu năng vòm hầu bằng vạt thành họng sau
131	Phẫu thuật tạo hình thiểu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy
132	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bỏng môi
133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép
134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung
135	Phẫu thuật chuyển vạt da đầu tạo môi trên ở nam giới
	5. Vùng tai
136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai
137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời
139	Phẫu thuật ghép vành tai đứt rời bằng vi phẫu
140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời
141	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/3 vành tai bằng vạt tại chỗ
142	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 vành tai bằng vạt tại chỗ
143	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt tại chỗ
144	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vạt da tự do
145	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng sụn tự thân (thì 1)
146	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng chất liệu nhân tạo (thì 1)
147	Phẫu thuật tạo hình dựng vành tai trong mất toàn bộ vành tai (thì 2)
148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai
149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cụp
150	Phẫu thuật tạo hình vành tai vùi
151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa
152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài
153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân
154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình
155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại chỗ
156	Phẫu thuật tạo hình sẹo bỏng vành tai
157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lồi quá phát vành tai
158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai
159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai
160	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai
	6. Vùng hàm mặt cổ
161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ
162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức
165	Khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ
166	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)
167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má
168	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt
169	Phẫu thuật khâu vết thương ống tuyến nước bọt

170	Phẫu thuật khâu vết thương thần kinh
171	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu
172	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời bằng vi phẫu
173	Phẫu thuật ghép lại mô mặt phức hợp đứt rời bằng vi phẫu
174	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoả khí
175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh
176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
177	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 0
178	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 1-14
179	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 2 -13
180	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số3 -12
181	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 4 -11
182	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 5 -10
183	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 6 - 9
184	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 7
185	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 8
186	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt 2 bên
187	Phẫu thuật chỉnh sửa góc hàm xương hàm dưới
188	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp
189	Phẫu thuật cắt chỉnh cằm
190	Phẫu thuật chỉnh sửa thân xương hàm dưới
191	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật vi phẫu
192	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật treo
193	Phẫu thuật tạo hình thiểu sản bẩm sinh nửa mặt bằng chất làm đầy
194	Phẫu thuật tạo hình thiểu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman
195	Phẫu thuật tạo hình thiểu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy
196	Phẫu thuật tạo hình thiểu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman
197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính
198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)
199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)
200	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ
201	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da lân cận
202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ
203	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da từ xa
204	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da vi phẫu
205	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
206	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
207	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuạt vi phẫu
208	Phẫu thuật cắt xương điều trị nhô cằm
209	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vạt có cuống mạch nuôi
210	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vạt từ xa bằng kỹ thuật vi phẫu
211	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ

212	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
213	Ghép da dầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm^2
214	Ghép da dầy toàn bộ, diện tích trên 10cm^2
215	Phẫu thuật đặt túi bơm giãn da
216	Nút động mạch dị dạng động tĩnh mạch ở vùng đầu và hàm mặt
217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ
218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ
219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ
220	Tiêm xơ dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ
221	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng ghép da tự thân
222	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng vạt da tại chỗ
223	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vạt da lân cận
224	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vạt da bằng kỹ thuật vi phẫu
225	Cắt u phần mềm vùng cổ
226	Cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt
227	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt
228	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt
229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mặt
230	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt
231	Cắt u mỡ hệ thống lan tỏa vùng hàm mặt
232	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương mác
233	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương mào chậu
234	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương đòn
235	Ghép mỡ tự thân coleman
236	Ghép tế bào gốc
237	Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng mặt cổ
238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt
239	Phẫu thuật lất bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ
240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ
	B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH
241	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da cơ có cuống mạch
242	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da cơ có cuống mạch kết hợp đặt chất liệu độn
243	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da có cuống mạch xuyên kế cận
244	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da giãn kết hợp đặt chất liệu độn
245	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vạt da cơ có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
246	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da cơ có cuống mạch
247	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da cơ có cuống mạch
248	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da mạch xuyên vùng kế cận
249	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
250	Phẫu thuật tái tạo quầng núm vú
251	Phẫu thuật tái núm vú bằng mảnh ghép phức hợp
252	Phẫu thuật tái núm vú bằng vạt tại chỗ

253	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại
254	Phẫu thuật treo vú sa trễ
255	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trễ
256	Phẫu thuật tháo bỏ silicone cũ, nạo silicon lỏng
257	Phẫu thuật giải phóng sẹo bỏng co kéo vú
258	Phẫu thuật điều trị sẹo bỏng vú bằng vạt da cơ có cuống mạch
259	Phẫu thuật điều trị sẹo bỏng vú bằng kỹ thuật giãn da
260	Phẫu thuật điều trị sẹo bỏng vú bằng vạt da cơ só sử dụng kỹ thuật vi phẫu
261	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vạt da tại chỗ
262	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vạt da cơ có cuống mạch nuôi
263	Phẫu thuật điều ung thư da vú bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
264	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú
265	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ
266	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa
267	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid
268	Phẫu thuật tạo hình dị tật bẩm sinh vú
269	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông
270	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vạt da cơ kế cận
271	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vạt da lân cận
272	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vạt da tự do
273	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vạt giãn da
274	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng ghép da tự thân
275	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm
276	Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm
277	Cắt bỏ khối u da ác tính
278	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần cơ thành bụng bằng vạt cân cơ lân cận
279	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần cơ thành bụng bằng vạt cân cơ có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
280	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè
281	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng ghép da tự thân
282	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng vạt da cơ có cuống mạch
283	Phẫu thuật loét tì đè ụ ngồi bằng vạt da cơ có cuống mạch
284	Phẫu thuật loét tì đè mấu chuyển bằng vạt da cơ có cuống mạch
285	Phẫu thuật loét tì đè bằng vạt tự do
	C. TẠO HÌNH VÙNG CƠ QUAN SINH DỤC NGOÀI
286	Phẫu thuật tạo hình vết thương khuyết da dương vật bằng vạt da tại chỗ
287	Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị lột găng
288	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật
289	Ghép dương vật đứt rời bằng vi phẫu
290	Ghép tinh hoàn đứt rời bằng vi phẫu
291	Phẫu thuật giải phóng xơ cong dương vật
292	Phẫu thuật tạo hình dương vật bằng vạt da có cuống mạch kế cận
293	Phẫu thuật tạo hình dương vật bằng vạt tự do

294	Phẫu thuật tạo hình bìu bằng vạt da có cuống mạch
295	Phẫu thuật vết thương khuyết da niêm mạc vùng âm hộ âm đạo bằng vạt da tại chỗ
296	Phẫu thuật cắt bỏ âm vật
297	Phẫu thuật tạo hình khuyết da âm hộ bằng vạt có cuống
298	Phẫu thuật tạo hình khuyết da âm hộ bằng ghép da tự thân
299	Phãu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo
300	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng ghép da tự thân
301	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng vạt có cuống mạch nuôi
302	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng vạt da tự do
303	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng nong giãn
304	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng ghép da tự thân
305	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng vạt có cuống mạch nuôi
306	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng vạt da tự do
307	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng nong giãn
308	Phẫu thuật đặt bộ phận giả (prosthesis) chữa liệt dương
309	Phẫu thuật tạo ống thông động tĩnh mạch chữa liệt dương
310	Phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
311	Phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới
312	Phẫu thuật tạo hình âm đạo trong lưỡng giới
313	Chuyển sang giới tính nữ
314	Chuyển sang giới tính nam
	D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY
315	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
316	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay
317	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt tại chỗ
318	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt tại chỗ
319	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt lân cận
320	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt lân cận
321	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật
322	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật
323	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
324	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da tại chỗ
325	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da lân cận
326	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da từ xa
327	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật
328	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng ghép da tự thân
329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ
330	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận
331	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da từ xa
332	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật
333	Phẫu thuật điều trị lột da bàn tay bằng kỹ thuật vi phẫu

334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón
335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít
336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính
337	Nối gân gấp
338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
339	Phẫu thuật ghép gân gấp có sử dụng vi phẫu thuật
340	Nối gân duỗi
341	Gỡ dính gân
342	Khâu nối thần kinh khhông sử dụng vi phẫu thuạt
343	Khâu nối thần kinh sử dụng vi phẫu thuạt
344	Gỡ dính thần kinh
345	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính
346	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính
347	Phẫu thuật tái tạo ngón cái bằng kỹ thuật vi phẫu
348	Phẫu thuật tái tạo ngón trỏ bằng kỹ thuật vi phẫu
349	Phẫu thuật cái hóa
350	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi
351	Phẫu thuật tạo hình kẽ ngón cái
352	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật
353	Thay khớp bàn tay
354	Thay khớp liên đốt các ngón tay
355	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay
356	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay
357	Phẫu thuật tách dính 4 ngón tay
358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa
359	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa
360	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xẻ đôi
361	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng ghép da tự thân
362	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng ghép da tự thân
363	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vạt da tại chỗ
364	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vạt tại chỗ
365	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vạt da cơ lân cận
366	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vạt da từ xa
367	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật
368	Phẫu thuật sửa sẹo co khủy bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật
369	Phẫu thuật tạo hình vòng ngấns ối cẳng bàn tay
370	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z
371	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z
372	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng ghép da tự thân
373	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân
374	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời
375	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt

	rời
376	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 2 ngón tay bị cắt rời
377	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 1 ngón tay bị cắt rời
378	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại bàn và các ngón tay bị cắt rời
379	Phẫu thuật vi phẫu tích làm mỏng vạt tạo hình bàn ngón tay
380	Phẫu thuật tạo vạt trì hoãn cho bàn ngón tay
381	Phẫu thuật tạo vạt tĩnh mạch cho khuyết phần mềm bàn ngón tay
382	Phẫu thuật ghép móng
383	Phẫu thuật giãn da cho vùng cánh cẳng tay
384	Phẫu thuật giãn da điều trị dính ngón bẩm sinh
	Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI
385	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân
386	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân
387	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân
388	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cổ chân bằng ghép da tự thân
389	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da tự thân
390	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da tại chỗ
391	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da tại chỗ
392	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da tại chỗ
393	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vạt da tại chỗ
394	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da lân cận
395	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da lân cận
396	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da lân cận
397	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da lân cận
398	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
399	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
400	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
401	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu
402	Phẫu thuật tạo hình các khuyết chi dưới bằng vạt da cơ có cuống mạch nuôi
403	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm
404	Cắt khối u da lành tính trên 5cm
405	Cắt khối u da lành tính khổng lồ
406	Cắt loét tì đè vùng gót bàn chân
407	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa
408	Phẫu thuật đặt túi giãn da
409	Phẫu thuật tạo vạt giãn da
	E. THẨM MỸ
410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày
411	Phẫu thuật cấy tóc điều trị hói

412	Phẫu thuật chuyển vạt da đầu điều trị hói
413	Phẫu thuật đặt túi dãn da đầu điều trị hói
414	Phẫu thuật thu gọn môi dày
415	Phẫu thuật độn môi
416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi
417	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già
418	Phẫu thuật thừa da mi trên
419	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày
420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày
421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí
422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí
423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới
424	Phẫu thuật thừa da mi dưới
425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt
426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp
427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ
428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp
429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân
430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo
431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân
432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi
433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ
434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch
435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi
436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi
437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ
438	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má
439	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm
440	Phẫu thuật chỉnh sửa các di chứng do chích chất làm đầy trên toàn thân
441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần
442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần
443	Phẫu thuật căng da mặt cổ
444	Phẫu thuật căng da cổ
445	Phẫu thuật căng da trán
446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt
447	Phẫu thuật căng da trán thái dương
448	Phẫu thuật căng da trán thái dương có hỗ trợ nội soi
449	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ căng da mặt
450	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại
451	Hút mỡ vùng cằm
452	Hút mỡ vùng dưới hàm
453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má

454	Hút mỡ vùng cánh tay
455	Hút mỡ vùng nhượng chân, cổ chân
456	Hút mỡ vùng vú
457	Hút mỡ bụng một phần
458	Hút mỡ bụng toàn phần
459	Hút mỡ đùi
460	Hút mỡ hông
461	Hút mỡ vùng lưng
462	Hút mỡ tạo bụng sáu múi
463	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau hút mỡ.
464	Phẫu thuật cấy mỡ tạo dáng cơ thể
465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi
466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt
467	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay
468	Phẫu thuật cấy mỡ vùng mông
469	Phẫu thuật làm to mông bằng túi độn mông
470	Phẫu thuật nâng vú bằng túi độn ngực
471	Phẫu thuật nâng vú bằng chất làm đầy
472	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng vú
473	Phẫu thuật tạo hình bụng bán phần
474	Phẫu thuật tạo hình bụng toàn phần
475	Phẫu thuật căng da bụng không cắt rời và di chuyển rốn
476	Phẫu thuật căng da bụng có cắt rời và di chuyển rốn
477	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản
478	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp
479	Phẫu thuật tạo hình thành bụng toàn phần kết hợp hút mỡ bụng
480	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ tạo hinh thẩm mỹ bụng
481	Phẫu thuật độn cằm
482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ
483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy
484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm
485	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ
486	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo
487	Laser điều trị u da
488	Laser điều trị nám da
489	Laser điều trị đồi mồi
490	Laser điều trị nếp nhăn
491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn
492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn
493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi
494	Tiêm chất làm đầy độn mô
495	Ghép mỡ tự thân Coleman vùng trán

496	Ghép mỡ tự thân Coleman điều trị lõm mắt
497	Tạo hình thiểu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy
498	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí rộng, phức tạp
499	Tạo hình thiểu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ Coleman
500	Tạo hình thiểu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ Coleman
501	Tạo hình không âm đạo bằng nong giãn
502	Tạo hình dị tật ngắn âm đạo băng nong giãn
503	Treo cung mày bằng chỉ
504	Tạo hình hộp sọ trong bệnh lý dính hộp sọ, hẹp hộp sọ

syt_hatinh_vt_So Y te Ha Tinh_03/01/2024 03:51:41